**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Đêm Cổ Nguyệt Ðường](" \l "bm2)

[Chàng thi nhân đầu bạc](" \l "bm3)

[Người vợ lẽ ở phường Khánh Xuân](" \l "bm4)

[Phường săn](" \l "bm5)

[Ði đêm](" \l "bm6)

[Cây đắng cay](" \l "bm7)

[Thuế giường](" \l "bm8)

[Lỡ hẹn ở Mai Châu](" \l "bm9)

[Người bẫy chim trên núi Cu kỳ](" \l "bm10)

[Cây bạch đàn vô danh](" \l "bm11)

[Gặp lại](" \l "bm12)

[Ðêm thứ mười hai không phải của Sêchxpia](" \l "bm13)

[Michioa](" \l "bm14)

[Hai người từ thị xã](" \l "bm15)

[Người trêu chim](" \l "bm16)

[Mưa sao băng](" \l "bm17)

[Người đàn ông trên ban công](" \l "bm18)

[Nhật ký về những người thanh lịch](" \l "bm19)

[Vạt áo đời người](" \l "bm20)

[Người đàn bà đợi ở bến xe](" \l "bm21)

[Ðĩa xa lát Nga](" \l "bm22)

[Mưa Sài Gòn](" \l "bm23)

[Người đẹp làng chiếu](" \l "bm24)

[Sông nước đời thường](" \l "bm25)

[Gió heo may](" \l "bm26)

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Đêm Cổ Nguyệt Ðường**

Tôi chưa đọc thấy ở đâu viết rằng Xuân Hương đẹp.   
Thậm chí có người còn cho rằng nàng không có nhan sắc.   
Nhưng tôi tin nàng đẹp   
Tài năng có bộ mặt riêng vẻ đẹp riêng dù thế nào, ít gì sánh được.   
Ở làng Quỳnh không ai ưa cô gái ấy. Bọn trai làng thì cô ta coi như củ khoai. Các vị bô lão tự cho mình cái quyền chê bai người khác thì không chịu nổi con bé mới nứt mắt kia lại dám báng bổ, lẳng lơ, trêu chọc cả sư. Mấy ông đồ, ông Tú, cả ông đầu xứ Thanh Vân thì bị cô diễu bằng thơ, đặt tên tuổi khả kính của các ông vào mồm trẻ trâu để chúng rêu rao khắp hang cùng ngõ hẽm. Không làm gì được cô ta. Không anh đàn ông nào thắng nổi đàn bà huống gì người đàn bà đó lại là Xuân Hương. Và một hôm, ông đầu xứ Thanh Vân, trong một cuộc rượu thưởng hoa, khi bị mấy anh học trò hỏng thi trong vùng căn vặn về mối tình giữa ông với cô gái làng Quỳnh, đã bất ngờ thốt lên : "Vân này thèm vào ngữ cá rô đực ấy!" A! Xuân Hương chỉ có cái mã bên ngoài! Xuân Hương không phải đàn bà mà là con cá rô đực! Câu nói lúc đầu chỉ bất chợt là miếng chạy làng của ông đầu xứ đang ngà ngà. Nhưng nó nhanh chóng trở thành vũ khí cho những ai không chịu nổi cô gái làng Quỳnh. Những người đó, trước đây vẫn thường nói "cái nết đánh chết cái đẹp" của Xuân Hương nay cho rằng cái đẹp chưa từng có nên nó chưa hề bị đánh chết. Và không còn gì phải để tâm đến cô gái chanh chua, đanh đá kia vì cô ta đâu phải là đàn bà, còn cái nết thì cũng chẳng ra gì để mà châm chước cho một cô gái đẹp mà không có gì để sinh con đẻ cái cho nhà chồng. Và thế là Xuân Hương trở thành miếng dẻ rách trước mắt những người từng theo đuổi cô, hâm mộ cô, say mê cô mà chưa hề được đáp lại dù chỉ một cái nhìn tử tế và thiện cảm. Cứ như người ta nói với nhau thì, phải tin ông đầu xứ Thanh Vân vì ông ấy mê đắm Xuân Hương và có lẽ là người duy nhất trong làng có quyền nói về chuyện đó. Vậy phỏng cô ta còn là cái gì nữa trước mắt người làng ? Cái sắc đẹp nhìn thấy chỉ là trò lừa lọc của trời đất hay là sản phẩm của phù thuỷ thì cũng thế.   
Ðó là những ngày bi thảm nhất của Xuân Hương. Nàng coi nhan sắc cũng chỉ là trò đùa của Tạo Hoá, trong chiếc hộp sơn ta màu đen của nàng có nhiều thứ, nhưng không hề có một cái gương. Gương là thứ đồ dùng đắt tiền, nhưng không phải vì thế mà mẹ không mua được cho nàng một chiếc. Nàng không muốn soi gương, thế thôi. Khi giỗ Tết hay có việc đi đâu, nàng chải tóc trước tấm gương Tàu bằng đồng gán trên vách gỗ gần ban thờ. Thế nhưng cũng nhiều khi nàng dừng lại một vũng nước trong vườn nhìn xuống và thấy mình đẹp. Những lúc đó nàng sung sướng, trở lại là một cô thôn nữ nhu mì, hồn nhiên. Giờ thì bọn người đó đã xua đuổi nàng, họ xua đuổi và căm thù sắc đẹp của nàng vì không mặt nào với tới được. Nàng đẹp, hiển nhiên. Giờ đây, lũ trẻ trâu làng Quỳnh xâu hạt bưởi thành chuỗi như gắp chả nướng, đốt lên làm đèn, rồng rắn trước cái cổng gỗ mít thâm nghiêm của nhà nàng, hát : Làng Quỳnh có chị Xuân Hương - Ðẹp thì có đẹp mà không... và những tiếng tục tĩu lộn mửa ngụ ý nàng chỉ là một thứ không dùng để làm gì. Ai đã làm ra mấy câu vè con cóc thô bỉ ấy, nàng không thèm biết, thèm chấp. Cái hĩm Xoan, nửa bạn nửa người hầu, con gái một ông tá điền đã mấy đời bảo người làm ra mấy câu vè ấy là ông đầu xứ Thanh Vân. Nàng không tin. Nàng nghe nói Thanh Vân có nói gì đó trong bữa rượu thưởng hoa quỳnh. Ðó là nói trên chiếu rượu, do sĩ diện với lũ bạn lêu lổng và cũng còn do nỗi đau khổ tận cùng trong trái tim ông ta nữa. Bạn bè của ông ta nhiều kẻ vô tướng bất tài. Nhưng ông ta thì không đến nỗi. Nàng biết, ông đầu xứ yêu nàng mê mệt nhiều năm nay. Ông ta chịu đựng những bài thơ và lời ong châm của nàng như một con trâu điếc, quỳ gối trước mặt nàng nếu nàng chịu vỗ về ông ta dù chỉ bằng một ánh mắt. Ông ta không phải người có tâm địa dí nàng xuống đất để lấp liếm sự bất tài và lòng dạ xấu xa, đạo đức giả vờ. "Trong bụng họ toàn cứt trâu!" Chính ông ta bảo Xuân Hương thế. Nàng cắn răng chịu đựng đòn thù tuy trong bụng cũng núng, không biết thoát ra khỏi cái giỏ cua đồng nầy như thế nào đây.   
Thế rồi, thân phụ mất. Ðại tang trên trời rơi xuống. Trong nhà chồng không ai để mắt tới phận lẻ mọn của mẹ nàng và đứa con côi. Chỉ còn tính nước về quê ngoại xứ Bắc, miếng đất trồng hoa ven La Thành. Cũng là dịp may để trốn khỏi miệng lưỡi những kẻ tiểu nhân không có tài cán gì hơn là đố kỵ tài thơ và thù ghét cái Ðẹp. "Mẹ con mình ở lại đây thì làm sao con có chồng!", mẹ nói. Bà đã khổ một đời vì cảnh chồng chung. Vậy mà vẫn làm mọi việc để con gái bà có chồng. Mẹ nàng là thế.   
Thăng Long từ đó có Hồ Xuân Hương, người đẹp Cổ Nguyệt Ðường.   
  
#   
##   
  
Trong những ngày tao loạn thời Lê mạt ấy, kinh thành như một phiên chợ họp trái phiên. Lính tráng cướp bóc giữa ban ngày còn tiếng chuông chùa Trấn Quốc thì loạc choạc lúc có lúc không. Xuân Hương bước xuống thuyền thúng, cầm mái dầm đẩy nó vào đám sen. Búp sen, gương sen và cả lá sen đều bán được. Nàng cúi nhìn khuôn mặt mình trong nước hồ Tây, rùng mình. Vó câu qua cửa sổ, người xưa nói thế mà đúng. Nhà có u già giúp việc nhưng u không hái sen, đi chợ được nữa. U hết sức rồi. Hai mẹ con mang u từ Quỳnh Lưu ra đây sau khi cha mất, gọi là để trả ơn đền nghĩa u nuôi nàng từ tấm bé. Ba miệng ăn mà chỉ trông vào mấy sào đất trồng dâu, trồng hoa. Sen thì mẹ nàng thầu được một đám của phường Khán Xuân, cũng có việc cho nàng trong suốt cả mùa hè. U Nghĩa cứ đòi về quê, Xuân Hương can: "Ai nuôi u ở cái xứ gió Lào ấy? U về làm gì?" U nói : "Nhà toàn đàn bà. Tôi đi để bớt được một người" Xuân Hương hiểu ý u. Nàng nói : Con bắt một thằng rể về cho nó hầu mẹ với u!" U Nghĩa nguýt: "Người ta cùng lứa đã có nơi có chốn cả rồi. Ðằng này..." Nàng biết trên đời này chỉ có u là kiêu hãnh vì tính nết khác người cũng như sắc đẹp và tài thơ của nàng. U không học chữ, không tụng kinh. Nhưng u hiểu nàng. Mẹ thường trách mắng nàng vì những trò tinh quái, những bài thơ độc mồm độc miệng, trách thật sự, lo gia phong bị hoen ố. U Nghĩa thỉnh thoảng cũng hùa theo mẹ mắng nàng. Nhưng miệng thì mắng mà nụ cười trên môi u như tự hào, như ngầm bảo:"Con này giỏi!" Ðầu xứ Thanh Vân mê nàng, nhưng không hiểu nàng. Một kẻ si tình vụn, đống lửa rơm trước ngọn lửa ma quái trong đôi mắt lá liễu bí ẩn của nàng. Cái đống rơm mục ấy cháy được bao lâu?. Còn lũ đạo đức giả ở làng Quỳnh thì chẳng chấp làm gì. Suốt đời họ tranh nhau miếng bê thui, cái đầu gà giữa đình hay giết nhau, thù ghét nhau đến mấy đời vì chiếu trên chiếu dưới. Chính họ đã xua đuổi mẹ con nàng ra khỏi quê hương. Vì sao ? Chẳng vì sao cả. Chỉ vì nàng là Xuân Hương mà không phải là họ, thế thôi.   
Những bông sen nở sẵn như chào đón người đẹp đang lách chiếc thuyền câu vào giữa rừng sen. Sương buổi sáng đọng thành vũng giữa dốn lá, thỉnh thoảng lại đổ xuống mặt nước ào ào như trời mưa. Tay bơi dầm, tay hái hoa, Xuân Hương tự xoay người, đưa ngực ra gạt đám cọng sen đổ nghiêng lên vai. Cái yếm đũi ướt sũng. Chỉ một lúc, hai cái giỏ đựng hoa trong chiếc thuyền con đã gần đầy. Ðôi gò má của Xuân Hương đỏ hồng, mồ hôi lấm tấm. Nắng đã lên. Trong đám sen ven hồ phía xa là thuyền các cô hàng xóm lúc ẩn lúc hiện. Xuân Hương bơi thuyền ra một chỗ trống, nước lặng như tờ, một đàn sâm cầm bay vụt lên. Chúng hút mắt nhìn về phía dãy Tam Ðảo lờ mờ trên làng Quảng Bá. Nàng cúi mình xuống giém tóc. Hình như hoa biết mai là ngày vọng, vừa phong nhuỵ chúm chím, hoa nở cũng nhiều mà gương cũng nhiều. Khéo phải oằn lưng mà gánh ra đầu Yên Phụ, sẽ có lái trong phố ra, bao nhiều họ cũng mua hết. Chợt nàng nhớ ra bó hoa sen phải dành tiến ông huyện Thọ Xương. Ông ta, một người để bộ ria mép cá trê đen nhánh, si tình và thích nhũng nhiễu. Nhưng mẹ con nàng chịu ơn ông ta từ ngày ra Thăng Long, những ngày tứ cố vô thân, bên ngoại nghèo rớt, chỉ còn mỗi miếng đất cằn. Ông ta muốn nàng về làm lẽ. Làm lẽ! Tại sao từ trước tới nay, ai đến với nàng cũng chỉ muốn lấy nàng làm lẽ. U Nghĩa bảo : "Vì chị đẹp, thơ chị chọc thủng lỗ tai người ta. Vợ cả phải tử tế. Vợ lẽ thì phải đẹp" Nàng cãi : "U bảo con không tử tế à ?" U nguýt : "Vâng, chị hiền lành, chị tử tế !" U vẫn thường nói ngược như thế và nàng thấy mỗi ngày u càng hiểu nàng hơn, quý nàng hơn, hiểu nàng còn hơn cả mẹ nàng. Bó hoa là cái nợ Liễu Thăng thay thế cho việc nàng đã dám thẳng thừng từ chối người ơn. Thực ra thì nàng không chắc ông quan huyện có hàng ria mép cá trê đen nhánh lại yêu hoa sen đến thế. Ông đòi trả tiền, nàng không nghe. Mỗi tháng nàng "tặng" ông ấy bó hoa cho khỏi mang tiếng là mẹ con nàng không có đầu cuối. Có lần nàng nhờ con Lài đưa hoa hộ. Ông huyện nhất định không nghe. Ông đòi nàng phải tự tay đưa hoa đến. Ông không sàm sỡ, mà trọng thị. Nhiều lần ông bỏ dở chuyện công đường để vào phòng khách tiếp nàng. Xuân Hương đưa hoa, ông huyện nhận, cám ơn và nhìn nàng với đôi mắt tiếc nuối. Nhưng mỗi tháng một bó hoa. Có lẽ đến ngày Hồ Tây hết sen mới trả xong!   
- Chị Xuân Hương ơi! Có người tìm chị này!   
Cô Lài hàng xóm gọi nàng. Xuân Hương nhìn mãi vẫn không thấy nó ở đâu. Chắc là nấp đâu đó trong đầm sen. Nàng nhóng mắt, ngơ ngác hướng về phía tiếng gọi, tìm kiếm. Bỗng từ trong đám sen nhà Lài, cái mũi thuyền nhô ra. Ðầu thuyền một người đàn ông ngồi, lấy tay che mắt vì chói nắng. Chiếc thuyền lộ dần và nàng nhận ra Nguyễn. Ông quan võ hôm nay mặc áo lương, khăn đóng, hai tay cho vào dưới vạt áo. Mắt ông ta nhìn nàng háo hức và tinh nghịch như một chàng trai xứ Nghệ đi hội làng. Nàng nhớ lại hôm ông ta giải thoát nàng khỏi mấy tay học trò quỷ quái bên hồ Tây, hai người quen nhau và nàng có lời mời ông ta đến nhà chơi. Mẹ nàng rất mừng, nhận ra cậu ấm Du con quan quận công làng Tiên Ðiền vốn trước đây có quen biết thân phụ bà ở Kinh Bắc. Từ đó hễ có việc về Thăng Long là Nguyễn đến thăm nàng. Lúc đầu, khi thấy ông xoắn xuýt mình, nàng xù lên như xưa nay vẫn thế. Nhưng vẻ dịu dàng thật đặc biệt của Nguyễn với nàng, sự hào phóng chàng dành cho cảnh nhà bần hàn của mẹ con nàng đã nhiều khi làm nàng cảm động. Tình cảm nàng thay đổi lúc nào không hay. Nàng mềm mại, yếu đuối hơn chứ không “đáo để” như chính lời nhận xét ban đầu của Nguyễn. Và Xuân Hương hoảng sợ khi nhận ra điều đó. Nàng sợ nhất là tính nhẹ dạ. Khéo nàng đang nhẹ dạ.   
- Ông tìm em ạ ? - nàng hỏi, ngoan ngoãn, không đanh đá, chanh chua như đối với nhiều người đàn ông khi họ đòi gặp nàng.   
- Tôi vừa ở Thái về. Nghe ông cử Hoan bảo là cô ốm, tôi đến thăm thì cụ bảo cô còn ở ngoài này.   
- Sao ông không chờ em về. Ra đây làm gì cho nắng.   
Nguyễn chăm chú nhìn nàng. Ðôi vạt áo và cái yếm ướt sũng vì sương. Hai bàn tay đen nhựa sen, có những vết cứa rớm máu. Chàng nhớ lại những dinh thự, lâu đài, những bữa tiệc tùng thâu đêm suốt sáng thời trẻ ở Thăng Long, khi thân phụ chàng, một người quảng giao, thích đãi đằng và trong nhà lúc nào cũng phải có mỹ nhân và môn khách. Nhưng liệu trong số người đẹp Thăng Long bọc trong lụa là gấm vóc và được tưới bằng rượu ngon trong lầu son gác tía ấy ai có được một thân hình và đôi mắt trong biếc, giọng nói vừa êm dịu vừa lanh lảnh và chứa một nội lực làm say đắm lòng người như cô gái hái sen đứng trong thuyền trước mặt chàng đây ? Chàng không còn nghĩ tới nữ sĩ Xuân Hương với những bài thơ đầy tứ lạ, sắc sảo, vỗ mặt thói giả dối của thiên hạ mà chỉ còn lại trong lòng chàng một cô hái sen đẹp và tươi tắn, yêu đời trong nắng sớm.   
  
###  
  
Xuân Hương phải về sớm vì nhà có khách. Nàng phải gánh sen lên dốc Yên Phụ bán vội cho một người quen, nhân thể mua ít thức ăn, trong đầu lúc nào cũng nghĩ tới người khách đang chờ mình ở nhà. Nguyễn thì đang dạo quanh vườn cây cảnh bé tý. Mẹ nàng nói : "Các ông trong thành mang đến cho cả đấy. Nhưng nó có ngó ngàng gì đến đâu!" Chàng nhìn một bó hoa sen khoảng mười bông bọc trong lá sen dựng cảnh bể nước, hỏi : "Cô Hương quên bó hoa này rồi!" Bà mẹ nói:"Hoa của ông huyện Thọ Xương đấy. Rằm nào con Hương cũng phải đưa lên tận nhà tặng quan". Nguyễn thấy nhói trong ngực. Chàng nhìn bó hoa cạnh bể nước, mím môi. Một cơn giận pha lẫn ghen tuông thắt bóp tim chàng. Trong đầu chàng những câu thơ như xếp hàng lần lượt hiện ra. Chàng không thể vào thư phòng của chủ nhân để ghi lại nó và chỉ còn mỗi cách là cố nhớ lấy đừng quên mất. Chàng ngây ngất với những vần thơ đang xô đẩy nhau trong đầu mình.   
Hôm đó chàng ở lại Cổ Nguyệt Ðường. Xuân Hương như một người khác hẳn lúc sáng. Nàng đốt mười hai cây nến trong phòng khách nhà ngoài, cho trầm vào một cái đỉnh cổ nhỏ xíu. Rồi trải lên bàn một tờ hoa tiên, nói : "Nghe ông Tú Tiên Ðiền có thư pháp của họ Vương. Xin ông Tú một bài thơ cho hai mẹ con được thưởng thức lúc nhàn rỗi". Nàng gọi Nguyễn là ông Tú tuy ông ấy chưa hề dính được cái tú tài, cái tam trường của ông thì nàng chẳng muốn nói. Còn thư pháp Vương Hy Chi ? Nàng có nghe ai đó nói Nguyễn viết đẹp, tiện mồm thì nói thế thôi chứ chưa bao giờ nàng thích treo chữ của ai trong nhà. Thân phụ nàng cũng thế. Nàng chỉ sợ những bài thơ mà Nguyễn đã một hai lần đọc cho nghe nhưng chưa lần nào chép lại cho nàng giữ. Nàng sợ cái mạch thơ sâu lắng, đau đời và trang nhã của Nguyễn. Nàng tự cho thơ mình trang nhã. Thơ Xuân Hương mà trang nhã ? Mấy ông hay chữ quanh Tây Hồ cười nhạo với nhau về chuyện đó. Thực ra họ không hiểu đấy thôi. Những bài thơ nôm đáo để của nàng thường được bật ra khi lòng nàng quặn thắt. Nàng không thể dịu dàng trong thơ. Nhưng lòng nàng thì mong manh và mềm yếu. Ai hiểu được lòng nàng?   
Dưới ánh sáng của nến, Nguyễn muốn viết lên tờ hoa tiên làng Bưởi bài Hái sen. Nhưng chàng không thể viết xong bài thơ. Vì Xuân Hương đứng cạnh chàng, mải mê đưa mắt theo từng nét mực Tàu lần lượt hiện lên dưới tay chàng. Tấm lưng với chỗ thắt eo mềm mại mà chiếc áo lụa không che giấu nổi làm chàng bối rối. Một "phận đàn bà" đang ở bên cạnh chàng. Chữ viết của chàng bắt đầu nghiêng ngả, lộn xộn. Một vài vần thơ bị thất vận không thể bỏ qua. Số phận người con gái bên bờ Hồ Tây chỉ hiện ra trong trực giác mơ hồ của chàng, qua những bài thơ kỳ lạ người đời truyền tụng đến tai chàng, một số phận làm tim chàng tan nát. Năm tháng sẽ trôi qua và người đẹp ở Cổ Nguyệt Ðường sẽ hiểu vì sao chàng đành bỏ dở bài thơ. Chàng biết mình chỉ có một đêm để sống chứ không phải để làm thơ. Nguyễn đặt bút xuống. Trên tờ giấy hoa tiên chỉ mới có hai câu viết nét chữ thảo :   
Hoa tặng người mình sợ   
Gương tặng người mình yêu...   
Xuân Hương cầm tờ giấy lên. Nàng đọc, thấy thương mình, thương đời. Và nàng bật khóc. Lần đầu tiên nàng khóc trước mặt một người đàn ông.   
  
###  
  
Hàng chục năm sau, khi làm quan Cai bạ ở Quảng Bình, trong một đêm giữa cảnh Tầm dương đất trích, Nguyễn Du chợt tỉnh sau một giấc mộng. Gối ông ướt đầm nước mắt. Ông ngồi dậy, bước đến án thư, mở hộp văn phòng tứ bảo ra và viết một mạch bài thơ Mộng đắc thái liên, nằm mộng thấy hái sen, một bài thơ thực ra ông đã làm nhiều năm trước bên cạnh người đẹp họ Hồ. Ngày đó đời là thực. Còn ở tuổi ngoại tứ tuần, tất cả chỉ còn là một giấc mộng. Ông chợt nhớ về một con người, một vẻ đẹp một tình yêu không bao giờ lại đến với ông nữa. Và bầu không trung êm ả bên hồ Tây như lãng đãng đâu đây.   
Còn ông đầu xứ làng Quỳnh ? Có một câu chuyện truyền miệng ở vùng Quỳnh Lưu kể rằng, ông đầu xứ Thanh Vân, mãi đến bạc đầu vẫn không yêu ai, không lấy vợ và cũng bỏ luôn việc lều chõng. Ông luôn cho rằng chính mình đã xua đuổi Xuân Hương ra Thăng Long. Và khi nghe tin nàng lấy lẽ ông Hiệp trấn Quảng Yên, ông đầu xứ biến mất. Người ta đoán ông đã tìm cái chết bằng cách chui vào một hang đá ở núi Hai Vai và ở lại trong đó luôn. Chuyện này có cơ sở vì mãi tới gần đây, một người hái củi trốn mưa cả buổi trong hang đá , anh ta nhặt những thanh củi bó lại, hý hửng gánh về đi chợ bán. Nhưng khi người mua giở bó củi ra xem, phát hiện ra trong đó có lẫn nhiều khúc xương người. Người làng Quỳnh bảo đó là di cốt của ông đầu xứ Thanh Vân, người đã từng khinh suất trước tình yêu và cái Ðẹp.   
  
Kim Giang 1998

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Chàng thi nhân đầu bạc**

Nguyễn đáp một con đò dọc chở gạo và cá khô từ bến thuyền đầu sông Luộc. Chàng đã đi bộ từ quê vợ ở Quỳnh Côi đến ngã ba sông Nhị Hà. Ðoạn đường đáng ra chỉ đi mất nửa buổi mà chàng phải bỏ ra một ngày đêm vì bạn bè níu kéo. Khăn xếp, áo lương màu lam, vắt vai cái tay nải cũng màu lam, chàng lững thững trên đường làng như một thầy địa lý. Chàng nghĩ: ”Giá làm thầy địa thì tóc mình đâu có bạc sớm thế này!”   
Ông tú kép Sinh Từ cùng vợ đang quẩy con lợn nọc, bắt gặp chàng trên đường đến chợ Lĩnh. Thấy Nguyễn , ông quẳng con lợn xuống đất đánh thịch, chào hỏi rối rít. Không từ được lời mời, chàng đành rẽ vào nhà ông tú. Vậy mà lúc quyết định ra đi chàng tự bảo sẽ không báo cho ai. ở nhà ông tú Sinh Từ, chủ khách chỉ uống hết một nậm rượu quê nhưng Nguyễn đã kịp đọc cho ông nghe sáu bài thơ mới làm gần đây thay lời từ biệt Bắc hà. Vậy là một buổi sáng mất toi mà chàng chỉ mới rời nhà ông anh vợ được hai dặm đường. Ông tú tiễn chàng, gạt nước mắt bảo: “Bác ra đi chuyến này làm gì cũng được, chỉ xin đừng để người ta đánh què mà mất một người tài.” Nguyễn cười buồn nói: “Tài ăn khoai cả vỏ! Nếu không bị đánh què chắc chẳng đi hết kiếp văn chương!” Ông tú dậm chân, khóc nhìn theo. Tính ông vốn bộc bạch thế.   
Gần tối, Nguyễn đến địa phận Duyên Hà. Chàng đã định bụng ghé thăm ông cử Nhạc, bèn rẽ vào cái ngõ trúc. Ngọn trúc kết thành vòm mát rượi trên đầu. Tháng tư, ong bay vo ve quanh chàng.   
Ðêm đó, hai người thức đến canh hai. Khi Nguyễn cởi khăn xếp ra, ông cử nhìn chàng, hốt hoảng: ”Ba mươi tuổi mà đầu đã bạc thế ư ? Bọn nhà thơ thời nay nó hèn, tóc chúng nó không bạc như tóc chú đâu!” Nguyễn không đáp. Bà cử Nhạc cũng là người hay chữ, tính nết lại thích đùa. Bà bảo: “Về kinh gặp nữ sĩ mà mang cái đầu bạc thế kia chắc là không xong rồi. Hay là để tôi nhuộm cho. Giã lá đắng cay mà nhuộm thì cứ là đen nhánh.” Nguyễn chua chát: ”Khéo đầu cô ấy còn trắng hơn cả đầu tôi đấy, bà chị ạ“. Chàng chợt buồn, nhớ tới mối tình của mình.   
Bên nậm rượu và hai cái chén chũm cau đời Khang Hy, ông cử ngồi uống với khách. Khác với ông tú Sinh Từ đã một thời chít khăn đầu rìu đi học võ mưu đánh Tây Sơn, ông cử Nhạc không xuất, không xử mà chỉ ngồi đọc thơ biên tái đời Ðường. Ông nói : “Tôi chỉ trung với vua Nghiêu. Phù nhi bất tranh, tôi không thi bơi với thuồng luồng. “Mười năm lưu lạc quê người, Nguyễn chỉ kết thân với hai người đó. Một người muốn kéo chàng vào chỗ binh đao. Người kia khuyên chàng ẩn mình sau ngõ trúc. Chàng chơi vơi ở giữa. Mười năm! Làm thằng con trai “vô lại”, chẳng nên cơm cháo gì, chỉ chuốc lấy một cái đầu trắng toát giữa tuổi ba mươi. Một thân thể gầy còm vì thiếu ăn, thiếu ngủ. Một tâm tư rối bời, lạc lối. Một bầu đoàn thê tử nheo nhóc. Và một mối tình như trăng non, gió thoảng. Ba mươi tuổi, chàng tưởng đã quỵ dưới gánh nợ đời. Nhưng chàng không ngã. Chàng lại ra đi, tay nải bên vai. Thư kiếm vô thành, sinh kế xúc, chàng rất đắc ý với câu thơ của mình.   
Ông cử Nhạc hỏi : “Lần này chú định đi đâu?” Nguyễn đáp: “Em về quê.” Ông cử nói: “Thế là phải. Vua Quang Trung chết được ba năm rồi.” Nguyễn ngẩng đầu: “Nhưng tiếng gươm đao còn loảng xoảng khắp nơi. Chưa ai chịu tra gươm vào vỏ.” Ông cử làm thinh một lúc. Rồi ông đặt tay lên vai Nguyễn : “Ðó không phải là việc của chú. Núi Hồng Lĩnh đẹp, chết đói ở đó cũng thơm.” Nguyễn buồn rầu : “Trời cho em cái chân hạc, cắt ngắn đi làm sao được ?” Ông cử bảo: “Ðời người có hai lần vui. Một lần đang ngạt trong bụng mẹ mà thoát ra khóc được một tiếng. Một lần được ngủ một giấc dài, không bị vợ con đánh thức. Thế là đời.” Nguyễn cười: “Tiếc là em chỉ mới được hưởng một lần.” Từ đó đến canh hai, mỗi người uống ba chén rượu nếp, nhìn nhau mà không nói câu nào nữa.   
Bà cử dậy sớm thổi cơm nếp, gói cho Nguyễn một nắm. Hai ông bà tiễn chàng tận bến đò. Khác với vẻ mặt đăm chiêu của chồng, bà vui vẻ bảo: “Nhờ anh cho tôi gửi lời thăm cô Xuân Hương. Thơ anh thì phải đạo mà thơ cô ấy lại tục! Nứt ra một lỗ hỏm hòm hom. Khiếp! Bà nhìn ông cử thăm dò. Thấy ông không nói gì, bà tiếp: “Cứ nỗi nhớ với niềm thương nỉ non như bọn làm thơ hiện nay thì nghe êm tai thật. Nhưng dám đưa cái hỏm hòm hom ra mà giỡn mặt vua quan với bọn cơ hội, bọn đạo đức giả thì cũng sướng cho cánh đàn bà hèn mọn chúng tôi.” Nguyễn đỏ mặt, tuy trên cổ chàng nổi nhiều đường gân xanh. Chàng nói: “Bà chị ơi, đời này chỉ có tình người với cái ấy là thật, còn ra, cái gì cũng giả”.   
Ðúng thế, Nguyễn tự nghĩ, chính chàng cũng có dám sống thật đâu? Miệng thương người nghèo mà trước đây chàng vẫn ung dung sống trong lầu son gác tía của cha mẹ. Cha chàng luôn nói thương dân mà vẫn gom từng miếng đất của đám dân nghèo Nghi Xuân vốn đã suốt đời kiết xác để vun quén cho con cháu. Chàng muốn mộng mơ mà vẫn giữ khẩu khí trung quân, lòng tin cạn đến đáy mà cứ cố hướng về giấc mộng khôi phục thời hoàng kim của tiên triều. Chàng ăn chực ở độ mười năm mà chỉ biết than thân, chứ đâu có dám cầm giỏ đi mò ốc đỡ vợ được một bữa.   
Chàng nhớ tới con rắn mối quen thuộc vẫn leo quanh bờ rào nơi quê vợ, tiếng ếch nhái kêu rên trong ao cạn, những con giun chui từ lỗ lên bò loằng ngoằng trên nền nhà ẩm ướt. Chàng đã làm gì ? Ðã làm gì ? Chẳng làm gì hết. Chàng chỉ làm được mấy bài thơ tự thán. Lại còn rưng rưng cảm động khi được mời làm chủ buổi tế tư văn giữa đám hào mục thối nát ấy nữa chứ !   
Bà cử đặt vào tay chàng một tờ hoa tiên viết chữ. Bà nói: ”Cho tôi gửi Hồ nữ sĩ. Nói hộ là đừng cười lời thơ quê kệch. Ước sao được mấy búp sen tự tay cô ấy hái để ướp chè!” Nguyễn chua chát: “Hoa để tặng người mình sợ, e bà chị chẳng có phần đâu.” Bà cử nói : “Cô ấy thì sợ ai !”   
Thuyền đã vào sông Nhị Hà. Nguyễn vẫn nhìn thấy hai vợ chồng ông cử đứng nhìn theo. Tuy hai người không phải Uông Luân, nước sông Nhị không sâu ba ngàn trượng. Nhưng tình thương của hai người đối với chàng chẳng kém người xưa !   
  
Nguyễn đưa tay cởi mối giây lạt, mở cánh cửa ngõ tre. Trên đầu chàng một khoảng trống cao vời, màu xanh không tận của thơ Lý Bạch. Bầu trời hiện ra giữa những tán cây vây quanh khu vườn và mấy gian nhà tranh. ở phường Khán Xuân mà chàng chỉ thấy hơi thu ngự trị. Ðất ẩm ướt, cây mát lạnh, hồ Tây lãng đãng và buồn. Hay chính lòng chàng ẩm và lạnh ? Những ngày ở Thăng Long với anh và cha, đi học, đi thi, đi càn quấy “dẫm lên hoa rụng”, ôm mộng công hầu, say mê đèn sách và cả cung kiếm, tất cả buổi trưa đời, chàng đã để lại sau lưng   
Chàng đang sống lại mùa hè năm đó, lúc đang là một ông quan võ ở Thái nguyên. Chàng ghé qua Thăng Long trên đường về Sơn Tây thăm anh là quan Tả thị lang bộ Binh, kiêm Hiệp Trấn xứ Ðoài. Thăng Long đối với chàng còn quen thuộc hơn cả núi Hồng Lĩnh và bến Giang Ðình ở Nghi Xuân. Chàng cởi áo lãnh binh, thử làm lính một hôm. Như các chú lính, chàng lê la quán rượu. Cũng say sưa, cũng đập phá, cũng chọc ghẹo như ai. Không ai nhận ra chàng. Chàng đã xa kinh thành mấy năm. Cha chàng chỉ còn là một hào quang mờ dần, chỉ được người ta nhắc tới giữa những danh gia vọng tộc đang chia lìa, xâu xé và chán nản trước giông bão thời cuộc.   
Nhưng rượu và thú vui tửu quán không an ủi được chàng, không trả lại cho chàng thời thơ trẻ, cái thời mê chơi giữa lũ “đồng du hiệp thiếu”! Chàng uể oải rời quán rượu, một mình trên con đường nhỏ ven hồ. Trước mặt chàng có ba chàng trai, nhìn qua lưng và vai cũng biết là học trò, đang lẽo đẽo theo sau một cô gái. Nắng chiếu lên vạt áo tứ thân và chiếc lưng ong. Cô gái không đẹp. Nhưng cô đang giận. Chàng cảm nhận được cơn giận ấy trong dáng đi của cô. Ba chàng học trò đang buông những lời chọc ghẹo cợt nhả và những câu thơ thối sau lưng cô gái. Như hết chịu nổi, nàng đứng lại, đọc to bằng giọng Nghệ trọ trẹ rất quen thuộc với chàng : ”Này khéo đi đâu lũ ngẩn ngơ !”... Xong câu đầu của bài tứ tuyệt, nàng đọc tiếp ba câu sau. Tim chàng se lại vì liên tài. Chàng vừa chạm phải ngọn lửa bỏng rát và hiếm hoi của tài năng. Chàng bước dấn lên, bảo ba cậu học trò cũng bằng cái giọng xứ Nghệ ít khi được chàng sử dụng: “Xéo đi, không nước hồ sẽ thối hoắc vì thơ của các ông đấy.” Rồi chàng phá lên cười, tiếng cười sảng khoái của một ông quan võ giữa đám lính. Ba chàng học trò bám tay nhau rẽ vào một lối nhỏ.   
Ðêm ấy, trong ba gian nhà tranh Cổ Nguyệt Ðường, Nguyễn Du đã được ăn trầu của Hồ xuân Hương. Những miếng trầu têm theo kiểu Nghệ, hơi thô, không bay bướm như trầu cánh phượng nhưng hạt cau đỏ thắm như son. Trong cơi trầu là một bài thơ nôm viết trên tờ hoa tiên làng Bưởi:   
Quả cau nho nhỏ miếng giầu hôi   
Này của Xuân Hương đã quệt rồi   
Có phải duyên nhau thì thắm lại   
Đừng xanh như lá, bạc như vôi   
Nhiều năm đã trôi qua, hôm nay Nguyễn phân vân đứng trước ngõ Cổ Nguyệt Ðường. Hương hoa trong vườn không thoảng mùi hương ngày trước. Chàng tưởng mình đang lạc bước vào cổng chùa.   
U già ra đón chàng. Bà vẫn nhận ra Nguyễn. Trước đây, khi chàng tới ngâm vịnh với nữ sĩ, việc đầu tiên bà làm là ra ngay đầu ngõ, kéo cánh cổng khoá lại, không cho khách đến sau vào nhà. Danh tiếng cô chủ lan xa, tài tử kinh kỳ đều ghé qua nhà nàng khi họ lên Hồ Tây vãn cảnh. Nhưng bà lão biết rõ mà cũng rất lấy làm lạ, không hiểu vì sao nàng chỉ thật chân tình với mỗi ông quan võ Nguyễn Du mà ông ta lại đã có vợ rồi!   
Bà lão khóc: ”Cô đi làm lẽ người ta rồi ông ơi!”   
Nguyễn không nói gì. Chàng đứng im như một cây trúc trên mảnh sân mọc rêu vì ít người qua lại. Chàng gầy đến nỗi như lẫn vào cây cỏ quanh mình. Chàng đang cảm nhận được qua da thịt và sờ mó tận tay nỗi đau của đời người, Của chính đời chàng và người đàn bà tài hoa mệnh bạc. Chàng khóc. Có thể ba trăm năm nữa mới có người khóc chàng. Nhưng giờ đây chàng đang khóc cho một người đàn bà, cho một mối tình. Những giọt nước mắt chắt ra từ thân thể gầy còm của chàng. Chàng nhớ đã viết tặng nàng khi hai người cùng đi hái sen ven Hồ Tây: Hoa tặng người mình sợ - Gương tặng người mình yêu... Nhưng nàng đã tặng hoa cho chàng, người mình yêu. Còn gương sen tuổi xuân của mình, nàng đưa cho người lấy nàng làm lẽ! Nàng đã không biết sợ.   
Chàng không muốn nấn ná ở ngôi nhà tranh thân thiết có tên Cổ Nguyệt Ðường nữa. Chàng cũng không muốn lưu lại Thăng Long. Chàng phải về! Về với Hồng Lĩnh, sông Lam của chàng. Ðể làm gì ư ? Ðể sống. Chàng phải sống như một con người có quyền được sống. Lần đầu tiên trong đời, chàng không nghĩ tới Vua, đến mộng trung quân mà nghĩ tới bản thân mình. Chàng muốn sống như một kẻ lê dân trong thập loại chúng sinh.   
Nguyễn bước ra khỏi bóng những tán cây. Nhiều năm sau, khi đặt bút viết Truyện Kiều, Nguyễn Du đã thêm một dòng lạc thảo đề tặng Xuân Hương, người đã dạy cho chàng không biết sợ. Nhưng rồi chàng lại xoá đi.   
   
Kim Giang 1996

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Người vợ lẽ ở phường Khánh Xuân**

Con chó ốm nhách nghếch mõm ra cổng sủa mấy tiếng. Nó mệt lắm, chán lắm rồi. Khách gì mà đông thế. Mà nào khách có ra khách, toàn lũ nhà thơ ốm đói. Bà u già vốn mát tính là thế cũng nhăn mặt, bước vào buồng cô chủ, bộ xà tích kêu lách cách. Xuân hương đang đính nốt cái giải yếm, ngẩng đầu lên.   
"Lại khách hở bu? " - nàng hỏi, buông cái yếm xuống đùi: "Bu đợi em mặc xong quần áo rồi hẵng mở cổng u nhé!"   
Bà u già te tát: "Tôi còn phải vào Thọ Xương mượn người ươm tơ, cô thì luộc sen để rồi thiu thối ra đó, e qua Tết vẫn chưa thành mứt. Cứ khách thế này thì hai u con chết đói mất thôi. Hay là tôi bảo người ta là cô đi vắng?"   
Xuân Hương nhoẻn cười như là nàng thích được mắng ấy. Từ ngày mẹ nàng đưa nàng ra Thăng Long, rồi mẹ mất, nàng coi u già như mẹ. Sợ nhất là những lúc u giận giọng u cứ ngọt xớt dạ thưa cô, dạ thưa cô như mía lùi. Nàng đứng dậy.   
"Thì u đuổi người ta đi cho con nhờ, con đang buồn ngủ díp cả mắt lại đây."   
"Thôi đi, nỡm. Tôi mà đuổi khách thì cô ế, cô bắt tôi hầu suốt đời ấy à? " U già đã quay đi nửa bước nhưng vẫn chưa tha:   
"Lần này thì liệu mà giữ lấy yếm đấy nhé!"   
Xuân Hương nguýt một cái dài: "U ác thế!" Nàng còn năm cái yếm, chẳng cần khâu lại cái giải đứt, nhưng từ sáng đến giờ nàng vẫn lấy cái yếm ấy ra. Ðời nàng tan nát như miếng vải, rách đi vá lại nhiều lần, u già biết, cả thành Thăng Long đều biết. Cái yếm rách chẳng là cái quái gì!   
Trước sau chỉ có mỗi u già thương nàng. Còn bọn họ, những kẻ van nài, thề thốt, xin xỏ, khi cơn lên thì quỳ mọp dưới chân nàng như chó con. Cái mớ người lân la đến Cổ Nguyệt Ðường của nàng có đủ loại, học trò, khoa bảng, quan văn lẫn quan võ hai, ba triều vua, già và trẻ, dê cỏn và dê cụ, anh nào cũng biết làm vài câu thơ và tưởng ghép vần được là có thể đánh bạn với nàng, có quyền bắt nàng thù tiếp. Nhưng xem ra thơ phú với bọn họ chỉ để kiếm một chức quan và tán gái. Phong hoa tuyết nguyệt cũng chỉ là giả vờ, anh nào cũng nhằm nhằm vào cái ấy. Chẳng thà họ đến với nàng như đến với một cô gái đang thì, như lũ con trai ngỗ ngược làng Quỳnh trong những câu chuyện mẹ nàng kể khi nhớ lại quãng đời làm dâu xứ Nghệ. Chẳng thà...   
Chẳng thà như ông ấy! Tối qua ông ấy đến khi nhà đã lên đèn. U già bảo ngày nguyệt kỵ không tiếp ai. Khách không chịu đi. Lúc đó nàng đang hái nốt mớ dâu gần cổng. Nàng nhìn rõ người khách ngồi trên lưng ngựa dưới trăng. Khách lạ. Không đi xe, không mang theo tiểu đồng, chỉ có tay nải tòn ten bên vai. Và trên lưng một con ngựa chiến. Một chút trắc ẩn, một chút hiếu kỳ, nàng đặt mớ dâu xuống đất, bước lại.   
"Thưa, Cổ Nguyệt Ðường không phải nhà chùa, nhưng nếu ông lỡ bước, xin mời xuống ngựa, vào nhà xơi chén trà mọn". Nàng nhấn hai tiếng xuống ngựa như muốn nhắc khéo khách.   
Khách đáp: "Kể thì cũng đường đột, nhưng tôi không khát nước, chỉ khát gặp người tài. Tôi xin gặp cô Xuân Hương". Thứ tiếng đàng trong quá quen thuộc với nàng. Cả cái cung cách đến nhà đàn bà con gái vào giờ này, cái vẻ ngang tàng kẹp chân vào hông ngựa"đòi gặp người tài" như một ông quan võ đi thúc thuế làm nàng thú vị.   
U già nói: "Cô tôi đang đứng trước mặt ông, thế là ông đã gặp rồi".   
Khách không chút kiểu cách, cũng không cúi chào, nhẹ nhàng xuống ngựa, nói:   
"Vậy thì may quá, tôi đã được mời vào nhà". Rồi nhanh chân dắt ngựa bước qua cổng. Con ngựa tía ngửi được mùi cỏ trong vườn, rũ bờm, đập đuôi, hý khẽ một tràng.   
"Ông cột ngựa vào gốc muỗm. Nhà còn ít ngô vẫn dành cho ngựa của khách, để tôi bảo u già".   
Khách bảo: ""Tôi có mang theo thóc đây". Ông rút một bao vải bên yên đưa treo dưới cổ ngựa.   
Nàng nói: "Con ngựa của ông làm tôi nhớ câu thơ Lý Bạch. Tuấn mã kiêu hùng đạp lạc hoa. Chỉ tiếc là vườn nhà tôi hoa rụng hết rồi".   
Khách nói: "Tôi thì chỉ nhớ thơ của cô. Một đèo, một đèo, lại một đèo... Hôm nay tôi phải phi ngựa qua bốn cái đèo mới được gặp người làm ra câu thơ ấy".   
Xuân Hương bảo: "Chết, chắc là ông chưa ăn tối? " Nàng lại mủi lòng. Người ta bảo nàng sắc như dao mà nhẹ dạ. Nàng thương người chứ không nhẹ dạ. Nàng thừa biết đàn bà mà để người đời và lũ đàn ông háu đói biết tiếng thì cầm bằng chim trĩ đẹp ló đầu ra trước cánh cung và mỏ chim cắt. Ông này ở đâu mà thuộc thơ mình nhỉ? Thơ mình đi xa thế ư? Nàng sung sướng vì một con chim cắt đang liệng vòng trên đời nàng khen nàng. Nàng lại mủi lòng rồi.

\*   
\* \*

Bên mâm cơm, ông khách chỉ chú mục vào đĩa trám muối, không phải thứ trám mỏng vỏ, chát ngoét của rừng Phú Thọ, Tuyên Quang mà là trám Nghệ. Nhân đó nàng kể cho khách, liễn trám muối này là của một thằng cháu họ Hồ ra kinh thi Ðình biếu nàng. Một tháng trời lều chõng anh ta ăn trám muối, uống trà trắng và đậu tiến sĩ. Nàng trêu cháu: "Nếu mang cá gỗ theo chắc là anh đã đỗ Trạng Nguyên". Nó nói: "Bọn trọc phú nhờ vàng bạc cướp bóc hồi đánh Tây Sơn cho con cái học thêm từ ngày để chỏm vậy mà cô xem, có đứa nào dính bảng đâu". Nàng nói: "Làm gì cũng phải có đức mới nên!" Thằng cháu, tội, người ta truy ra có bà con với tông tổ Tây Sơn, không được cất nhắc gì, ở nhà mở trường dạy học. Nó gửi ra cho nàng một bài thơ, có hai câu: "Ngọc diệp nan tri hà xứ xuất. Công hầu hoan mộng nhượng kim chi". Cái lá ngọc này khó mà biết ở đâu ra, thôi thì mộng công hầu vui vẻ xin nhường lại cho cành vàng. Ông thấy thơ của nó có đau đớn không. Ông khách ăn thêm một quả trám nữa, nói: "Tôi không làm nổi một câu thơ nhưng tôi biết thơ hay. Thơ có đau đớn mới hay, phải không nữ sĩ?"   
Lần đầu tiên Cổ Nguyệt Ðường tiếp một người không biết ghép vần. Ðiều này làm nàng thích thú. Những tay xuất khẩu thành thơ thường không ong non dê cỏn thì cũng phường quan lại ẩn ức vì vớ phải vợ xấu vợ già, bị thất sủng. Tâm địa họ thường xấu xa mà lại giả dối. Tâm thế ấy mà ra thơ thì sợ lắm. Thăng Long này được mấy người tài?   
Nàng đã chán chuyện thơ, nói: "Chỉ thương thằng cháu, nên danh ông Nghè mà chẳng nên cơm cháo gì!"   
Khách bảo: "Cô còn nhớ chuyện đánh đòn bọn Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy ích ở Văn Miếu? Thời đã thế, thế thời phải thế... ¡n may là chuyện thành phần".   
Nàng bảo: "Kẻ sĩ như hai ông ấy được mấy người. Nọc trí thức ra mà đánh thì thất đức quá, e hậu vận không hay".   
Khách cười ha hả: "Chẳng thà đánh đòn hay cho một nhát cuốc còn hơn là đối xử lịch sự mà không cho người ta làm kẻ sĩ. Ðức Thế Tổ làm thế là sòng phẳng".   
Nàng thấy khách nói có lý bảo phải, tiếp: "Ðặng Trần Thường rồi cũng lên giảo đài, nhưng Phan Huy ích thì trường tồn vĩnh viễn vì vẫn được làm kẻ sĩ. Tôi không bao giờ bảo ông ấy hèn".   
Khách nghiêm mặt: "Chính trị là thứ không muốn làm thì đừng nói tới. Tôi đến đây là để gặp người tài và nghe thơ. Tôi không nói chuyện chính trị".   
Nàng nói: "Thiên hạ bảo thơ tôi là dâm thi, không bị đánh đòn là may, ông nghe làm gì?   
Khách trầm ngâm: "Tôi không bảo thế. Cơ thể con người đều của Tạo Hóa, chẳng có bộ phận nào sang hèn thanh tục. Gặp thiếu nữ ngủ ngày thì thiên tử cũng dùng dằng huống gì quân tử".   
Ðến lượt nàng: "Còn ông?"   
Khách cười, Xuân Hương ít thấy ai cười chân thật mà dễ mến như thế với nàng: "Tôi là kẻ thất phu đi kiếm cơm, tôi cũng thèm lắm, nhưng dùng dằng thì chết đói".   
Nàng im lặng một lúc rồi nhìn thẳng vào người đàn ông ngồi trước mặt, hỏi:   
"Nhưng ông là ai?"   
Khách đáp: "Tôi là Trần Phúc Hiển, Hiệp trấn Quảng Yên".   
Nàng đổi giọng: "Thưa quan Hiệp Trấn, xin cám ơn Ngài. Hôm nay Ngài đến đây có gì chỉ giáo cho kẻ hèn mọn này?"   
Khách nói: "Tôi thì chỉ giáo cho ai? Mà cô cũng đừng khách sáo. Cha tôi đã dùng kiếm hạ mười hai thành dâng Nguyễn Vương, vậy mà không gạt kịp một mũi tên phản phúc xuyên qua cổ. Nợ áo cơm thế là phải trả đến hình hài. Tôi thì bắt nạt và ăn chặn bọn khố rách. Nợ áo cơm phải trả đến nhân cách. Tôi chỉ giáo cho ai?"   
Trước nay thường có ông Hiệp Trấn Sơn Nam thượng Trần Ngọc Quán, Hiệp Trấn Sơn Nam hạ Trần Quang Tĩnh đến Cổ Nguyệt Ðường xin thơ và nghe thơ. Họ thường bị bạn bè văn chương của nàng khinh như rác. Khinh và ghen nữa. Nhưng có thể coi khinh được ông Hiệp Trấn Quảng Yên này chăng? Còn ghen thì... nàng chẳng còn ai để ghen với ông ta nữa. Những người yêu nàng đều thề thốt rồi đều bỏ nàng đi làm quan tân triều, kể cả người nàng quý trọng nhất, yên mến nhất, tài ba nhất: Nguyễn.   
Nàng cúi đầu tránh cái nhìn như thiêu đốt của người đàn ông ngồi đối diện, chạnh nhớ tới Nguyễn, mối tình sâu sắc nhất đời nàng. Chàng cũng mê thơ nàng, cũng nói với nàng những lời chân thật, nhưng nàng đã không giữ được chàng trước quyến rũ của thời tao loạn. Ðàn ông là thế. Chàng có những giấc mộng của riêng mình. chàng có một hồn thơ mà nàng hiểu nhưng không sánh ngang được, với tới được. Nguyễn tìm nàng một lần khi nàng đã lấy chồng, lâu lắm rồi, nghe nói đó là ngày chàng đoạn tuyệt với mộng trung quân, về Hồng Lĩnh. Tưởng thế nào, chàng lại đi thờ một ông vua khác. Hay chỉ vì đàn thú săn núi Hồng và đất cát Nghi Xuân không nuôi được chàng với đàn con nheo nhóc? Ðàn ông là thế. Họ chung tình với vua mà bỏ rơi đàn bà, bỏ rơi thơ. Vua đâu có làm họ sung sướng như đàn bà? Vua đâu có làm họ cao cả như thơ? Ðó là điều ngu xuẩn nhất của lũ đàn ông mà nàng không hiểu nổi. Bây giờ thì... tất cả đã thành xa vắng. Nàng khóc.   
U già dọn dẹp mâm cơm từ lúc nào, đặt lên bàn một nậm rượu nếp cẩm. U đã có kinh nghiệm nhiều năm. Khách thơ thì phải có rượu. Nhưng u thường không có họ uống rượu nào khác ngoài thứ rượu cẩm nhạt phèo. U vẫn muốn giữ cái hũ rượu tiết hạnh mà trên đời này có lẽ chỉ mình u nhận ra ở nàng. Nhưng hôm nay u đã không biết được những gì đang làm Xuân Hương xao xuyến. U cũng không hay người đối ẩm với nàng chẳng phải khách thơ, còn hơn thế, chưa từng làm một bài thơ. Ông nhấp chén rượu cẩm, đặt xuống liền, nói:   
"Ðể xin hầu cô thứ rượu này!" Rồi lấy trong tay nải ra một cái chai nhỏ đựng thứ rượu hồi vàng sánh.   
U già bảo: "Cô tôi không uống thứ nào khác rượu nhà".   
Xuân Hương nói: "U để khách tự nhiên".   
Nàng muốn được say. Từ lâu rồi nàng không được say. Không còn ai đáng mặt làm nàng say. Nàng muốn say khi danh tiếng đang lên chót đỉnh nhưng thể xác nàng đã có dấu hiệu tàn tạ. Và nàng tự biết mình đã già.   
Nàng uống với quan Hiệp Trấn đến khuya. Mõ báo canh hai gióng lên từ phía thành nội mới tiễn khách ra về. Tỉnh rượu nàng nhận ra cái giải yếm của mình bị đứt.

\*   
\* \*

Quan Hiệp Trấn Quảng Yên không trở lại một mình. Cùng đi với ông có viên tri huyện Thọ Xương Bùi Thế Mẫn và chú tiểu đồng đã quá quen đường đi lối lại Cổ Nguyệt Ðường. Xuân Hương tự tay mở cổng đón khách. Bùi Thế Mẫn đon đả như xưa ông vẫn thế với nàng: "Hôm qua ngày nguyệt kỵ, nhưng hôm nay đã rằm. Chúng tôi xin đến hầu rượu bà cô đây". Bà cô, những người thân thiết nhất thường xưng hô với nàng như thế.   
Ðêm ấy chỉ có một chén rượu được rót ra. Ðón chén rượu ấy trên tay quan Hiệp Trấn Trần Phúc Hiển, Xuân Hương nhận lời lấy lẽ ông ta, một người không biết làm thơ nhưng đã làm nàng xúc động. Người rơi nước mắt đầu tiên đêm ấy là u già.

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Phường săn**

*Hồng lĩnh vô gia huynh đệ tán   
Bạch đầu đa hận tuế thời thiên*   
(Nguyễn Du)   
Ðàn chó sủa vang đầu ngõ, mỗi con một phách. Nguyễn bừng tỉnh, ngẩn ngơ tiếc một giấc mơ. Chàng mơ thấy gì ? chàng đang ân ái. Không phải với vợ, cũng chẳng phải với người cũ Thăng Long. Mà với chắt Ðiu, cô gái hát phường vải mới quen vài hôm trước. Chắt Ðiu kéo chàng đi, những đống rạ lù lù trên cánh đồng. Cô nàng rút rạ trải xuống đất, nằm xuống. ánh sao mờ tỏ, sương lạnh thấm qua đôi giầy nhung sờn của Nguyễn. Chàng ớn lạnh nhưng trước mặt chàng là cô gái đang nằm trên mớ rạ vừa trải xuống đất, cái váy lụa đen nhánh tốc lên hớ hênh dưới ánh sao. Nguyễn không đừng được. Cách đây ba hôm chàng đi sau chắt Ðiu, đã ngắm dáng đi ngoe nguẩy và bí ẩn của cô gái, đã tưởng tượng và thèm và khát.Chàng ngồi xuống đống rạ, cởi giầy. Ba mươi lăm tuổi, gầy yếu vì thiếu ăn nhưng chàng đâu đã già. Ðó là lần đầu tiên chàng buông thả. Ai chẳng buông thả sau mười năm ba đào lầm lạc? Muời năm khư khư lòng trung với một ông vua hèn đớn chịu nhận một chức tam phẩm của vua Tàu? Chàng đánh mất mười năm trẻ trung đời mình. Chàng phải lấy lại.   
Nhưng cái can đảm buông mình đầu tiên ấy cũng chỉ là một giấc mơ mà thôi. Chàng vừa tiếc vừa mừng vì may chỉ là một giấc mơ và mệt rã rời. Nguyễn đỏ mặt xấu hổ. Cái máu đa tình thì họ Nguyễn nhà chàng ai cũng có. Nhưng với ai kia, chứ chắt Ðiu thì... Dù chàng đã thèm, đã muốn cô ta, muốn được ngủ với cô ta không phải một lần. Nhưng thôi, soạn sửa đi với phường săn cái đã! Ðàn chó đang giục. Chúng nhặng xị cắn nhau chí choé. Cứ ba con chó là có chuyện cắn nhau - chàng nhận xét - cũng như hai thằng đàn ông đang yên lành mà có một người đàn bà xuất hiện là y như họ đánh nhau.   
Ðợi Nguyễn ở ngoài ngõ tre là ba người đàn ông trong phường săn Hồng Lĩnh. Cháu Hối, nghĩa Hợp và chắt Khôn. Ba người ba tuổi nhưng đều lực lưỡng, da đen bóng, tóc đen bóng búi thành cục như nắm đấm. Trước đây cả ba đều là con cháu tá điền mấy đời của cha và ông chàng. Cháu Hối là con u dĩ, người bồng bế và chăm bẵm chàng hồi trứng nước. Còn nghĩa Hợp là con trai một ca kỹ được cha chàng tha từ Thăng Long về rồi gian díu sao đó mà đẻ ra Hợp. Tự Nguyễn cũng thấy anh ta hơi giống mình nhưng cả hai không nhận anh em. Hợp làm con nuôi của ông phó Ðại. Còn chắt Khôn ? Anh ta có dòng máu thuần khiết nhất của một gia đình người Lào sống trên mái phía đông dãy Giăng Màn. Giữa trận lũ to, người làng vớt được anh ta trong một cái thúng, tám tuổi, chưa biết nói tiếng Kinh. Cháu Hối và nghĩa Hợp mang súng kíp. Chắt Khôn cầm tay một cái nõ. Bảy con chó đủ màu đen vện vàng vây quanh sủa nhức cả óc.   
“Ông cậu! Trưa trật rồi, có đi không thì bảo anh em.” Cháu Hối nói. Khi Nguyễn về làng, mọi người thấy rất khó xưng hô với chàng. Trước đây chàng là một ông quan võ, chức nhỏ thôi nhưng cũng là quan, về làng người ta gọi chàng là “ông cậu”. Thân phận chàng vẫn le lói chút hào quang của một danh gia vọng tộc hết thời. Nguyễn xách ra một ngọn giáo, hỏi :   
“Mang cái này, được chưa?“. Nghĩa Hợp đưa tay vuốt cái lưỡi giáo sắc lẹm rồi nhanh như chớp phóng cái vèo. Ngọn giáo xuyên suốt cây chuối cạnh ngõ, cán run bần bật. “Ðược!” anh ta nói. ”Chừ vô truông Hút săn nai. Chắt Huề bảo có một đàn tám con nai hương mới về.” Y xăm xăm bước lên trước.   
Vốn ít nói, Nguyễn lầm lũi đi sau ba tay phường săn. Họ qua ngôi nhà có dãy cột đá của ông anh thích xa hoa Nguyễn Khản, từng là Hiệp Trấn Sơn Tây. Ông bỏ tiền ra dựng nhà này ở quê, vừa ở, vừa để thờ, ông chưa ở ngày nào, nay hoang phế. Thật ra Nguyễn có quyền sửa dọn lại rồi đón vợ con ngoài Thái Bình về ở đó đến trọn đời. Nhưng chàng không muốn. Chàng không nghĩ là mình sẽ ôm ban thờ tổ tiên để chết ở đây. Núi Hồng, sông Lam, bến Giang Ðình. Dù chàng chưa thấy ở đâu sông núi đẹp như quê nhà. Như là chàng về đây chỉ để săn nai, săn lợn lòi. Chàng cùng phường săn tìm giết chúng, ăn thịt chúng. ở Bắc chàng bôn ba dựng lại triều Lê, xung khắc chí hướng với ông anh vợ vẫn bao dung chàng và vợ con, vào Nam đi tìm Chúa mới, không đội trời chung với ngụy triều, rốt cuộc tưởng rục xương trong ngục Tây Sơn. Mọi ngả đều là ngõ cụt . Như con nai bị dồn vào vách núi, chàng về quê tìm chốn nương thân, sống nhờ vào chút tô tức mấy mẫu đất cha ông để lại, đợi thời. Vậy mà trong thơ, chàng lại viết mình về quê để “làm bạn với hươu nai, giả khượt! Thực ra mộng gác vàng chưa hết vấn vương. Thơ với phú! Chỉ là thơ của một anh bất mãn! Tranh nhau làm đầy tớ vua mà không được làm thì quay ra chửi đời, rồi ghép vần mua vui. Nguyễn chua chát cười một mình. Người làng lạ về cái cười ấy, tưởng chàng điên. Không ai cười mỉm một mình như chàng.   
Từng thi Tam trường, từng làm quan võ, Nguyễn không ngán ai trong phường săn. Họ cũng vì nể cốt cách của chàng. Chỉ có nghĩa Hợp thường bỗ bã quát tháo chàng lóng ngóng khi chàng sơ ý làm sổng mất con nai hay con lợn lòi. Y ngầm bảo : tớ hơn chú hai tuổi, tớ cũng từ cái sinh thực khí của ông tể tướng họ Nguyễn nhà ta mà ra. Vậy mà tớ mang phận chó mực! “Hây! đi săn mà chậm như rận bò mu l..rứa!” Y quát ông quan võ thất thế như mắng đầy tớ. Nguyễn mỉm cười cam chịu. Trong thâm tâm chàng tin những lời đồn và thông cảm với cái uất ức của giọt máu rơi ấy. Bề ngoài, Hợp rất giống chàng, giống cả quan Hiệp Trấn Nguyễn Khản, nghĩa là rất giống các ông anh. Ông anh cả Hiệp Trấn cũng chỉ lo cho chú em lạc đàn chức nghĩa để khỏi đi phu. Anh nghĩa chỉ nhỉnh hơn anh nhiêu ở chỗ được làng chia thêm một miếng mồng gà. Nhưng cả cái ân huệ mạt hạng ấy Hợp cũng không được hưởng. Tây Sơn coi chức sắc Lê triều như mớ giẻ lau, bắt lính bắt phu tuốt. Ðã ba lần Hợp đi phu tải gạo qua đèo Ngang tiếp lương cho quân lính Trần Quang Diệu vừa bỏ thành Quy nhơn kéo quân ra. Y hút chết vì thương hàn, kiết lỵ và tên bay đạn lạc, nếm đủ mọi điều tân khổ. Dưới mắt y số phận chàng còn may mắn chán. Y bất mãn, quát tháo chàng cho bõ hận đời.   
Chốc lát phường săn đã mất hút vào đại ngàn núi Hống. Họ dừng chân suối Ma, một trảng cỏ gianh và rừng chuối. Hoa chuối đỏ như đuốc trên nền xanh lá cây. Nghĩa Hợp đi sau đàn chó, xua chúng sục sạo dưới lòng khe, dồn bầy thú chạy thục mạng vào các ngả đường mòn cho ba tay giáo đón lõng. Y dẫn chàng tới một mái núi có con đường mòn đầy vết chân nai, bảo : “Ông cậu đứng đây. Có con nào chạy qua thì lia một nhát cho nó ngọt như hồi sáng tui phóng vào cây chuối. Ði săn không như múa võ mô!“. Rồi bỏ đi. Ðứa con hoang vừa đi phu về ăn nói với chàng như thế đó. Tại sao cha mình không nhận y? Lần đầu Nguyễn đặt câu hỏi ấy. Cha có ba người vợ, hai mươi mốt đứa con. Nhận thêm một đứa nữa thì ăn nhằm gì. Hồi đó cha được vời làm tể tướng, dân làng mở hội ba ngày ăn mừng cha từ Thăng Long về. Cha sợ mất uy tín vì đã làm một con hát phễnh bụng. Cha muốn làm thành hoàng. Cha muốn hiển thánh. Than ôi, khổ thay cho cái thói đa tình của vĩ nhân. Hình như Hồ xuân Hương có lần nói với mình thế. Chắc hẳn đó là chiêm nghiệm của một đời tài bạc mệnh.   
Nàng đang ở đâu ?   
Xa vắng, hẫng hụt. Nguyễn thấy nhói trong lồng ngực. Ông bạn vong niên Huyền Hư Tử bảo chàng có hỏa nhập tim. Vốn là ngự y, khi biết mấy thứ cam thảo quế chi không chữa nổi bệnh trầm kha thời đại, trên đường sang Tàu ông vờ đi ỉa rồi bỏ trốn khỏi đoàn người “muôn dặm tòng vong” của Lê tự hoàng. Ông về quê gọt đầu đi tu tại ngôi chùa lợp cỏ do cha chàng dựng lên ở lưng chừng núi Hồng Lĩnh. Tự chàng cũng thấy trong ngực mình thường vẫn có một ngọn lửa đang cháy, không biết ngọn lửa ấy là cái gì mà hành hạ chàng như lửa hỏa ngục.   
Nguyễn chờ nghĩa Hợp đi khuất sau đám rừng dổi. Chàng không cầm giáo đợi thú như y bảo mà ngồi bệt xuống cỏ. Chàng đói. Sáng ra chỉ mới kịp ăn một củ khoai chiêu với chè xanh. Ruột chàng nôn nao. Nhưng không phải chỉ vì đói. Chàng đã quen đói rét mười năm. Ngày mới về Hồng Lĩnh ăn thịt nai, chàng đi té re một trận tưởng chết, phải cáng lên chùa xin thuốc Huyền Hư. Ông bạn bảo: “Cái nhục hình Trời Phật trừng phạt bọn trọc phú và quan tham là bắt ăn uống như heo và xuất tinh vô tội vạ. Xa vợ, mất chức và đói là ba thang thuốc trường sinh của chú. Nhờ thế mà chú bế tinh, dưỡng khí và tồn thần.” Chàng ngồi xuống vì cỏ dưới chân mời mọc, cỏ tranh cháy trong vụ gió Nam tháng bảy đang đâm chồi lên từ tro than, màu xanh rợn sườn núi. Sau này chàng sẽ viết cỏ non xanh rợn chân trời, thực ra cái quê Hà tĩnh bốn bề núi của chàng đâu có chân trời ? Từ khắp nơi chỉ thấy dãy Giăng Màn xanh ngắt, bên kia là một xứ Lào bí ẩn. Cái chân trời này ở đâu ra? Văn chương hữu hạn là thế.   
Những lá cỏ bị chàng dẫm nát dưới chân thơm hắc. Cách dăm nước bước là con đường mòn. Ðáng ra thì chàng phải nghe lời Nghĩa Hợp, nấp sau đám cây giẻ kia, thu mình lại như một con báo nham hiểm chờ bầy nai chạy qua. Rồi lia một mũi giáo thật ngọt. Nhưng dưới chân chàng là cỏ. Chàng không nỡ. Cỏ hiền lành, thấp mà không hèn, không ty tiện. Chàng nhớ những bãi bồi bên sông Luộc, sông Trà Lý, bến đò Tịnh Thủy mấy lần giặc giã đốt phá, phiên chợ chiều xơ xác, gương mặt người đàn bà nổi gân xanh nhìn chàng mời mua mấy bắp ngô. Chàng nghẹn không trả lời. Chàng đang đói và chẳng đủ tiền mua mấy cái bắp ngô kia. Từ hôm đó chàng quen vợ chồng ông tú Sinh Từ. Nhưng cuộc giao du với đám người khoa cử không làm chàng cao cả lên chút nào. Chàng nhìn rõ bản thân mình hơn mà thôi. Vì chàng cũng chính là họ, chàng còn nòi hơn họ nữa. Họ muốn gì, những kẻ trói gà không nổi ấy ? Họ muốn người khác làm hộ tất cả những gì họ nghĩ ra trong đầu. Mà đầu họ thì thiên kinh vạn quyển, nhất dạ bách kế. Họ muốn dựng lại cả một triều vua mà không xa nổi cái tráp đựng mấy quyển sách nát. Họ tán dương mỹ nhân, sang sảng ngâm tương tư hoàng diệp lạc\* của Lý Bạch mà không dám cất hộ cái váy đụp của vợ lúc trời mưa. Ngửi được mùi đỉnh chung, dù chỉ mới thoang thoảng trong không khí là họ hướng mũi tới liền. Tóm lại là họ hèn. Nhờ giao du với họ mà chàng thấy được mình chẳng khác gì họ mấy. Mấy ai dám ngồi chơi với cỏ.   
Và bây giờ chàng đang ngồi trên cỏ. Dưới xa một chiếc xe trạm chạy trên đường thiên lý về phía Ðèo Ngang. Một đoàn binh lính giáo mác tua tủa đi sau mấy con ngựa chiến có người cưỡi. Họ đi đâu? Lính Tây Sơn từ thành Nghệ an vào hội sư với quân Trần Quang Diệu? Một triều đại ngắn ngủi sắp đổ nát. Những con người đi giết và để bị giết. Chẳng bao giờ biết được mình chỉ là đám quân cờ trong tay một kỳ thủ nát rượu và ngủ gục vì sắp thua. Cái khác là những quân cờ này biết ăn và cần ăn, cần mặc. Họ đi lính vì ở nhà thì chết đói, khác hẳn với hàng vạn tay gươm tụ tập dưới cờ cái ngày Nguyễn Huệ dừng lại chân thành Nghệ An trên đường ra Bắc đánh đuổi Tôn Sỹ Nghị và Lê tự hoàng. Hồi đó chàng đang trôi giạt ở Hưng Yên, Thái Bình, nôn nao với khí thế nuốt Ngưu Ðẩu đang dâng trên đất Nghệ, dòng máu võ quan kinh bang tế thế rạo rực trong tim. Chàng muốn rút gươm ra khỏi vỏ. Muốn giết giặc hoặc sẽ bị giặc giết. Nhưng chàng không thể. Không thể chống lại Tự Hoàng dù ơn vua lộc nước chỉ là một cái tú tài chưa xong! Chàng xin âm dương trước ban thờ cha. Cả ba lần hai đồng tiền đều nói với chàng : “Không!” Ðó là một mệnh lệnh dứt khoát từ nghĩa trung quân chảy trong huyết quản dòng họ Nguyễn của chàng? Hay là do hèn nhát ? Hay là vì thơ đã nuốt mất đời chàng cùng với cây kiếm ? Chàng đã không làm như Ngô Thời Nhiệm, như Phan Huy ích. Và hôm nay chàng đang ngồi với cỏ.   
Trong đám chuối rừng dưới khe sâu tiếng Nghĩa Hợp suỵt chó ầm ĩ man dại. Bầy chó sủa gắt. Chừng như có lợn lòi. Chắc là lợn vì nếu nai thì chúng đã vọt lên từ lâu. Nai đẹp, thịt ngon nhưng không gan lỳ như lợn. Bọn thợ săn bảo chim với thú đẹp thì nhát. Chúng biết giữ tấm thân đáng giá ngàn vàng, đẹp và tài là sẽ khốn nạn vì tai ương. Lợn lòi thì khác, ranh ma, hung dữ, bị chó dồn chúng không bỏ chạy thục mạng mà cố tìm cách xông ngược trở lại, nếu cần thì xé xác cả thợ săn. Bố chắt Hối bị một con lợn độc tợp nát bắp chân mất máu mà chết. Chúng biết tỏng mưu mô của lũ người. Nghĩa Hợp đang xua chó cố dồn con lợn vọt qua những nơi có Nguyễn và bọn Chắt Khôn đón lõng. Thỉnh thoảng y rú lên trong cơn say máu. Tiếng lợn hộc trong lòng khe. Nguyễn ngồi dậy, đến nấp sau cây săng lẻ. Chàng nghe tim đập mạnh, cố bình tĩnh vuốt đi vuốt lại cái lưỡi mác lạnh và sắc. Tiếng người lẫn tiếng thú đã đến gần nguồn suối. Nguyễn đứng né bên con đường mòn, không được đối mặt con thú. Chàng sẵn sàng trong một thế võ để kịp phóng lưỡi mác trúng họng con thú vọt qua. Cho đến khi con lợn và chàng, một trong hai sẽ chết.   
Nhưng tiếng chó xa dần. Con lợn đã vòng qua ngả khác hay lộn trở lại chân núi để thoát ra trảng cỏ ? Nguyễn thở phào. Thực ra chàng không sợ nhưng thật bất đắc dĩ phải rời miếng cỏ tranh non và những suy tư đang làm chàng thích thú. Chàng cắm phập lưỡi giáo xuống đất.   
“ Em chào ông! “. Nguyễn quay đầu. Chắt Ðiu đang đội một bó củi khô, những thanh củi loòng cháy nham nhở. Mặt Chắt Ðiu nhem nhuốc tro than dưới cái khăn mỏ quạ nâu sồng.   
“O đi lấy củi xa rứa?” - Nguyễn nói, tự thấy cái giọng Nghệ của mình nó trọ trẹ, nó miễn cưỡng thế nào. Xa quê đã lâu, giọng chàng không nặng như người ta. Chàng đỏ mặt nhớ lại giấc mơ ái ân lúc tảng sáng.   
Chắt Ðiu đặt bó củi xuống đất, ngồi lên, cởi khăn lau mồ hôi mặt. Nguyễn buồn cười thấy mặt cô nhem nhuốc hơn. Nhem nhuốc nhưng vẫn đẹp. Tự nhiên chàng hết thèm muốn, thay vào đó là một tình cảm hoàn toàn khác. Chàng lại đỏ mặt, giấc mơ vẫn không buông tha chàng.   
“Bao giờ lại có đêm hát nữa, ông cậu?” - cô gái hỏi.   
“Tôi cũng không biết. Bữa gặp o ở đám phường vải tôi tưởng o là con nhà quan.” Nguyễn bảo.   
“Ông cậu thì có!” - Chắt Ðiu nguýt một cái dài. “Em đi củi bán lấy tiền đong gạo. Răng mà em được sung sướng như ông cậu.”   
Nguyễn nhớ lại những ngày ở Thái Bình, cả nhà ông tú Sinh Từ và chàng châu đầu quanh nồi cháo rau má. Bát cháo nóng húp quanh, mùi rau má tháng giêng thơm nồng. Lúc đó chàng ăn không ngon, nghĩ đến lũ trẻ ở nhà. Chàng lên ông bà tú vay tiền, cả nhà không còn gì ăn. Không ngờ ông Tú cũng đói. Cái hèn kém của kẻ sĩ là hết gạo thì chạy rong, không dám vô rừng như chắt Ðiu! Không phải lần đầu chàng thấy mình thảm hại. Không phải lần đầu. Nhưng chàng đang mủi lòng nghĩ tới lúc cô gái mảnh dẻ, có giọng hát quyến rũ còng lưng dưới bó củi.   
“Mẹ em mù, ông biết không, cứ vài ngày nhà em ăn hết hai gánh củi.”   
Mình phải quỳ xuống lạy cô ta mới phải - Nguyễn nghĩ thầm - Chàng nghĩ tới ông vua đang chầu chực xin ăn bên Tàu. Vậy mà, lần đó theo cha vào cung, mình đã quỳ lạy trước ông ấy! Mình đã mất mười năm vì cái gì ? Vì cái gì ? Chàng lại nhớ tới giấc mơ . Chàng muốn nói một lời sám hối, không sao gạt bỏ được sự xấu hổ vì đã có một giấc mơ bậy bạ đang giày vò chàng.   
Tiếng chó, tiếng người la làm Nguyễn chợt tỉnh. Chàng chạy tới cây mác đang cắm trên đám cỏ cạnh gốc cây. Xẹt, ầm ầm, tiếng hộc hộc như sấm rền. Một con lợn độc to bằng con bê từ lòng khe vọt lên. Nó cúi đầu phóng như bay rồi biến mất sau đám cỏ tranh cao quá đầu người trước khi chàng rút được ngọn giáo lên. Bầy chó vừa sủa vừa tràn qua. Chúng không để ý gì đến Nguyễn và cô gái, đuổi theo con lợn.   
Cuối cùng là Nghĩa Hợp. y mệt mỏi, mắt đỏ như máu, quần áo rách như xơ mướp, cây giáo dài cầm trong tay. Thấy Nguyễn nhìn mình vẻ hối lỗi như một chú lính không làm tròn phận sự trong quân ngũ, y đưa mắt nhìn khinh bỉ. Nhưng ngay lúc đó y nhìn thấy Chắt Ðiu. Nghĩa Hợp hét một tiếng rõ to, quát :   
“Tít mắt với gái, để sổng mất con lợn! Ðồ...”   
Rồi y phóng mũi giáo thẳng vào Nguyễn, như muốn ghim ông anh cùng cha khác mẹ vào gốc săng lẻ. Chắt Ðiu rú lên, ôm mặt. Nguyễn nằm rạp xuống đất tránh được.   
Cụ cử Nguyễn Ðình Mai nói đã đọc được một cuốn gia phả không phải của họ Nguyễn Tiên Ðiền có chép lại chuyện này, ghi rằng, năm Nhâm Tuất tức Thế Tổ Gia Long nguyên niên Nguyễn Hầu suýt bị tổ phụ ta giết may mà thoát chết. “Tổ phụ ta” nói ở đây tức là Nghĩa Hợp. Qua tuổi trưởng thành, có người bàn ông nhận họ Nguyễn nhưng ông nhất định không nghe. Ông tự đặt cho mình một họ riêng, ở làng Tiên Ðiền chưa hề có là họ Ðoàn. Sau buổi săn hôm ấy ông nói với bố nuôi đi ăn hỏi Chắt Ðiu, rồi cưới vào tháng sáu, giữa mùa gió Lào. Con cháu đầy đàn, đời nọ nối đời kia, nay vẫn còn. Ông chết sau Nguyễn Du sáu năm, thời đó thì cũng gọi là thọ.   
Ðó là buổi săn cuối cùng của Nguyễn ở núi Hồng. Chàng rời phường săn vì cứ mỗi lần nhìn thấy cây giáo là mồ hôi vã trán. Chàng thường lui tới ngôi chùa của Huyền Hư Tử. Ba năm sau chàng vào kinh theo lệnh vời của vua Gia Long .   
Cũng thật may, nếu không thì Truyện Kiều chỉ còn là những giọt máu đầu ngọn giáo.

***Kim Giang 1997***

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Ði đêm**

**Người vợ lẽ**

*Cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân*   
(Trên con đường cũ, gió lạnh thổi cả vào một người)   
(Nguyễn Du)   
Ðêm từ sông La tràn lên cánh đồng nhưng trên đỉnh núi Hồng Lĩnh vẫn còn một khoảng sáng. Từ ngày về quê, Nguyễn đã nhiều lần ngắm núi. Lần nào chàng cũng nhìn thấy một khoảng rừng thưa và sáng, không có cây mà chỉ có cỏ. Một làn sương mỏng bao quanh, khí núi bốc lên ngùn ngụt. Thân phụ chàng một lần đưa chàng về làng, nói với con trai : “Chỉ những thằng ngu mới không biết cúi đầu trước núi “.   
Chàng đang cúi đầu trước núi Hồng Lĩnh. Trên lưng chừng núi, người bạn thơ, bạn rượu của chàng là hoà thượng Huyền hư tử có lẽ đang chờ chàng. Ðêm nay cũng như mọi đêm. Trong ngôi chùa lưng núi chỉ có nhà sư và con chó đốm. Nó bỏ một cuộc săn, ở lại chùa không về làng với chủ cũ nữa. Huyền hư không tin là nó muốn đi tu dù ông nói với Nguyễn là nếu biết đường tu thì con chó cũng có thể thành Phật. Con đốm chán đời. Chán săn đuổi và ngốn ngấu thịt sống khi ngoạm được vào mông con lợn rừng hay con nai, tận hưởng dòng máu ấm và ngọt trôi xuống họng trong tiếng la hò thất thanh của phường săn. Nó quen chàng nhưng bao giờ cũng nhìn chàng bằng đôi mắt cảnh giác như chàng chưa đủ tư cách mon men đến mảnh đất thoát tục của nó và chủ nó.   
Thực ra chàng đang có tâm trạng chán chường nên mất tự tin mỗi lần đặt chân vào con đường mòn dốc đứng dẫn tới ngôi chùa. Mười năm lầm lạc, mình không hơn gì một tên vô lại. Không nuôi nổi vợ con. Không nên cơm cháo gì trong cuộc phục hưng một vương triều mà cái gốc đã trốc. Ðã hơn một tuần trăng chàng không lên núi. Chàng nhớ tới đôi mắt của con Ðốm nhìn mình mà ngần ngại. Nhưng đêm đã xuống, bóng tối đậm đặc vây chặt ngôi nhà làm những cột đá xanh thành mầu đen thẫm. Chàng thấy bơ vơ. Anh em mỗi người một ngả. Vợ con vứt ở góc trời chưa đón về được mà cũng không biết đến bao giờ mới đón về được. Không thể ngồi trong nhà dưới ánh sáng đĩa đèn dầu lạc và tự ngâm ngợi những câu thơ chán chường làm hồi còn nương thân trong nhà ông anh vợ ở Thái Bình.   
Lão Tân ho trong bếp. Người lão bộc ấy vẫn trông coi những thứ còn sót lại của một danh gia vọng tộc giàu có nay đã thành tay trắng. Thóc lúa, tiền tài không mà danh vọng cũng không. Lão ở lại đây với chàng chỉ vì chút nghĩa cũ. Mấy mẫu ruộng hương hoả cho người ta cày rẽ không nuôi nổi lão trước đây, nay lại thêm chàng nữa. Thật tội cho lão quá. Chàng chỉ lo lão hiểu lầm tưởng chàng về đây để chia sớt với lão mấy mẫu ruộng cho cày rẽ, không còn nuôi nổi ai. Nhưng không về làng thì Nguyễn biết đi đâu ? Hôm chàng mới về ông lão bộc bảo: “Có cậu về con thấy vững dạ lắm. Một mình con giữa lũ vô ơn, con chỉ lo thất thố với hương hồn cụ nhà ‘. Chàng biết giậu đổ thì bìm leo, có một anh tá điền đã ngang nhiên đái vào cánh cổng nhà thờ họ Nguyễn trong ngày giỗ trọng khi lão bộc không cho anh ta vào ăn cỗ. Chàng nói để ông lão bộc yên tâm: ‘Tôi thì cũng như rơi vào giỏ giam [1], bị kẹp bốn bề. Ðược về nhà ở với lão đã là may lắm!”   
- Cậu ơi, cậu đi ngủ chưa để con còn cài cửa. - người lão bộc dưới bếp đi lên hỏi - Hay là con đốt ít trầm để cậu làm thơ ?   
Nguyễn bỗng dưng ngửi thấy mùi trầm ngào ngạt tuy chàng biết ông lão đã đốt trầm đâu. Chàng hỏi :   
- Sao? vẫn còn trầm cơ à ?   
- Dạ vâng. Con cất được một ít cho ngày giỗ cụ.   
- Thôi - Nguyễn nói, chàng nẩy ra ý định lên chùa thăm Huyền hư tử - hay là lão cho tôi một nhúm, được không ?   
Ông lão đưa cho chàng một nhúm trầm. Chàng mặc vào người tấm áo kép, khoác áo lương xanh bên ngoài, đội lên đầu chiếc khăn nhiễu Tam Giang đã sờn mép. Lão bộc hỏi :   
- Cậu định đi đâu giữa đêm hôm thế này ?   
- Tôi lên chùa thăm “ông già”. Lão cứ đóng cửa ngõ tử tế, đừng chờ tôi.   
Ông lão nhìn chàng như nhìn đứa con trai thơ dại sắp xông pha vào mưa gió.   
- Ðể tôi lấy cà-boong cho cậu.   
Ông quay xuống bếp cầm lên cây cà-boong đã châm lửa. Khói nhựa trám tràn ngập mấy gian nhà gỗ, vờn quanh hàng cột lim đã mấy đời. Ông lão nhìn chàng thư sinh cạnh chiếc cột, nhớ lại một thời, lửa cháy trong sân dinh thự mênh mông, những con bê thui nằm vắt vẻo trên giá gỗ chờ xả thịt để chia phần. Ðó là ngày cụ quận hồi hương khao bà con, rượu thịt ăn no nê, có hai người chết vì bội thực. Bây giờ thì hương lạnh khói tàn, trẻ con ngồi trên lưng trâu diễu qua cổng đá ngêu ngao hát ghẹo cảnh con vua đi quét chùa. Không biết ai bày cho mà một lũ mới nứt mắt đã biết châm chọc ông quan võ thất thế về làng. Lão biết cậu Nguyễn không chấp nhặt nhưng chắc cậu buồn lắm. Chỉ sợ cậu ấy phẫn chí. Lão thường không ngủ, dỏng tai nghe động tĩnh nhà trên, theo dõi từng bước chân cậu chủ. Nhà này đã có hai người đàn ông phẫn chí treo cổ lên cây xà ngang.   
Nguyễn bước xuống sân, dụi tàn đuốc vào mấy bậc tam cấp, chợt nhớ ra điều gì, quay lại ông lão bộc đang co ro chờ đóng cổng :   
- Ông tổng Tích có lại thì bảo tôi không đi Châu Phố với ông ấy vào ngày mai nữa. Lão nói hộ thế nhé!   
Nguyễn quay ra cổng, phăm phăm đi vào bóng đêm. Chàng tự thấy mình đã xử sự đúng. Ông cựu chánh tổng là một người đáng trọng vốn trước đây có kết thân với quan Hiệp Trấn, anh cả chàng. Nghe tin chàng từ Bắc về, ông mừng lắm, đến thăm ngay, lại còn xách tay một con gà trống nữa. Ông hỏi chuyện Bắc Hà, nói với chàng chí hướng nối lại dòng vua đã tuyệt. Chàng nghe ông, thấy ông hăng hái mà lặng đi vì buồn. Giá như ông biết được mười năm trước đây chàng cũng hăng hái không kém gì ông. Chàng cũng muốn vá trời lấp bể như ông, cũng muốn dựng lại một triều vua, kinh bang tế thế, phỉ chí vẫy vùng, về già thì đọc sách ngâm thơ, chết được lưu danh sử sách. Chàng đã muốn và đã làm. Nhưng ba mươi tuổi chàng về quê với mái đầu bạc trắng. Ông tổng Tích là người có học, từng đỗ tú tài, quân Tây Sơn ra Bắc Hà, ông ngược lên Lào định đưa vợ con sang ở bên đó luôn. Nhưng không ăn được cơm nếp, ông lại về. Lũ chó săn của vua mới quấy nhiễu, hạch sách, ông lên nguồn sông Phố lập trại gần chùa Hầm Hầm, nơi ở ẩn của Hải Thượng Lãn Ông. Ông thường đến uống rượu, ngâm thơ với nhà danh y nhưng ý tưởng hai người có khác. Ông tổng thường ngâm câu “thời lai đồ điếu”của Ðặng Dung mà nuối tiếc đời trai thời loạn không nên cơm cháo gì. Còn Hải Thượng thì nghe mà chỉ cười không nói. Cho đến một hôm ông “già lười” không mời ông uống trà mà chỉ bảo tiểu đồng pha một ấm hoa hòe. Chủ khách yên vị, vị đại y sư mấy đời khoa bảng nói : “Ðạo như khí trời, ở đâu cũng có, làm cho con người ta ấm no, yên ổn, khỏi bệnh tật là đắc đạo, đạo gì cũng quý. Duy chỉ có cái đạo đè đầu cưỡi cổ dân đen, lấy công thiên hạ làm công một người thì mỗ đây không ham.”Ông chánh tổng chấp tay : “Thế còn Ðức Thánh ? Tu tề trị bình thì sao ? Ngài không làm thuốc vì muốn chữa cho dân căn bệnh trầm kha là tính nô bộc và vô trách nhiệm”. Hải Thượng cười : “Không phải ông Thánh nào cũng làm thuốc được. Cụ Khổng bôn ba giữa thời liệt quốc mà không ai dùng là may mắn cho cụ lắm.”Rồi ông rót cho ông tổng một chén trà hòe, nói: “Ông uống đi, hoa hoè là thứ hạ hoả.”Từ hôm ấy ông tổng Tích không đến uống trà ở chùa Hầm Hầm nữa. Nghe ông kể đến đó, Nguyễn cười ngất. Mình có lẽ đã gặp may, chàng nghĩ bụng. Năm Quang Trung thứ tư, Hải Thượng Lãn Ông mất. Ông tổng Tích nhịn ăn và cho vợ con để tang ba ngày. Ông nói con người này khinh bỉ nghề vua chúa chứ không hèn.   
Nguyễn rất tiếc là chàng về Hồng Lĩnh thì Hải Thượng vẫn còn, từ nhà chàng lên châu Phố không bao xa thế mà không kịp đi thăm vị danh y chàng từng biết tiếng hồi ở Bắc Hà. Ông tổng Tích buồn, không còn người đối ẩm. Các nho sĩ trong vùng sợ Tây Sơn như cọp, họ ẩn náu trong những khu vườn mênh mông, ăn nhút quanh năm ngồi khua chuyện Lão Trang. Khi nghe tin cậu tam trường cùng tuổi con cụ quận Tiên Ðiền về quê, ông đuổi khắp vườn bắt được con gà trống gáy hay nhất xóm, đến ngay. “Sao ông không để nó gáy mà bắt nó cho tôi ?”- Nguyễn hỏi. Ông tổng quật con gà xuống đất, nó dãy đành đạch rồi chết hẳn. “Nó gáy đủ rồi. Bây giờ tôi đi vặt lông.” Ông lão bộc đi mua rượu về thì hai người đã ngồi bên đĩa gà luộc với bát nước dùng thả mấy lá hẹ lơ thơ. Tính tình phóng túng của tổng Tích làm Nguyễn thích thú. Chàng đã quen sống với người Bắc, lúc đầu cái mềm mỏng của họ làm chàng cảm phục nhưng sau thì chàng sợ. Một lần chàng đã suýt bị một ông tú tài mới quen bắt nộp quân Tây Sơn, hôm đó trên đường về Phụ Dực, y với chàng trú trong cái điếm canh đê, bên ngoài mưa to gió lớn đầy trời. Y ngon ngọt rủ chàng về nhà nghỉ qua đêm, chàng thuận lời. Nhưng y đưa nộp chàng cho một toán lính Tây Sơn đồn trú bên bờ sông Luộc. Chàng đành thúc thủ, chỉ nhớ tới câu chuyện thương tâm của tiến sĩ Lý Trần Quán mới xẩy ra không lâu. May sao, người quản cơ đội đồn trú hôm đó lại là bạn chàng hồi Nguyễn còn là một ông quan võ ở Thái Nguyên. Anh ta cho chàng uống rượu, bảo: “Làm vua thì không chắc đến phần huynh, còn làm một anh quan võ thì đánh thuê cho vua nào mà chẳng được. Tôi về với Tây Sơn là vì thế. Xem ra họ cũng biết quý kẻ sĩ.” Rượu ngon nhưng miệng chàng đắng ngoét. Chàng kể chuyện đó cho tổng Tích nghe. Ông ta nói : “Sao huynh không phang cho hắn một dao? Chẳng nhẽ lòng trung quân xứ Bắc đã mạt đến thế ư?” Nguyễn không trả lời, hỏi lại: “Có phải hồi Nguyễn quang Bình ra Bắc, ông ấy có đến tận núi Thiên Nhẫn gặp La Sơn Phu Tử?”Tổng Tích nói : “Nếu có vậy thật thì cũng là mẹo. Vua nào mà chẳng mị trí thức. May mà Phu Tử không ra. Ngài không như bọn Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy Ích.”Nguyễn thở dài, nhớ lại lần gặp người bạn ở đầu sông Luộc, nói : “Xem những việc ông ấy làm mấy năm nay thì cũng chẳng phải chỉ biết dương oai diễu võ không đâu!” Ông chánh tổng nhìn chàng lúc lâu, mặt buồn hẳn đi. Rồi nói : “Hay bác lại định ra làm quan?”Nguyễn cười. Người đời hiểu được nhau cũng thật khó. Tổng Tích mời chàng lên Hương Sơn, về thăm cảnh châu Phố, bảo trại ông ấy có ba mươi con chó săn đủ ba màu lông mực vàng vện, mỗi thứ một chục. Toàn lai chó Lào, chó Mẹo cả. “Dân đinh lúc nào cũng sẵn, tôi hô là họ đến liền! Tây Sơn bắt họ làm thẻ bài để bắt lính, họ lên núi Giăng Màn chặt cây, vỡ hoang trốn biệt.”Nguyễn thôi cười : “Bác rủ tôi làm loạn phải không ?” Tổng Tích bảo: “Tôi muốn chữa bệnh hèn cho kẻ sĩ. Kẻ sĩ hèn thế đủ rồi “.   
Nguyễn hứa lên Hương Sơn. Nhưng bây giờ chàng không muốn đi nữa. Ðêm nay chàng muốn lên núi. Cái hèn của kẻ sĩ là bệnh trầm kha, không nhờ một ông chánh tổng bốc thuốc được.   
Nguyễn đi mà như đang lần mò trong bẫy. Ðuốc cà boong chỉ soi lập loè được một vòng sáng nhỏ quanh chàng. Thỉnh thoảng một con mai gầm đuổi theo ăn tàn đóm. Nguyễn rất sợ rắn. Chàng có can đảm lao thẳng ngọn mác vào con lợn lòi đâm bổ tới mình, nhưng lại không dám bước vào vạt cỏ tranh nhặt một con chim vừa bắn hạ. Chàng sợ rắn, lũ trơn lưng, cơ hội và nham hiểm. Thế mà đêm nay chàng thản nhiên nhìn những con mai gầm vút qua đường trước mắt mình. Chàng nghĩ tới Huyền hư tử, người tu hành trên lưng núi. Chắc ông ấy đang chờ mình - chàng nghĩ bụng và dấn bước.   
Ðuốc đã tắt. Cõi thâm u nuốt chửng chàng. Rừng dày đặc, cây to, bóng cả nhưng ít rậm rịt hơn vì lũ giây leo, hoàng xà và cỏ dại không còn đất sống. Dưới chân chàng không phải cỏ mà đá sít vụn lổn nhổn trên con đường mòn do phường săn và lũ chó tạo ra vào ban ngày, đàn hươu nai và cả hổ, lợn lòi ban đêm. Một con chim “bắt cô trói cột”thảm thiết   
kêu theo người đàn ông đang một mình phăm phăm đi trong đêm rừng. Nó chuyền cành dõi theo chàng như bạn đồng hành, không ngừng “bắt cô trói cột”. Có tiếng hổ gầm trong núi xa. Cu Nứa bảo có đôi vợ chồng hổ bơi qua sông Lam đầu tuần trăng tháng vừa rồi, chính anh ta nhìn thấy dấu chân ở bãi Long Vỹ. Y nói đúng vì chàng vừa nghe tiếng hổ, không phải một mà hai con. Ðàn nai chạy từ đồng cỏ lên núi tìm nơi ẩn nấp. Cái sợ làm con nai cũng như con người trở nên ngu xuẩn, chạy vào miệng cọp lúc nào không biết. Chính vì thế mà lũ hổ mới gầm. Nếu bầy nai khôn ngoan hơn thì mấy con oọp phải bỏ đi nếu không muốn chết đói.   
Một đốm lửa lập loè lưng chừng núi. Hồng Lĩnh như một bức tường đen án ngữ chân trời. Nguyễn nghe tiếng sóng biển ì ầm phía sau. Biển động, chàng tưởng như đang nhìn thấy từng đợt sóng ầm ầm chạy từ Hội Thống về phía Nam rồi tan dần. Lòng chàng lâng lâng trước cảnh hùng vĩ của quê hương và bỗng chốc chàng quên hẳn tiếng hổ gầm trong núi. Chàng lần trong bóng đêm đi về phía đốm lửa, biết chắc đó là ngôi chùa của Huyền hư và mình đã không lạc đường.   
Cửa Phật rộng mở. Nguyễn đi cạnh con Ðốm xun xoe đón khách. Nhà sư đang ngồi toạ thiền trước tam bảo, không quay đầu lại. “Nam mô A di đà Phật!”Ông chào Nguyễn. Chàng đáp lời rồi bước sang gian tả, ngồi lên tấm phản gụ trước đây thân phụ chàng cúng dường nhà chùa. Ngôi chùa cũng do ông xây lên sau ngày vinh quy. Ông bảo: “Ðã làm quan thì cũng phải biết tìm chỗ mà chui” Ông định chui vào cửa Phật nhưng rồi cũng không kịp.   
Hai người tự pha trà uống. Nguyễn đốt trầm trong cái đỉnh đất nung. Huyền hư cởi áo cà sa. Ông mặc một bộ lụa nhuộm nâu, thứ lụa Hạ mà lần nào về quê anh em chàng thế nào cũng sắm mỗi người một bộ để đưa ra Bẵc mặc mùa hè.   
- Tôi cho bác gặp một bất ngờ. Trà ngấm rồi, tôi vào gọi ông ấy dậy.   
Nhà sư bước xuống nhà ngang.   
Nguyễn nhìn thấy tổng Tích đi sau Huyền hư lên gặp mình. Chàng nghiêng người chào.   
- Sao ông không ghé qua nhà tôi?   
- Xin lỗi bác - tổng Tích nói, có vẻ ngượng - tôi tiện đường nên vào núi với sư thầy luôn.   
ấm trà nhài lẫn mùi trầm rất thơm nhưng vẫn không át được mùi hương mộc tràn qua cửa sổ. Ôi, hương mộc! Ðó là tuổi thơ, là bầu không khí để hít thở của anh em Nguyễn. Nhà thờ họ Nguyễn có hai cây mộc trở thành cổ thụ, sau vì ít được chăm sóc, chúng chết già. Thân phụ chàng cho người cưa ngang gốc làm hai cái bàn con đặt hương hoa trước khi bày lên ban thờ. Ông không cho trồng mộc nữa. Ông nói : “Mộc là thứ hoa của thánh thần, không nên trồng ở sân nhà thờ họ’ Ông anh cả chàng nói : ‘Nơi thờ cúng quan Thái Bảo quận công mà cha chưa coi là nơi thần thánh ư ?”Quận công Thái Bảo Nguyễn Nhiệm là ông nội chàng, ông không làm quan nhưng có năm người con là đại thần triều Lê. Cha chàng nói : “Ông nội con không viết được sách.” Anh chàng nói : “Cha và các chú con thì sao?” Cha chàng nói: “Tay đã nhúng chàm cả. Ðã làm chính trị thì không nên làm thánh nữa. Hai thứ ấy không hợp nhau.” Rồi ông vỗ nhẹ vào vai chàng, cười rất hiền: “Họ Nguyễn nhà mình với hậu thế may ra còn Du này thôi!”Hồi đó chàng chưa biết làm thơ, cái tú tài cũng chưa đỗ, không hiểu sao cha chàng lại nói vậy. Ông có hai mươi mốt người con chứ phải ít đâu. Ông xem tướng chàng hay vì ông quá yêu mẹ chàng, người vợ lẻ mọn xứ Bắc Ninh hào hoa ? Hay ông diễu cái thói đa sầu đa cảm, suốt ngày ôm sách mà thi không đỗ của chàng? Chàng không biết nữa. Chỉ thấy run sợ khi nghe cha nói thế. Mồ hôi túa ra đầy mình còn mặt thì đỏ như gấc. Xem ra thì cha chàng đã đoán nhầm rồi. Ba mươi tuổi có lẻ mà chửa nên cơm cháo gì. Họ Nguyễn chắc rồi phải chịu nhục vì có một người vô tích sự như chàng.   
Khi lập chùa, thân phụ chàng cho trồng ngay hai cây mộc. Giờ đây hương mộc đang làm Nguyễn ngây ngất. Huyền hư rót trà:   
- Lứa nhài đầu thu này không được thơm vì móc xuống sớm hơn mọi năm. Lại vì tôi đuổi mất chú tiểu nên không hái kịp. Hoa nở hơi quá.   
Giờ Nguyễn mới sực nhớ đến chú Nuôi, chàng thanh niên tu hành nhưng lại rất thích thơ và hâm mộ chàng.   
- Sao ông lại đuổi chú ấy ? - chàng hỏi.   
- Nó làm một con bé hái củi phễnh bụng ra. Tôi bảo hoàn tục đi mà cưới người ta cho rồi, vô trách nhiệm với đàn bà thì tu mấy kiếp cũng không thành Phật được.   
Tổng Tích cười nói :   
- Xem ra quý sư ông cũng thoáng lắm!   
Huyền hư phẩy tay áo :   
- Ông xem, cửa chùa tôi có đóng bao giờ đâu? Tôi gần Phật nhưng không xa đời. Chú tiểu Nuôi nó bảo tôi : “Thưa thầy, con quý nhất thầy ở chỗ không đạo đức giả!”   
Nguyễn không nói gì. Chàng nghĩ chú tiểu chỉ làm chuyện ai cũng làm, chỉ có điều là không nên làm chuyện ấy trong chùa thôi. Tổng Tích có vẻ sướng khi thấy quanh bàn trà đã có chuyện đời. Ông lên núi gặp nhà sư không phải để bàn chuyện đạo. Ông nói với Nguyễn :   
- Thật may mà gặp bác ở đây. Tôi mong ngày mong đêm được đón bác ở châu Phố. Cả sư huynh Huyền Hư đây nữa.   
- Thì ra huynh còn định rủ ông hòa thượng khả kính của tôi cùng làm loạn ?   
Tổng Tích không biết Nguyễn nói thật hay đùa, im lặng. Huyền hư nói :   
- Không có ông ấy thì đời cũng loạn rồi. Tôi xem ra, mình cứ tụng kinh, uống trà để chờ Tây Sơn đổ là hơn. Ông vua con mười tuổi với bọn họ Bùi, họ Trần cũng chẳng được mấy nả. Ông Tổng, ông định mưu tính gì bây giờ?   
- Dân tình khốn khổ quá !   
Huyền hư liếc nhìn Nguyễn :   
- Ông có định lên Hương Sơn một chuyến không ?   
Nguyễn nhìn tổng Tích :   
- Xin bác tha lỗi. Tôi đành thất hẹn với bác.   
Tổng Tích chừng như đã liệu trước chuyện này. Ông vẫn thường có định kiến với bọn nho sĩ. Lần này ông quyết nói toạc ra.   
- Trí thức các ông thường vẫn quen dùng máu của người khác để rửa nhục cho mình.   
Huyền hư e ngại nhìn bạn. Ông biết Nguyễn vẫn coi thường bọn hào lý. Có lần chàng nói với ông: “Trong dinh thân phụ tôi trước đây có một anh dạy chó, một anh nấu ăn từng là chánh tổng” Chàng bảo hào lý không nằm trong thập loại chúng sinh. Lần đó Huyền hư bắt bẻ: “Còn vua quan thì sao? Họ là Thánh à ?” Nguyễn nhớ lại lời cha hôm nói về cây mộc, bảo: “Họ có học hơn bọn hào lý. Nhưng tay người nào cũng nhúng chàm.”. Như vậy là Nguyễn không trả lời thẳng vào câu hỏi, có lẽ quá khó đối với chàng. Ðức Khổng hay cả Ðức Phật nhiều khi cũng lúng túng trước những câu hỏi của trẻ con, huống gì chàng. Trong thâm tâm Huyền hư vẫn coi hào lý như những con đỉa mén nhung nhúc quanh mấy con trâu hiền lành quanh năm cày sâu cuốc bẫm. Còn quan lại thì cho lên chảo từng con đỉa một và chiên ăn dần. Cái sang của họ là thế. Tổng Tích có khác. Ông ta có học, tính nết cang cường. Giá như có ai khuyên ông ta xây tường thành vây quanh tổng An ấp của ông ta lại rồi xưng vua ông ta cũng nghe. Ôi, cái ngông cuồng của tuổi trẻ. Con người ấy chỉ loanh quanh câu hỏi : “Làm sao cứu được dân đây?” Còn Nguyễn thì loay hoay mười năm để “cứu một triều vua” đang như một lũ nha môn thất sủng bên Tàu.   
Huyền hư lim dim mắt như ông muốn tránh nhìn thẳng vào hai người, nói:   
- Ông tổng đây rủ chúng ta lên Hương Sơn dạy dân không đi lính, đi phu cho Tây Sơn mà chỉ đánh nhau cho ông ấy thôi. Còn anh - ông nhìn sang Nguyễn - anh muốn cứu cựu triều hay chỉ để giữ danh dự cho chính bản thân anh ?   
Tổng Tích như chạm phải lửa :   
- Ông nói oan cho chúng tôi. Vậy theo ông thì ai là người tâm huyết với dân với nước đây ?   
Nguyễn mỉm cười, nụ cười của chàng hiền từ tỏ ra không tự ái, nhưng ai cũng nhìn thấy được một vẻ cao ngạo giấu bên trong. Huyền hư chờ nhưng thấy chàng không nói gì, trả lời tổng Tích :   
- Triều vua nào thì dân cũng khổ. Họ sẽ có cách. Cứ mỗi lần nho sĩ chõ mũi vào là máu chảy đầu rơi. Còn vua thì ... không đáng cứu.   
Nguyễn chợt nhớ những chuyện nhà sư kể cho nghe hồi ông phụng giá đưa Lê tự hoàng sang Tàu rồi nửa chừng trốn về quê đi tu. Chàng tự hỏi, nếu hồi đó chàng cũng tòng vong với nhà vua thì không biết có đi đến cùng như bọn Lê Quýnh? Chắc là không! Ðối với chàng thì có lẽ danh dự bản thân được coi trọng hơn một ông vua thật. Ðiều này chàng chưa thổ lộ với ai, chàng cũng không nói lên trong thơ mình, ngay trong ý nghĩ cũng không dám vì đó là một trọng tội. Chẳng thà chết dưới chân một ông vua hèn đớn nhưng không thể chịu nhục nơi đất khách quê người. Dưới gầm trời này chỉ có Huyền hư mới dám nói ra điều mà chàng chôn chặt trong góc sâu thẳm của tâm hồn đó.   
Và Nguyễn mở miệng :   
- Vậy thì ai ? Ai sẽ là người cứu nhân độ thế?   
- Ðức Thích Ca. - nhà sư nói.   
Tổng Tích cúi đầu. Nguyễn biết anh chàng có máu hoàng bào này không biết xử sự nào khác hơn vì anh ta không dám bổ báng trước mặt một người như Huyền hư. Tự dưng chàng thấy trong lòng mình một tình cảm khác lạ. Lòng yêu kính một người như Ðức Thích Ca hoà lẫn với tâm trạng của kẻ cùng đường không dẫn chàng tới vực thẳm mà đưa chàng bay lên bầu trời. Chàng thấy mình không còn là mình trước đây nữa. Ông quan võ Nguyễn Du, nho sĩ Cần Vương Nuyễn Du đã biến mất như chưa hề có. Mạch máu chàng sôi trong huyết quản, một dòng máu khác, mới hơn, nồng thắm hơn và mạnh mẽ hơn đang chảy. Chàng nói :   
- Thơ! thưa bác, còn thơ nữa. Thơ sẽ cứu nhân độ thế! Thơ sẽ mạnh hơn cả gươm giáo !   
Nguyễn đứng dậy. Cái sức mạnh sáng tạo vừa chợt bùng lên trong lòng chàng như ngọn lửa, như rượu mạnh làm chàng nhìn quang cảnh ngôi chùa lưng núi trở nên xa lạ, tổng Tích là một người xa lạ, người bạn vong niên đã lâu năm của chàng là Huyền hư tử cũng trở nên xa lạ. Trước mắt chàng chỉ còn bầu trời mênh mông mà chàng vừa chợt phát hiện thấy như trong một cơn mơ khi chàng bay lên từ nỗi đau khổ vô bờ bến của nhân dân. Chàng phải về ngay, về với cái nghiên mực đã sứt một miếng nơi miệng, cái nghiên mà ông nội chàng đã dùng để viết bài Gia huấn ca răn dạy năm người con trai tu tề trị bình, cha chàng đã dùng để viết những bài thơ thổ lộ những ẩn ức tình cảm dồn nén với mỹ nhân tuy ông đã có quá nhiều nhưng vẫn không bao giờ đủ. Chàng hốt hoảng tưởng như cái nghiên mực ấy đang bị kẻ trộm lấy mất trong khi chàng đang ngồi ở đây, cái nghiên, quản bút, bộ “văn phòng tứ bảo” cha chàng thửa mua tận bên Tàu đã lâu lắm rồi bị bỏ xó, chàng không đụng tới vì còn mải mê với mộng mưu bá đồ vương và những con thú săn núi Hồng Lĩnh. Chàng muốn về nhà ngay xem tất cả có còn đó hay không, những thứ xưa kia đã cùng với những con người trác việt làm nên danh tiếng họ Nguyễn Tiên Ðiền. Nhưng cái danh tiếng ấy không còn làm chàng tự hào nữa. Không phải chàng không tin vào lòng yêu chúng sinh của Ðức Phật. Không phải chàng kiêu ngạo, hỗn láo hay thất lễ. Nhưng chàng đang tin vào chính bản thân chàng, tin vào những gì chàng sẽ làm khi ngồi bên cái án thư, mài mực và mở nắp hộp sơn Tàu của bộ tứ bảo. Rồi chàng sẽ cầm bút lông lên. Ôi, niềm vui độ thế đang tràn ngập lòng chàng!   
- Ðêm tối thế này mà ông về ? - Huyền hư ngạc nhiên nhìn chàng, hỏi. Lòng ông đau quặn. Ông linh cảm thấy người bạn vong niên duy nhất của ông, con người tài hoa ông luôn kỳ vọng sẽ có một ngày nào đó không còn lên chùa uống trà và thổ lộ những suy nghĩ chán chường với ông nữa. Cái ngày ấy đang đến đêm nay. Tổng Tích có lẽ cũng chỉ là một cái cớ ngẫu nhiên và không đáng kể. Cái nguyên cớ ở bên trong chàng nho sĩ đầu bạc ở tuổi tam tuần này lớn hơn nhiều.   
- Tôi xin kiếu hai bác...   
Nguyễn vái hai người một vái, nghiêng mình thi lễ rồi bước vào đêm tối.   
Chàng không lạc đường nhưng mãi đến tang tảng sáng mới về đến nhà. Ðêm ấy, giữa tiếng beo gầm và bầy chim đêm chao chác trong rừng Hồng Lĩnh, chàng đã ngồi lại một mỏm đá lưng chừng núi, nhìn xuống sông Lam và bãi Long Vỹ mơ màng trong đêm, con đường thiên lý chạy qua Bãi Vọt, nơi xưa kia có một trạm ngựa của tiên triều, những cuộc chinh chiến không ngừng không nghỉ đã qua đây và không biết bao giờ mới dứt. Chàng vun một đống lá và đốt lên trong đêm, chàng không lạnh nhưng hình như ngọn lửa vừa bất chợt cháy trong lòng chàng đã bắt sang đống lá. Trước ánh lửa rừng đêm ấy, chàng không nghĩ tới, không nói ra, chính bản thân chàng cũng không biết những gì vừa xẩy ra trong lòng mình một cách rõ ràng nữa, nhưng chàng biết chắc một điều là chàng đã được trời đất và đêm tối chứng giám cho một Nguyễn Du không còn như trước.   
Con đường xuống núi đã mờ ảo hiện ra trước mặt, phía xa. Gió thổi từ sông Lam lên mạnh hơn rất nhiều. Nguyễn cúi khom thân mình gầy guộc vì thiếu ăn và những đêm không ngủ đi ngược làn gió thổi trên con đường mà ông nội, cha chàng, các anh chàng đã từng đi nhưng hình như họ không bao giờ đến một nơi nào cả, không trả lời được một nan vấn nào cả. Tất cả họ đi đâu hết rồi ? Chỉ trơ lại mình chàng, gió dồn cả vào mỗi mình chàng.   
Ðêm đó chàng ngồi vào án thư, viết một mạch xong bài Dạ Hành, bài thơ Ði đêm...

***Kim Giang 1997***

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Cây đắng cay**

*Gió đưa hoa cải về trời   
Rau răm ở lại chịu đời đắng cay*   
(Ca dao)   
“Tôi cam đoan với anh, khác, nhất định có khác” - ông Lẫm vừa đi vừa hoa chân múa tay nói. Ông đi trước, bạn ông là ông Giáo đi sau. Hai người đang trên đường về nhà ông Lẫm. Hôm đó trời đã vào thu, hơi se lạnh. Hai người cùng mặc sơ mi, áo len ngắn tay. Ðã đứng tuổi mà trông họ còn nhanh, tráng kiện. Ông Lẫm đang nói về mùa thu quê ông. Theo ông thì mùa thu ở quê ông khác, rất khác với mùa thu Hà nội, nơi hai người đã đẻ tổng cộng bảy đứa con sống, con chết. Trước những lời khẳng định như đinh đóng cột của ông Lẫm, ông Giáo vốn xưa nay chưa hề đồng ý với bạn điều gì , chỉ hạ một câu gọn lỏn: “Tôi thấy chẳng khác cái đ.. . gì !”   
Ðộc giả hẳn cảm thấy ông Giáo ăn nói thô tục, đó là chuyện bình thường giữa hai người. Tuy không đồng ý với nhau về bất cứ điều gì, nhưng họ vẫn thân nhau. Sao có chuyện lạ vậy ? Trước hết vì họ đã là bạn của nhau hàng chục năm nay khi cả hai đều ngu ngơ như con nghé con rời quê hương ra Hà nội với tờ giấy chứng nhận tốt nghiệp phổ thông 9 năm in lèm nhèm trên loại giấy bản đen. Và hai bàn tay trắng. Họ cùng làm gia sư (sau này ông Giáo quen thói thô lỗ vẫn gọi là “gia súc sư” cho nó đúng với hiện thực tình cảnh của hai cậu đồ Nghệ chân quê dám khai sáng ở thủ đô văn hiến) trong hai gia đình tư sản vốn là chỗ bạn bè của nhau, vì mê xem Văn công mà lỡ chuyến di cư cuối cùng. Khi cả hai bà vợ của hai gia đình nọ đổi chỗ cho nhau, nghĩa là bà này đi theo ông kia và ngược lại, thì hai chàng “gia súc sư” cũng đổi nhà, đổi cả học trò cho nhau để tiếp tục sự nghiệp kiếm cơm bằng nghề khai sáng tại gia đặng có thể tiếp tục dùi mài kinh sử. Rồi đại học Tổng Hợp khoá đầu, rồi công việc trong hai cơ quan ở gần nhau, cùng dưới quyền hai ông thủ trưởng tính nết giống đúc như nhau, mỗi lần gặp nhau lại cùng nhau tranh cãi về đề tài duy nhất là hai ông thủ trưởng giống nhau đó. Tuy vậy, họ chẳng bao giờ đồng ý với nhau, ngay cả trong những chuyện giản đơn như bình luận về cái thói hay ngồi xổm lên ghế làm việc của xếp. Bởi vì họ là những người, không phải thích đùa, mà thích cãi. Họ sinh ra trong một vùng nắng gió, nghèo khổ, thiên nhiên khắc nghiệt. Mọi tai ách từ trời đất đổ xuống đầu như chiến tranh, gió Lào, lụt lội, cơm độn khoai quanh năm được chuyển thành những cuộc tranh cãi liên miên từ đời này sang đời khác, đương nhiên vẫn chưa hề có lời giải. Vì gió, vì nắng làm máu dễ sôi lên, lại phải nói to để át gió, át nắng, đôi khi át cả tiếng bom gầm, nên một lời tỏ tình thân ái giữa họ nghe cũng chẳng khác gì một cuộc chửi bới. ấy cũng vì cái tâm họ thật thà, cái tính họ thẳng thắn, sự gay gắt trở thành cơm bữa, nhiều khi lấy món trang sức của trí tuệ làm dịu cơn thèm được ăn no và ăn ngon, những thứ cha anh họ thì thừa thãi ê hề, đến phiên họ, thời thế đổi thay, họ chỉ đọc thấy trong sách. Nhưng cãi đấy rồi quên ngay đấy, chẳng ai thù dai ai, chẳng ai để bụng cái gì vì còn bận cãi nhau cuộc khác.   
Vài nét mô tả sơ sài để giải thích cho quan hệ giữa ông Lẫm và ông Giáo, những người thích cãi. Như độc giả đã có thể tưởng tượng, ông Giáo văng ra câu nói không được lịch sự kia là một sai lầm, chẳng khác gì đổ dầu vào lửa. Giá như mọi hôm thì đó là chiến thuật hữu hiệu để gây ra một cuộc tranh cãi cho vui, có thể suốt ngày. Nhưng hôm nay ông Giáo bận. Vợ ông là một bà Thát-chơ gang thép đã tuyên bố đêm qua rằng, nếu hôm nay ông không chịu lặn lội tìm ra một chỗ dạy thêm để làm tăng trưởng số tiền lương còm của ông thì “coi như bếp đã giải tán” và mời ông ra ăn cơm bụi bằng chính tiền lương của ông chứ bà không cưu mang ông nữa! Vậy mà vừa ra khỏi nhà thì đã gặp ngay ông Lẫm. Ông hối, quả thật ông hối vì đã lỡ mồm nói ra câu nói “có tính khiêu khích” ấy, chắc mẩm buổi sáng đang mất toi và nghĩ xem trưa nay ăn cơm ở quán bụi nào.   
Hai người đã về đến nhà ông Lẫm.   
“Hôm nay tôi dứt khoát mời bác ăn cơm trưa với tôi!” Ông Lẫm kéo ghế mời khách, nói với vẻ bất khả xét lại của một ông quan toà khả kính.   
Vậy là khỏi lo bữa trưa nay, ông Giáo nghĩ bụng, tuy vẫn hiểu rằng lời mời ấy, nếu có thực cũng chỉ là một “biện pháp tình thế”, cái biện pháp mà người ta thường dùng để thanh minh cho một hành vi khả nghi.   
“Bác thử uống ly trà cúc này xem. Cúc Vạn thọ quê ta thứ thiệt. Mời bác. Uống đi rồi sẽ thấy ngay mùa thu quê mình khác thu Hà nội thế nào.”   
ông Giáo uống, bụng chỉ nghĩ tới buổi chiều vô định gần kề. Nhưng ông lại buột mồm: “Tôi thấy chẳng khác cái đ... gì !” Ðến thế này thì phải cãi thôi. Ông Lẫm nghĩ bụng. Nhà ông Lẫm ở mép hồ, một trong vô số cái hồ của Hà nội đã bị ông và bà vợ ngoạm mất một miếng bằng rác, xỉ than, “xà bần” và tính cần cù nổi tiếng của người xứ Nghệ. Buổi sáng thật đẹp, thật nên thơ. Giữa thủ đô, bên bờ hồ mà lại phảng phất hơi ao thu của Yên Ðổ. Từ xa, những ngọn bạch đàn với đám lá hai màu - trắng bạc và xanh dương - lật đi lật lại như băn khoăn trước vẻ đẹp mây trời và phố xá vào thu. Nhưng ông Lẫm thì vẫn khăng khăng:   
“Bác xem, tôi phải cãi bác. Bác nhìn rặng bạch đàn kia, nó ẻo lả, điệu bộ mà lại còn chỏng lỏn nữa. Cứ như nó chờ mùa thu đến để làm nũng với người ta ấy. Trông kìa, như đĩ chơi giăng! - ông Lẫm ngừng, nhìn ông Giáo, điệu bộ như đang sắp sửa đóng một cái đinh vào đầu đối thủ . Rồi thong thả nói tiếp - Vậy chứ bác có nhớ cây lim bên bờ ao đình làng ta không ? Cữ tháng này đây, lá nó trở vàng, chỉ hơi vàng thôi nhá, cây lim cao ngút trời, có hàng trăm năm tuổi mà lá thì nhỏ ly ty, thu đến, nó thả từng chiếc một xuống mặt nước ao làng. ái chà chà! cây lim, bác thấy ở đâu có một cây lim như thế chưa? Chỉ mỗi mình nó đủ làm nên cả một mùa thu! Chứ đâu như cái lũ...”   
Ông không nói tiếp, chỉ nhìn bạn bằng cặp mắt thương hại như ngầm hỏi: “Ðã chịu chưa nào ?” Quả thật, những lời của ông Lẫm làm ông Giáo lung lay. Ông chạnh nhớ đình làng, cái ao ngầu đục trong mùa lũ nhưng đã kịp trong veo trở lại khi thu tới. Ông nhớ lại trong tia chớp cả một trời ấu thơ rộng rãi, thênh thang, ông không hề có cảm giác mình là một con gián khi mỗi sáng ra đường hoà vào đám người xe lăm lăm ngày hôm đó phải giật được một cái gì đưa về nhà, không phải dạy thêm, không bị một bà nặc nô đe doạ giải tán bếp và tống chồng ra đường ăn cơm bụi. Hồi đó mùa thu quả có khác thật. Nhất là cái mùa thu đáng nhớ, khi bố ông cùng với bạn bè vừa cắm một cây cờ đỏ sao vàng lên đám ruộng là đã có ngay hàng trăm người tụ tập tới mít-tinh. Rồi yêu cầu, rồi chất vấn, rồi hô khẩu hiệu đả đảo Ðác-giăng-li-ơ ầm trời...ông mủi lòng giây phút, nhớ lại như nhớ bố ông, mẹ ông đã mất. Nhưng ông không thể dễ dàng bị khuất phục như thế, không dễ khoanh tay cho ông bạn hiếu thắng cứ mặc nhiên đút đầu mình vào lưỡi dao cẩu đầu trảm. ồng nhớ lại chuyến về quê gần đây nhất, vào dịp lễ tang người chú ruột cuối cùng trong dòng họ lừng lẫy của ông, kẻ đã bướng bỉnh tình nguyện ở lại quê hương ôm bát hương thờ phụng tổ tiên, mặc kệ cảnh đói nghèo, sa sút. sự thực thì ông không còn trông thấy cây lim ở đình làng mà ông Lẫm vừa nhắc tới nữa. Nó đã bị đẵn dưới tay rìu năm nào đó, cái năm hạn của quê ông khi vô phúc người ta bầu lên một ông chủ tịch xã đang làm nhà, một ngôi nhà theo lời đồn thì “to hơn cả đình làng”, mà ngôi nhà ấy từ kèo cột, rui mè đều bằng gỗ lim, mà xui xẻo cho cây lim đình làng, ngôi nhà dựng xong thì ông thợ cả phát hiện ra một cái quá giang dài bốn thước tây bị đánh tráo bằng gỗ xoan đào chứ không phải lim xanh như chủ nhà lầm tưởng. Vậy là đương nhiên cây lim của làng ông phải chết. Tên tuổi và cái chết của nó được ghi vào biên bản phong thần của địa phương là “sửa chữa cầu liên xã”. Có chuyện đó thật, bởi nếu nhà ông chủ tịch không phải thay cái quá giang bị đánh tráo thì cây lim đã không chết. Nó phải hiểu sống bốn trăm năm ở làng ông như vậy là đã quá lâu, với lại, nó cũng cần biết rằng ngôi nhà của ông chủ tịch xã phải “din”, không thể lẫn vào một thanh gỗ tập tàng nào được !   
ông Giáo nhẹ nhàng đặt bàn tay làm ra vẻ rụt rè lên vai ông Lẫm :   
“Bác ơi, bác nói mơ đến cây lim nào thế ?”   
Vốn là người tinh nhạy, ông Lẫm hiểu ngay bạn mình định nói gì. ồng cười chua chát, cam chịu và chữa thẹn. Rồi nói :   
“Thế bác biết chuyện đó rồi à ?” Chợt ngừng một chút, ông phá lên cười mà nghe như mếu: ”Tôi quên mất là bác mới về quê sau tôi chỉ nửa tháng. Vậy mà tôi còn dám nói dối bác. Chúng nó chặt cây lim thật rồi, bác ơi !” Rồi ông khóc rưng rức. Vai ông rung lên từng đợt.   
ông Giáo không ngờ sự thể lại đâm ra như thế, đành im lặng vuốt vai ông bạn đã có với mình hàng trăm cuộc tranh cãi, trong hàng chục năm lăn lóc góc bể chân trời. ồng nói, giọng ông dịu dàng như dỗ trẻ con:   
“Tôi đồng ý với bác. Thu trong ta quả có khác thu ngoài này thật”   
ông Lẫm ngẩng lên nhìn bạn, mở một nụ cười như mếu :   
“Có thế chứ !” Rồi ông đứng dậy: “Bác uống nước đi, để tôi còn sắp cơm. Trưa nay anh em mình “gà vọc niêu tôm một bữa”. Nhà tôi về bên ngoại hai ngày cơ”.   
“Bác sướng thật, bác gái thỉnh thoảng lại vắng nhà. Bà nhà tôi thì chẳng ra khỏi Hà nội một bước.”   
“Quả có thế.” - ông Lẫm cười tươi tỉnh – “Nhưng thôi, để tôi xuống bếp.”   
Còn lại ông Giáo một mình trong gian phòng ngoài vắng vẻ. ồng không còn hối vì đã dễ dàng bị ông Lẫm lôi kéo vào một đề tài chẳng đâu vào đâu từ sáng đến giờ. Bây giờ ông lại hối hận vì đã mủi lòng trước những giọt nước mắt của ông bạn già mà phải nói dối. Thực tình, ông chẳng thấy mùa thu ở đây hay ở kia khác nhau chút nào. Giá như cây lim ở đình làng hai ông chưa bị đẵn thì cũng thế.   
Bỗng ông Giáo ngửi thấy một mùi lạ từ dưới bếp bốc lên. Cái mùi thoạt thum thủm, nhưng ngay sau đó trở thành quen thuộc và gợi cảm, gợi đói, nhất là với cái dạ dày đang rỗng vì không ăn sáng của ông. Mùi gì vậy ? Ông Lẫm sẽ cho ông ăn gì vậy ? Ông muốn xuống bếp lắm, nhưng dù quen thân nhau đã hàng chục năm, ông vẫn chưa bao giờ làm vậy. Ông chờ. Ông Lẫm bưng mâm cơm lên, đặt xuống bàn. Ðĩa lưỡi lợn luộc còn bốc khói cạnh những đĩa khác. Ông Giáo cố kìm chế cái đói để nhìn xem từ chỗ nào trên mâm cơm đã bốc lên cái mùi hấp dẫn quen thuộc đang làm ông nôn nao. Và ông thấy một đĩa nhút. Chắc nhiều độc giả còn lạ lẫm với từ này nên cũng cần chú thích tuy làm như vậy là tôi đã múa rìu trước các nhà nghiên cứu. Nhút là một món dưa mùa hè của người xứ Nghệ, thứ dưa đó làm bằng ngọn đỗ, đương nhiên, vì trong một xứ khô bỏng vì gió Lào như thế thì chỉ còn ngọn đỗ để làm dưa nữa mà thôi. Ðó là củ cải đỏ muối của người Nhật, ca-la-thầu của người Trung Hoa, thịt mỡ xông khói của người Nga và món bí đỏ của người Mỹ. Không dễ gì giữa Paris hoa lệ kiếm được một miếng thịt xông khói vì người Pháp đã không còn đun bếp bằng củi hai thế kỷ nay rồi. Nếu ông Giáo sửng sốt trước một đĩa nhút trên mâm cơm ở Hà nội thì chẳng khác gì một anh Nga-la-tư lưu vong được mời một miếng thịt xông khói giữa Paris.   
Hai người ngồi vào mâm trong tự do, bởi vì ít khi họ được ngồi ăn với nhau mà không có hai bà vợ ngồi kèm để sửa chữa cho họ những cử chỉ bất lịch sự. Ông Giáo đặt đũa xuống đĩa nhút. Ông ăn miếng đầu tiên. Ông nhai từ từ, chậm rãi như một nhà độc tài nhiều kẻ thù luôn sợ đầu bếp đầu độc mình. Ông vừa nhai vừa suy nghĩ, không hiểu ông Lẫm đã làm thế nào có được đĩa nhút thết ông hôm nay, cái thứ nhút được một bàn tay diệu nghệ làm ra, còn ông thì đã bốn chục năm nay không được nhìn thấy. Ông nhớ lại một ngày tháng mười hồi ông còn nhỏ, nắng vàng, ngọn gió heo đầu tiên làm rung rinh chiếc mành trúc, mẹ lấy chăn bông ra phơi để đón đợi mùa đông và tống tiễn một mùa gió Lào đổ lửa, sau gió Lào là những trận lụt cuốn những mái nhà trôi trên sông, những cái đầu ló ra mái hồi kêu cứu. Mùa thu đến rồi. Mẹ nói: “Giờ thì chẳng phải lo gì nữa!” Ông nội đang ngồi ngâm thơ, nói vọng xuống: ‘Cứ heo may lên là cữ nhút ngon nhất !”. Bố bảo mẹ:”Mình cho ăn bữa nhút đầu thu đi.“ Mẹ vâng rồi bảo: “Giáo! Con sang nhà bác Tần xin nắm lá đắng cay.” Ðắng cay là thứ cây khó trồng, nhưng có vại nhút mà không có cây đắng cay thì không được. Ông chạy đi xin đắng cay, đứng hái một lúc, mắt không rời cô hàng xóm mặc chiếc áo lụa mỡ gà đứng chải tóc bên cửa sổ. Cách đây hơn bốn chục năm, trước ngày Ðiện Biên Phủ đại thắng, vợ chồng bác Tần chết trong cơn bão của quê hương, cô hàng xóm với người anh vào rừng tìm củi về bán mua một miếng thịt cúng bố mẹ sau đó cột ngón tay cái lại với nhau nhảy xuống giếng nhà. Còn ông nhanh chân chạy trước cô hàng xóm bất hạnh, đang đi tìm nơi dạy thêm giữa Hà thành hoa lệ. Buột mồm ông nói: “Giá mà có mấy cái lá đắng cay nữa thì tuyệt !”   
Ông Lẫm nhìn ông, ngạc nhiên : “Sao bác còn nhớ cây đắng cay? Bác không biết là ngay ở trong quê nó cũng bị diệt chủng rồi à?”   
Ông Giáo nói: “Tôi biết chứ ! Ðó là tôi ước vậy thôi.”   
Ông Lẫm đứng dậy: “Ta ngừng ăn, ra sau nhà một tý.”   
Hai người đang đứng trước một cây đắng cay bé tý. Ông Giáo cúi gập người xuống sờ tay vào những chiếc lá nhỏ và mọng. Ông Lẫm nói: “Lần về quê năm ngoái, tôi phải lặn lội mấy ngày mới tìm ra nó. Sau đình làng chứ đâu! Nó còn bé, nhưng nể bác, ta hái hai lá vào ăn với nhút cho đủ bộ!”   
Sau bốn mươi năm trời phiêu bạt, ông Giáo tém miếng nhút vào giữa chiếc lá đắng cay và ông lặng lẽ nhai, một mùi vị chan chát tràn qua lưỡi rồi dâng lên óc. Ông chợt thấy mình đang bơi giữa sông Phố, ông lên bờ, trần như nhộng, chạy trên bãi cát bên cạnh mấy đứa trẻ trâu rồi cả bọn leo ngược bờ sông dựng đứng lên đồi sim. Gió Lào thổi qua da thịt, những giọt nước đang chảy long tong trên ngực không kịp rơi xuống chân đã bốc hơi mất. Lát sau mồm miệng đứa nào đứa nấy đã đen kịt nhựa sim. Một khoảng trời rộng mênh mông hiện ra phía sau đồi có chiếc cầu vồng thật sặc sỡ, những chiếc cầu vồng thường chỉ hiện ra sau cơn mưa, nhưng ba tháng nay trời không mưa mà vẫn có cầu vồng, ông nhìn thấy mẹ ông đang ngồi đập lụa bên bờ cầu vồng ấy, mẹ cúi gập người, tay cầm một cái chày, nhịp nhàng đưa lên, đập xuống. Năm mươi năm rồi ông không gặp mẹ nhưng mẹ cũng chẳng mừng rỡ gì khi nhìn thấy ông, bà chỉ liếc qua rồi lại cúi xuống bên dòng cầu vồng bảy sắc, cái chày nâng lên, đập xuống... Ông ngạc nhiên và sợ hãi kêu to:   
”Mẹ ơi!” rồi chạy ào đến.   
“Ăn đi chứ, bác ?” Ông Lẫm cũng đang trầm mặc nhai ngọn đắng cay vội ngẩng đầu lên mời khách.   
Nhưng ông Giáo đã chết, một chót lá đắng cây dính nơi môi. Bác sĩ bảo ông bị đứt mạch máu não.

***Kim Giang 1997***

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Thuế giường**

Một trong những sai lầm của ông có lẽ cưới phải một bà vợ hơi bị trẻ. Bà thua ông dễ đến mười hai tuổi. Ông cưới bà lụp chụp, tức tưởi sau chuyến tu nghiệp ở Ðức về với tiền nong, xe cộ, thùng hàng và cái bằng tiến sĩ ngôn ngữ học xênh xang. Bà cô già của ông, ở vậy một đời cô đơn để chăm chút cháu. Bà, người ơn, chỉ thị cho ông là đến lúc phải cưới một con vợ cho nó vun quén, giữ gìn mớ của nả ăn một đời không hết, cũng như chăm chút cơm canh đặng ông còn tiến lên nhiều nữa trên bước đường danh vọng đã bắt đầu thênh thang. Bà giới thiệu cho ông một cô hàng vải trong khu phố, "đẹp mê hồn", đúng là bọc trong nhung lụa vì cô bán buôn, bán lẻ những thứ đó. Cũng như những cuộc tình trời cho khác chủ yếu nhờ hoàn cảnh ngẫu nhiên, ông bị ngã nước sau khi xuống sân bay được mấy ngày. Với sự a tòng và giúp dập của bà cô, cô hàng vải ngày ngày chăm chút cháo lão cho ông trong bệnh viện. Khi ông lành bệnh thì rơm đã ngấu và Thượng Ðế quẳng vào một que diêm, lập tức lửa bùng cháy trong căn phòng nhỏ dành cho ông, giữa những kiện hàng chưa mở, xe Sim Son, áo lông Ðức và trên bàn là cái đíp-lôm đỏ chói. Ông không còn nhớ sự kiện trọng đại ấy diễn ra như thế nào. Bà cô và cô hàng vải đưa ông từ bệnh viện về sau những ngày hồi phục khá nhanh, bà bỗng biến đâu mất, điện lại bị cúp đột ngột (dạo đó tổ máy 1 của Sông Ðà chưa chạy), gió mùa đông bắc ào ào thổi tới thành ra phải đóng hết cửa, đất nước thì chưa đổi mới nên cả một bao diêm chỉ cháy được hai que, một que bị tắt ngay vì tay ông run rẩy, que kia thì cháy đủ để tìm thấy cái đèn dầu hỏa nhưng đó là que diêm cuối cùng. Lúc đó ông không nhìn thấy gì hết trong căn phòng tối om, tim ông đập loạn xạ. Rồi ông thấy lướt qua mình cái Ðẹp được bọc trong bộ quần áo mềm và thơm nức, hàm chứa quá nhiều ẩn ý. Ông ý thức được mình lúc đó là một thằng đàn ông mới cường tráng trở lại, liền vòng tay quờ một cái, thế là như ông chạm phải một quả mận đã chín mùi, quả mận rơi xuống trong căn phòng tối. Mọi việc sau đó xảy ra thế nào thì ông không nhớ nổi nữa. Chỉ biết là, mãi sau này, những lúc thấy mình quá bất hạnh trong cuộc hôn nhân không vừa ý, ông đổ cơn giận lên đầu Sở Ðiện Lực và Nhà máy Diêm.   
Ông thực sự bất hạnh. Của cải mang từ Ðức về nhiều thứ, nhiều món, thùng này thùng kia, rất có ý nghĩa với ông và những người nghèo trong cơ quan, đường phố nhưng không còn đủ để gây được ấn tượng như lúc ban đầu đối với vợ ông nữa. Vì lấy chồng, chị đành phải rời sạp vải về vun quén của cải và chăm bẵm ông. Tất nhiên, dù là tiến sĩ, lương của ông lĩnh ở Viện đưa, chị tiêu vèo một cái như chiếc lá rơi, những khoản chi tiêu to lớn còn lại đều dựa vào các thứ mang nhãn hiệu Ðức. Khi những thứ này vơi đi và cạn kiệt thì chị phải sờ tới món dành dụm, bớt xén được của bà mẹ hồi bán vải. Chị không cho ông biết là chị có món tiền đó. Chị phải thủ chứ! Chị đâu phải là thứ dại trai hay dại chồng! Cái dại nhất của chị là dù ngồi sạp vải từ hồi còn thiếu nữ, chị vẫn ước lượng và đánh giá quá sai lệch mớ của cải ông mang về, cũng như đánh giá quá cao mảnh bằng của ông. Chị có yêu ông không? Có lẽ là có. Ðã mủi lòng khi ông ốm, hào hứng trước những triển vọng bà cô vẽ ra, xiêu xiêu vì lời nỉ non của mẹ, nhà ta có tiền rồi chỉ thiếu cái danh, cuối cùng đổ cái rụp vì chất lượng diêm nội hóa. Sau đêm ấy chị coi như mình đã có chồng, người chồng đó đã là ông!   
Nhưng củi nào lửa ấy. ánh hào quang của đống của cải chóng phai mờ như những say đắm ban đầu của tình yêu do hiệu ứng hàng Ðức một thời. Chị trở lại là người bán vải sáng suốt, một số biện pháp mà các nhà làm ngân sách gọi là những biện pháp khắc kỷ tình thế. Gia sách này chính là nguồn gốc bất hạnh của ông.   
Chị cắt món thuốc lá, rồi đến cà phê, sau đó giảm bớt các khoản chi tiêu hàng ngày. Vì sao ông lại cần hun khói và uống cà phê nhiều đến thế để thức gần trọn đêm viết những bài tiểu luận dài dằng dặc phân tích một câu nói chẳng hạn "Tôi buồn" hay "Tôi đói" là chứa mấy hàm ngôn và hiển ngôn! Còn bà cô thì đi lễ chùa cầu tự thằng cháu đích tôn nối dõi quá nhiều và tốn kém (chị vẫn không sao sinh đẻ được) trong khi chị biết không phải Phật giúp mà chỉ cần ông chăm chỉ và mạnh mẽ hơn trong việc chăn gối. Khoản đồ lễ, tiền xe và cúng đường tam bảo của bà cô phải bớt.   
Nhưng tất cả chúng ta đều biết rằng giải pháp tình thế thì bao giờ cũng chỉ là tình thế, không thể duy trì lâu dài. Trước hết, chị là người chủ xướng triết thuyết tiết kiệm nhưng lại phá rào đầu tiên. Khi cả nhà, nghĩa là bà cô tốt bụng, nhà ngôn ngữ và chị mỗi người một góc ăn hết bát cơm chiên (có lúc không mỡ) của mình để ai làm việc nấy xong thì chị ra chợ vào hàng bún ốc lừng danh rất quen miệng hồi còn bán vải. Chị gọi bún, gọi ốc, xin thêm nước lèo, nước me, nước bỗng, rồi ớt, rồi rau rồi hành thút thít chén phủ phê đến mức phải chống hai tay lên đầu gối mới đứng dậy nổi. Chẳng có gì phải áy náy lương tâm, chị không ăn bằng tiền áo lông Ðức mà bằng tiền của chị góp nhặt được nhờ trí thông minh vô hạn của một cô hàng vải Hà thành. Hàng chục năm chị đo hụt của khách hàng mỗi khúc vải vài xăng-ti-mét thôi thì chị không sắm hạt xoàn mà chỉ ăn bún ốc là còn phúc đức chán. Còn ông, hãy để ông nhấm nháp hiển ngôn, hàm ngôn của ông thay cà phê còn bà cô thì cứ tự làm no bụng bằng kinh A-di-đà buổi sáng.   
Tất nhiên những bí mật vụn vặt đó dần dà chẳng còn là bí mật nữa. Cái bụng mỡ và thân thể phốp pháp đã tố cáo chị trước bàn dân thiên hạ. Bà cô lo lắng cho sự nối dõi, nó xa nói gần đến "cây đu đủ đực nhà tôi", ông tiến sĩ Ðức quốc bắt đầu thấy uể oải vì ăn uống không được phủ phê như ngày mới về nước, ông không thể có phản ứng gì trước hành vi ăn uống thiếu gương mẫu của người cầm tay hòm chìa khóa là chị. Tuy thế, không ai bắt buộc ông phải giữ lòng tin và tình yêu đối với chị như trước đây. Cái béo tốt, cái phì nộn thường khó đi đôi cái mỹ miều, cái dễ thương cho nên đã có lúc ông thấy nhờm tởm trước cơ thể mầu mỡ của chị như nhà tu hành đạo cao đức trọng mà không may bị mời vào bữa cỗ thịt chó của phường tham ăn tục uống. Thay vì mùi mẫn chị, ông say mê khoa học ngôn ngữ. Ông lao vào viết báo để kiếm thêm tiền cà phê và nhân thể quảng bá cho dân chúng môn khoa học cao siêu dạy người ta từ ¡N có ba mươi hai nghĩa trong đó có nghĩa không ai ngờ như làm tình (ăn nằm) vân vân. Tất nhiên phản ứng ấy của ông đã gây ra hậu quả tiêu cực vì đương nhiên khoa học thường mâu thuẫn với ái tình. Ông thức đêm khi chị ngủ và chờ đợi, ông ngủ khi chị đi chơi ngồi lê đôi mách với hàng xóm. Cái cộng đồng nhỏ được gắn lại bằng hàng Ðức, bằng cấp Ðức trước đây trở nên lỏng lẻo vì không chỉ hết hàng, hết tiền, bằng cấp xếp xó mà còn vì thiếu cả tình yêu, nhất là tình dục. Tất nhiên tình trạng ấy dẫn tới sự phát triển không đồng đều của các thành viên. Chị thì mỗi ngày một phởn phơ, láng bóng, ông teo tóp, gầy còm, bà cô thưa đi lễ chùa hơn đến mức tạo ra được một tin đồn là do bà bị một ông sư phụ tình. Rốt cuộc chỉ ngôn ngữ học nước nhà và đạo Phật là bị thiệt.   
Cho đến một ngày định mệnh, khi nền kinh tế mấp mé vực thẳm đến chỗ không còn cơm nguội để chiên buổi sáng nữa, chị ngủ dậy trưa, mặt phờ phạc vì suốt đêm thao thức bày mưu tính kế, bước tới cái bàn viết của ông, giật chiếc bút bi trong tay ông đặt lên bàn rồi nói với vẻ trang trọng:   
- Anh Ðán, tôi muốn bàn với anh một việc. Từ ngày mai anh với cô ở nhà lo liệu, tôi đi buôn đường dài!   
Anh ngớ ra, đang nghĩ xem câu nói xanh rờn này có hàm ngôn gì không thì chị đã nói xối xả:   
- Anh biết rồi đấy, từ khi cha sinh mẹ đẻ tới giờ tôi chưa biết khổ là gì. Lấy anh tôi phải bỏ sạp vải. Bây giờ người ta cho mua bán thoải mái rồi, con Loan mới ra chỗ mẹ hơn một năm mà lên được Ðờ-rim. Thằng chồng nó chẳng có bằng cấp gì sất mà xây một lúc ba cái vila cho Tây thuê tháng. Người ta thị trường thì tôi cũng thị trường, tôi kém cạnh gì ai mà phải ngồi chết già ôm gỗ mục.   
Ông mừng rơn. Kể ra mấy từ ôm gỗ mục đương nhiên là biểu tượng hai mặt có ẩn ý, rất không có lợi, nhưng ông cần quái gì mà chấp ngôn ngữ đàn bà. Cái cốt yếu là chị đi buôn đường dài, mở ra một sinh lộ cho cả nhà, dù là gỗ mục thì ông cũng phải thích thú được bao cấp để nghiên cứu khoa học và được xa cái Ðẹp phì nộn mà ông đã chán tới tận cổ. Ông nói với chị:   
-Cái này thì tùy em. Nhưng...   
Ông định cảnh báo mấy câu như mọi ông chồng khác vẫn làm trách nhiệm của mình để gìn giữ gia phong trong trường hợp vợ sắp đi xa. Nhưng ông không nói nữa, bởi vì ông vốn rụt rè và từ trước tới nay chưa hề nghi ngờ hay nghe dược tiếng tăm gì về mặt tiết hạnh của chị.   
ở đây cần làm rõ điều này mà chẳng cần trí lực của một Sê-lếch Hôm. Khi một đôi vợ chồng không có con cái mà quan hệ lỏng lẻo tới mức tiền ai nấy tiêu, chăn ai nấy đắp thì trong trường hợp người vợ đi "buôn chuyến đường dài", các thống kê xã hội học tin cậy cho biết có đến 91% các bà không giữ được an toàn văn hóa. Chị ra đi đúng trong hoàn cảnh gia đình như vậy, đương nhiên là để tìm ra lối thoát cho mình về mặt kinh tế và thẩm mỹ. Sau này thực tế chứng minh chị thành công. Nhà đang túng, chị làm ra tiền. Là người đẹp bị bỏ rơi, chị được một hoàng tử đến ôm ấp, vuốt ve. Người đàn ông bạn buôn của chị cũng là một kẻ thông minh tuy ít học, trẻ hơn chồng chị năm tuổi, anh không biết từ ¡N có ba mươi hai nghĩa nhưng rất sành ăn và cái quan trọng hơn nhiều là anh tìm ra đủ tiền để thỏa mãn cái sành ăn đó của mình và của chị nữa. Hà Nội - Ðồng Ðăng có bao xa, đổ hàng vải xuống chợ Ninh Hiệp xong là chị về nhà với ông, với ngôn ngữ học, không quên mua nào lê, nào táo, nào tượng Phật, chuỗi hạt cho anh và bà cô, hào phóng khác thường về mặt tài chính, chị để lại cho hai cô cháu những món tiền lớn mỗi tuần, lớn đến mức ông khôi phục được món cà phê có thuốc lá buổi sáng và thuốc lá có cà phê buổi chiều. So với thời gian bán áo lông Ðức để tiêu pha thì thành quả của nền kinh tế thị trường thật tuyệt vời đối với gia cảnh ông. Cứ sau bảy ngày, nghĩa là vừa vặn một chuyến khứ hồi Hà Nội - Ðồng Ðăng, một kiện, làm luật nghi binh, đấu trí với các trạm thuế, đổ hàng, lại gom tiền, bắt mối... Ðoạn mềm mại nhất trong chuỗi xích khắc nghiệt đó là một ngày một đêm cùng người bạn buôn về nghỉ ngơi zui zẻ ở một khách sạn nhỏ tỉnh lẻ quanh Hà Nội, khi Bắc Ninh, khi Hải Dương, khi Hà Ðông, có lần ngay ở Gia Lâm.   
Hoàn tất xong chương trình giải trí vừa đúng chiều thứ bảy, chị về nhà, đặt lê táo lên bàn thờ, đưa tiền cho ông, ngủ một đêm, sáng hôm sau gặp lại người bạn buôn - bạn tình ở nơi nào đó rồi lại lên tàu, lại mở đầu vòng quay huyền diệu mê ly khác. Sự có mặt hàng tuần của chị đưa lại sinh khí mới cho căn nhà vắng vẻ đang túng thiếu, ông nhờ có cà phê mà đẩy mạnh được nghiên cứu ngôn ngữ còn bà cô trở thành một trong những người cúng dường tam bảo hậu hĩnh nhất, cũng nhờ thế bà rửa được cái tiếng oan Thị Kính ngày nào. Mọi người, kể cả tôi nữa đều ca ngợi công ơn chị đối với đạo Phật và ngôn ngữ học nước nhà cũng như chắc mẩm rằng cái gia đình ấy đang trở lại hạnh phúc.   
Nhưng nghĩ như thế là hơi bị nông cạn. Quả là cuộc sống vật chất được khởi sắc đã làm thay đổi trạng thái tinh thần của ông. Ðầu tiên, ông nhìn nhận chị bỗng có giá trị hơn là ông tưởng, té ra chị không chỉ là một người đàn bà đẹp, mũm mĩm mà còn đảm đang và tài ba, có thể gồng gánh lên vai cả một gia đình qua cơn nguy khốn. Chị vui vẻ, lịch sự và có phần yêu chiều ông hơn trước rất nhiều. Sự kính trọng được lấy lại cộng với sắc đẹp ở người vợ được phục hồi tất yếu là phải kéo theo sự hồi sinh của tình yêu. Cũng như chị, trong thời kỳ băng giá giữa hai vợ chồng, ông vẫn tự hỏi là khi cưới chị, ông có yêu chị không? Dạo đó ông không dứt khoát trả lời có, nhưng bây giờ thì ông thấy quả là có. Với tâm trạng đó, ông thấy cái béo tốt của chị là một diễm phúc trời ban cho thân thể gầy mòn của ông, đôi mắt lúng liếng của chị là cửa sổ một tâm hồn nồng nhiệt. Dù chưa một lần đi khám bác sĩ, ông tự nghĩ sở dĩ chị chưa mang bầu được với ông là do chính ông chứ không phải Trời Phật ghen ghét. Ông mong chị về nhà hàng giờ, hàng ngày, không phải vì món lê, táo Trung Quốc hay bọc tiền mà với sự mong mỏi của thằng đàn ông xa vợ, cái mà những nhà tâm lý học cao siêu ghi vào sách là hội chứng nhớ. Sự suy nghĩ nông cạn của chúng ta, dù quý độc giả là những người rất thông minh chính là chỗ này: chúng ta nhìn sự vật hơi tĩnh mà không tính đến sự thay đổi tình cảm rất lô-gích của ông. Chúng ta chỉ biết ông chán chị như người đời chán món cơm nếp nát chứ chúng ta không đoán nổi sự thay đổi thầm kín trong ông, một con đực mấy lâu ngủ quên vì hiểu lầm và bị hiểu lầm. Ông rạo rực, ông thèm khát, ông từng chán món cơm nếp, nhưng đó là khi ông no, còn bây giờ ông đang đói, thậm chí đói rã họng cả tuần lễ.   
Theo lệ thường, chiều thứ bảy chị về. Chị xử sự như mọi người đàn bà ngoại tình nhưng đoan chính khác là không bao giờ họ vắng mặt vào chiều hay tối thứ bảy. Ðó là buổi tối thiêng liêng của những cặp vợ chồng bận bịu vì công việc cơ quan, vì đưa đón con cái học hành và tiếp khách suốt tuần. Những người vợ thích đùa khi ngồi lại với nhau thường gọi ngày thứ bảy là ngày nộp thuế tuần, họ coi trọng ngày đó như người Mỹ coi trọng ngày 15 tháng Tư là ngày đóng sổ thuế năm vậy. Tất nhiên đó chỉ là một cách nói để ám chỉ một đêm đóng thuế ngọt ngào. Chiều thứ bảy đầu tiên, mọi việc giữa ông và chị đều suôn sẻ tuy tẻ nhạt như trước đây. Tuần lễ thứ hai, thứ ba cũng thế. Nhưng...   
Ðến chiều thứ bảy của tuần lễ thứ tư, chị lại về như lệ thường. Bà cô đã xong cơm nước, ông cắm bình nóng lạnh sẵn. Toa lét được bổ sung thêm một miếng CAMAY đầu đen. Về phần mình, ông tắm rửa từ chiều, tạm ngừng việc viết bài khai thông dân trí về ngôn ngữ, ngồi đọc cuốn sách tiếng Ðức trong đó tác giả ba hoa về khả năng vô tận của người đàn ông để củng cố lòng tin, nạp thêm hai cốc nhỏ rượu tắc kè, ông ngồi đợi chị với nỗi háo hức của người chồng nghèo nhưng sẵn sàng và chung thuỷ. Ông không hề biết là sáng hôm đó - đây là lần đầu tiên - sau khi đổ hàng, gom xong tiền ở chợ Ninh Hiệp, chị và người bạn buôn mới được đề bạt là người tình của chị hai ngày nay, đã nhảy ô tô buýt xuống Gia Lâm thuê một phòng ở khách sạn Trăng Tròn. Tuy là ngày đầu tiên sống với người tình nhưng chị cũng kịp thức giấc vào quãng bốn giờ chiều, tân trang lại những thứ nhàu nát, kể cả nụ cười, từ giã anh bạn buôn rồi lên xích lô về nhà chỉ cách khách sạn ba cây số đường chim bay. Ông cảm động vì sự đúng giờ của vợ, mềm lòng dưới những cử chỉ âu yếm từ phía người đàn bà mà ông vẫn tưởng là không còn biết âu yếm nữa.   
Chị chăm chút gội đầu, tắm táp, mở máy sấy tóc xè xè, trong khi làm tất cả những việc ấy đầu óc chị vẫn lâng lâng những cảm giác lạ lùng ở căn phòng khách sạn, cái cảm giác mà không người ăn vụng nào không có. Ông sốt ruột nằm đợi chị trên giường. Khi đã khô tóc và thấm mệt (chắc quý độc giả đã hiểu vì sao chị lại thấm mệt), không có cách nào khác, đúng hơn, không có chỗ nào khác, chị đành bước vào phòng ngủ với ông. Nhưng trong khi giá trị của chị đang tăng vọt lên trong mắt ông thì, buồn thay, giá của ông lại hạ xuống kinh khủng trong mắt chị. Chị vẫn không dứt được hình ảnh người tình, cái cung cách anh điều quân khiển tướng để thoát được trạm thuế Ðồng Bành, cái uy nghi đầy vẻ hảo hán của anh khi anh đè bẹp yêu sách của bọn cửu vạn và cơn bão táp ngọt ngào trong căn phòng đầy đủ tiện nghi vừa mới qua trưa nay. Trước mắt chị, trên cái giường trải nệm nhưng cái nệm đã quá đát như người nằm trên đó, nhà ngôn ngữ học với bộ tứ chi dài ngoẵng mang hình chữ Y, chữ I thẽo thượt và lỏng lẻo. Có lần ông bảo: "Tất cả giá trị của tôi là ở trong đầu tôi". Vì chúng nằm trong đầu ông nên chị chưa bao giờ nhìn thấy chúng, đếm được chúng, trong khi chị đã tận hưởng cái giá trị trời cho đó ở bắp tay, bắp chân người bạn buôn, những tệ, những USD, những đồng trong cái ví da cá sấu của anh ấy. Và cách anh trả tiền mới tuyệt làm sao! Anh xòe mớ bạc mới như người đàn bà quý phái xòe cái quạt, người tài phán khách sạn chỉ việc tự đếm lấy đủ số. Chị uể oải nằm xuống cạnh ông và trong khi ông quýnh lên như một con rối trong tay thần Dục Vọng, chị khẽ đặt tay mình lên tay ông như để can ngăn và nói một câu cho đến tận bây giờ vẫn làm đau đầu các nhà ngôn ngữ học: "Tối nay thứ bảy, em mệt".   
Giá như ông là một lò lửa thì gáo nước lạnh chị vừa dội xuống thừa sức làm nó tắt ngấm. Nhưng ông lại là một nhà khoa học, lửa của ông là lửa tình và như quý độc giả từng trải đã rõ, cái thứ lửa đó càng dội nước càng bùng lên. Ông vật lộn, van nài, cáu kỉnh cho đến lúc mọi thèm khát, hào hứng tắt ngấm mà vẫn không lay chuyển được tảng băng giá mệt mỏi trên giường. Ông đành ngồi dậy, đến bàn làm việc hút thuốc, suy nghĩ và cầu cứu ngôn ngữ học, mong có cơ may phanh phui, phát hiện cái mới trong câu nói xanh rờn của chị đó. "Tối nay thứ bảy, em mệt!". Câu này rõ ràng có một hiển ngôn, đó là cô ấy mệt thật, cái mệt thuộc về thực thể sinh vật. Nhưng hàm ngôn của câu nói ấy là gì? Với tư cách người chồng lại chuyên về ngôn ngữ, ông phải tìm ra bằng được. Theo Descartes, với những khái niệm thuần tuý cổ điển, thì câu nói này ít nhất có ba hàm ngôn. Một, "còn chậu đồ vừa thay ra đó, anh giặt hộ em, anh yêu". Hai, "sáng mai chúng mình không nấu nướng như ngày chủ nhật trước mà đi ăn tiệm". Ba, có thể đây là hàm ngôn chính: "Ðêm nay anh đừng...". Ông vò đầu. Tư duy của nhà khai sáng Pháp không thể chối cãi. Nhưng tại sao có thể như thế cơ chứ? Trả lời câu hỏi này của ông là một chuyện hiểm hóc. Hiểm hóc như cái nút trong đền thờ thần Dớt ở Gordon mà một sấm truyền cho biết ai mở được nó sẽ làm vua châu á. Tìm ra hàm ngôn này ông sẽ làm chủ được chị, ông sẽ trở lại ngai vàng đêm nay. Ông cáu giận, xin độc giả cảm thông, ai mà không cáu giận trong hoàn cảnh éo le như thế cơ chứ? Rồi, như Alexandre Ðại Ðế - người không thèm mở mà chặt phăng cái nút ở Gordon bằng một nhát kiếm coi khinh thần linh, ông gầm lên như một gã vũ phu: "Thì cô cũng phải đóng thuế cho tôi chứ!". Lại xin độc giả lượng thứ, ai mà không vũ phu trong hoàn cảnh éo le như ông?   
Hình như chỉ chờ có thế, chị gập người ngồi dậy. Và chị xỉa xói như cái vòi nước rửa xe mà chúng ta vẫn thấy trên vỉa hè:   
- Tôi nói cho anh biết, anh đừng có giở cái giọng ấy ra. Vậy anh không biết những đồng những cắc mà tôi mang về cái nhà này là nhờ trốn thuế à? Nhà nước còn chưa thu nổi thuế tôi huống gì anh!   
Tuy giận đến điên người nhưng ông hiểu ngay rằng, trong những ngày trước mắt, có thể những năm trước mắt, khi ngôn ngữ học chưa trở thành món ăn của quảng đại quần chúng thì ông vẫn chưa thể có cách nào làm ra chừng ấy số tiền như số tiền chị vẫn đưa hàng tuần cho ông. Và như một quả táo xanh lại một cách miễn cưỡng, ông cười nhạt một cái rồi nằm xuống bên chị. "Ông bất cần!", ông khịt khịt khinh bỉ, ngụ ý như thế.   
Vì vẫn không có cách gì làm ra tiền, ông đành chịu trong cảnh "cám treo heo đói" như thế trong hai năm. Chị vẫn về nhà đều đặn hàng tuần như những người đoan chính khác. Cả khu phố - tất nhiên trừ những độc giả quý mến đã đọc truyện này - thì vẫn nghĩ là vợ chồng ông tràn trề hạnh phúc. Cho đến một hôm, số phận đã mỉm cười với ông. Trong trận chung kết Mondial vừa qua, nhờ lây sở thích ham mê bóng đá ở người tình, chị đưa bóng đá lên giường. Trong không khí cực kỳ vui vẻ, chị thách ông cá độ. Chị hào phóng hứa sẽ nộp thuế cho ông nếu ông thắng. Ông mừng rơn, bắt ngay Braxin trong khi chị sùng bái và gửi gấm lòng tin vào những cầu thủ ý to con và đẹp mã. Như ta đã biết, ông thắng. Chị giữ lời hứa một cách nghiêm chỉnh, nghĩa là nộp thuế cho ông, tuy vậy chị không lấy gì làm thú vị vì đã trót hứa với người tình chỉ làm chuyện đó sau khi anh ta chết mà anh ta lại trẻ hơn ông đến năm tuổi.   
Sau ngày vàng son của trận chung kết Mondial, ông lại vẫn chưa làm ra tiền và vẫn phải sống trong cảnh "cám treo heo đói". Dù ông đã từng buôn lậu bên Ðức nhưng giờ đây, tận trong tâm khảm, ông chân thành căm thù những người trốn thuế.   
Ông ngóng chờ Paris. Chắc đến năm 1998, ông vẫn chưa già bao nhiêu. Nhưng liệu chị còn mê bóng đá và ham cá độ nữa không?ă

***Kim Giang 1993***

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Lỡ hẹn ở Mai Châu**

Không có chân trời, căn hộ khép kín, con mèo đen loay hoay bên cửa sổ, một khe hở không vừa cho nó chui lọt trừ phi nhảy thẳng sang nhà bên kia để ăn đòn. Bên ấy người đàn ông hàng xóm chỉ rình con mèo nhảy sang là phang liền bằng một cái chày giã tỏi bé xíu.   
Thằng bé nghịch như quỷ sứ. Cái tai nó phẳng lỳ, ai cũng bảo tướng này bướng không nghe ai. Nó lên năm và mẹ nó năm nay đã mon men ba chục. Chồng An giàu, giàu mà vẫn chịu ở một căn hộ khép kín vì cái giàu của anh ấy không khoe được, không phô phang ra được. Thực ra, nếu mở toang cửa ra vào An vẫn có thể nhìn thấy chân trời nhưng đó là một chân trời ngắn tũn tức là khoảng trống cầu thang của nhà đối diện. Sau khoảng trống ấy lại là nhà, nhà, nhà, sau nhà thì không biết có cái gì nữa nhưng không phải là chân trời. An chắc thế.   
Thằng bé đái lần thứ ba trong sáng nay. Lần nào nó cũng đái vào bô, không chịu vào toa-lét. Tính nó hay hèm, cả cứt của mình nó cũng sợ, xong việc là xách quần nhăn mặt bỏ chạy ngay rồi gọi mẹ ời ời như đòi cấp cứu. Lần thứ ba An đi đổ bô và thế là chuông báo thức reo giờ cắm điện cho nồi cơm. Rồi ra chợ, nhặt rau, giã thịt nạc cho tơi, cơm chín xới ra một bát, đút cho con từng thìa cà phê, nó ngậm miết trong mồm, chạy hết ba cái đĩa nhạc Xuân Mai mới xong bữa cơm. Có hôm An bỏ bữa luôn, ru thằng bé ngủ xong là thiếp đi lúc nào không biết.   
Biến cố trọng đại nhất ngày hôm nay là có người bấm chuông. An suýt ngất đi vì trước mặt nàng không ai xa lạ mà là Kim, người tình bảy năm về trước. Mai Châu, An nhớ lại con đường xám vì bụi, hai bên là rừng lau, những đám hoàng xà, phía trên cao là một bầu trời có những đám mây sà sát ngọn núi. Anh kiểm lâm mặc nguyên sắc phục trườn xuống gầm chiếc xe U-át giúp anh lái xe vừa chậm vừa lười, chỉ ham vui. Anh loay hoay dưới đó, dưới cái gầm xe đang nhỏ xuống từng giọt dầu đen như nhọ. Rồi ánh lửa trong nhà trạm kiểm lâm. Chiếc xe hỏng đã được hai con trâu mộng kéo vào sân. Anh lái xe không có vẻ buồn vì chiếc xe, trái lại còn vui như hội, lún vào giữa đám chị em công nhân trồng rừng, mỗi tay đặt lên đùi một cô mà hát. Họ ở một phân trường cách đây không xa, trú nhờ nhà kiểm lâm những ngày tan tầm muộn. Sếp của An ngất ngư bên vò rượu cần cạnh anh trạm trưởng kiểm lâm. Kim kéo An xuống vùi ngô nướng trong bếp lửa thưng bằng đám gỗ cây tịch thu được của bọn trộm gỗ. Vỏ những cây gỗ xù xì. Những bông ngô nướng thung lũng Mai Châu. Anh kỹ sư nướng ngô một cách diệu nghệ, hạt ngô nào cũng vàng màu kén chín tận ruột gan. Anh ít nói nhưng có cái nhìn thấu hiểu. An đỏ mặt khi đoán anh ấy đang hiểu hết những gì cô đang nghĩ trong đầu. Họ lẩy từng hạt ngô, nói với nhau những câu dấm dẳng chẳng đâu vào đâu. Chẳng đâu vào đâu, An dò dẫm và nhẹ dạ. Không, An không nhẹ dạ. Một cái gì rất mới, mới lắm, nó trùm lên những ngày sống gò bó trong văn phòng cơ quan làm An chao đảo, không nói nên lời. Như từ nhà mình, mở cửa ra đột nhiên nhìn thấy chân trời, An bối rối. An muốn làm một việc gì đó, muốn đi đến chỗ nào đó chứ không phải quanh quẩn đấy nữa. Ðã quá nhàm chán những buổi sinh nhật, những tối xem phim, trường đại học, đi dạo nhìn gáy người bên hồ mà dửng dưng, hì hục kiếm tiền để trang trải cho tất cả những thứ đó.   
Chiếc U-át vô phương cứu chữa. Mọi người chờ xe từ Hà Nội lên để đi tiếp. Một ngày và thêm một đêm nữa bên bếp lửa ở trạm kiểm lâm thung lũng Mai Châu. Ðêm nay vẫn như đêm qua, chỉ không có những cô trồng rừng. Anh lái xe nhảy vào chiếu rượu cần với sếp. Sếp và anh lái xe rất vui, nằm đây vài ngày nữa cũng chẳng sao, tay trạm trưởng rất biết chiều khách. Cùng một Bộ, anh ta nghe đồn sếp chắc chắn sẽ lên vụ trưởng một vụ anh ta trực thuộc. "Bẩn thỉu!" anh kỹ sư nói với An tay vẫn đều đều vặt trụi một bồng ngô rồi đặt cả vào bàn tay nàng đang chìa ra. An không biết anh nói ai, nói về cái gì sau khi giải thích cho An vì sao anh trạm trưởng hào phóng rượu cần đến thế. Ðêm ấy họ quên mất hai người. Không ai, kể cả sếp, nhớ tới An và anh kỹ sư. Họ đang say. Củi không thiếu, ngô còn một bó to treo trên bếp lửa. Ðêm thật dài. Sương Mai Châu bò vào như sóng, bị chặn lại nhờ ngọn lửa. Anh kỹ sư lặng lẽ nhìn An với đôi mắt đặc biệt của anh. An cúi nhìn xuống cam chịu, khuất phục. Anh không làm gì, chỉ tìm bàn tay An giấu dưới tà áo khoác, nắm thật chặt. Bếp lửa nóng ran như nung chín đôi má trẻ trung và lúc đó An thấy mình chắc chắn rất đẹp.   
Ðêm ấy An không ngủ. Những ngày sau khi rời Mai Châu trên đường thiên lý lên chót cùng Tây Bắc, ngồi một mình ghế sau trong xe, An luôn nghĩ tới anh. An đang suy nghĩ một câu trả lời. Sếp nói với anh lái xe về thứ rượu cần "đặc biệt ngon, cậu biết không, Mai Châu mùa em thơm nếp xôi, ngon, rất ngon". Anh lái xe phụ hoạ: "Các cô lâm trường cũng ngon". Họ cười. An chìm trong suy nghĩ, phải rồi, Mai Châu mùa em thơm nếp xôi, không phải về rượu cần mà tình yêu. Mình quá mê câu thơ ấy mất rồi, từ rất lâu chứ không mới hôm qua. Tại sao nhỉ? Số phận chăng? Mình không trả lời khác đi được. An nghĩ đến ngày quay về, thế nào sếp cũng dừng chân lại trạm. An sợ.   
Xe không hỏng nhưng sếp quá kết với anh trạm trưởng. Một cú điện thoại về Hà Nội bịa ra lý do nào đó là có thể ở lại đây hai ngày hai đêm nữa. Chẳng mấy lúc lên Mai Châu. Người ta đã quen nói dối với nhau về mọi điều. An đi theo Kim vào rừng với con chó tên là Nhài, không hiểu sao nó lại mang tên một cô gái. Câu trả lời đã có sẵn sau mấy ngày nghiền ngẫm. Anh leo thoăn thoắt lên một chạc trám vít nó xuống cho An bứt mấy quả trám đen. Nàng nhấm cùi trám, đắng ngoét. Rồi vòng tay một cách nhẹ dạ qua gốc cây trám để đo vòng ôm của nó. Bất ngờ anh giữ chặt hai tay nàng như muốn trói nàng vào thân cây. Nàng cười sặc sụa và sợ hãi. Nàng nhả quả trám trong miệng ra để nhận cái hôn đầu tiên ở Mai Châu. Và không chỉ cái hôn, còn nhiều hơn thế nữa. Con Nhài buồn rầu vì bị bỏ rơi, nằm xuống cỏ gặm quả trám rụng An vừa thả xuống. Nàng ngẩng đầu nhìn lên cao. Trời màu xám, chan hoà ánh nắng trên rừng cây. Tối hôm đó, bên bếp lửa, An nhận ra mình đã quá yêu anh mất rồi. Ngay từ cái nhìn đầu tiên khi anh lễ phép, dịu dàng nhưng rất đàn ông rủ nàng xuống bếp nướng ngô. Lời mời mà như một mệnh lệnh. Nàng đã nghe theo, không hề biết mình đang làm gì. Hôm chia tay Kim hỏi: "Em nghĩ cho kỹ, anh không thể bỏ Mai Châu đi đâu, em biết đấy" An không chần chừ: "Thì em lên với anh!" Kim nói: "Em hứa đi!" Hơn cả lời hứa nữa: "Em thề!" An đã khóc khi chiếc xe miễn cưỡng về xuôi, núi đồi thấp dần và chân trời rộng hơn xa hơn nhưng buồn tẻ.   
"Em đã trả lời thư anh." An thanh minh.   
"Anh nhận được. Nhưng anh hiểu những gì em không viết ra - Kim nói - Sao anh lại không thể hiểu những gì em không viết ra? Anh biết em đã quên Mai Châu như quên một giấc mơ phải không?"   
"Ðó là lỗi của em." An nói đi cho rồi, nàng thấy nghẹt thở. Vâng, đúng là lỗi của nàng. Nàng đã hẹn mà không đến. Nàng không biết vì sao nữa. Lau khô nước mắt, khi chiếc xe chờm vào mố chiếc cầu cửa ngõ thị xã Hoà Bình, nàng đã thấy những đêm ngồi nướng ngô và lời hẹn với Mai Châu là xa vời, phi lý. Thành phố là một cái gì rất lạ. Nó dễ dàng thay đổi con người cho vừa cái khuôn đầy quyến rũ của nó. Nàng đã quên, đã lấy chồng. Chồng giàu, cuộc sống tiện nghi, không phải dấn sức, không phải lo đến ngày mai. Nhưng nàng đã nhầm. Kỷ niệm đã thành sỏi, thành sạn, nằm chết trong tim nàng, không quên nổi.   
"Em thôi việc từ lúc nào?"   
"Từ ngày có thằng cu. Lương chẳng được bao nhiêu mà khổ con. Muốn đi làm lại lúc nào cũng được nhưng em ngại lắm. Còn anh?"   
"Chồng em có thể nuôi một cô vợ như em sao? Anh ấy giỏi thật." Kim hỏi lại. An thấy anh cố gắng để diễn đạt rõ ý mình nhưng quá khó khăn. Một cô vợ đã từng một thời đam mê, yêu đương, công việc, lý tưởng, lặn lộn lên rừng dưới biển. Nuôi được một cô vợ như thế, có phải anh muốn nói, nhốt được một cô vợ như thế phải là người tài.   
"Anh vẫn ở Mai Châu?"   
"Vâng, ở đó để nhấm nháp suốt đời một câu đùa. Anh hiểu ra chỉ là một câu đùa. Nhưng anh vẫn không muốn rời Mai Châu."   
Hồi đó nàng không đùa. Nàng không nhẹ dạ. Nàng còn say mê chân trời. Nhưng bây giờ nàng không còn là nàng nữa. Không còn chân trời, dù một chút chân trời hẹp, đỏ úa còn đường chân trời thì khá cao, cao ngang những ngọn đồi quanh thung lũng Mai Châu.   
"Anh đã mất công lắm mới tìm ra nhà em. ở cơ quan không ai biết em đang ở đâu, làm gì."   
"Ai cũng quên em rồi sao?"   
"Anh không biết. Riêng anh thì không."   
"Anh ở lại chờ nhà em về nhé?" An trở về với bổn phận. Nàng mắng thằng cu đang vầy vò cái mũ kiểm lâm của Kim.   
"Xe của trạm đang đợi anh. Anh lên đưa chai mật ong rừng cho cháu. Em nhớ không? Trên cây trám hôm ấy đóng một tổ ong to lắm. Bây giờ nó lớn lắm, em không ôm xuể nữa rồi."   
An nhớ. Nhớ lắm. Trên ngọn cây trám là một bầu trời màu đá vôi. Ðôi mắt buồn rầu của con Nhài gậm quả trám rụng rơi xuống từ môi nàng. Và cái hôn, giấc mơ của một cuộc tình mới được khởi đầu chưa quá hai ngày. Nhưng tất cả đã ở đâu hết rồi? Tan biến đâu hết rồi? Nàng nhìn chai mật ong rừng trong tay Kim. Cây trám nàng ôm không xuể. Nàng không ôm xuể bất kỳ cái gì nữa, kể cả con nàng, cuộc đời nàng. Con Nhài? Nó còn không anh?   
"Còn."   
"Sao anh không lấy vợ?"   
"Anh muốn lắm. Nhưng không thấy cô nào hỏng xe xin ngủ nhờ ở trạm anh nữa."   
"Các cô trồng rừng?"   
"Họ đã già rồi."   
An tiễn Kim ra cổng. Nàng nhìn Kim leo lên chiếc xe U-át mới được rửa sạch nhưng vẫn còn một lớp bụi màu xám trên vỏ bạt. Nó hối hả lao tới phía cuối dãy phố nơi may sao còn có một đường viền chân trời.

**Kim Giang 2001**

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Người bẫy chim trên núi Cu kỳ**

Cả làng gọi y là "thằng Lợi" dù y đã ba mươi. Giàu thì người ghen ghét, nghèo thì bị khinh bỉ. Lợi không bị ghen ghét vì y nghèo. Y cũng không bị khinh. Vì đi cà nhắc, tàn tật như y, mồ côi sớm như y mà sống đến từng này tuổi, tự làm nhà, tự kiếm sống được, ai dám khinh. Gọi y là "thằng Lợi" không phải vì ghen, vì khinh mà vì thương.

Lợi biết thế. Nhưng y không để ai thương hại. Cho nên khi nghe tin ông Binh Ðao rao bán cái sân bẫy chim nổi tiếng trên núi Cu Kỳ để mua thuyền câu mực, Lợi săn đón ngay. Y moi tiền để dành đưa đặt cọc, ba hôm sau bán đứt cái nhà rồi lên núi ở. Mặc dù trong cái làng Ngang nghèo đói ở Kỳ Anh có tới ba chục người sống bằng nghề bẫy chim cu kỳ, nhưng sáng đi tối về, chưa ai dám ở lại như thằng Lợi. Không ai biết cái nghề này đã có từ bao giờ, có lẽ từ ngày có ngọn núi. Hàng năm từ tháng Hai đến tháng Bảy, cu kỳ về từng đàn bay lượn sáng đến tối. Lợi biết nhiều người thèm cái sân bẫy chim lát đá trắng của ông Binh Ðao, thời xưa có người đã đòi đổi cho ông nội ông ta hai mẫu ruộng mà không được. Vì cái sân nhìn ra biển Thiên Cầm đẹp như mơ, vì một cái khe róc rách bên cạnh cái hang rộng cho người bẫy chim, vì ngọn gió đông nam vờn qua sườn dốc rồi thổi xuống sân chim, tấm lưới trở nên dịu dàng, quyến dũ, những con chim mồi kêu lên thiết tha... cái duyên ấy phải đổi bằng vàng. Sau khi lên núi và có sân bẫy của ông Binh Ðao, gặp Lợi mang tiền đi gửi ngân hàng, người ta vẫn một "thằng Lợi", hai "thằng Lợi" nhưng trong giọng nói đã bốc mùi ghen ghét.

Lợi biết thế. Nhưng y không quan tâm. Vì y ít khi về làng, ngoại trừ khi ông chú đang làm chủ tịch xã thỉnh thoảng nhắn nhe về ăn giỗ hay sai bảo y làm chuyện gì đó. Y dọn ổ trong hang đá, vài ngày một lần gánh hai lồng chim về các hiệu ăn, nhà nghỉ khu bãi tắm. Mới một mùa chim mà Lợi đã sởn sang ra trông thấy. Chỉ có hai cái không thay đổi, đó là cái hang và nỗi buồn cô đơn của y.

Bán ba mươi bảy con cu kỳ, Lợi nhét vào túi hơn năm trăm ngàn ở quầy thủ quỹ nhà nghỉ Hải Ðông. Y vứt luôn đòn tre và đôi lồng, bước ra vênh cái mặt và đôi mắt hiếng nhìn thằng Nông bảo vệ. Theo lệ, lần nào y cũng dúi vào tay thằng Nông một tờ giấy năm ngàn. Không có món lót tay thì giạt ra, đừng hòng qua cổng nhà nghỉ lớn nhất khu nghỉ mát này. Nông vồ tờ giấy bạc, thả luôn vào cổ áo, y có một cái túi như diều con bồ nông để giấu những thứ trấn được. "Em bảo cái này - Nông nói - có một con ve tuyệt cú mèo mới trôi về đây, chiến hữu có thử một cuốc mát xa không?" Lợi ngần ngừ, Ba mươi tuổi đầu, bao nhiêu lần y đã nằm mơ ngủ với o này o khác trong làng, nhiều lần y đã thử tán tỉnh, bờm xơm, sờ mó, nhưng chỉ nghe chửi tục và ăn đạp đau điếng người. Lúc đó y nhận ra mình chỉ là một thằng cà nhắc, xấu trai khốn khổ. Trong hang đá, y nằm mơ và các cô gái chỉ đến với y trong giấc mơ. Trong những cô gái ấy, thỉnh thoảng có bóng dáng những cô cave y nhìn thấy đi qua sân nhà nghỉ thơm phức đến làm y ngạt thở. "Hai con cu kỳ một suất mát xa - Thằng Nông lại nói - hai con cu kỳ là cái chó chi, thử cái cho biết" Lợi nói: "Nhưng tao ăn mặc thế này, vô trong đó răng được?" Thằng Nông cười phá lên: Ông anh cà nhắc chứ có hủi đi nữa mà có tiền cũng xong. Có những thằng trông còn hủi hơn ông anh nữa kia. Hai con cu kỳ mà được đấm bóp, nắn xương, mân mê, hai con cu kỳ..."

Lợi vào một cái buồng nhỏ, cửa sổ chăng màn. Y không chịu cởi quần dài, không phải y ngượng mà vì y còn dắt mấy trăm ngàn tiền bán chim trong túi. Cô cave tên là Phượng, người dỏng cao, hai đầu vú nhọn hoắt dô lên dưới áo. Người ngợm thì như một ngọn lửa trên bếp lửa, nhưng mặt mũi buồn thiu. Cô ta bắt Lợi cởi quần dài bằng được, Găng nhau mất toi mười lăm phút. Cuối cùng Lợi rút bọc tiền đút xuống dưới gối cho ăn chắc. Y lim dim mắt chờ. Trời ơi, cho đến nay chưa lần nào y được một bàn tay mềm mại, thân ái chạm vào người. Nhưng đôi bàn tay của con bé lạnh như nước đá. Nó nắn bả vai, xoa ngực y, bẻ mấy lóng xương ngón tay y kêu cục cục và chỉ có thế. Ba mươi phút nữa trôi qua. "Làm gì nữa đi... - Lợi nói và y nhớ lời thằng Nông - o tưởng tui chỉ có mấy cái ngón tay thôi à? Làm gì nữa đi!" Cô gái nhếch mép: "Sắp xong rồi, anh có thấy khoẻ khoắn hơn không?" Khoẻ khoắn? Y vào đây đâu chỉ muốn khoẻ khoắn, cái khoản đó y có thừa. Y vào đây là muốn được mệt. Y ngồi phắt dậy quát: Mất hai con cu kỳ vô đây để coi cái mặt hãm tài của o à?" Cô gái nói: Anh muốn chi? Lợi kéo cái đầu xinh xinh của cô ta lại sát mình: "Hun tui cái, tui chưa được đứa nào hun" Cô gái nói: "Anh có mùi gì hoi hoi, em không hôn anh đâu" Nghe giọng nói pha Bắc, bàn tay trắng lạnh, Lợi biết ngay cô ta là gái tỉnh thành. Y xuội đi trong một nỗi buồn thân phận, đúng là mình có mùi hoi của chim của bùn đất. "Thì cười lên cái coi, buồn chi mà như chó chết con rứa?" Cô gái cười. Nụ cười méo xệch. Thế rồi cô xuôi tay, ôm mặt. Bây giờ Lợi không thấy tiếc hai con cu kỳ nữa. Y mạnh bạo đưa tay vuốt tóc cô gái. "Thôi, tui mặc quần áo đây, coi như xong!" Cô cave ngước mắt nhìn y, hình như cô đang hối vì mình đã nói thật lòng. Quả thật cái mùi hoi hoi của ông khách làm cô muốn ói. "Lần sau anh lại đến nhé. Anh cứ đòi đích danh em. Em tên Phượng" Lợi nói: "Tui nỏ dại, mát xa mát gần chi mà chán. O khinh tui nhà quê không biết ăn chơi phải không?" Phượng nói: "Lần sau anh đến, em chiều anh". Nó chiều mình như thế nào nhỉ? Lợi ngẫm nghĩ, rồi nói: "Ba ngày nữa, tui đến bán cu kỳ, o đợi tui ở đám phi lao trước đền Tam Tang, được không?" Cô gái nhìn y ngạc nhiên: "Em không hứa, nhưng ra được thì em ra".

Lợi không ngủ được. Ðã có bao giờ y mất ngủ đâu? Từ ngoài biển, sóng theo thủy triều lên đập ầm ầm vào vách đá. Y không thấp thỏm như mọi đêm. Con nước cường, sóng to là những ngày chim về nhiều. Y chỉ nghĩ tới cô gái có tên là Phượng ở nhà nghỉ. Lần đầu tiên trong đời, y được đụng chạm vào một cô gái mà không bị chửi, không bị đạp, không bị rủa là gà què ăn quẩn cối xay. Bây giờ hồi lại y vẫn thấy nhớ những cái vuốt ve vờ vịt, lạnh lùng nhưng vẫn đang râm ran trên da thịt y. Khỉ thật, thì ra đàn bà họ cũng làm mình sung sướng. Y nhìn quanh quẩn cái hang, bộ ấm chén mẻ, mấy cái bát và ổ nằm lót cỏ khô. Y trở lại phòng mát xa mấy lần. Thằng Nông nói: "Ông nghiện thật rồi, ông phải thưởng cho tôi mới được". Thực ra mấy lần đó y mất tiền toi. Y không gặp được Phượng dù y đã nói với cô bán vé là y muốn cái cô Phượng cao cao nói giọng Bắc. Nhưng bước vào phòng chỉ là một cô gái khác. "Bọn em phải xếp lốt - cô gái nói - Phượng nó đi ca trước rồi" Y hết hứng liền, ra ngay, tiếc rẻ hai con cu kỳ. Người y mỗi ngày một xác đi. Bữa thứ mấy rồi, mất hết bao nhiêu con cu kỳ rồi, không nhớ, y mới gặp được Phượng. Y lại hẹn và dọa. "O không ra thì tui giết!" Nói thế nhưng y giết được ai. Trong đám phi lao, y vồ lấy Phượng, cái chân cà nhắc kêu một tiếng khục tưởng gãy. Phượng bảo phải trốn ra, thằng Nông thấy thì nó nhốt vào buồng mấy ngày, ăn cơm muối. "Không ai tin mồm mấy con cave như em. Nhưng em nói anh có tin không?" Y nói tin. Cô gái kể đã phải đi nạo thai hai lần với một thằng đo đường đã có vợ, một lần với một ông giáo, bố mẹ cô buôn bán bị giật, phải bán nhà bỏ trốn không biết di đâu. Ngồi bán hàng nước, rồi bạn rủ đi làm nhà hàng. Dạt vào thị xã, rồi chủ này đổi cho chủ kia để luôn có người mới. Nơi thì lạnh nhạt, nơi thì xót thương, bây giờ trôi dạt về đây. Hai năm cực nhọc, nhục nhã mà không để ra được đồng xu nào. Tại em xấu, cô nói, tính lại bướng nên ít khách. Tiền bo chỉ vừa đủ son phấn, quần áo. Y hỏi: bo là cái chi? Phượng nói một hồi y mới hiểu. Im lặng lúc lâu, thị hỏi y: anh cứu em ra khỏi đây có được không? Y thấy thương, nói: Chẳng phải anh em ruột rà, cứu sao được? Cô ôm lấy cổ y: em lấy anh làm chồng, được không? Y bảo: "Nhưng em đừng lừa tui. Người ta bảo mấy o cave là thợ lừa". Phượng xuôi tay, ôm mặt. Y kéo tay Phượng ra và những giọt nước mắt còn nóng hổi chảy qua kẽ ngón tay cô gái. Lòng ruột y đảo lộn cả lên. Y có cái tính xấu là không chịu được nước mắt đàn bà. Thấy họ khóc là y cũng muốn khóc luôn. "Ðược, để tôi lo" y hứa.

Chong mắt suốt đêm. Muốn quên nó đi cho nhẹ mình mà không được. Nó cứ luẩn quẩn trong đầu mình. Thằng Nông nói: ông đưa tôi hai trăm tôi cho con bé trốn khỏi đây với ông. Sau đó tôi không biết. Cũng chỉ mười lăm con cu kỳ. Lợi vét tiền đưa cho nó. Phượng về đây vào ban đêm. Không may là đêm đó có một cơn lốc có giông. Hai đứa ướt như chuột. Ðốt lửa lên sáng cả cái hang. "Ta cởi quần áo hè!" Lợi nói. "Anh ngủ với em rồi, anh có cưới em không?" Phượng hỏi. "ờ, để tui tính" Lợi nói, bần thần vuốt đôi vai trần của Phượng mà y thấy tuyệt đẹp. Hai hôm sau y đưa Phượng về quê chào ông chú đang làm chủ tịch xã, lại cũng muốn hỏi chuộc lại cái nhà. Trước sau cũng phải về làng thôi. Có thêm người, ở đây sao được. Bà thím quay mặt đi bĩu môi. Ông chú mời nước, kéo y ra vườn: "Tao nói mi biết, con ni là cave. Nó đã mát-xa cho tau một lần, hôm khánh thành trụ sở, bọn B chiêu đãi tau. Mi lấy nó răng được?". Y hỏi: "Chú đã mần chi nó chưa?" Chú y bảo: "Chưa, hôm ấy nó chỉ đấm bóp. Nhưng không tau thì thằng khác" Y đau trong ruột, bặm môi nói: "Nó chưa mần chi với chú là được. Còn thằng khác cháu không chấp! Lấy đĩ làm vợ còn hơn có vợ đi làm đĩ" Nói xong y thấy hối. Y vô tình nhưng chắc ông chú chạm nọc. Vì thím ấy, con đầu sắp lấy chồng mà hở ra là ngủ với người khác ngay. Người ta bảo ông chú là quan thị, hồi nhỏ bị chó đớp mất một đoạn may không chết. Hai đứa con, đứa đầu con một ông thầy cúng, đứa sau con một ông sư không biết thật hay giả mặc áo vàng đi khất thực qua làng ngủ nhờ mấy ngày. Sau thím ấy đặt vòng, lang chạ thoải mái nhất là với mấy ông giao thông hồi chiến tranh qua lại giải tỏa mặt đường. Nhưng không đẻ đứa nào nữa. Ông chú tát y một cái: "Mi xỏ lá, ý tứ chuyện nhà tau. Từ nay tao cấm cửa mi với con đĩ rạc của mi" Y ôm một bên má vô nhà, cả hai khăn gói tếch thẳng. Từ hôm đó y củng cố lại cái hang, hai đứa ở đây luôn, quyết trữ tiền chuộc lại cái nhà.

\*

Chiều ấy tôi đi về Thiên Cầm với Phượng. Cô ấy đi bán cu kỳ ở khu nghỉ mát, nơi tôi đã thuê sẵn một phòng trước khi đi câu mực, nghe lời tán tỉnh của ông Binh Ðao, ông ấy nói như hát: "Vô núi Cu Kỳ để kỳ cu..." nghe thật bùi tai. Tôi mê mẩn với cái hang của Lợi, ông Binh Ðao đợi không được nhổ neo về trước. Ðành ngủ lại một đêm trong hang. Vợ chồng Lợi không có thuyền nên Phượng đưa tôi qua một hẽm núi, vòng về Cửa Nhượng rồi đi qua những cánh rừng phi lao bên bờ biển. Phượng gánh đôi lồng chim đi trước, tôi theo sau. "Hôm qua ông có ngủ được không?" - Phượng hỏi tôi khi chúng tôi ngồi nghỉ trên một thảm lá phi lao. Rừng chiều ẩm ướt và đơn côi. "Không" - tôi nói. "Em cũng thế. Ông nghĩ đến chuyện chi mà không ngủ" Tôi nói: "Lúc đầu thấy thằng Lợi khâu mắt mấy con chim mồi, tôi muốn tát cho nó một cái. Dã man quá. Nhưng nó cũng đã cứu được một con người" Phượng nói: "Em cũng như mấy con cu kỳ chết vì bạn. Ðúng là em đang nằm trong lưới thì anh ấy thả em ra" Tôi nói: "Nó bị đôi mắt lúng liếng của cô sập bẫy" Phượng nói: "Em không biết có phải thế không. Em cắn cỏ chịu ơn anh ấy suốt đời. Nhưng rồi em sẽ phải đi. Sống thế này không chịu nổi" Tôi ngạc nhiên: "Ði? Lợi yêu cô mà cô thì chịu ơn hắn? Cô sợ bà con của hắn sao?" Phượng nhìn ra khoảng trống của rừng cây. Phía xa là biển, hào phóng một cách hoảng hốt. "Em không quen được, ông ạ. Ngày nào em cũng phải nhìn thấy cảnh chăng lưới, chim mồi, rồi sập bẫy. Em hãi lắm. Trả xong món nợ cu kỳ, em sẽ rủ anh ấy đi. Anh ấy không đi thì em đi" Tôi hỏi: "Nợ cu kỳ?" Phượng đáp: "Vâng, thằng Nông bảo vệ vẫn dọa bắt em về vì em hợp đồng miệng với họ làm tiếp viên hai năm. Em có nhận một số tiền để may quần áo. Biết chúng em chẳng có gì, chúng nó xiết nợ ngày hai con cu kỳ, cho bằng hết mới thôi".

Tôi không nói gì. Tôi cũng không hỏi Phượng xem số tiền hai người còn nợ họ bao nhiêu. Hàng trăm năm nay, cu kỳ bay về núi này, biển này. Chỉ núi này, biển này mà thôi. Bay về để làm gì, không ai biết. Tên của chúng cũng là tên ngọn núi. Nhờ chim mà núi có tên hay đàn chim bí ẩn đã lấy tên của núi trong những cuộc bay hành hương tiền định? Những con cu kỳ, những con cu kỳ. Chúng đâu biết đang phải lấy mạng mình ra trả nợ từng con một cho những món nợ người?

1999

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Cây bạch đàn vô danh**

Ngôi nhà ngói thấp. Mái ngói rêu phong. Cái sân gạch, những viên gạch rạn vỡ. Chú Bạch Vân ngồi đan rổ. Thằng Sinh Tồn ba tuổi đánh nhau với con gà mạ, với bầy con. Thằng Thịnh hớt hải chạy vào:   
- Chú Bạch Vân ơi, thím ấy chết ngoài cổng làng rồi.   
Trước đó mấy phút, chiếc xe ngựa đặt ở sân kho. Thằng Hào, mũi chảy xuống tận miệng, nhảy lên, hét: "Phóng đi!" Nó quất một roi vào mông ngựa. Con ngựa dựng ngược, lồng lên, kéo chiếc xe không băng băng đến cổng làng. Thím Bạch Vân đội một rổ bèo đi trước. Thằng Hào quất một roi nữa vào mông. Con ngựa chồm lên lưng thím Bạch Vân. Rồi hai cái bánh xe nghiến lên người thím lúc này đã ngã nằm ngang ra đường. Những cánh bèo tấm rơi tung tóe. Người làng và anh đánh xe ngựa cùng chạy lại. Họ kéo thím Bạch Vân ra khỏi bánh xe. Thím đã chết.   
Chú Bạch Vân ôm ngang xác vợ về nhà. Mặt mũi chú tái xanh như chú cũng đã chết vì sự ngu ngốc của con người. Thằng Sinh Tồn lon ton theo sau. Nó gọi: "Mẹ, mẹ! Bánh con đâu?"   
Chú Bạch Vân gọi người bán nhà. Thằng Sinh Tồn chít cái khăn trắng trên đầu. Hai dải vải thõng xuống sau lưng. Năm triệu! Chú Bạch Vân nói. Ba triệu thôi, nhà này có dớp rồi! Người mua là một anh mổ lợn, nói. Bán! Chú Bạch Vân tuyên bố. Cho hạn ông năm ngày thì ra khỏi nhà. Người mổ lợn nói rồi đi ra. Chú Bạch Vân cầm xấp tiền năm ngàn trên tay, khóc.   
Bến sông Thương. Nắng sớm trên những mái đò. Con đò ngang dùng dằng giữa dòng sông lặng lờ như không biết chảy. Trên một gò đất trống trên bến, chú Bạch Vân, thằng Thịnh, bố thằng Thịnh, ông Cả Hàn, hai ba người nữa đang dựng nhà. Một cái quán bằng gỗ. Mái lợp lá cọ, cột gỗ, vách thưng bằng gỗ ván de dày ba phân. Ông Cả Hàn nói: "Ván này mà lát thuyền hay lát cầu thì bền ghê!" Chú Bạch Vân lầm lì cầm thuốc lá mời mọi người.   
Chú Bạch Vân dắt con thăm mộ vợ. Khói hương nghi ngút. Chú thụp xuống khấn: "Tôi mở quán bán nước nuôi con. Bà phù hộ cho tôi!" Chú nhớ lại bến đò năm ấy. Nửa đêm, chú đứng gọi đò. Từ bên kia, có tiếng đáp lại. Con đò sang sông. Chú nhảy lên. Ðể tôi chèo cho! Chú bước tới giật lấy mái chèo. Cô gái dằng lại. Rồi ngã. Chú Bạch Vân chồm lên. Sao lại đè lên người ta! Rõ dơ! Chú Bạch Vân đứng lên. Có thế mà cũng quát - chú nói. Giỏi thì chèo đi! Chú Bạch Vân cầm chèo. Con đò quay mòng mòng. Ðừng có giả vờ - cô gái nói - Khuya rồi, ông mãnh! Cái đèn bão phụt tắt. Con đò vẫn quay và chập chờn như say trên mặt sông Thương. Nửa năm sau chú cưới cô lái đò đêm ấy.   
Những giọt nước mắt của chú Bạch Vân rơi nhòa ký ức. Chú đứng dậy, dắt con ra về. Thằng Sinh Tồn khóc: "Con ứ về! Con ở với mẹ cơ!" Chú phát vào đít nó một cái.   
Chú Bạch Vân già đi trong cái quán nước ở bến đò. Cái quán gỗ với những tấm thưng bằng gỗ de bóng lên cùng tuổi tác và năm tháng. Chú Bạch Vân để râu mép, tóc đã hoa râm, gương mặt trầm tư và khắc khổ một cách khó hiểu. Chú ngồi rót nước cho khách qua đò, bán rượu lậu ngâm gừng và bánh chưng, kẹo lạc, hoa quả. Trước quán chú trồng một cây dâu da. Một cây dâu da còi cọc, mọc ra cành nào là bị người qua đường vặt ngang cành ấy để làm gậy chống lúc trời mưa, đường làng lầy lội. Một chị bán dầu qua quán. Chị đẫy đà, ngực nở, vú núng nính. Chú Bạch Vân đưa chén nước cho chị. Chị túm lấy tay chú: "Lấy em đi mình! Em chán cảnh gái già lắm rồi. Hai đứa mình buôn bán nuôi nhau." Chú gạt tay chị ra: "Tôi giờ như cây dâu da kia, làm cây cũng không được, làm củi cũng chẳng xong. Thằng Sinh Tồn còn đi học, tôi không lấy vợ!" Chị bán dầu lấy vạt áo chấm nước mắt: "Thế là cả mình, cả em đều phải chết già." Chú Bạch Vân quát: "Cút đi, chị đừng hại đời con trai tôi."   
Thằng Sinh Tồn mười sáu tuổi. Chú Bạch Vân đập một con lợn đất, mắt chú sáng lên. Những đồng tiền vo viên dãn ra. Một vốc tiền năm ngàn. Chú Bạch Vân đếm tiền thành từng xấp. Chú lên huyện, vào một cửa hàng bán xe đạp. Chú trả tiền, dắt chiếc xe đạp về. Lũ trẻ chăn trâu ở bến đò reo vang: "Ông dở người đi xe đạp chúng mày ơi!" Chú làm như không nghe thấy. Chú dựng cái xe trước quán, gọi: "Sinh Tồn, ra đây tao bảo!" Thằng con ra, mắt sáng, mũi dọc dừa, đẹp như khuôn mặt chị lái đò đêm nọ. "Mua cho mày đó. Lên trường huyện mà học. Cho cái làng này người ta biết thế nào là con thằng Bạch Vân!" Chú bảo con. Sinh Tồn sướng ngơ ngẩn, nhảy lên xe, đạp thử. Chú Bạch Vân tấm tắc: "Thằng này rồi nhất họ!"   
Một buổi trưa, chú Bạch Vân ngồi đợi cơm thằng Sinh Tồn. Chú hỏi một người đàn bà vừa qua đò: "Chị đi chợ huyện về, có thấy thằng Sinh Tồn nhà tôi không?" Chị đàn bà đáp: "Có, tôi thấy nó xếp hàng ở cổng huyện đội." Chú Bạch Vân dẫm chân: "Chết tôi! Thế là nó trốn đi bộ đội rồi!"   
Chú vội vàng đóng cửa quán, qua đò. Chú chạy gằn trên đường cái quan. Những cây phi-lao lùi dần sau lưng chú. Chú đến gần cổng huyện đội. Thằng Sinh Tồn ngồi cùng đám con trai sau thùng một chiếc cam-nhông. Chúng đang hát. Ðứa nào cũng có một cái mũ cối trên đầu. Nó không nhìn thấy chú Bạch Vân. Chú chạy theo chiếc xe, chú gọi cái gì không nghe rõ. Rồi chú bị chìm sau làn bụi mịt mờ. Chú Bạch Vân đến trường cấp ba, vào sân, nhận ra chiếc xe đạp thằng Sinh Tồn còn vứt lại đó với những chiếc xe khác. Chú lóc cóc đạp về. Qua bến đò, lũ chăn trâu chạy theo. Ðứa nhảy lên đèo hàng. Ðứa kéo lại. Hoan hô chú Bạch Vân! Chú Bạch Vân đi xe đạp! Lũ trẻ la hét. Chú Bạch Vân lầm lỳ như không có chúng nó. Chú mở quán, lẳng lặng mở giây chun, tháo chiếc cặp sách phía sau xe, đặt lên bàn thờ. Chú nói: "Thằng này mà được đi học thì phải giỏi nhất họ!"   
Anh Hiến là bưu tá xã, đội viên du kích, tổ trưởng tổ trực chiến. Ngày nào anh cũng lên huyện mang thư về. Ngày nào anh cũng ghé qua quán nước của chú Bạch Vân. Chú rót cho anh một ly rượu: "Có thư thằng Sinh Tồn không?" Anh Hiến lắc đầu. Chú Bạch Vân nói: "Thì uống đi. Mai mốt chắc nó có thư. Tối nào tôi cũng máy mắt." Anh Hiến nâng cái cốc rụt rè: "Tôi uống của ông dễ một vò rượu rồi, lấy gì mà trả đây?" Chú Bạch Vân nói: "Thằng Sinh Tồn mà có thư thì tôi xóa!"   
Nhưng thằng Sinh Tồn vẫn không có thư.   
Chiều nào chú Bạch Vân cũng đón anh Hiến. Anh dựng khẩu A.K lên vách gỗ, lắc đầu. Rồi uống rượu. "Có thư thằng Sinh Tồn thì tôi xóa." Trong đống thư cộm cái túi của anh bưu tá không có lá nào của Sinh Tồn cả.   
Chú Bạch Vân làm một cái đàn bầu. Chiều chiều vắng khách, chú ngồi lên cái ghế dài, gẩy đàn bầu. Chẳng bài nào ra bài nào. Chú gẩy bài nhạc của lòng chú.   
Một hôm, chị Bình Dân, vợ anh Bình Dân đi bộ đội mấy năm rồi, vác một cái mai từ làng ra, ngồi nghe chú Bạch Vân gẩy đàn bầu. Chú Bạch Vân vặn to ngọn đèn lên. chị Bình Dân nói: "Ðể thế cũng được, trăng ngoài kia sáng. " Chú Bạch Vân hỏi: "Tối rồi, còn ra đây làm gì?" Chị Bình Dân đáp: "Tôi đắp thêm ít đất đê" Chú Bạch Vân ngừng đàn hỏi: "Sao đắp đê một mình?" Chị Bình Dân đáp: "Tôi là chiến sĩ thi đua, phải gương mẫu. Ðắp nhiều thì điểm nhiều, thóc nhiều, có thiệt đâu." Chú Bạch Vân nói: "Năm nào cũng thấy chị đắp đê." Chị nói: "Tôi đắp được ba ngàn khối rồi. Năm ngàn thì lên anh hùng." Chú Bạch Vân: "Giỏi nhỉ, không ê vai à?" Chị Bình Dân: "Chồng nó đi năm năm rồi. Nằm một mình không ngủ được." Chú Bạch Vân: "Thằng Sinh Tồn nhà tôi cũng ba năm rồi. - chú nắm cái que lẩy đàn - Ðể tôi gẩy tặng chị một bài."   
Chú gẩy. Tiếng đàn bầu nghe như tiếng người:   
Miếng ngon ai để lại sau   
Người ngon ai để cho nhau đợi chờ   
Miếng ngon ai để đến trưa   
Người ròn ai nỡ để thừa lại sau.   
Chị Bình Dân hát theo tiếng đàn.   
Tuần trăng ấy, tối nào chị Bình Dân cũng cầm mai đi đắp đê. Hôm nào chú Bạch Vân cũng gẩy tặng chị một bản đàn bầu. Một hôm chị nói: "Miếng ngon đừng để đến trưa, mà bây giờ thì tối rồi". Chú Bạch Vân không nói gì, chỉ nắn cái cần đàn. Nó gẫy làm đôi. Chị Bình Dân nói: "Tôi tắt đèn nhá!" Ðèn tắt. Cửa lại đóng. Tối thui một lúc nhưng gió thổi vào cái bếp than hừng lên. ánh sáng mờ mờ. Chú Bạch Vân vẫn ngồi như bức tượng La Hán cầm gậy trên chùa. Chị Bình Dân nói: "Có gì cho tôi ăn đi!" Chú Bạch Vân bỏ đàn, bẻ mấy bắp ngô trong chùm ngô trên vách. "Nướng đi. Than còn hồng!" Chị Bình Dân kéo tay chú: "Lại giây, ngồi cho ấm." Chú Bạch Vân ngồi nướng ngô với chị. Chị Bình Dân dịch sát, tay khều than, trở ngô, tay đặt lên đùi chú Bạch Vân, vuốt vuốt. Rồi chị khoắng vào khe đùi. "Ðừng làm tôi buồn." Chị Bình Dân xô một cái nhẹ. Chú ngả người, hai tay chống về phía sau.   
Ngoài bức vách, anh Hiến lấy lưỡi lê nậy một cái khe ván. Cái túi thư thì đặt xuống đất. Anh ghé mắt nhìn. Khi chị Bình Dân đè lên người đàn ông, anh đạp đổ tấm ván cái rầm: "Hai người ngồi im, giơ tay lên!" Chú Bạch Vân cài lại mấy cái cúc áo tuột ra khi bị xô ngã. Chú nói với anh Hiến: "Ngồi vào ghế uống rượu. Có thư thằng Tồn không?" Anh Hiến vẫn lăm lăm chĩa khẩu A.K vào hai người nói: "Tôi sẽ trả nợ ông. Nhưng ông ngủ với vợ bộ đội, thế là phạm kỷ luật chiến trường. Bây giờ tôi giải hai người về xã. " Chị Bình Dân không nói gì. Có vẻ như chị không sợ. Có vẻ như chị tiếc rẻ cái gì đó. Ðôi mắt chị long lanh, khát vọng và đau khổ hòa nhau, tràn đầy. Anh Hiến quắc mắt nhìn chị: "Ði chứ?" Chú Bạch Vân hét lên như khùng: "Thì đi!" Cả hai đi trước, anh Hiến cầm súng đi sau về trực chiến xã đội.   
Ông xã đội đeo kính lão vào săm soi nhìn hai người mới được áp giải tới. Ông nói: "Thế hả? Chúng tôi đêm ngày trực chiến chống Mỹ cứu nước, còn ông thì ngủ với vợ bộ đội. Các đồng chí, thắp đèn măng sông lên. Giấy bút đây, hai người viết kiểm điểm xem đã ngủ với nhau thế nào?". Chú Bạch Vân đằng hắng: "Chúng tôi đang thức, chưa ngủ." Ông xã đội: "Thức mới là vấn đề. Viết đi." Chị Bình Dân nói: "Thì viết!".   
Chị hí hoáy viết. Chú Bạch Vân lơ đãng cầm bút, nhìn cái đèn măng sông cháy rất đẹp, như chú chưa bao giờ nhìn thấy nó. Ngoài kia cả xóm thức dậy. Những người đàn bà tiết hạnh chạy ra nhà kho, ghé mắt nhìn đôi "trai gái" ngồi bên nhau. Ông Cả Hàn, bố thằng Thịnh, tộc trưởng họ của chú Bạch Vân cũng ra. Ông nhìn qua một cái rồi thở dài. Ông Thảo thầy cúng nói với ông Cả: "Tôi đã biết mà. Nó mà không là chiến sĩ thủy lợi thì nó đã phát điên. Hơ hớ thé, chịu sao nổi. Chỉ khổ cái thân già ông Bạch Vân!" Ông Cả nói: “Nó là em tôi. Nó góa vợ mười ba năm rồi. Chấp gì đứa dở người." Trong nhà ông xã đội oang oang: "Người ta đi chiến đấu trong B. cũng như con ông, vậy mà ông nỡ..." Chú Bạch Vân quẳng cái bút xuống nền nhà, đứng dậy đi khỏi nhà kho, về quán.   
Ông Cả Hàn đi theo chú. Hai anh em ngồi rót rượu uống suông. Ông Cả nói: "Chú làm xấu cả họ Nguyễn nhà mình. Kim đã có chỉ rồi, chú xâu vào nữa làm gì?" Chú Bạch Vân không nói không rằng, mặt tỉnh bơ, lấy chiếc đàn bầu xuống, ngồi gẩy.   
Nửa đêm hôm sau, khi chú đang ngủ, chị Bình Dân mở cái giây buộc, bước vào quán. Chú Bạch Vân lọng ngọng thắp đèn. Chị áp bàn tay lên ngọn đèn cho nó tắt. Rồi chị ngồi xuống cái giường ọp ẹp. Trăng non chiếu qua cửa sổ. Chú Bạch Vân hỏi: "Ðêm qua cô viết những gì?" Chị đáp: "Lại đây rồi biết." Chú Bạch Vân thở như trâu kéo cày. Chú bước lại cái giường. Hai người đổ vào nhau. Ngoài quán, một đôi ếch ộp oạp trong cái rãnh. Sông Thương mềm mại chảy dưới trăng non.   
Nửa tháng sau, một buổi sáng. Ông xã đội, anh Hiến, bà hội trưởng phụ nữ xã từ trụ sở ủy Ban trên đường ra quán chú Bạch Vân. Ông xã đội nói với bà phụ nữ: "Ông này khùng, chúng mình phải khéo." Bà phụ nữ: "Tôi đã phổ biến ba mươi tư cái báo tử trong xã này, ông khỏi lo." Anh Hiến nói: "Chết nhiều quá." Ông xã đội: "Không chết thì làm sao Mỹ nó hàng. Chết thế mà nó còn sắp vác bom ra đây đấy."   
Chú Bạch Vân đã dọn quán. Chú rót ba chén nước, ba chén rượu mời họ uống. Chú nói: "Các ông bà ra đòi kiểm điểm hả? Cứ có tin mừng của thằng Tồn là tôi viết liền." Nhìn anh Hiến, chú tiếp: "Xóa cả nợ cho ông." Ông xã đội nhấp ngụm rượu, đằng hắng: "Có tin thằng Tồn đây. Nhưng không được vui. Nó hy sinh rồi." Chú Bạch Vân rơi phịch xuống mép giường như cây chuối đổ. Chú bảo ông xã đội: "Các ông gọi ngay anh Cả Hàn ra cho tôi." Anh Hiến đứng dậy: "Ðể tôi đi."   
Ông xã đội an ủi: "Từ giờ này trở đi, ông là gia đình liệt sĩ rồi - ông đưa chú cái giấy báo tử - cái giấy này chưa treo được nhưng mua cái gì cũng không phải xếp hàng, đi họp xã được mời ngồi trên. Xã thi hành chính sách, không bắt ông nộp bản kiểm điểm nữa". Bà phụ nữ nói: "Cứ mỗi lần phân phối, chúng tôi sẽ ưu tiên ông mười lăm thước chỉ đen".   
Ông Cả Hàn ra quán. Nước mắt ông lã chã. Chú Bạch Vân không chào ông, mắt trân trối. Ông Cả Hàn: "Thằng Sinh Tồn chết rồi à?". Chú Bạch Vân: "Nó chết rồi. Anh có tiếc nó không?". Rồi chú nói với ông xã đội: "Các ông về được rồi." Ông xã đội, bà phụ nữ, anh Hiến cười nhạt, bước ra. Bà phụ nữ nói: "Không ai như cái ông này".   
Khi ba người đi khuất, chú Bạch Vân đặt cái giấy báo tử lên bàn thờ. Chú lấy vò rượu tưới khắp nhà, đập bỏ bộ ấm chén. Ông Cả Hàn thất sắc nhìn những mảnh sứ vụn. Ông nói: "Chú điên à? Ðập hết thì lấy gì bán quán?" Chú Bạch Vân không trả lời người anh họ. Chú đập nốt chiếc ấm đất đun nước vối. Chú nói: "Tôi mua cái bánh chưng bốn trăm, tôi bán cho người ta năm trăm. Một gói chè hai ngàn tôi pha thành nước bán mười ngàn. Buôn bán là thất đức nên thằng Sinh Tồn nó mới bỏ tôi. Anh có tiếc nó không, anh Cả? " Ông Cả Hàn nói: "Tiếc. Nó mà học đến nơi thì phải nhất làng". Chú Bạch Vân nói: "Cái đời tôi chẳng ra gì. Tôi trông vào nó". Ông Cả: "Nhưng chú cũng phải sống chứ? Chú sống bằng cái gì? " Chú Bạch Vân: "Tôi có để giành được ít tiền, định thằng Sinh Tồn về thì cưới vợ cho nó. Bây giờ thì nó đã cưới con sáu tấm rồi. Nếu mỗi ngày chỉ ăn một bữa, tôi còn sống được lâu lâu". Ông Cả Hàn nói: "Ðừng bi quan mà hại đời mình. Nó có bó trong tấm ni lông thì cũng da ngựa bọc thây vì nước". Chú Bạch Vân nói: "Anh đừng lý thuyết nữa. Ngồi đó mà nghe tôi gẩy đàn".   
Lúc này trời đã trưa. Nắng chan hòa trên mặt đường, mặt sông êm ả. Chú Bạch Vân ngồi xếp bằng tròn trên giường gẩy đàn. Chú nghĩ gì? Ðôi mắt chú trống rỗng. Người ta cảm thấy lồng ngực của chú cũng trống rỗng vì đau đớn. Chú không khóc. Những giọt nước mắt của chú cạn rồi hay chảy vào trong? Chú gẩy đàn bầu:   
Miếng ngon ai để lại sau   
Người ngon ai để cho nhau đợi chờ...   
Ông Cả Hàn rút tấm giẻ ông vẫn làm khăn trong túi ra chấm nước mắt. Ông nói: "Ðời là khổ". Chú Bạch Vân nói: "Không có thằng Mỹ thì mỗi năm ba cái hội làng". Chú nắn cần đàn, tiếng đàn bầu giữa trưa càng da diết bên bờ sông chang chang nắng.   
Chú Bạch Vân nhớ lại những hội làng, những ngày vào đám. Lá cờ đại vuông vức, có tua phấp phới bay trên lũy tre. Những cô gái làng đội nón quai thao, áo là khăn lượt. Những con bê thui lửa cháy đen, nằm vắt qua cái giá gỗ giữa sân đình. Chú nhớ những con diều mang ba sáo, năm sáo, lơ lửng giữa trời cao. Tiếng sáo lúc vi vu, lúc sầu não rống to như những chiếc kèn đồng. Tất cả mờ chùng trong ngấn nước mắt.   
Ông Cả Hàn nói: "Chú đừng đi lại với con Bình Dân nữa. Chồng nó vẫn không biết sống chết thế nào, người ta bới ra thì xấu cả họ". Chú Bạch Vân đặt cây đàn xuống: "Nó đi trước thằng Sinh Tồn hai năm. Còn sống mới lạ".   
Một tốp máy bay ném bom của Mỹ bay qua. Hai anh em loay hoay, không biết nấp vào đâu. Ông Cả Hàn chui xuống gậm giường. Máy bay bay qua. Ông Cả Hàn nói: "Nhà chú không có hầm, tệ quá". Chú Bạch Vân: "Còn lâu nó mới tính đến cái bến này".   
Chị Bình Dân cách ngày lại đến quán chú Bạch Vân. Một hôm chị cắp nách rổ khoai, đến sớm hơn thường lệ. Chú Bạch Vân vặn nhỏ ngọn đèn bảo: "Ngồi lùi vào góc giường. Cô không sợ à? " Chị nói: "Họ không cho tôi đi họp thì tôi ra họp với ông." Chú Bạch Vân: "Ðừng bất mãn. Bất mãn là hư đời. Ðời tôi khốn nạn thế mà tôi có bất mãn đâu." Chị Bình Dân ngả ngớn đổ người vào chú Bạch Vân. Chị vít cổ chú xuống: "Bì sao được với ông. Tôi đã được là gia đình liệt sĩ đâu". Chú Bạch Vân: "Rồi thế nào cũng được". Chị Bình Dân ngấn nước mắt: "Ôi đời tôi sao nó cô đơn khốn nạn thế này!" Chú Bạch Vân ôm vai chị: "Ðừng khóc. Tôi không chịu nổi." Chú tắt đèn.   
Từng tốp máy bay Mỹ bay qua về hướng cầu Thiên Lương. Súng cao xạ nổ rền trời. Những vòm khói xanh, cuộn tròn, năm vòng một của đạn 57. Chú Bạch Vân không xuống hầm, ra cửa quán đứng xem. Một chiếc máy bay cháy ở chân trời. Chú Bạch Vân vỗ tay: "Hoan hô bộ đội đánh Mỹ tài ghê!" Rồi chú nhảy điệu Sinh tiền, điệu Năm chàng thợ mộc. Những người nấp máy bay bên bến đò thấy chú gan lỳ kêu to: "Cái ông này điên à?" Nhưng rồi họ cũng nhảy từ hố lên, xem máy bay, cũng nhìn về phía cầu Thiên Lương. Rồi máy bay Mỹ bay đi.   
Cảnh sông nước, bến đò trở lại thanh bình.   
Chuyến đò ngang lại sang sông. Ba người sỹ quan, đeo lon, mặt mũi ám khói và bùn, nhảy từ đò lên. Chú Bạch Vân mời họ ngồi uống nước. Một anh thiếu tá nói: "Cầu Thiên Lương ba nhịp thì nó đánh sập mất hai rồi. Phải bắc cầu phao qua đây cho pháo." Chú Bạch Vân nói: "Thế là lại đánh nhau ở đây." Anh đại uý: "Ðương nhiên, được đánh Mỹ là sướng rồi." Anh trung uý tiếp lời: "Ông muốn bán quán thì phải đào hầm".   
Hôm sau công binh đến thả cầu phao. Một chiếc ca nô kéo đến những chiếc xà lan, ghép lại với nhau. Rồi rải đường cho xe chạy. Những tấm tôn sơn xanh. Cô lái đò lên quán chú Bạch Vân ngồi uống nước, nói: "Từ nay là tôi vỡ niêu". Chú Bạch Vân an ủi: "Cứ thắng được Mỹ là gì cũng có". Cô lái đò: "Ông mà cũng biết nói tuyên truyền à? " Chú Bạch Vân nói: "Tôi muốn cô em yêu đời. Ðừng có đau đớn như tôi." Cô lái đò nói: "Xin dành cho chị Bình Dân." Chú Bạch Vân nhướn lông mày: "Chớ bép xép mà họ giết. Tôi đập ấm rồi, không buôn bán gì, chỉ hương khói cho thằng Sinh Tồn. Hết tiền là tôi chết." Cô lái đò đứng dậy: "Ông như thế là bi quan. Mai tôi gọi bán đò, đi thanh niên xung phong đây." Chị đi xuống bến sông, tay cắp nón, nhún nhẩy trên mặt cầu phao. Chú Bạch Vân nói: "Sao mà giống mẹ thằng Tồn hồi trẻ thế!"   
Cầu phao đã bắc xong. Ban ngày người đi chợ, đi công tác qua lại. Ban đêm xe kéo pháo chạy ầm ầm. Người ta đắp ụ đất rồi đặt pháo 57 quanh hai đầu bến. Bộ đội pháo vào quán chú Bạch Vân hỏi mua kẹo, mua nước. Chú lại đi mua ấm về đun chè. Nhưng chú không bán. Chú rót nước mời các anh bộ đội trẻ. Nhìn họ uống nước vối, nước chè, hút thuốc lào, chú nói: "Thằng Sinh Tồn nhà tôi cũng giống mấy em đây."   
Máy bay Mỹ đến ném bom cầu phao. Pháo cao xạ nổ ầm trời. Chú Bạch Vân không xuống hầm. Chú chạy vào ụ pháo xin vác đạn. Anh thượng sĩ khẩu đội trưởng nói: "Ông mà hy sinh nữa thì mất giống. Sao không cho chị Bình Dân cái bầu đi!" Chú Bạch Vân thất sắc: "Các em đừng ba hoa. Chuyện đâu để đó. " Chú thượng sĩ bảo: "Ông không biết bộ đội trực chiến cả đêm à? Ai mò vào quán ông chúng tôi biết tất." Rồi tất cả cười.   
Ðêm bến sông yên tĩnh. Trong ụ pháo tiếng chiến sĩ trực chiến nghêu ngao theo điệu bài hát của chiến tranh nhưng lời của chính họ:   
*Ta là con của bố mẹ ta.   
Thắng giặc thì ta sẽ trở về.   
Ta về Ðông Anh, ta về Yên Viên, qua cầu Long Biên là nhà ta đó.   
Bố ta đợi ta...*  
Chú Bạch Vân lấy đàn bầu ra gẩy theo điệu nhạc. Mặt chú đẫm nước mắt. Chú nói một mình: "Bố mày vẫn đợi mày, Tồn ơi. Nhưng mày có về nữa đâu". Một anh lính trẻ vào xin thuốc lào. Anh ta nói: "Sao ông khóc? Phải lạc quan để đánh Mỹ. Ðêm nay là gay go lắm đấy". Anh réo điếu thuốc đến tụt nõ rồi đi ra.   
Pháo lại bắn ầm ầm. Chớp lửa lóe sáng trên bầu trời, phản quang xuống mặt sông. Bom nổ. Không nhìn thấy may bay. Có tiếng la: "Mất mẹ nó một nhịp rồi!" Tiếng bom chát chúa. Những mảnh tôn mặt cầu thia lia trên trời. Máy bay bay đi. Người ta khiêng anh thượng sĩ đã chết vào quán chú Bạch Vân. Một chiếc xe tải thương chở anh ta đi vào đêm tôi. Anh thượng uý nói: "Bây giờ tất cả tập trung chữa cầu, mạch máu ra chiến trường không thể đứt!" Bộ đội nhảy xuống sông tìm cách neo xà lan lại với nhau. Dân làng túa ra. Chị Bình Dân cầm một cái mai dài. Anh Hiến cũng có mặt. Anh bảo chị: "Có phải đi đắp đê đâu!" Chị Bình Dân nói: "Tôi quen thế rồi." Chị vào quán chú Bạch Vân. Chú không có nhà. Chị xuống mố cầu tìm chú. Anh Hiến nói với ông xã đội: "Ngựa về đường cũ!" Ông xã đội: "Cứ sửa xong cầu rồi hẵng hay". Những chiếc xà lan đã được neo lại với nhau. Bộ đội mình trần, mặc xà lỏn, ướt như chuột lột. Chú Bạch Vân từ bến lên, cũng ướt. Chú vào quán, đốt một đống củi to đun nước rồi ngồi hơ tay sưởi. Anh thượng uý đi vào: "Ông Bạch Vân, tôn bay hết rồi. Xe không chạy được. Ông cho bộ đội mượn ít ván thưng." Ông xã đội cũng có mặt. Ông nói thêm: "Tất cả cho chiến thắng!" Chú Bạch Vân mặt ngẩn ngơ, không nói gì. Rồi chú nhếch mép: "Khẩu hiệu ấy, tôi thuộc rồi. Nhưng cứ lấy đi!" Ông xã đội mừng quýnh, nói: "Ông thật có tinh thần. Xã mà được đơn vị quyết thắng thì ghi công ông. Còn bản kiểm điểm thì xóa!" Bộ đội lấy thanh sắt, nạy ván. Cái quán nhỏ rung rinh. Người ta vác ván trên vai chạy ào ào xuống cầu, đặt ván lên thân xà lan. Anh thượng uý nói: "Phải dỡ hết mới đủ". Chú Bạch Vân dọn chăn chiếu vào mấy cái bị, xua tay: "Cứ dỡ hết đi!" Gió thổi ào ào qua quán, tóc chú Bạch Vân lâu ngày không cắt, bay phất phơ. Chị Bình Dân cũng tham gia vác ván, nhưng mặt chị ỉu xìu, ngẩn ngơ. chú Bạch Vân nhìn chị, quay mặt đi. Rồi chú lại nói như hét: "Lấy nữa đi!" Mấy anh lính trẻ xúm lại, mỗi người ôm một cái cột gỗ. Một anh hô: "Dô ta! Dô ta nào!" Cái quán đổ cái rầm. Mọi người xúm lại rút gỗ, rút ván và cả lá cọ nữa mang xuống cầu. Chú Bạch Vân đứng bên đống bị cói, tất cả đồ, đạc, tài sản của chú. Chú nói như hát: "Hoan hô bộ đội! Ðánh Mỹ tài ghê!" Chú chắp tay vào nhau nhảy điệu Sinh tiền, điệu Năm chàng thợ mộc. Mọi việc đã hoàn tất. Một chiếc xe con từ bên kia bấm còi. Anh thượng uý bắn một phát súng lục, nòng súng chĩa lên trời. Tiếng hò reo dội xuống mặt sông. Thông cầu! Thông cầu! Xe qua. Pháo qua. Mặt sông lại yên tĩnh. Từ một ụ pháo, lại có tiếng hát non choẹt của một anh lính trẻ: "Ta là con của bố mẹ ta..."   
Chú Bạch Vân ngồi lên đống bị cói, mặt ngây dại. Chú đặt cây đàn bầu lên đùi, ngồi gẩy theo điệu hát của anh lính. Sáng hôm sau, chú Bạch Vân mang mấy cái bị, cây đàn bầu, như một người bán hàng rong, về nhà ông Cả Hàn. Ông Cả đang moi một cái hố núp máy bay. Ông nhảy lên. Hai người đứng bên miệng hố. Chú Bạch Vân nói: "Tôi xin anh về ở nhờ nhà từ đường. Anh cho chứ?" Ông Cả xoa tay: "Ðược. Nhưng còn chất bao u-rê. Chú dọn lấy một góc". Rồi ông tiếp: "Chú làm vẻ vang cả họ. Sáng nay đài huyện nói về chú." Chú Bạch Vân: "Nói thế nào? " Ông Cả: "Dài lắm! Chú dỡ nhà làm cầu cho xe qua. Còn một cái lai quần chú cũng quyết thắng Mỹ! Chú Bạch Vân thật anh hùng. Ðại khái thế!".   
Chú Bạch Vân gọi thằng Thịnh, con trai ông Cả, cùng đến nhà từ đường. Hai chú cháo khuân bao u-rê, dọn một góc trống. Chú Bạch Vân đặt mớ đồ đạc xuống, trải chiếc chiếu rách lên nền lát gạch, dựng cây đàn bầu vào cột nhà. Thằng Thịnh nói: "ấm ghê, mà không sợ cả máy bay nữa. Có mảnh bom nào là bao u-rê che hết cho chú." Chú bảo nó: "Trưa nay có gặp chị Bình Dân mày bảo tao đã dọn đến đây".   
Chị Bình Dân ở trụ sở ủy Ban xã. Chị đang ngồi đối diện với ông chủ tịch. Chị nói: "Tại sao không cho tôi đi đắp đê? " Ông chủ tịch đáp: "Chỉ còn hơn ngàn khối đất nữa chị có thể được lên anh hùng. Nhưng chị không đạt khâu đạo đức nên không cho chị đi đắp đê.". Chị nói: "Tôi vác đất quen rồi. Không vác đất thì lấy công điểm đâu mà nuôi mẹ chồng với hai đứa em chồng? " Ông chủ tịch: "Vác đất cũng là làm cách mạng. Phải chọn người tử tế".   
Chị Bình Dân trở về nhà. Bà mẹ chồng ốm như bà đẻ hậu sản, nằm trên cái chõng. Hai đứa em anh Bình Dân ngồi học ở góc nhà. Chị Bình Dân nói: "Từ nay tôi không đi thủy lợi nữa. Tôi ở nhà theo trâu". Chị Bình Dân đi cày. Ði cấy. Ði gặt. Chị gặp ông Thảo thầy cúng ở cổng làng. Cái bừa làm toạc một mảnh vải ở vai áo ông Thảo. "Cái con này!" ông Thảo nói. Vừa lúc ông Cả Hàn đi tới. Ông thầy cúng phân bua: "Nó làm rách vai áo tôi. Ngữ này mà không cho đi vác đất thì nó vác trai về nhà".   
Thằng Thịnh đến nhà chị Bình Dân. Nó gọi chị ra ngõ. Nó nói: "Chú Bạch Vân bảo tối nay chị đến". Chị đáp: "Ðược rồi, cứ về đi". Thằng Thịnh sắp đi thì chị gọi lại: "Chỉ một mình em biết chuyện này thôi nhớ!" Chị dúi vào tay thằng Thịnh một cái bánh chưng con, nói: "Mười giờ tối nay em đến đón chị ở gốc cây muỗm, em cứ đứng ở đó cho đến lúc chị về. Hễ ai đi qua thì em hèm một tiếng cho chị. Em có làm được không? " Thằng Thịnh đáp: "Em làm được". Chị dúi vào tay nó tờ bạc: "Cho em". Thằng Thịnh giẫy: "Em không biết tiêu tiền". Rồi nó chạy biến.   
Ðêm đến. Tiếng ếch ộp oạp quanh bờ ao, quanh gốc muỗm. Mái nhà thờ họ Nguyễn đen kịt sau đám lá. Một quầng sáng vàng như đom đóm hắt từ sau nhà thờ lên hàng dâm bụt xanh đen. Thằng Thịnh đứng ở gốc muỗm. Chị Bình Dân như một bóng ma, nép vào những cây bạch đàn ven đường lần tới. Chị đến bên thằng Thịnh: "Chị vào đây. Nhớ hèm cho chị một tiếng nhé!" Chị lại men theo hàng dâm bụt vào sân nhà thờ.   
Chú Bạch Vân ngồi gẩy đàn bầu. Nhìn thấy bóng chị Bình Dân, chú đứng dậy. Chị Bình Dân nói: "Ðây là nhà thờ, không như ngoài quán. Phải cẩn thận". Chị biến vào nhà từ đường. Chú Bạch Vân thở dài, cầm cây đàn bầu đi theo. ánh đèn vàng tắt ngấm. Ngôi nhà thờ tối om. Dưới gốc muỗm thằng Thịnh đứng nhìn trời cao. Mảng trời lộ ra, sao chi chít, mờ ảo.   
Mẹ chồng chị Bình Dân nấc lên một tiếng rồi chết.   
Ðám tang do ông xã đội chỉ huy vì người chết là mẹ bộ đội. Dân làng trước sau đến rất đông. Chiếc quan tài sơn son được đám trai làng khiêng ra khỏi ngôi nhà tranh. Hai bên dân làng đứng đón. Hai cậu em trai anh Bình Dân mặc áo xô, lưng thắt giây chuối, chống gậy đi sau. Bỗng mọi người nhìn thấy chị Bình Dân bước ra. Chị mặc áo vải màn, vấn nùn rơm trên đầu, tay chống gậy. Ông Thảo đang cầm phách gõ nhịp cho người ta khiêng quan tài, hô hoán: "Ai cho phép con dâu chống gậy đưa mẹ chồng? Bảo nó cởi ra ngay!" Dân làng nhìn nhau. Ông xã đội bước tới sát chị Bình Dân, nói: "Ông Thảo nói phải. Về cơ bản phải theo lệ các cụ. Với lại, chị có tử tế gì cho cam!" Chị Bình Dân như không nghe thấy ông xã đội nói, cứ dấn bước sau quan tài. Mắt chị đỏ hoe. Bộ ngực lộ căng dưới tấm áo tang vải màn. Chị hất tay ông xã đội, nói như hét: "Tôi thách các người đấy. Các người có đi vác đất nuôi mẹ tôi không? " Ông Cả Hàn đứng ra dàn hòa: "Thế cũng được, thời nay là thế".   
Một buổi chiều, chị Bình Dân thắp hương trước bàn thờ mẹ chồng. Chị lùi ra, khấn: "Mẹ ơi, mẹ có khôn thiêng thì chứng giám. Con mới hai mươi tám tuổi. Chồng con chết sống thế nào con không hay. Hôm nay con soạn lễ trăm ngày cho mẹ chu tất rồi. Các em cũng đã lên trường. Tiền ăn, tiền học của chúng con đã lo đủ. Mẹ cho con đi với ông Bạch Vân. ¡n nên làm ra thì con gửi tiền cho các em ăn học. Mẹ khôn thiêng xin mẹ phù hộ độ trì".   
Trời đã tối, trên con đường làng lỗ chỗ vết chân trâu, nhỏ như sợi giây thừng giữa cánh đồng, hai bóng người lúi húi đi. Chú Bạch Vân đeo bị, tay xách chiếc đàn bầu. Chị Bình Dân theo sau. Họ đi. Bóng họ nhỏ dần, biến mất phía bờ sông.   
Ông Cả Hàn ngồi trầm ngâm hút điếu ống. Ông xã đội bước vào. "Ông Cả, có giấy báo tử đồng chí Bình Dân. Bây giờ ta báo cho ai?" Ông Cả thất sắc: "Cái giấy đâu? Ông đặt lên bàn, tôi vái vong linh nó một cái" Ông xã đội lấy tờ giấy trong túi xách mang bên vai ra, đặt lên bàn, đè cái xe điếu lên trên. Ông Cả đứng vái ba cái, ông kéo ghế ngồi: "Mời ngồi, ta nói chuyện. Thằng Bạch Vân nhà tôi với con Bình Dân biến mất hôm qua". Ông xã đội nói: "Chắc là tìm phương nào hú hý với nhau rồi. Ðôi ấy mà rơi vào tay tôi thì tôi bắn". Ông Cả nói: "Cái đó tuỳ ông. giá có tờ giấy trước vài ngày thì nó đã không bỏ đi. Bây giờ ta đến mở nhà nó, đặt giấy lên hương án. Xã nên giữ cho hai em nó cái nhà này".   
Hai người đến nhà chồng chị Bình Dân. Làm mọi việc như ông Cả đề nghị. Xong việc, ông xã đội nói: "Tôi đưa trụ sở xã đội trực chiến về đây để giữ cái nhà".   
Ông Cả Hàn về nhà, lại trầm ngâm bên cái ấm điếu. Ông gọi thằng Thịnh lên. Ông nói: "Ghi vào sổ ngày mười ba tháng chín là ngày chú Bạch Vân bỏ nhà ra đi để sau này mà làm giỗ". Thằng Thịnh lấy hòn phấn ghi vào xà nhà. Ông Cả lại nói: "Tao sợ chú ấy đi trẫm mình ở Vực Nầm. Hết tiền thì nhảy xuống vực là tiện nhất. Tao biết chú ấy không còn một xu dính túi".

\*   
\* \*

Thằng Thịnh bây giờ đã là anh bộ đội. Mũ gắn sao. Quân phục mùa hè. Vai mang ba lô, lại còn gá một cái khung xe đạp Sài gòn nữa. Nó đã về đến cổng làng. Nó gặp ông xã đội. Bây giờ ông đã già, đang dắt một con nghé. "Chào đồng chí Thịnh! Còn sống mà về ư?" Ông xã vồn vã lấy tay ôm vai đồng chí Thịnh. "Giải phóng rồi. Vui lắm. Tụi tui đánh thẳng vô Sài gòn. Tôi đã được ngồi lên cái ngai của thằng Thiệu nhé! Còn đồng chí, vẫn xã đội chứ?" "Tôi già rồi, bây giờ theo trâu. Phải dành cho lớp trẻ". Ông xã đội nói.   
Ông Cả Hàn mổ một con lợn nhỏ mừng con về. Cả họ đến ăn. Rịch ràng nửa ngày trời. Tối, hai bố con mệt mỏi, ngồi bên bàn uống nước. Trăng chiếu vào nhà. Thịnh hỏi: "Có tin gì chú Bạch Vân không bố?" Ông Cả đáp: "Chắc là chết rồi". Thịnh lại hỏi: "Còn chị Bình Dân? " Ông Cả đáp: "Ngữ ấy có sống cũng coi như là chết". Thịnh nói: "Thương thật. ¡n nằm với nhau bao nhiêu năm trời mà không để lại được đứa con". Ông Cả nói: "Từ ngày mất quán thì ăn nằm vào đâu nữa". Thịnh nói: "Trong nhà từ đường ấy chứ đâu". Ông Cả đứng dậy: "Mày nói thật không?" Thịnh đáp: "Sao không, tôi đứng gốc muỗm canh cho họ mà". Ông Cả Hàn quắc mắt. Ông rút trên mái nhà xuống một cái roi mây. Ông phất cái roi vun vút để hả cơn giận. Ông nói, giọng lạc đi: "Cái roi này đã rèn mày nên người. Bây giờ nằm xuống đi, tao đánh mày hai mươi roi để tạ tổ tiên". Thịnh nói: "Bố đợi tôi cởi xong phù hiệu trên áo. Tôi là con bố nhưng là bộ đội cụ Hồ". Thịnh cởi phù hiệu. Nằm xuống, nói: "Ðược rồi, bố đánh đi".   
Ông Cả Hàn đánh đủ hai mươi roi.   
Nửa đêm, ông đánh thức Thịnh dậy. Tay ông cầm một cây đèn bão. Ông nói: "Mày cầm cái thuổng, cái cuốc rồi theo tao". Hai bố con lặng lẽ như thằng ăn trộm ra nhà từ đường. Ông Cả chỉ chỗ nền đất trống, gạch lót đã mủn từng đám. "Nó nằm ở đây phải không? " Thịnh đáp: "Phải". Hai bố con dùng thuổng và cuốc đào miếng nền nhà to bằng cái chiếu. Thịnh xúc đất cho vào rổ, đổ ra vườn. Ðào xong, cả hai ra vườn nhà thờ, khuân đất mới đổ vào, lấp lại như cũ. "Khiêng mấy bao u-rê này đè lên". Ông Cả nói. Thịnh làm theo. "Còn con gà giò. Mai tao làm một mâm cúng tổ". Ông Cả nói.   
Sáng hôm sau, Ðót, bạn chăn trâu với Thịnh, giờ đã năm con, đến nhà. Ðót bảo: "Chị Bình Dân về làng rồi. ở nhà bà Hoát". Ông Cả Hàn bảo: "Mày đến nhà bà Hoát xem". Thịnh và Ðót đến nhà bà Hoát. Chị Bình Dân không còn trẻ nữa mà đã thành một bà nạ dòng xơ xác. Chị gầy, vẫn nhanh như con vịt đẻ, dáng người dong dỏng trong chiếc áo cánh phin cũ. Chị đang lấy đồ đạc trong mấy bị cói ra phơi trước sân. Một thằng bé trai khoảng bảy tuổi, rắn rỏi và nhanh nhẹn giúp chị. Thịnh ôm lấy vai chị: "Chị còn nhớ em không? Thịnh đây mà!" Chị Bình Dân đặt cái bị xuống, ôm lấy Thịnh: "Sao lại không, ông mãnh! Chỉ sợ em quên chị thôi". Thịnh nói: "Em nhớ"   
Thịnh nhìn người đàn bà. Thịnh nhớ một thời đã thật sự xa vắng. Những đêm trăng trên con đê dài, chị Bình Dân ném tảng đất trên vai xuống uỳnh uỵch, tiếng cười, tiếng hát. Chị tròn trĩnh, rắn chắc, chạy băng băng từ chân đê lên, một tảng đất lớn trên vai. Lưng chị vẫn thẳng nhưng tảng đất thì oằn lại dưới trọng lượng bản thân nó. Chị quẳng tảng đất xuống mặt đê, không ngoái lại, rồi băng băng chạy xuống. Những tay thợ đấu nhìn theo chị mà nuốt nước miếng ừng ực. Họ nhìn chị mà lòng tan nát. Thịnh nhớ lại một lần đứng canh dưới gốc muỗm, muỗi đốt không chịu được, nó lần vào nhà từ đường. Qua khe hở của hai bao u-rê, hai kiếp người cô đơn đang thảng thốt dạt vào nhau. Chị Bình Dân nép mình trong bàn tay ve vuốt của chú Bạch Vân, cả hai cùng chìm trong những giây phút êm ái đang qua.   
Thịnh hỏi: "Chú Bạch Vân ở đâu hả chị?" Chị đưa tay vỗ vai thằng bé trai bấy giờ đang thẹn thò nép mình bên chân mẹ:   
- Ông ấy đây. Giống thế mà anh không nhận ra em à?   
Thịnh nhìn kỹ thằng bé và bỗng sững sờ: đôi mắt, cái trán, dáng người của thằng bé là của chú Bạch Vân. Chị Bình Dân nói:   
- Hải, lại đây. Nhận họ đi con!   
Thịnh lại ra đi. Một cuộc chiến tranh khác đang chờ người lính. Anh dừng lại một chút ở cổng làng, nơi vợ chú Bạch Vân chết năm xưa. Chú không còn là gì với xóm làng này, với cả bản thân Thịnh. Không ai nhờ cậy được chú điều gì. Chú ở đây hay biến mất thì cũng thế. Nhưng không ai quên được chú. Thịnh đi giữa cánh đồng mà lòng vẫn nặng chĩu. Anh đứng lại, nhìn về phía làng. Một cây bạch đàn già nua, cao vút, ai trồng từ thuở nào hay nó tự mọc lên ở đầu làng, thân cây bị bão táp vặn vẹo. Mọi người thường không để ý đến nó, nó không phải là cây đa, cây đề. Nhưng rồi, khi từ một chốn xa quê trở về làng, ta đưa mắt nhìn cái ngọn của nó và bỗng thấy chính cây bạch đàn giản dị, vô danh ấy đang trở thành hình ảnh chân thực nhất của cái làng chôn nhau cắt rốn tội nghiệp.   
Không ai quên được cây bạch đàn. Cũng như không ai ở làng này quên được chú Bạch Vân.

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Gặp lại**

Nhuần cầm ống nghe lên và nhận ra ngay giọng nói quen thuộc. Chất lượng điện thoại khá tốt nên không biết được người gọi ở xa hay gần. Có lẽ gần. Mà xa hay gần cũng thế thôi.   
"Cho tôi xin gặp Nhuần!"   
Ðúng y rồi. Nhuần đặt ống nghe xuống. Nhưng cô không tiếp tục làm việc được nữa. " Do you want to save changes to..." Máy tính hỏi một cách tận tuỵ và lễ phép. Không ! Không ! Không ! ngay khi nhận ra đúng là y, trong đầu Nhuần đã có những tiếng không dứt khoát và cô bấm No lên màn hình. Thế là làm mất nửa trang vi tính vừa mới đục vào. Phải đánh lại thôi. Dù bị máy trừng phạt xoá mất nửa giờ làm việc về tội lơ đễnh còn hơn nói có với y ta.   
Nhưng Nhuần không bình yên được nữa. Máy kêu bíp bíp đến chói tai báo lỗi. Chuông lại reo.   
"Alô ! Cho tôi xin Nhuần ạ!" lại tiếng nói ấy tuyệt vọng, cầu khẩn.   
" Dạ, Nhuần đi vắng !" Nói xong Nhuần biết ngay mình phạm sai lầm. Làm sao có thể dạ với y ta được chứ ? Ðã có mười bảy chàng trai tỏ tình với Nhuần và cậu nào cũng nói : " Nghe em dạ là tôi đã bị hút mất hồn" . Mười bảy người đến và mười bảy người chẳng nhận được gì ngoài tiếng dạ mà họ thích. Họ quay đi chẳng được gì cũng chẳng mất gì ngoài một câu vọng cổ mùi mẫn. Y là người thứ mười tám. Y cũng nói y nát lòng vì tiếng dạ ấy. Y đã được, được tất cả. Bởi vì người ta chỉ có mười bảy khoảng khắc mùa xuân mà y lại là người thứ mười tám. Y đã thắng cuộc chơi marathon, đã nhận huy chương và đã vất nó xuống đất để theo một cuộc marathon khác hứa một giải cao hơn.   
" Nhuần, đúng là.. ."   
Y đã nhận ra tiếng mình, Nhuần nghĩ, không cho y nói hết câu, đặt máy, trở về chiếc ghế xoay. Ðiện thoại đặt phía sau lưng. Bên trái là chiếc bàn làm việc mênh mông của sếp. Căn phòng ở tầng ba. Mỗi năm sếp cho dọn lên một tầng để chống bệnh béo phì và cũng nhờ thế, mỗi năm Nhuần rút được một xăngtimét vòng đo thứ hai.   
Nhưng không làm việc được nữa. Nhuần sút đao máy, cầm tờ báo mới lên xem. Báo đưa tin sếp và cả Khang, chồng Nhuần đang ở Tôkyô, đi thăm thú hãng S. Họ hứa là sẽ bán cho sếp hàng xịn chứ không phải đồ nghĩa địa. Không biết sếp vui hay buồn. Một vụ tham nhũng mới được phát giác ở góc tư trang nhất tờ báo. ảnh em học sinh lớp mười bơi ra giữa sông dìu được hai bạn cùng lớp sắp chết đuối vào bờ. Nửa trang tư dành cho một vụ bội tình, cô gái ham yêu bị tạt ướt mặt, nhưng may cho cô, bà Hoạn Thư mua phải một chai axít dỏm. Tác giả kêu gọi lương tâm khi yêu chồng người, bài báo về vụ tham nhũng cũng kêu gọi lương tâm khi giữ tiền nhà nước. Hôm nay không có án mạng.   
Chuông lại reo vừa đúng lúc Nhuần liếc xong tờ báo. Xếp đi vắng, nếu có nghe cũng chẳng được việc gì. Cô lỳ lợm ngồi yên, không nhấc máy lên nhưng tâm thần bất định. Chuông reo đúng mười bảy lần thì đến giờ ăn trưa.   
Y chọn một cái bàn trong góc quán, mobi cầm trong tay. Chủ quán là người mê chuyện vụ án đã kê cái bàn ấy, nói là sẽ dành cho cảnh sát theo dõi bọn trốn trại đi ăn cơm bình dân. Ngồi ở đây có thể bao quát " toàn bộ tình hình" , bà ta nói. Nhuần và các bạn trong sở thường ăn ở đây vì nó sát cổng cơ quan và cũng để bà chủ quán kể cho nghe hôm nay vỡ hụi hay có lừa đảo xẩy ra ở đâu. Bà đặc biệt thú những chuyện lừa đảo và thường khen bọn lừa hai chân này là chúa thông minh. Chắc chắn y là siêu thông minh vì y lừa được cả những người như mình. Nhuần nghĩ mỗi khi nghe bà chủ quán vừa đếm tiền vừa kể, nếu có chuyện để kể thì ít khi bà ấy trả lại chỗ tiền thừa. Một cái mánh ngọt thương trường.   
Và y đang ngồi kia. Nhuần như là một người khác khi nhìn thấy y. Mình có thể đặt ống nghe xuống nhưng không thể không bước lại cái bàn.   
- Chào anh. - cô nhếch mép.   
Y đứng dậy.   
- Anh chờ em từ sớm. Bà chủ bảo thế nào em cũng đến ăn trưa.   
- Hôm nay em chỉ đến trả tiền thiếu hôm qua. - Nhuần nói và bước lại phía bà chủ quán.   
Y níu tay áo Nhuần, khéo léo dùng chân đẩy ra cái ghế nhựa.   
- Em ngồi xuống đây.   
Nhuần như bị thôi miên, ngồi xuống.   
- Em ăn gì ?   
- Không, trưa nay em không định ăn.   
- Thì uống vậy.   
Y gọi hai cốc cà phê sữa. Y khuấy cà phê cho Nhuần, không nói gì.   
- Anh tìm em có việc gì ?   
- Anh nhớ em.   
Y đáp và khuấy cà phê.   
- Anh chán vợ rồi à ?   
- Không, bọn anh vẫn bình thường.   
Y không nói gì nữa. Nhuần uống cạn một hơi thứ cà phê bán kèm với mùi cơm bụi rồi đứng dậy.   
- Em về. - cô nói. - em yêu cầu anh đừng tìm em. Anh Khang em không thích thế.   
Y vẫn ngồi yên tại chỗ.   
- Thích hay không là việc của cậu ấy.   
Nhuần lên phòng làm việc. Cô trân trối nhìn mấy con thạch sùng đuổi nhau trên trần nhà dán thạch cao, đôi chỗ đã úa vàng. Y là người tỏ tình thứ mười tám, nhưng lại là người được yêu đầu tiên. Nhuần đổ vào đời y như một cái cây đã long rễ vừa gặp cơn gió mạnh. Không hối tiếc gì. Không tiếc thời gian của ba năm cháy vèo như thanh củi trong lò lửa. Không tiếc cả đời con gái. Thật ra cũng công bằng. Mất chừng đó để hiểu được thế nào là tình yêu. Dạo đó y vừa tốt nghiệp, cả cuộc đời còn ở phía trước. Y có yêu mình không ? Có. Chắc chắn là có. Nhưng mình không phải là thứ người y cần cho tương lai của y. Khi Xuân, vợ y bây giờ xuất hiện với đầy đủ những yếu tố đã được y tính trước: nhà, con gái một ông kễnh mà bóng mát có thể che mưa nắng cho vài chục chàng rể. Trừ nhan sắc. Mà nhan sắc nếu tin lời y thì y đã từng sở hữu" viên kim cương đẹp nhất của thế gian" là mình. Y không cần tìm kiếm nữa. Cái y tìm kiếm mình không có. Cái mình có là nhan sắc và tiếng dạ thì y đã có, đã no xôi chán chè rồi, nên y không cần. Y quay phắt lại, hướng về con mồi mới. Ðầu tiên y lỡ một buổi hẹn. Rồi buổi thứ hai. Buổi thứ ba y đến với những lời xin lỗi làm mình rơi nước mắt. Bọn ký túc xá năm thứ tư hầu như đứa nào cũng có người yêu. Ðứa nào ế thì mượn một thằng đồng hương đóng vai cho đỡ tủi và đỡ sốt ruột trước cơn sốt yêu đương thường bùng lên vào năm cuối. Lũ phòng B9 ký túc xá nói lỡ hẹn là khuyết điểm dễ thương nhất của bọn con trai, phải tha thứ. Nếu nó cáo thì đã không lỡ hẹn, bọn cáo đến rất đúng giờ với mày để còn tranh thủ đi với đứa khác, có nhiều chương trình nên phải đúng giờ. Cho đến một hôm, cùng con Nhàn đi bệnh viện C để giúp nó "giải quyết vấn đề", Nhuần gặp y và Xuân ở đó. Xuân tái nhợt nằm trên giường phẫu, cạnh Nhàn. Chị bác sĩ bưng cái khay đi ra. Y nhăn nhó chạy theo. Nhuần nghe chị ấy nói sau cánh cửa:"Ðến muộn quá. Nhưng không sao. Anh vừa mất thằng con trai". Y quay lại và lúc đó mới nhận ra Nhuần. Bọn bạn nói : "Cho nó về mo đi !". Hai tháng sau y cưới Xuân và biến mất khỏi đời Nhuần. Người khách trọ ba năm không một lần ghé qua chỗ cũ.   
Hai ngày sau y không gọi điện mà đến chờ Nhuần ở quán cơm. Vẫn ngồi ở cái bàn bà chủ định dành cho công an "theo dõi bọn trốn tù"ấy. Nhuần lại tách khỏi đám con gái cơ quan đến ngồi với y. Y đã gọi cơm sẵn. "Em đã bảo anh không được đến đây" Nhuần nói. Y không đáp. Xới cơm, chan canh vào bát cho Nhuần. Y nhớ từng thói quen của mình là chan canh để ăn bát đầu tiên. Có lẽ vì chi tiết ấy mà Nhuần không đuổi y hay đứng dậy. Hai hôm sau nữa, vẫn thế. Y không nói câu nào về chuyện cũ. Thực ra từ hôm đầu đến nay Nhuần vẫn chờ y cất một lời xin lỗi hay thanh minh để ném vào mặt y những gì định nói ba năm nay. Phải nhẫn nhục với y để chờ dịp ấy. Nhưng y không nói. "Anh muốn nói với em một điều quan trọng"Y nói sau cuộc gặp lần thứ tư ở quán ăn. "Anh nói đi !" Y nói : "Chúng mình lên hồ Tây nhé?" Nhuần im lặng. Và cô quyết định như là chính cô đã mời y đến : "Bao giờ ?" Y đáp : "Chiều nay, sau tầm" .   
Nhuần ngồi trong phòng trống, vắng sếp, vắng công việc thường bận rộn quanh năm, vắng cả Khang thỉnh thoảng từ tầng 5 chạy ào ào xuống như chữa cháy xộc vào, xin lỗi sếp, chụt vào cái má đỏ sẵn của vợ, dúi vào tay vợ một miếng kẹo cao su rồi đi. Cô nghĩ tới cuộc gặp chiều nay. Hồ Tây là cái nôi của mối tình đầu. Bao nhiêu ghế đá gốc cây biết những bí mật của đời cô. Quả thật là mình cũng rất muốn trở lại đó với anh ta. Với anh ta chứ không hề với Khang. Trước ngày cưới, chưa lần nào Nhuần hẹn Khang lên hồ Tây cả. Mình sẽ nói với anh ta những gì định nói ở hồ Tây chứ không phải nơi khác. Nghĩ thế, nhưng Nhuần lặng đi vì cô thấy mình muốn lên hồ Tây với anh ta không chỉ để nói. Một cảm giác tò mò, êm dịu và khó hiểu làm Nhuần bối rối.   
Tan tầm, họ ngồi lên xe máy đi về hướng hồ Tây. Nhuần có nhiều bạn, vả lại, không ai trong cơ quan, kể cả bà chủ quán khua môi bẻm mép, nghi ngờ tình yêu chồng của Nhuần nên chẳng ai để ý khi thấy Nhuần cùng chạy xe bên cạnh y, kể cả hôm nay là thời gian ai cũng biết Khang ở tận Tôkyô.   
- Ðây là cái gốc cây trước đây - y tạt vào một chỗ bên hồ, gần nhà hàng nổi - em nhớ không ? vẫn còn cái ghế đó. Kỳ thật, họ đổi tất cả ghế ở đây, trừ cái này.   
- Chắc là để làm nhân chứng - Nhuần chì chiết một cách cố ý nhưng ngoan ngoãn xuống xe.   
Chiều xuống nhanh trên mặt hồ. Hai người ngồi cạnh nhau nhưng không chạm vào nhau. Y vẫn không nói gì. Còn Nhuần thì không thể cất lời nếu y im lặng. Sự im lặng của đêm trước bão. Cuối cùng, Nhuần đứng lên :   
- Em phải về.   
Y níu tay áo cô :   
- Anh chưa kịp nói gì với em.   
Cái chạm nhẹ của ngón tay y vào tay áo làm Nhuần run rẩy. Y chưa hề thô bạo với cô. Dạo ấy, y chỉ chạm nhẹ vào tay áo cô và cô đã đổ xuống. Cô tưởng đó là tình yêu. Nhưng cũng may, cảm giác làm thức dậy những thèm khát cũ và tình cảm yếu đuối qua nhanh. Nhuần ngồi xuống, cứng cỏi, chủ động. Bởi vì, giá như anh ta không chạm nhẹ vào tay áo mình mà vồ lấy mình ngốn ngấu thì có lẽ.. . Ngày xưa, y là siêu trong những mánh tế nhị chết người, nhưng bây giờ thì chưa đủ đô.   
- Em không hề quan tâm xem anh sống thế nào. Em không còn là thần hộ mệnh của anh nữa. Phải thế không, em ?   
Một chút thương hại làm Nhuần mềm lòng. Nhưng cô thẳng người, cố giữ một cơn giận ùa đến. Mình còn giận anh ta ư ? Sao mình còn giận anh ta mới được chứ ? Thật ngốc. Khoảng không nhàm chán. Ðó là tất cả những gì còn lại giữa mình và anh ta.   
Cô lại đứng lên. Bây giờ thì Nhuần đã rõ. Y đã không nhận được chút gì hết từ tay Xuân, ân huệ của Xuân và của cả ông bố Xuân. Y ở trong thành phố này, nhưng y chỉ đến với mình đúng dịp Khang đi vắng lâu ngày. Cô chua chát nghĩ tiếp, cũng như y đã từng yêu mình trong khi chờ làm rể một ông kễnh.   
Không ngờ chiếc xe hôm qua vừa trục trặc vì bụi hay cái gì đó bỗng nhạy đến thế. Nhuần bấm nút đề và quên chưa về mo nên nó vút ngay ra đường. Như là Nhuần cố tình quên không về mo vậy. May không đụng phải ai. Hú vía.   
Lần đầu tiên trong chuyến đi Nhật, Khang gọi điện thoại về nhà. Lúc tiễn chồng ra sân bay Nhuần dúi vào tay Khang mấy tờ đô lẻ. "Ðể anh phôn cho em" cô nói "em không muốn anh dùng tiền của sếp".   
- Về nhanh đi anh, em kể cho anh nghe chuyện này hay lắm.   
Chưa bao giờ Nhuần thấy nhẹ nhõm đến thế. Cũng nhờ chiếc xe, may mà nó nổ ngay. Nếu không thì ai biết chuyện gì sẽ xẩy ra chiều ấy.   
Chuông lại reo. Lần này thì chắc không phải Khang rồi. Anh ấy nhớ mình nhưng không chịu phí tiền đến thế đâu. Lại chính là Y. Nhuần thấy dửng dưng. Không giận, cũng không buồn. Mà chỉ thấy buồn cười khi nghĩ là y đã gọi đến phòng ngủ của mình chứ không phải đến nơi làm việc như mọi hôm.   
- Anh đang trống hả ? - Nhuần đáp và bỗng phá lên cười - Em chỉ đường cho anh nhé. ở chỗ hôm chúng mình rẽ vào hồ Tây ấy mà, em thấy có mấy cô xinh lắm, xinh hơn cả em nữa kia, đứng dưới gốc cây sấu .. .   
Lần này chính y đặt máy xuống trước. Nhuần ngã người lên giường cười ngặt nghẽo.   
  
Kim Giang 1997

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Ðêm thứ mười hai không phải của Sêchxpia**

Cuộc điền dã đã đến ngày thứ mười. Một chiếc xe Jeep trắng thuê của Sở Tài chính. Tang vật của một vụ án tham nhũng đang chờ phát mại. Bốn cái bánh của nó đang tạm thời lo bữa trưa ngoài lương chính cho cơ quan sở. Vì thế có lẽ còn lâu lắm nó mới được đưa ra bán đấu giá. Ba sinh viên, hai nữ, một nam. Người thứ tư là một nhạc sĩ, ông không là giáo sư nhưng có uy tín về folklore, lại là bạn thân của chủ nhiệm khoa nên được mời đi với đoàn với tư cách người hướng dẫn. Vậy là đã có bốn người. Ðủ hai người đàn ông để làm chứng và giữ gìn đạo đức cho nhau.   
Thùy xinh nhất trong hai nữ sinh viên. Ðoàn điền dã có năm mươi phần trăm là người đẹp. Ông nhạc sĩ chưa quá "âuđờ" theo nhận xét của cậu sinh viên sính tiếng Anh, nghĩa là chưa quá già, tất nhiên không còn trẻ nhưng lại rất, rất si tình để vớt vát tuổi trẻ có lẽ quá nghiêm nghị. Cậu sinh viên nam cùng đi không si tình, không già, không trẻ, một tính cách mờ nhạt, khó gây ấn tượng, như cô sinh viên bạn Thuỳ cùng đi. ở đâu có người đẹp là ở đó có kẻ si tình. Năm mươi phần trăm đàn ông trong đoàn là người si tình, tỷ lệ dưới mức bình thường ở xứ Lạc Việt nhiều nhà thơ.   
Họ đi sưu tầm ca dao và truyện cổ. Khóa học nào cũng có đoàn điền dã đi sưu tầm. Kho tàng dân gian cũng như ao cá, bắt mãi, tát mãi rồi cũng có ngày hết. Phải bắt lại mấy con cá đã bắt năm ngoái cũng không ai nói gì. Ngày thứ mười, họ đã sưu tầm được một trăm hai mươi câu ca dao dạng lục bát chưa ai biết. Ông nhạc sĩ thấy mảng đề tài lao động hơi mỏng, liền có sáng kiến tổ chức một cuộc thi sáng tác ca dao trong đoàn. Ðiều kiện : đề tài lao động nông thôn, có phong cách cổ, đương nhiên đồng ý chuyển nhượng bản quyền cho dân gian. Thuỳ được giải nhất. Hai bạn có tính cách mờ nhạt chia nhau hai giải nhì đồng hạng. Các giải là những cát-xét album của ông nhạc sĩ, ông hứa sẽ đưa đến tận nhà. Cuộc thi chớp nhoáng trong một ngày đã bổ sung vào kho tàng dân gian mới sưu tầm được ba mươi câu ca dao lục bát. Một kết quả không ngờ trên vùng đất đã được cày xới nhiều lần.   
Ngày thứ mười một không còn việc gì làm nữa. Ðó là một ngày khốn đốn đối với Thùy. Mới bảnh mắt ông nhạc sĩ đã rủ Thùy đi chào từ biệt "đồng chí chủ tịch xã", địa phương đoàn dừng lại cuối cùng. Ðường đi phải qua một trảng cỏ mênh mông đến tận một cái bản tít tắp. Nhạc sĩ nói: Ðồng cỏ thơ mộng nhá, lại qua một con suối nữa, nếu em mặc chiếc váy ngắn... thì tuyệt!" Thùy hoảng: "Thưa ông, em có mang bộ váy nào đi điền dã đâu" Một nụ cười không nghe thành tiếng: "Em đừng giấu tôi" Quả thật, Thuỳ đã nói dối. Cô nhét tận đáy chiếc ba lô nhỏ bộ váy màu thanh thiên đẹp nhất của cô để phòng hờ. Nếu cảnh vật quả thơ mộng như nhạc sĩ nói thì nhất định mình phải từ chối. Cô nói: "Thưa ông hôm nay em mệt, ông bảo chị Hương đi cùng" Nhạc sĩ hiểu và ông quyết định huỷ bỏ cuộc đi "từ biệt" vì xem ra làm như vậy nó quá lễ nghĩa đối với một ông chủ tịch xã mới gặp một lần.   
Buổi chiều vẫn không yên. Ông nhạc sĩ xách đến nhà Thuỳ trọ một cái chuồng chim. Trong chuồng là một con hoạ mi. Món quà của ông trưởng thôn đây. Một con hoạ mi có tên Sơn Cước, hót rất chuẩn, chiến rất mùi. Ông nói: "Thế là nó sắp được làm dân Hà nội" Thuỳ nhìn con chim, nói: "Nó sẽ học được phép lịch sự và lẳng lơ" Ông nhạc sĩ nói: "Nhưng nó bị nhốt trong chuồng, nghĩa là bị đưa ra khỏi tiến trình sinh sản. Vì thế nó chọi mới hăng, hót mới hay" Thuỳ cười ý nhị: "Thưa ông, cũng chưa chắc. Không phải ai bị ẩn ức hót mới hay" Ông nhạc sĩ nói: "Frớt đã bảo thế mà!" Sơn Cước hót một chuỗi tiếng kim rồi hạ xuống tiếng đồng. Nó hót hay thật, tuy chưa biết ngày mai bị xách về Hà Nội. Mày đã biết sắp được hưởng vinh dự ấy chưa, hả chim? Thế là mất gần cả buổi chiều về chuyện con chim. Không còn thời gian gội đầu. Chị chủ nhà không có chồng, xin ai được một đứa con trai nay đã năm tuổi. Chị nói: "Chị không xin dân trên phố, nghe nói giống họ yếu mà lại hay lòng thòng, mang tiếng ra!" Thuỳ để lại biếu chị hộp Ri-gioi mới dùng mấy ngày. Chị nói: "Chị xin, giữ làm kỷ niệm. Nhưng chiều nay em thử gội nồi nước lá chị nấu xem sao". Sắp gội thì ông nhạc sĩ đến. Ông biết Thùy bận nên đối đáp với ông rời rạc. Nhưng ngày mai đã lên xe rồi. Về Hà nội thì phong cảnh tuy là danh thắng cả đấy nhưng không còn vẻ gợi cảm xui đẩy người ta hành động bâng quơ nữa. Mà ông thì biết rõ qua kinh nghiệm một đời người là các cô gái chỉ mất phương hướng khi có một ngoại cảnh mơ màng làm những tâm hồn nhạy cảm thổn thức. Về Hà nội thì không còn cái "mơ màng" ấy nữa, con người ta lại ngồi vào trước cái bàn tính nhân sinh. Trước cái bàn tính ấy, ông chẳng có mấy ưu thế. Ông phải trở lại với danh tiếng của ông, với sự mô phạm gương mẫu của ông, với ý thức gia đình nghiêm chỉnh, điểm số của ông sẽ quá thấp so với một anh chàng điển trai, trẻ trung bất kỳ nào, đó là chưa nói đến chuyện có thể xẩy ra như một ông Tây đầu tư hay anh Việt Kiều yêu nước có thể từ trên trời đổ bộ xuống chẳng hạn. ở đây ông có địa lợi, có thiên thời, chỉ thiếu một chút tình cảm riêng tư của người con gái bé nhỏ đã hút hồn ông lâu nay nữa thôi. Ông nói chuyện với Thùy về con hoạ mi mới được tặng, về thức ăn cho nó, về những con hoạ mi nổi tiếng một thời trong giới chơi chim thủ đô, về những con hoạ mi khác cũng nổi tiếng không kém trong nhạc phẩm của Mozart hay Glinka... Thùy nghe với vẻ kính trọng “tính uyên thâm” trong câu chuyện của nhạc sĩ, nhưng hững hờ. Cô nóng ruột nhìn nồi nước gội đầu chị chủ nhà chuẩn bị từ trưa đang đặt trên bếp.   
Gội đầu xong, đang túm tóc quay vun vút cho mau khô, nhạc sĩ lại đến. Chắc ông vừa tắm xong, thơm tho trong bộ quần áo chưa thấy ông mặc lần nào từ ngày về đây. Sơ mi xám, quần bò màu bạc, hai thứ đó kéo ông trở về tuổi trẻ hàng chục năm. Lần này ông không nói. Ông ngồi như một tín chủ ngoan đạo nhìn ngắm thần tượng của mình. Kinh nghiệm cho ông biết, sau những câu chuyện đầy tính uyên thâm mà không ăn nhằm gì, ông sẽ im lặng. Nó thường hữu hiệu như quả bom nguyên tử ở Hirôsima trước một hiệp ước đầu hàng. Nhưng Thuỳ không có vẻ xúc động gì vì sự im lặng đó. Cô đang muốn nghĩ ngợi một mình. Cô muốn dành cả buổi tối để ôn lại cảm xúc của chuyến đi điền dã đầu tiên trong đời. Về nông thôn. Về công việc sau khi ra trường. Về một đám hoa dại không biết là hoa gì bỗng dưng hiện ra hôm đó khi cô vừa bước tới một khúc quanh trên con đường mòn dẫn tới bản Lắng. Những bông hoa đỏ tươi một cách lạ lùng làm cô sửng sốt. Về một chú bé bị bệnh giun chỉ, chân to như voi và đôi mắt buồn của chú. Về một con chó Mẹo khoang trắng chạy bên một cái ao nước, bóng nó chập chờn trong làn nước yên tĩnh màu tro thật đẹp. Tất cả đều lung linh với cô như một giấc mơ. Và cô đau khổ khi thấy mình đang tỉnh dần, đang phải rời bỏ dần những bông hoa, đôi mắt buồn của chú bé, con chó, cái bóng chập chờn của nó... Trước mặt cô là nhạc sĩ. Ông đã ngồi im lặng với cô hai tiếng đồng hồ. Rồi ông đứng dậy, đi ra, nét mặt khổ nạn như vừa đi thăm người ốm về.   
Thuỳ không ngủ được. Cô muốn làm một cái gì đó để không cho những ấn tượng kia bị mờ nhạt đi. Nhưng kỳ lạ thay, chính trong đêm ấy hình ảnh ông nhạc sĩ, người đã không gây cho cô cảm xúc gì trong mười một ngày qua đã chiếm lĩnh đầu óc cô. Ông chỉ đến lớp cô nói chuyện về dân ca trong mấy tiết vào cuối năm thứ ba. Và cộng thêm mười hai ngày điền dã. Người ta bảo ông đang có một gia đình hạnh phúc. Hạnh phúc ư? Không hiểu nó thế nào. Nhiều người bảo rằng có một nguyên tắc ông chưa hề vi phạm là nếu ở Hà nội thì ông không bao giờ ngủ ở đâu khác ngoài nhà mình. Rằng khi phải đi ăn với ai hoặc về nhà muộn quá giờ vì bạn bè chèo kéo thì chỉ năm phút sau ông gọi ngay điện thoại cho bà vợ, có lần điện thoại nhà ông bị hỏng, ông đã phải nhờ một sinh viên đi xe máy về đưa thư cho bà hay. Rằng vợ ông là người có bệnh tim lại cao huyết áp nên chưa bao giờ ông nói nặng với bà một lời, cậu sinh viên đưa thư hộ ông, bức thư viết vội nên không kịp dán, đã đọc được những hàng chữ rất mùi mẫn:" em thương yêu, my darling, ma très très chère [1] vân vân". Nhưng sinh viên cũng biết ông có rất nhiều người tình, những người tình rất trẻ rất đẹp. Không ai biết ông đã chinh phục đám mỹ nữ ấy như thế nào, ông đối xử với họ ra sao, cái biên giới gần gũi giữa họ có bị vi phạm hay được tôn trọng. Chỉ biết là ông không bao giờ bị ai kêu ca, những người tình không kêu ca, mà chính bà vợ "hạnh phúc" của ông cũng không hề phàn nàn. Ông có tiếng nhưng không bị tai tiếng. Ðối với Thùy, ông là một người đáng trọng. Vì kiến thức uyên bác. Vì trách nhiệm với âm nhạc. Vì cái tiếng Anh và tiếng Pháp tuyệt vời của ông. Vì giọng hát dân ca ấm áp khi ông minh hoạ bài thuyết giảng. Ông muốn gì ở mình đây? Một người tình như bao người tình trẻ đẹp khác từng là "của ông"? Một con búp bê để ông chơi hay một bức tượng để ông chiêm ngưỡng? Dù là gì đi nữa, Thùy vẫn thấy mủi lòng. Cô hối tiếc là đã không chịu đi chào từ biệt ông chủ tịch xã với ông, đã không đi với ông qua những trảng cỏ "trong một buổi chiều thơ mộng" và nếu họ bị giữ lại ăn cơm ở nhà ông chủ tịch, có thể hai người phải qua cái trảng cỏ thơ mộng ấy trong cả buổi tối. Thuỳ cũng hối là đã không tung hứng với những cảm xúc của ông về con hoạ mi, đã không cảm thông với hai giờ đồng hồ im lặng của một người cô hằng kính trọng...   
Nhưng sáng mai đã là ngày thứ mười hai. Sáng sớm mai chiếc xe Jeep đã phải nổ máy đưa họ về nhà. Thùy không còn cơ may để làm bất kỳ chuyện gì nữa.   
Chiếc xe qua nhiều địa hình, nẩy lên dằn xuống. Thuỳ đã tìm cách để ông nhạc sĩ ngồi lên ghế trước. Cô không muốn ngồi cùng ghế với ông. Cô chọn ngồi ngay phía sau ông, cạnh cô bạn. Cậu sinh viên ngồi một mình trên ghế thứ hai với đống quần áo, chăn màn, chiếc lồng chim. Sau khi ăn cơm chiều trong một cái quán có bầy ruồi luôn vo ve một cách khả nghi chiếc xe lại lên đường đi vào đêm thứ mười hai. Thùy nhìn bóng cái đầu bù xù của ông nhạc sĩ nổi lên, nhảy múa trước ánh sáng vàng khè của đèn pha. Ông không nói nhiều như lúc đi, sự im lặng đó buộc Thùy phải nghĩ tới ông suốt cả đoạn đường. Cô sinh viên ngồi cạnh kêu buồn nôn vì xe xóc. Thuỳ nói: "Mình cũng vậy" Anh sinh viên họa theo: "Khúc cá tanh quá, lại nhiều ruồi", đó là anh ta nhớ lại bữa cơm chiều. Bỗng Thùy thấy một bàn tay từ phía trên, đúng bàn tay ông nhạc sĩ lần xuống, chạm nhẹ vào lớp vải quần bò trên đùi mình. Ông rụt lại ngay và một chút sau tìm đúng bàn tay Thùy đang run rẩy. Một miếng kẹo cao su dẹt và mềm được thả vào tay cô với bao trìu mến, chiếc kẹo run lên trong sứ mệnh tế nhị của mình. Lần nữa, Thùy mủi lòng vì sự quan tâm cô chưa từng được hưởng, nó mang mùi vị khác thường, lén lút, bí mật, e lệ. Nhưng giây phút ấy qua rất nhanh. Thùy bỗng hiểu ông nhạc sĩ đang muốn gì ở mình. Cô lần tay cô bạn đang buồn nôn ngồi bên, thả chiếc kẹo vào tay nó.   
Chiếc kẹo cao su được chuyền vào tay cậu sinh viên trong bóng tối lúc nào không hay. Ðến lúc chiếc xe phải ngừng lại để đổ nước vào két thì nó được cậu sinh viên thả vào tay anh lái xe. Nhưng anh lái, đang xấu hổ vì chiếc xe cho thuê quá ì ạch, không nghĩ tới chuyện nhai chiếc kẹo. Anh dúi vào tay ông nhạc sĩ ngay lúc xe nổ máy.   
Họ đi vào đêm. Hà nội mỗi lúc một gần với vầng sáng điện ở chân trời. Ông nhạc sĩ bàng hoàng vì miếng kẹo nhỏ bé trở lại tay mình như trong chuyện cổ tích. Ông không nhai mà lén vứt nó qua cửa sổ như để vĩnh biệt một cuộc phiêu lưu tình cảm không thành.   
Sau đó Thùy được biết trong túi ông nhạc sĩ thường xuyên có một hộp kẹo cao su nhỏ. Ðã có nhiều cô gái được thả kẹo vào tay và đã ăn nó để tự điền tên mình vào bản danh sách cô hồn. Thùy không tiếc vì đã không ăn thanh kẹo ấy trong đêm thứ mười hai của chuyến đi. Và cũng may là vở bi hài kịch này đã không do Sêchxpia vĩ đại và nồng nhiệt, và nhẹ dạ viết ra.   
  
  
[1] Em yêu, em rất rất thương yêu ( tiếng Anh, tiếng Pháp)

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Michioa**

 Nghe buồn buồn trên mắt, hắn bừng tỉnh dậy. Michioa đang cào, nó cào bằng cả hai chân trước, không nhẹ nhàng mà mạnh, rất mạnh. Hắn không cảm thấy đau. Michioa biết thu vuốt vào khi cào hắn. Cái này thì khác với vợ hắn. Vợ hắn không biết thu vuốt lại khi cào hắn. Những lúc đó hắn cụp mắt xuống, đi ngủ hay làm việc gì đó.   
Michioa ghen với giấc ngủ vùi quá ngon của hắn. Giấc ngủ thường mộng mị, có bao nhiêu chuyện, bao nhiêu sự cố, nhiều khi làm hắn sợ đổ mồ hôi hay cười phá lên nhưng không tài nào kể lại nổi. Mà kể lại với ai những giấc mơ của mình bây giờ khi nàng không còn nữa, nàng đã đi và có thể đã chết? Hay là Michioa cào hắn để báo tin cho hắn là nàng đã chết? Cũng có thể nàng đi lấy chồng, hừm, cái này còn tệ hơn là chết. Không, nếu nàng đi lấy chồng thì chắc hắn không còn mộng mị nữa. Hắn nghĩ những giấc mơ của hắn là tất cả những gì nàng muốn nói chuyện với hắn qua ngàn trùng xa cách. Nếu nàng chết thì những mộng mị ấy cũng không còn. Nàng tất sẽ mang theo giấc mơ của hắn. Tình yêu ư? Hắn tự hỏi và cũng tự trả lời. Lớn hơn, khác hơn và nguy hiểm hơn điều mà hắn nghĩ là tình yêu, đó là mối tình của hắn với nàng. Nhưng lớn hơn tình yêu là cái gì chứ? Có tình cảm nào lớn hơn tình yêu không? Hắn chỉ muốn thu hẹp trong mối liên hệ hai người, hai con người, quả thật, giữa hai con người thì chẳng có gì lớn hơn tình yêu nữa. Vậy thì nàng là gì của hắn chứ? Ðã là gì? Hắn không muốn hỏi, không muốn trả lời nữa.   
Nàng bước đến, cầm tay hắn rồi nói, "Arigatô", cám ơn, hắn không nhìn thẳng vào mắt nàng mà chỉ nhìn bàn tay, nó mỏng, như một cái lá, xanh nhưng không thấy những đường gân. Hắn muốn biết thật rõ là nàng muốn cám ơn hắn vì chuyện gì? Giá như nàng nói thật rõ. Nhưng chỉ cám ơn. Bàn tay vừa dẹt vừa xanh rút về rồi cái dáng người nhỏ nhắn biến mất, lẫn vào sau những bụi hoa giấy, một cây sứ, nàng có đội nón không hắn cũng không nhớ nữa, có cái gì như chiếc nón trắng, bằng vải, nó cũng nhẹ và mỏng, hay đó chỉ là một cánh bướm thấp thoáng sau giàn hoa giấy. Khách sạn nào ở Vũng Tàu cũng nhiều hoa giấy, nhiều hoa sứ, nhiều người, nhiều thác loạn. Biển thúc người ta quậy phá, yêu nhau, hát hò ầm ĩ, vừa ăn vừa uống vừa khạc nhổ, la hét, vậy mà hoa sứ và tượng Phật lại quá nhiều, nhiều hơn bất cứ bãi biển nào hắn từng đến. Nàng cám ơn hắn vì cái gì mới được chứ? Hắn nhớ ra rồi, chính hắn, với bộ ngực hộ pháp, đôi cánh tay của võ sĩ Karatê đã dẹp một đám quậy phá trong sân khách sạn, bên dưới cửa sổ của nàng. Thực ra chúng quậy ngay dưới cửa sổ của hắn, gần cửa sổ của hắn hơn và hắn ra tay mạo hiểm dẹp đám càn quấy đó là vì hắn, vì giấc ngủ của hắn chứ không phải vì nàng, không phải vì ai cả. Vậy mà mãi đến chiều hôm sau nàng đến cầm tay hắn và nói cám ơn. Nàng gặp lại hắn hai ngày sau đó, ở một cửa hàng bán đồ lưu niệm, đẹp nhất là những con cá cóc to và tròn như một quả bóng, tự nhiên như người quen cũ. Nàng nhờ hắn chọn và mà cả cho một con, nàng không nói tiếng Nhật mà tiếng Anh, hắn muốn khuyên nàng nên mua một thứ khác, cá nóc dù đã sấy khô, đã được tô vẽ thật đẹp vẫn làm hắn ghét có lẽ vì thứ chất độc trong gan nó, dù gan đã bị lấy đi rồi, tất nhiên, nhưng giá như người ta đừng tô vẽ chúng thì hơn. Nhưng hắn không đủ tiếng Anh để nói, tiếng Nhật lại càng không, hắn lúng túng trông như đứa trẻ, đứa trẻ trong bộ ngực hộ pháp và đôi cánh tay gân guốc karatê, nàng nhìn hắn như nhìn đứa trẻ con và lúc đó hắn mới nhìn thẳng vào mắt nàng. Lúc đó hắn biết thế nào là một đôi mắt dành cho hắn, của hắn, lần đầu tiên trong đời, đôi mắt không tô vẽ, không đi viền, không gì hết, nó mở sâu về bên trong, trong vắt.   
Lần đầu tiên trong đời, hắn đã yêu, đã cưới nhưng mối tình đầu của hắn không bắt đầu từ đôi mắt. Ðó là một sai lầm hắn phải trả giá đến suốt đời. Hồi đó hắn chỉ thấy cô ta đẹp, cô ta thông minh, cô ta con một ông kễnh nên có việc làm thơm tho ngay sau khi ra trường. Hắn không quan tâm đến đôi mắt của cô ta. Nhiều năm sau này mọi đau khổ của hắn lại xuất phát từ đôi mắt ấy, nghĩa là, hắn muốn nói từ bản chất tâm hồn cô ta, cái bản năng không kiểm soát nổi của cô ta, những bất hoà, xung khắc mà không bên nào vô lý vì bên nào cũng có lý của mình, vân vân những chuyện gia đình chật hẹp, điên đầu, ty tiện và đểu cáng nữa cũng đều xuất phát từ đôi mắt mà hắn bỏ quên không nhìn thẳng vào từ những ngày đầu tiên ấy. Hôm đó hắn đã "duyệt lại" một đoạn đời và hắn hiểu sai lầm của bản thân là không biết đọc và hiểu cô ta qua đôi mắt thành ra mọi thứ hắn mê hắn say, kể cả chuyện giường chiếu nữa đều từ đôi mắt ấy nghĩa là từ tâm hồn cô ta. Hắn đã bỏ quên cái hồn để chạy theo cái xác. Mối tình đầu ấy không chết vì thực ra nó chưa hề có, hắn (và cả cô ta nữa) nhầm tưởng là nó đã từng có mà thôi.   
Vì hai phòng trọ cạnh nhau nên hắn chẳng ngạc nhiên chút nào khi đêm ấy, đã mười giờ hơn, khi dưới sân bọn càn quấy vẫn còn nhảy disco và hát ầm ĩ, sóng biển Bãi Sau vẫn gầm thét, nàng đã sang phòng hắn, không phải để cám ơn mà để ngồi chuyện gẫu, cũng không phải chuyện gẫu, vì hai người chẳng nói gì nhiều với nhau. Hắn rót coca cola mời khách, kể bâng quơ chuyện Vũng Tàu và mục đích vì sao hắn có mặt tại đây. Nàng kể chuyện mình, chuyện một công ty điện tử Nhật Bản ở Biên Hòa nơi nàng làm việc, nơi nàng bị suy nhược thần kinh vì quá căng thẳng, vì mất thăng bằng tâm lý, cũng vì lý do dó mà nàng được phép đến đây nghỉ ngơi mấy hôm. Hôm sau cuộc nói chuyện dài hơn, hắn không sang phòng nàng chơi để đáp lễ mà vẫn như đứa trẻ thẹn thùng ngồi tiếp khách. Hắn nói chuyện điện thoại với vợ từ Hà Nội gọi vào trước mắt nàng, vẫn đôi mắt ấy nhìn và nghe, bình thản như nàng biết từ lâu là hắn đã có vợ chứ không phải đêm nay. Ngày hôm sau họ đi tắm biển với nhau, không phải ở Bãi Sau mà Bãi Dứa, dưới chân ngôi chùa có tượng Phật nằm, nơi có rất ít du khách đến tắm ngoài những cặp tình nhân ngồi với nhau bên bờ đá vắng vẻ. Ðêm hôm ấy hắn sang phòng nàng, vẫn côca côla chứ không có bia nhưng câu chuyện đã đổi khác về bản chất. Từ đôi mắt nàng đã có dấu hiệu của sự hoảng hốt và nổi loạn. Hắn đánh bạo nói với nàng là hắn sẽ báo về cơ quan ở lại Vũng Tàu thêm mấy ngày nữa, hắn rút chiếc hộp con biết nói trong túi ra nhìn nàng và chờ, nếu nàng gật đầu hắn sẽ gọi Hà Nội và nói chuyện ở lại thêm mấy ngày trước mắt nàng.   
Nhưng nàng đã xua tay. Ðôi mắt nàng nhìn hắn, cái nhìn cho hắn biết nàng đã hiểu ý định của hắn, như nàng hiểu cuộc sống gia đình đang bên bờ vực tồi tệ của hắn. Rồi nàng quỳ xuống, ngoan ngoãn như một con mèo, đưa tay ve vuốt cái ống quần bò căng sát đùi hắn. Nàng bảo hắn phải về đúng hạn, hắn không nên và cũng không thể ở lại thêm ngày nào nữa. Có lẽ vốn tiếng Anh của nàng quá ít nên những câu nàng nói trở thành văn hoa như trong sách hoặc đơn giản nàng chỉ muốn nói như thế để hắn dễ nghe thủng mà thôi. Hắn biết nàng đang nói về một cơn bão đang kéo đến tàn phá mọi thứ và cả hắn lẫn nàng phải biết trốn chạy, rằng trách nhiệm của mỗi người không phải ở đây mà ở chỗ khác, rằng trách nhiệm bao giờ cũng cao cả còn tình yêu chỉ là một món quà thiêng của Thượng Ðế và người ta chỉ giữ được nó, chỉ có nó khi biết chạy trốn nó. Hắn đỡ nàng lên, lại rót côca, hắn là khách mà rót côca mời chủ nhà vì lúc đó trông nàng thiểu não, thảm hại như bị say nắng còn hắn thì quá bối rối nhưng cảm thấy sung sướng, hạnh phúc.   
Hắn bỏ chạy thật, chẳng những không ở lại thêm mấy ngày mà còn rời Vũng Tàu trước thời hạn mấy ngày, không kịp chia tay ai, kể cả nàng lúc đó đang ngủ, hắn tưởng nàng đang ngủ nhưng khi chiếc taxi nổ máy chạy được một quãng, hắn quay kính nghẹo đầu nhìn lại phía sau và nhìn thấy nàng đang đứng nhìn hắn và chiếc xe của hắn qua tấm kính cửa sổ mờ hơi sương buổi sáng từ biển tràn lên. Hắn nhớ mãi đôi mắt và đôi bàn tay ve vuốt trên đùi hắn đêm đó, hắn nghĩ tới một con mèo, dịu dàng, yêu thương nhưng đôi mắt thật bao la, mạnh mẽ và kiên nghị, chính đôi mắt ấy đã làm hắn chao đảo, hấp dẫn, quyến rũ hắn xáp gần rồi lại xua đuổi hắn cũng không kém phần mãnh liệt và kiên quyết.   
Hắn nuôi một con mèo và gọi nó là Michioa, một cái tên Nhật Bản.

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Hai người từ thị xã**

Nhiều chàng trai bảo nhau, nếu muốn tìm người đẹp thì hãy đến những thị xã nhỏ và yên tĩnh gần thủ đô. Kinh nghiệm có lẽ đúng với thị xã S. chỉ cách Hà Nội vài chục cây số. Có một thời S. đã nổi danh vì có nhiều người đẹp. Thời gian qua đi, cho đến những ngày này người ta chỉ còn nhắc tới tên tuổi hai người. Ðó là Diễm và Thuận, một cặp bạn thân.

 Cách đây hai mươi năm, ngày Diễm lên xe hoa, ở quán cà phê cạnh dãy thành cổ, những chàng trai, kể cả các bậc trung niên ngồi lặng lẽ uống trong khói thuốc lá mịt mù và thỉnh hoảng ai đó hộc lên một tiếng chửi tục khó hiểu, có hai người ôm mặt che những giọt nước mắt rồi khóc rống lên. Người đẹp đi lấy chồng đã để lại một khoảng trống và nỗi buồn đến tê dại trong thị xã nhỏ bé. Dân thị xã khó hiểu khi biết Thuận đã không có mặt ở đám cưới dù hai người thân nhau đến mức Diễm đã hứa là sau này "hai đứa sẽ lấy chung một chồng" để suốt đời khỏi phải sống xa nhau!

 Sau đó, cuộc sống bình lặng vẫn trôi đi. Rồi đến lượt Thuận cưới chồng vào tuổi ba mươi lăm, nàng lấy một ông giáo viên "rổ rá cạp lại" dạy học cùng trường với nàng. Ông giáo chết sớm, để lại người vợ nhan sắc một thời nay đã đã tàn, với hai đứa con nhỏ dại, thằng Luận và con Thục.

 Khi Luận học hết năm thứ ba đại học kiến trúc thì Thục cũng thi đỗ vào một trường đại học gần đó. Thuận ngất xỉu khi nghe tin Thục trúng tuyển. Nàng mừng vì cái đích của đời mình đã đến trong tầm tay. Nhưng trước mắt nàng lại là mặt biển mênh mông: làm sao có đủ tiền chu cấp cho hai dứa con ăn học ở Hà Nội củi châu gạo quế? Nàng lĩnh sổ hưu và có một quyết định làm những người quen thân trong thị xã và chính nàng cũng ngạc nhiên. Thuận gửi nhà cho ông anh và theo con gái lên Hà Nội vào ngày khai trường. Khi đứa con gái đã nhận phiếu ký túc xá và cái bóng nhỏ bé của nó tan vào trong đám sinh viên nội trú ăn mặc đủ loại áo quần màu sắc sặc sỡ, nàng tìm đến một trung tâm tuyển người giúp việc.

 Mùa thu với bầu trời trong vắt phía sau những cành cây khẳng khiu của cây bàng đang rụng lá trước trụ sở của trung tâm tìm kiếm việc làm. Thuận quả quyết bước lên bực thềm lác đác mấy cái lá vàng bị đám người xin việc xéo nát. Nàng thấy công phu tự học tiếng Anh của mình trong hai năm qua đang giúp nàng tự tin hơn.

 - Vâng - người phỏng vấn nàng nói sau khi căn vặn nàng đủ điều, đã thử hỏi nàng mấy câu tiếng Anh thông dụng trong gia đình - có lẽ chị đúng là người mà một khách hàng của chúng tôi yêu cầu. Ðây là một gia đình người Việt mình nhưng họ yêu cầu như Tây.

- Chú có thể cho chị biết... Thuận hồi hộp.

- Ðể tôi xem. Ngoại hình sạch sẽ, không khuyết tật, có văn hóa và ngoại ngữ để tiếp khách trong các bữa tiệc. Chị biết không? không như ở các tỉnh lẻ đâu, người ta muốn có các cô ô sin biết ngoại ngữ để được mát mặt trong các bữa đãi khách ngoại quốc. Nào, còn gì nữa đây?

Thuận cố dướn người để lướt qua bản yêu cầu nhưng không đọc nổi. Thú thực là nàng rất hồi hộp.

- Nếu là cựu giáo viên thì tốt - người phỏng vấn mỉm cười - chắc đây là yêu cầu của bà chủ vì các cô giáo tính nết thuần thục, tiết hạnh của ông chủ được an toàn hơn. Vả lại còn có thể kềm cặp tý chút cho trẻ trong nhà.

 Nếu lương cao thì cũng được, Thuận nghĩ bụng, miễn là có tiền cho cái Thục. Và chị hồi hộp nghe tiếp người phỏng vấn, không muốn ngắt lời anh ta.

- Tóm lại là một ôsin cao cấp. Tôi nghĩ là chị có thể đáp ứng được. - anh chàng nhìn chị với cái nhìn hóm hỉnh - nhưng em e chị khó qua được kỳ sát hạch của bà chủ vì chị có tuổi mà vẫn còn xuân sắc lắm. Chắc ngày xưa chị đẹp lắm phải không?

 Thuận thở dài. Chị đã quen và nhờn những lời tán tỉnh của cánh đàn em thường thua chị đến chục tuổi.

- Thì chú cứ giới thiệu cho tôi đi - nàng cười chua chát - nếu chú sợ thì trước khi đến nhà cho người ta sát hạch, tôi quệt bồ hóng lên mặt vậy.

- Ồ không - anh chàng suýt soa - em nói thế thôi. Chị đạt được một trăm phần trăm tiêu chuẩn của họ rồi đấy. Em chúc mừng chị. Ðây, chị cầm giấy này rồi đến gặp người ta.

- Tôi quên hỏi chú - Thuận sực nhớ - công việc và lương bổng thế nào ạ?

- Suýt thì quên! Làm việc vặt trong nhà. Có quyền xem Ti vi chương trình thời sự và mỗi tuần một bộ phim tuỳ chọn vào buổi tối. Không nhận người chỉ yêu cầu dưới ba trăm ngàn tiền lương một tháng.

- Cơm nuôi?

- Ðương nhiên rồi. Tay này khôn, người chịu nhận lương ít thì chắc là làm ăn không ra gì. Chị cứ thử bảo họ năm trăm xem sao? Nhớ là hai tháng lương đầu cho bọn em xin đấy nhé.

- Vâng, tôi xin phép.

 Ðêm đó nàng ngủ với con gái trên căn giường một chật ních trong ký túc xá, thấp tha thấp thỏm chờ sáng. Nếu được nhận thì tương lai đang mỉm cười với nàng. Tương lai của hai đứa con nàng sẽ được bảo đảm và như thế thì đời nàng còn đòi hỏi gì hơn?

 Thuận, như tên của nàng, ít khi có cảm giác tủi thân vì mình nghèo hay ghen tỵ với những người giàu có. Rất giản đơn vì nàng không có thói đánh giá ai đó qua của cải. Nàng có cách giải thích của phần lớn người á Ðông: kiếp trước mình vụng tu hơn người ta đó thôi! Vì thế, nàng tự cho quyết định đi làm ôsin của mình là hợp lý. Nàng không hề tủi thân, trái lại còn cho đó là giải pháp duy nhất may nàng kịp nghĩ ra được để nuôi con cái thành người. Thằng Luận, con Thục có thể ma tuý, lười học và hư hỏng được không khi mẹ nó phải suốt ngày lau cầu thang và rửa bát cho người ta để lấy tiền nuôi chúng nó? Có phương pháp sư phạm nào tốt hơn không?

 Một ông già làm vườn bước tới cổng khi nghe tiếng chuông. Ông nhận tờ giấy của công ty giới thiệu việc làm qua cái lỗ nhỏ. Có tiếng bản lề sắt nặng nề quay và cửa hé một khoảng nhỏ vừa đủ cho Thuận bước vào.

- Bà đang ngủ. Nhà chị vào ngồi chờ bà ở phòng khách độ nửa tiếng. Bà nhận được điện thoại của công ty chiều qua, bà mừng lắm, nhất định chị phải chờ.

 Ông vui vẻ dẫn Thuận vào một phòng khách nhỏ chắc chuyên dùng để tiếp những người như Thuận vì nhìn qua cánh cửa khép hờ phía trong, nàng thấy cả một đại sảnh bóng lộn và rộng mênh mông. Trên cái bàn nhỏ có mấy tờ báo cũ để cạnh bộ ấm pha trà.

- Khi nào bà chủ dậy, tôi sẽ vào báo cho chị - ông già làm vườn nói.

 Ngồi chưa ấm chỗ Thuận đã nghe tiếng huýt sáo miệng phía ngoài. Cái đầu bù xù và một khuôn mặt nhầu nát ghé qua cửa sổ.

- Cô đi tuyển ôsin đó a? á, xinh ghê, là lá la lá la là... - y lại huýt sáo, giật cửa, nhưng may là ông lão làm vườn đã bấm khoá lúc đi ra, có lẽ khỏi mất công để mắt đến người khách lạ.

Ông lão vào phòng khách ngay sau đó.

- Cậu ấy đòi vào phải không? May tôi đã khóa - ông hạ giọng - hê rô in đấy. Nó đã tiêu hết nửa cái gia tài này rồi mà còn tiêu nữa. Cô cứ ngồi chờ, tôi khóa cửa lại là yên.

 Ông lại ra. Một cảm giác lạ lùng, không phải sợ hãi mà thương xót và lo lắng. Liệu bà chủ còn đủ tiền nuôi ôsin bao lâu nữa với nửa cái gia tài còn lại mà "cậu ấm" chưa kịp ném qua cửa sổ? Y điên hay lên cữ khi sỗ sàng cợt nhả với một người bằng tuổi mẹ mình? Nhưng nàng không có quyền lựa chọn. Việc của nàng là ngồi chờ con người sẽ quyết định tương lai của con gái nàng.

 Không có việc gì làm, nàng ngước lên tường, nhìn bức chân dung chụp hai người kề vai nhau, có lẽ ông chủ và bà chủ. Rồi như có sức mạnh vô hình thôi thúc, nàng đứng dậy bước lại nhìn cho gần hơn. Ai như Diễm? Thôi, đúng rồi, chính là Diễm chứ không phải ai khác. Nàng sực nhớ khuôn mặt ghé qua cửa sổ hồi nãy cũng giống Diễm, đúng là con Diễm chứ không phải ai khác.

 Nàng đổ xuống chiếc ghế salông cũ. Năm đó, khi hai đứa vừa học xong trường cao đẳng của tỉnh, họ kéo nhau về quê của một con bạn dưới chân dãy Ba Vì, nơi nghỉ mát có tiếng nhưng hầu như vắng khách vì người ta chưa có thói quen đi nghỉ sau ba mươi năm chiến tranh. Vậy mà, khi bị lạc trên một con đường lưng chừng núi, Thuận đã gặp Trân. Chàng kỹ sư hơn nàng gần hai chục tuổi dẫn nàng về tận nhà cô bạn người Mường cùng lớp. Hôm đó Diễm đi sang bên kia núi thăm một ông chú làm địa chất. Trân cho biết anh làm ở Bộ nọ, lên Ba Vì phục vụ một cuộc họp quan trọng nào đó. Anh nấn ná bên cạnh Thuận đến tận chiều và trái tim thông minh hai mươi hai tuổi đã nói thầm với nàng: "Hắn, chính là hắn sinh ra là để cho mày đấy!" Họ quấn quýt bên nhau có một buổi chiều mà tưởng như đã cùng nhau dạo chơi hàng thế kỷ. Rồi Trân kêu là mất đường về, Thuận đưa anh qua bên kia dốc, trong buổi hoàng hôn mịt mù sương khói của miền núi cao, anh vừa nhận ra đường của mình thì đã "cảm thấy lo lắng" nếu để Thuận quay lại khi trời đã tối. Cuối cùng họ tiễn nhau đến lần thứ ba và lúc đó đã gần nửa đêm.

 Không ai về nhà mình được nữa. Họ đến một cái lô cốt bỏ hoang của Pháp trước đây, chui vào ngồi chờ sáng để tránh cọp, để trốn làn sương đầm đìa bao quanh núi rừng và bao quanh họ, vừa dày đặc vừa bí hiểm nhưng không hề gây ra cảm giác sợ hãi mà chỉ có tin yêu. Thuận như người bị sét đánh, cô gái tỉnh lẻ bàng hoàng ngồi nghe con người lịch lãm "từ trên trời rơi xuống" nói về tình yêu, về cuộc sống và tương lai... Một đêm thuần khiết, không đụng chạm, không phải dè chừng và hoàn toàn tin cậy, một đêm khải huyền cho một thế giới vừa bắt đầu trong tâm hồn Thuận. Một đêm sáng thế.

 Tuần lễ sau, Trân ngồi trên một chiếc Lada về thị xã tìm cô "sơn nữ" mà anh tưởng là chỉ là một bóng Liêu Trai hiện ra để trêu chọc anh trên núi Ba Vì. Oái oăm sao, hôm đó Thuận đi vắng. Mẹ Thuận nói với khách rằng bà chắc chắn Thuận chỉ đến nhà Diễm và bà chỉ đường cho anh với tất cả nhiệt tình và lòng tốt của những người chưa hề nghi ngờ gì về chất thánh thiện của con người. Ðến lượt Diễm bàng hoàng vì tưởng rằng chàng hoàng tử có sứ mệnh đánh thức mình đã phi ngựa đến cái thị xã nhỏ bé.

 Sau này chồng con và người nhà Diễm, kể cả một giáo sư bác sĩ chuyên trông nom sức khoẻ cho chồng nàng, không hiểu vì sao cứ đến nửa đêm nàng lại ngồi dậy, đấm ngực và khóc. Nàng không thể nào tha thứ cho mình khi nhớ lại ngày hôm đó, khi cùng Trân dạo chơi quanh dãy thành cổ của thị xã, nàng đã nói với anh là Thuận đang đến thăm người chồng chưa cưới ở thị trấn X. và có lẽ sẽ ngủ lại đó, rằng Thuận đang hối thúc anh chàng kia cưới trước trung thu vì lý do gì chỉ có trời và cái bãi cát sông Hồng trồng dưa hấu ven thị xã mới hiểu được. Sau hôm đó, Diễm thường bỏ ra cả ngày chủ nhật để về Hà Nội gặp Trân và hai tháng sau, nhờ thế lực của Trân, nàng được bổ nhiệm làm giáo viên ở một trường thuộc quận Ba Ðình. Ðám cưới của họ được tổ chức không lâu sau đó, đám cưới đã làm nhiều chàng trai thị xã bật khóc và để lại một khoảng trống cho những con đường ven dãy thành cổ buồn bã quanh năm.

 Thuận đã không làm gì hết. Nàng cũng không giận, không khóc. Nàng chỉ có thể làm mỗi việc là không đến dự đám cưới của Diễm. Và giờ đây, nàng nghĩ, mình chỉ còn mỗi việc là gọi ông lão làm vườn mở cửa cho mình ra về trước khi bà chủ thức dậy, trước khi lái xe đưa ông chủ đi làm về hay trước khi "cậu ấm" quay lại và khen "xinh nhỉ" người đàn bà đang tự tin hết sức về quãng đời sắp tới của mình. Thuận đứng dậy và đập ầm ầm vào cánh cửa, sợ ông già không nghe thấy.

Kim Giang 2000

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Người trêu chim**

  Chiếc U-át leo qua hai cái dốc, đến cái thứ ba thì khậc lên như một con chó già rồi chết hẳn. Con đường nằm sát một rừng hồi. Nắng loáng thoáng trên lũ cây hồi đang ra nụ đầu xuân, thân cây thẳng, có nhiều cành và chùm tầm gửi. Lối mòn trâu đi, người đi. Từ đường nhựa vào rừng hồi, nó mất hút trong rừng như tụt vào một cái hố sâu. Ông lái xe nhảy xuống. Chồng chị từ nãy giờ vẫn ngủ trên hàng ghế sau bật ngồi dậy. Anh dụi mắt, ngơ ngác, nhìn thấy ông lái xe đang mở nắp capô, anh à lên một tiếng rồi lại nằm vật xuống. Cơn buồn ngủ không buông tha anh. Liễu thấy anh còn khoái vì xe dừng lại anh sẽ được ngủ ngon hơn.   
Liễu buồn đi tiểu. Chị báo ông lái xe bao giờ chữa xong thì bóp còi cho hay rồi theo con đường mòn vào rừng. Chồng chị vẫn ngủ. Thực ra anh ấy không cần đi với chị chuyến này. Công việc chỉ cần chị, người ta không yêu cầu một ông lớn như anh. Nhưng có anh mới có chiếc U-át. Anh muốn chị đỡ vất vả. Và một mục đích khác nữa. Cuộc hôn nhân của hai người sắp rơi xuống vực, đã lâu họ không đi cùng nhau, dù đi xem, đi chơi hay dự đám cưới. Anh không chịu nổi khi mỗi lần chị từ nhà máy thuỷ điện về, anh đều nghĩ chị đã có "một thằng nào đó", anh chưa biết mặt biết tên nhưng hắn luôn hiện hữu trong đầu anh. Còn Liễu, khi bước vào rừng hồi cũng như suốt cả chặng đường ngồi trong xe bên cạnh ông chồng ngủ gà ngủ gật, không phút nào chị nghĩ tới chồng. Chị hối là đã không tìm cách để có thể đi công tác một mình, may ra chị gặp được hắn, người đàn ông chị chưa biết mặt biết tên nhưng thường vẫn nằm mơ thấy. Mơ hồ như một ảo ảnh? Một ám ảnh? nhưng chị rất muốn gặp hắn.   
Con đường trâu đi rợp bóng cây. Hoạ mi hót trên đầu, bên trái, bên phải. Hình như có hai hay ba con trống đang đấu hót với nhau. Có thể chỉ có một con chim mái thôi, nó phải đẹp lắm. Một con chim mái đẹp lắm mới làm cất lên những điệu hót ấy. Còn mình, mình còn đẹp nữa không? Chắc là không. Vì con hoạ mi trống của mình không hót, nó đang ngáy trong chiếc xe chết máy trên đường. Liễu đi tiếp trong tiếng chim. Chị thấy một người đàn ông đang nằm trên cái võng mắc giữa hai cây hồi. Người đàn ông nằm, lim dim mắt, hai bàn tay xoè ra làm gối, một cuốn sách dày trên bụng. Y không ngủ, mắt lim dim nhưng không ngủ. Vì miệng đang huýt sáo. Tiếng sáo miệng của y lẫn vào tiếng họa mi trong tán cây phía trên. Y mở mắt, ngồi bật dậy nhìn Liễu, mắt y lạc đi như mắt người mộng du.   
"Xin lỗi làm mất giấc của anh. Xe của tôi chết máy ngoài đường cái." Liễu nói, bước lại gần hơn nữa.   
"Không sao ạ. Tôi mắc võng nằm chơi một lúc thôi."   
Trên đầu tiếng chim im bặt. Y ngồi dậy, thõng chân, nhăn trán, bực vì mấy con chim thôi hót.   
"Hoạ mi hót hay quá - Liễu nói - Thế mà tôi cứ tưởng chúng bị diệt chủng hết rồi."   
"Chưa đến ngày ấy đâu - người đàn ông cười rất hiền - ở đây còn nhiều lắm. Chị có thích nghe hoạ mi không?"   
"Rất thích ạ. Tôi nghe chúng hót từ nãy đến giờ, thật mê ly. Nhưng chúng thôi hót rồi. Có phải vì tôi là người lạ phải không?" Liễu nói với vẻ nuối tiếc hiện rất rõ trên nét mặt. Người đàn ông cười:   
"Không phải đâu, chị chờ một chút. Ðể tôi làm chúng hót chị nghe."   
Y bắt đầu huýt sáo miệng. Tức thời, tiếng họa mi lại rộ lên. Trên cao, bên phải và bên trái. Y ngừng. Hoạ mi im bặt. Chúng hót rộ lên khi y huýt sáo lại.   
"Sao thế?" Liễu hỏi và lập tức thấy mình ngớ ngẩn.   
"Tôi trêu cho chúng hót đấy thôi. Cũng như người, có trêu mới hót" Y nói vẻ bẽn lẽn.   
"Thế mà tôi cứ tưởng..." Liễu không hiểu là mình định nói tiếp gì nữa.   
Y vẫn huýt sáo. Liễu biết y muốn cho chị được nghe tiếng họa mi vì chị đã nói là rất thích nghe. Chị cảm động, ngạc nhiên vì sao một chuyện cỏn con như thế cũng làm chị cảm động, chị đã quên không biết cảm động từ lâu rồi. Mặt trời đã lên cao hơn, nắng len lỏi qua những tán hồi dày như tìm đường chạy trốn. Vẫn chưa nghe tiếng còi xe. Liễu không sốt ruột. Chẳng có gì phải sốt ruột cả. Chồng mình đang ngáy còn mình thì đang nghe hoạ mi hót trong rừng hồi.   
"Chị còn thích nghe nữa không?" Người đàn ông hỏi.   
"Dạ thôi, môi anh khô hết rồi."   
"Tôi nói nhiều nên môi lúc nào cũng khô."   
"Anh dạy học à?"   
"Vâng, ở trường cấp hai. Hôm nay không có giờ tôi vào rừng trêu chim hót cho đỡ nhớ miền xuôi. Còn chị? Chắc là chị về chỗ nhà máy thuỷ điện?"   
"Vâng. Nhưng xe cộ thế này không biết có tới nơi được không?"   
"Ðợi nguội máy là nó lại chạy ngay thôi mà." Anh nói rồi tiếp: "Chị nằm võng?"   
"Cám ơn anh. Tôi phải ra xem xe cộ thế nào."   
Liễu quay lại đường cái. Người đàn ông huýt sáo và tiếng họa mi đuổi theo chị. Ông lái xe vẫn loay hoay dưới gầm xe. Chồng chị nằm co, ngủ ở hàng ghế sau. Nắng chiếu lên mặt làm khô một vệt nước dãi từ khoé miệng chảy xuống tận cằm. Vệt nước dãi đã đóng thành vẩy nom như cái bớt. Ông lái xe chui từ gầm ra bảo Liễu:   
"Máy ổn rồi, cô ạ. Nhưng cái láp gãy, cần đưa về thị trấn để hàn. Chắc là phải ở lại đây hôm nay mất. Tôi đánh thức thủ trưởng dậy nhé?"   
"Thôi, hôm nay tôi là thủ trưởng - Liễu cười - để anh ấy ngủ."   
Ông lái xe đã tháo được cái láp ra cầm trên tay. Ông đứng bên vệ đường đón xe ôm về thị trấn.   
"Không ra sao cả! ông càu nhàu. "Tại trước khi đi anh chị cho tôi ăn cá mè đấy mà!   
"Ðành vậy thôi" Liễu nói, chị ngồi lên một vạt cỏ, cũng thấy buồn ngủ vì không khí rừng hồi lâng lâng và tiếng họa mi nghe mơ hồ hơn nhưng đúng là tiếng hoạ mi. Chị thiếp đi một giây và mơ thấy hắn. Không ra hình thù gì cả. Nhưng đúng là hắn. Theo bản năng chị nhìn vào xe như sợ chồng biết được giấc mơ ngắn của mình. Chị thử đoán xem chồng mình đang mơ thấy ai. Ông bộ trưởng chăng?   
Người giáo viên hiện ra đầu con đường mòn. Anh bước lại cái xe, bên chị.   
"Anh không trêu chim nữa à? chị hỏi, nheo nheo mắt.   
Tôi chán rồi. Xe của chị vẫn chưa chữa xong?   
Có lẽ sa lầy ở đây mất. Anh giúp chúng tôi một chỗ nghỉ được không? Tôi và chồng tôi, Liễu đưa mắt về phía cái xe, chắc là có một cái quán ăn nào đó..."   
Anh giáo viên nói:   
"Chị cần đến nhà máy gấp ?"   
"Vâng, cần lắm. Người ta đang chờ tôi giải quyết một sự cố."   
"Còn anh ấy chắc là Bộ trưởng?"   
"Không phải đâu. - Liễu nhìn "cái bớt" ở khoé miệng chồng - Anh ấy là hiệp sĩ phụ trách công tác đánh thức tiềm năng miền núi. Ta nói khẽ cho anh ấy ngủ."   
"Tôi sẽ dẫn anh chị đi đường tắt. Từ đây đến đó dễ tới hai chục cây đường ô tô nhưng lận rừng qua một cái đèo, chỉ mất khoảng một giờ. Chị đi bộ được không?"   
"Thế thì tốt quá. Ðể tôi hỏi anh ấy xem."   
Chị lại bên xe, lay vai chồng nói đã có người dẫn đường, cả hai cùng cuốc bộ về nhà máy. Anh ngái ngủ, hai vệt nước giãi chảy bên mép như riềm mỏ họa mi, càu nhàu:   
"Hai mươi năm rồi anh không đi bộ, em biết không?"   
"Thì em đi một mình vậy. - chị vẫn không thôi nhìn cái bớt của chồng - Anh ở đây với bác Giao. Bao giờ chữa xong xe đến đón em". Chị không nài nỉ. Trong thâm tâm chị muốn anh đừng đi. Cũng như từ đầu chị đã không muốn anh đi với mình trong chuyến công tác này.   
Chồng chị nhìn người giáo viên, trao chị cái ví nhỏ. Ngón tay anh múp míp, trắng và mềm. Anh nói khẽ:   
"Nhớ bồi dưỡng tiền dẫn đường cho người ta. Chắc không đắt đâu. Hãy cảnh giác!" Ba tiếng sau cùng anh nói với chị bằng tiếng Anh.   
Chị hiểu anh đang nhắc chị hãy dè chừng và đừng có vất tiền qua cửa sổ, tiền của anh. Nhưng làm sao cảnh giác được với những giấc mơ?   
Anh bảo bác lái xe:   
"Bao giờ đi thì gọi tôi dậy" Và anh lại ngủ.   
Người giáo viên vẫn săm soi nhìn cái xe hỏng làm như vô can trong câu chuyện đi hay không đi của hai vợ chồng. Trong thâm tâm anh muốn y đừng đi. Thật khó ưa, anh nghĩ, không hiểu sao mình lại không ưa được tay này. Vì y là chồng người đàn bà này chăng? Anh đỏ mặt.   
Anh giáo viên đi trước, trên con đường mòn.   
"Hãy cảnh giác! Câu ấy là của Phu-xích." Anh nói vu vơ.   
"Anh thính tai thật. Xin anh đừng chấp. Tôi rất cám ơn anh." Chị muốn nói hai từ "cảm động" được đánh thức sau nhiều năm nhưng lúng túng vì không tìm ra câu để đưa hai từ này vào.   
"Anh có biết không? Dạo học cấp một, tôi sợ nhất là bài tập đặt câu."   
"Vâng". Anh giáo viên nói.   
Anh dặn chị tránh những hòn đá cuội trên đường mòn vì cuội ở đây rất trơn rồi không nói gì nữa. Anh huýt sáo. Trên đầu anh, trong tán rừng cao, những tiếng chim đáp lại. Không còn hoạ mi, có lẽ chúng đã đi kiếm ăn hay khô giọng mà thay vào là những loài chim rừng chị không biết tên. Chúng hót lúc giận dữ, lúc vui vẻ, bao giờ cũng điên cuồng, say đắm khi anh trêu chúng.   
"Sao anh tài thế?" chị hỏi hồn nhiên.   
"Tôi học thuộc nhiều điệu hót của các loài chim. Trêu cho chúng hót được cũng mất công lắm."   
"Phải." chị nghĩ bụng mà không nói ra. "Mà tại sao vừa thấy anh ta trên võng là mình đã nghĩ ngay anh ta trốn vào đây để ngủ nhỉ?"   
Sau chuyến đi ấy chị không hề trở lại đó nữa. Những giấc mơ về hắn đến nhặt hơn, khuôn mặt hắn rõ ràng hơn. Chị vẫn không biết hắn là ai. Cái ý muốn biết hắn là ai thật mãnh liệt làm chị khắc khoải một đời cho đến ngày chị từ giã nó.   
  
Kim Giang 2001

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Mưa sao băng**

 Người ta bảo tôi, nếu thức chờ qua đêm thì sẽ nhìn thấy một trận mưa sao băng trên bầu trời. Người nói tin đó cho tôi là bà Ninh, bà hàng xóm mù. Bà rủ tôi cùng lên sân thượng xem, nói mưa sao có thể là những linh hồn yêu đương chưa trọn trở về lần cuối, sau trận mưa sao này bà sẽ viết thư cho giáo sư Hawking.   
Tôi không có Ti Vi bởi vì, sau ngày ly hôn rồi dọn đến đây, tôi rất hay nằm mơ và nghĩ đời mình chỉ thú vị trong những giấc mộng. Bà Ninh thì có hẳn một chiếc Sony 21 insơ. Chuyện mưa sao đối với tôi chỉ là một trò chơi chữ xa xỉ. Nhưng bà Ninh thì nôn nóng. Trưa nay tắm xong, bà gọi tôi sang, nhờ tôi đỡ chiếc valy giả da trên xích đông xuống, nói: "Em lấy hộ chị cuốn album." Bà lật đúng một trang trong cuốn ảnh, chỉ vào tấm đen trắng: "Em thấy anh ấy có đẹp trai không? Anh chị chụp tấm này hồi mới cưới. Sau đó cả hai cùng đi Nga." Tôi nói anh ấy rất đẹp trai. "Chị cũng đẹp", tôi nói thêm, thật không thể nhận ra cô gái đẹp và nền nã trong ảnh lại là người hàng xóm mù hôm nay. Bà kể, sau giải phóng miền Nam chồng bà vào Ðà Lạt công tác, tính sẽ đưa bà vào sau. Bà chưa thu xếp được thì ông đã lòng thòng với một cô bán cà phê goá chồng. Bà biết chuyện là do tình cờ, lần bà vào chơi, ông dắt bà đi uống ở ngay cái quán đó. Khi vào toa lét, liếc nhìn qua cánh cửa, bà thấy chiếc áo sơ mi chính tay bà mua cho ông treo trong buồng ngủ của bà chủ quán. Ông mất sau đó. Người chủ quán di tản sang Mỹ. Và thế là hết, tình yêu lẫn hận thù. "Cái chết thật kỳ diệu phải không em?" Bà kết thúc câu chuyện với một nụ cười buồn.   
Giờ thì tôi đang ngồi lên đống gỗ cốppha bị bỏ quên trên sân thượng, khoanh tay nhìn về phương đông. Không hiểu sao bà Ninh rủ mình cùng lên xem mưa sao rồi bỏ đi ngủ. Bầu trời phơn phớt một làn sương mỏng. Những ngôi sao lùi xa, mong manh. Vũ trụ không hề hay biết có một cái bóng nhỏ thó là tôi, đang co rúm lại vì lạnh, ngồi chờ đợi cuộc viếng thăm của những ngôi sao kém may mắn bị cuốn vào đuôi sao chổi? Có phải đúng như bà Ninh nói, đó là những linh hồn "yêu đương chưa trọn" lang thang đang trở về? Cái đầu bạc của bà Ninh nhô lên nhìn quanh. Tôi bước lại giúp bà. Chúng tôi ngồi lên đống gỗ.   
"Người ta nói ba mươi năm trước cũng có một trận mưa sao" - bà Ninh nói.   
"Thì lúc nào mà chẳng có sao vỡ"   
Ba mươi năm trước, mẹ tôi mới cưới. Dãy lán sinh viên nằm dưới tán rừng. Ðám cưới chỉ có mấy chục bạn bè. Sau này tình cờ đọc cuốn nhật ký của mẹ mới biết bố mẹ phải cưới nếu không muốn bị đuổi về quê. Bởi vì... mẹ đã có tôi trong bụng vào năm học thứ tư và, mẹ viết, "không biết đi làm "cái đó" ở đâu?". Chuyện ấy đâu có dễ dàng. Vậy là có một thời tôi chỉ là "cái đó". Phải cám ơn tình trạng y tế thời chiến. Nếu không, có lẽ không có tôi. May hay rủi nhỉ? Tôi không buồn, nghĩ mà thương mẹ. Bà Ninh đặt tay lên đầu tôi :   
Sao? - bà lần bàn tay trên bờ vai, bàn tay bà mềm, ấm. Tôi nhớ đến mẹ, mẹ cũng có một bàn tay như thế - em định ở đây đến bao giờ? Từ ngày tôi bị mù, không còn nhìn thấy em, nhưng tôi biết là em vẫn đẹp, phải không?   
Bà lại lần sờ. Những ngón tay vuốt dọc mái tóc, run run, "tóc em để thế này hợp, trông nghịch mà hay phải không?", bà sờ mũi tôi, "hồi chưa mù tôi vẫn ngắm trộm em khi em đi qua phòng làm việc, em có cái mũi hếch, cái mũi hếch dễ thương quá, phải không?", bà nâng bàn tay tôi lên, "còn bàn tay nữa, tay em thì phải chơi đàn dương cầm mới xứng, phải không? Em đẹp lắm! Phải không?"   
Tôi chống chế:   
"Em có bao giờ đẹp đâu".   
Bà Ninh nói:   
"Ðừng tự bỉ mình như thế. Cái đói khốn nạn nhất của con người ta là đói sự thật. Nhưng em định ở vậy đến bao giờ?" - bà nhắc lại câu hỏi.   
Chính tôi cũng không biết mình sẽ ở vậy đến bao giờ. Tôi đi làm, về nhà để đọc sách và ngủ. Thỉnh thoảng mới nấu ăn còn thì đi ăn cơm bình dân. Năm bảy ngày làm một bữa bún chả, không có đứa bạn gái nào đến thì ăn một mình. Thỉnh thoảng có một anh chàng bị vợ bắt "ly thân một tối" tìm đến tán tỉnh, có anh cả gan thề thốt, quỳ trên hai đầu gối hẳn hoi đòi ngủ lại, phải ngồi nghe một cách lịch sự, phải tống khéo khách ra cửa một cách lịch sự, toàn những thứ nuốt không trôi.   
"Em quả thật không nghĩ tới", tôi nói.   
Bà Ninh đưa cả hai tay vuốt mặt tôi.   
"Em còn khóc được, thế cũng là hay. Nhưng khóc thì được cái gì? Như chị đây, người ta bảo chị không biết khóc".   
Trong bóng tối mặt mũi mình ra sao?, tôi lấy mu bàn tay quệt mắt, hạt bụi vô hình này làm sao quên được nó đây?.   
"Ðời chị bị người khác phá tan, còn em thì, do chính em...", tôi nói. "Em không biết vì sao có lúc mình lại thế."   
"Một phút bất cẩn và nhẹ dạ".   
Không phải, tôi không bất cẩn chút nào. Hắn về Viện như một kẻ lang thang tìm được nhà tế bần, ở căn phòng xép cạnh nơi làm việc. Thỉnh thoảng vợ chồng tôi mời hắn đến nhà ăn bún chả ngày chủ nhật. Tôi nhìn hắn ăn, nghĩ, nếu sau này có con trai đi bụi, nó đói, ghé qua nhà, tôi dọn cho nó ăn và chắc cũng nhìn nó như đang nhìn hắn ăn hôm nay. Hắn ăn uống say mê, thưởng thức một bữa ăn tươi gia đình. Hắn thèm thuồng một cuộc sống gia đình. ¡n xong, được mời ở lại nghỉ chủ nhật, hắn sung sướng, tự bày việc ra làm, sửa điện, chỉnh lại cái TiVi, đóng đinh cái chân ghế hay tìm cách lau tấm gương bàn trang điểm của tôi làm nó trong veo như hồi mới mua. Hắn là kẻ khát khao được làm việc nhà. Chồng tôi tiếp thu ngôi nhà mênh mông của ông nội để lại với một rừng đồ đạc cần phải sửa sang, phải lau chùi. Nhưng anh ấy chẳng đụng tay vào cái gì, anh là mẫu người của tính thờ ơ. Hình như tất cả thời gian anh dành để "dạy dỗ" tôi, như anh nói. Một việc đơn giản như thay cái cầu chì anh ấy cũng không biết xoay xở làm sao. Hắn kể, hắn mồ côi, theo ông chú ra Hà Nội học, bà mợ cay nghiệt, chỉ thoát được tay bà ấy khi thi đại học hai chín điểm rưỡi trên ba mươi, được sang Nga du học. Hắn hận đời nên cố học, được mời ở lại làm phó tiến sĩ rồi làm luôn tiến sĩ. Việc học hành làm nhỡ mất thời cơ yêu đương, lấy vợ, nhỡ cả việc kiếm cho mình một cái vốn để sinh sống sau khi về nước như nhiều sinh viên du học khác. Những bữa bún chả chủ nhật dày thêm. Chồng tôi lấy tư cách đàn anh mà sai bảo thằng em ngoan ngoãn, muốn hắn đến nhà để làm hộ anh những chuyện vặt đáng lẽ anh phải làm. Anh ấy vốn thích sai bảo ngay cả trên giường. Còn tôi thì bắt đầu thấy thiếu hắn. Hắn có tất cả những gì chồng tôi không có trừ tính thờ ơ. Tôi phụ giúp hắn một tay, có nhiều lúc "hai chị em" lúi húi trong gian nhà kho với bụi bặm và những món đồ gỗ của thế kỷ trước. Cho đến một hôm, hắn phát biểu trong một hội thảo khoa học. Hắn bẻn lẽn trước những tràng vỗ tay như sấm của cánh trẻ và những đôi mắt kinh ngạc đến sợ hãi của các ông già. Bây giờ tôi không chỉ thấy thiếu hắn trong những ngày chủ nhật mà còn biết rõ hắn đã làm mờ nhạt hẳn người chồng lâu nay vẫn sống bên cạnh mình, vẫn yêu mình như một ông giáo yêu cô học trò ngốn ngấu những lời giáo huấn em phải thế này, em phải thế kia, người chồng chưa từng làm tôi say đắm, chỉ được tôi thương như một người anh khinh suất không hề hiểu được những gì xẩy ra trong lòng cô em gái. Hắn đã đi thẳng vào tim tôi, ngoan cố, lỳ lợm không chịu ra nữa. Rồi trong gian nhà kho chật chội và bụi bặm đầy đồ gỗ cần phải sửa sang lại đó, hắn cùng tôi khiêng một chiếc độc bình ra để đánh bóng lại cái đế bạc, tay hắn đặt lên tay tôi, hắn bóp mạnh tay tôi như một chiếc kìm, tôi run bắn lên nhưng vẫn để nguyên bàn tay trong tay hắn, chiếc độc bình từng được vua Khải Ðịnh ban cho ông nội chồng tôi bày trong phòng khách rơi xuống đất vỡ tan. Như chỉ chờ có thế, hắn hôn tôi. Tôi không liếc nhìn chiếc độc bình vỡ một giây, ngã vào tay hắn, đón nhận cái hôn đã được chuẩn bị ngay từ lần đầu tiên hắn bước vào nhà này. Tôi sung sướng vì đang yêu, được yêu, như kẻ lữ hành thoát khỏi biển cát của sa mạc.   
"Chỉ đến khi gặp hắn em mới biết là mình không thể sống với chồng nữa, tại sao thế hả chị?"   
"Vì em yêu hắn. Và chị chắc là hắn cũng yêu em".   
Tôi thở dài.   
"Em đã có một tuần với hắn nhân chuyến đi công tác chung ở Ðà Lạt. Ðến lúc này thì cả hai chúng em đã sang một thế giới khác mất rồi. Về nhà, em vẫn phải làm vợ, nhưng em chỉ nhìn thấy hắn, chỉ nghĩ đến hắn, như đang làm với hắn. Hở ra là em đến với hắn liền. Cuộc sống vợ chồng em đã đến lúc không thể nào chịu nổi. Cho đến một hôm, quấn cái chăn len quanh mình như con nhộng trong kén, em đã nói với chồng..."   
"Em nói sao?"   
"Tất cả, chị ạ, trừ tên hắn. Anh ấy gầm lên, hỏi thằng nào. Em khai ngay. Chồng em không nói gì nữa. Như là anh ấy hiểu nếu em yêu ai chứ yêu hắn thì em có lý. Em nói ra là đúng, phải không chị?"   
"Rạch ròi như thế là hơn".   
Sáng hôm sau đêm ấy, tôi chạy đến với hắn, với cả linh hồn đầy ắp hy vọng và yêu thương, chỉ chưa mang theo đồ đạc tư trang nữa thôi. Hắn lặng đi, nói: "Sao em lại làm thế? Anh Khang là bạn của anh!" Những ngày sau đó hắn có những câu nói, những cử chỉ khác thường. Một số người trong Viện nói hắn bị tâm thần hay ung thư khởi phát. Có người bảo tài năng bao giờ cũng điên một nửa. Tôi không có cách gì gặp hắn được. Tôi muốn phát điên phát khùng lên. Rồi hắn đi khám bệnh và mang đâu về một tờ giấy bác sĩ bảo phải nghỉ ngơi vài tháng. Hắn đi rồi tôi mới hay tin. Hắn xin chuyển hẳn vào thành phố Hồ Chí Minh. Suốt thời gian ấy vợ chồng tôi ngậm miệng, không ai biết gì về cái đêm kinh hoàng khi tôi thú nhận với chồng. Cuộc ly hôn thật bất ngờ và nhanh chóng đối với mọi người. Hắn không một lời nhắn tin, không gửi lại thư từ. Hắn tránh mặt tôi vì mặc cảm tội lỗi. Nhưng còn tình yêu với tôi thì sao? Hắn bỏ chạy như một thằng ăn cắp sau khi móc túi được cả một cuộc đời và đang hối hận, đang sợ mất đạo đức.   
"Mưa sao!" Bà Ninh kéo tôi ra khỏi phút trầm tư. Tôi nhìn về hướng đông. Một luồng sao băng vút ngang vòng cung chân trời. Những chấm sáng nhấp nháy tưởng như không dứt nữa.   
"Ðẹp quá! Phải không? Chị nhìn thấy hết, chị nhìn thấy anh ấy..." Bà Ninh nói. Tôi vâng. Chúng tôi im lặng cho đến khi người đàn bà mù nhận ra trận mưa sao chấm dứt. "Họ đi xa rồi!". Tôi vẫn không hiểu nổi bà Ninh nhìn thấy mưa sao như thế nào. Nhưng đúng là bà đã nhìn thấy. Tôi dìu bà lại cái lỗ chui cầu thang.   
Dãy hành lang tối vì bóng đèn đã bị ai lấy mất. Tôi đưa bà Ninh về phòng rồi mở cửa. Mệt mỏi nằm xuống giường. Nhưng một cái gì đó đang cựa quậy trong hồn tôi. Như là những mảnh sao vỡ đang ập vào, phá tan cái thế giới an phận lâu nay của tôi. Cái cảm giác đòi hỏi quen thuộc tưởng đã quên từ lâu, được khép chặt trong vỏ con sò, trở lại dày vò tôi, làm đảo lộn sự bình yên thường ngày. "Em định ở vậy đến bao giờ?" Ðó là câu hỏi của bà Ninh hay của chính tôi? Tôi không biết nữa. Có tiếng gõ gấp gáp. Tôi ra mở cửa. Hắn đang đứng đó. Trong bộ quần áo đi đường dãi dầu, chiếc cặp đen trong tay, hắn hiện ra, y nguyên như trước đây lần đầu tiên hắn đến nhà tôi. Thằng con trai đi bụi của tôi đã trở về. Tôi giận lắm, nhưng đó chỉ là cơn giận của người mẹ.   
Hắn không nói gì cả, như hắn vẫn thế, đặt chiếc cặp xuống mặt bàn viết của tôi, ngồi lên ghế rồi rụt rè tháo tất. Tôi ngửi thấy mùi hôi chân khi hắn cởi giầy, tự dưng tôi không còn giận như mỗi lần nghĩ tới hắn trước đây, tôi muốn quỳ xuống cạnh, tháo tất giúp hắn. Nhưng tại sao hắn lại tháo tất? Tôi không muốn bất cẩn nữa mặc dù lòng tôi chao đảo như váng đầu hay lên cơn sốt. Tôi cố đứng vững, tự nói thầm : không được nhẹ dạ.   
"Em!", hắn nói theo kiểu của hắn, "anh đã được ân xá". Chỉ thế. Tôi hiểu. Hắn đã tự ân xá cho mình. Còn tôi? Tôi chợt nhớ từ ngày hắn vào thành phố Hồ Chí Minh đến nay chỉ mới được sáu tháng, thời gian đủ để ân xá một thường phạm.   
   
Kim Giang 1998

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Người đàn ông trên ban công**

Anh hút đến điếu thuốc thứ mười ba, cổ họng đắng ngoét, hai ngón tay vàng khè kẹp chặt mẩu thuốc cuối cùng. Vợ anh nằm trên giường, nhỏ thó trong tấm chăn mỏng. Chị trân trối nhìn anh ngồi ở chân giường, hút thuốc và hút thuốc. Những gì phải nói với anh chị đã nói rồi. Giờ đây chị (và có lẽ cả anh nữa) đều im lặng, im lặng để thấu hiểu mà không cần cất tiếng. Cái sự thực đau buồn là cả lần này nữa, chị vẫn không có con, không thể có con. Hai tháng nay chị buồn nôn, ăn ít, ngủ ít, đôi lông mày dựng lên, hai đầu vú thâm đen lại và nở to ra. Tất cả những triệu chứng để hai người có thể thấp thỏm và chuẩn bị ăn mừng. Nhưng chiều nay, chị bác sĩ ở bệnh viện phụ sản, tay cầm một tập kết quả xét nghiệm đủ thứ, nói với chị: "Chẳng có chuyện gì. Chị không có thai."   
Anh đã xây xong cái nhà thứ tư. Cơn sốt vẫn chưa hạ trong thành phố và anh hy vọng giá nhà, giá đất còn lên nữa. Cả bốn cái nhà đều được mua đất, xây cất trong nhiệt độ bình thường, anh mó tay vào là thân nhiệt tăng lên, như có phép thần vậy. Cơn sốt. Chỉ có nhà thơ gàn dở như ông Ðỗ Phủ mới mong "xây một cái nhà thật to đủ chứa tất cả người nghèo". Còn anh, anh xây nhà cho con anh. Và để bán. Những ngôi nhà là niềm vui hiện tại, bảo hiểm tương lai của anh và các con anh, cháu chắt anh về sau. Có lẽ đến lúc nào đó anh cũng phải bán một hai cái. Nhưng bây giờ thì không. Anh vẫn còn rất nhiều tiền. Anh không biết dùng tiền để làm gì ngoài việc xây nhà, mua đất. Anh sẽ có hai đứa con như luật định, mỗi đứa sẽ có một ngôi nhà. Anh chị về già một ngôi nữa. Còn thừa một cái. Sẽ cho thuê. Với cái đà này, lúc về hưu anh chị sẽ có cả một dãy phố để cho thuê. Vua nước Triệu thích cưỡi ngựa nên yêu ngựa, Vua nước Vệ thích đánh nhau nên yêu trẻ con. Anh yêu nhà nên thích đất đai. Ngồi trong ô tô, mắt anh thường dán vào những miếng đất hoang trôi qua ngoài cửa kính. Anh luôn nằm mơ thấy những thành phố trống rỗng, có rất nhiều đất trống. Cũng như vua nước Vệ thích chiến tranh luôn nằm mơ thấy trẻ con, những đứa bé trai của mọi nhà. Không biết từ bao giờ anh phát hiện ra điều kỳ lạ với mọi thời đại với mọi người nhưng lại rất bình thường với chính anh: kiếm tiền lại là điều quá dễ. Anh nhớ tuổi trẻ như vừa mới qua đây thôi. Ngôi trường nơi sơ tán. Gió mùa lạnh thấu xương. Anh không có nổi một chiếc áo đủ ấm. Anh không được ăn sáng trước khi đến trường. Anh thèm một cái xe đạp. Tất cả đều vì không có tiền. Vậy mà hiện nay cái việc khó khăn làm gãy lưng bao anh hùng hảo hán trên đời lại quá tầm thường với anh. Tiền vào nhà anh, vào túi anh từ mọi ngả. Bắt đầu là một buổi sáng định mệnh khi người ta kết thúc cuộc kiểm phiếu và anh, chính anh, chỉ nhận được nhiều hơn đối thủ của mình có một phiếu. Một lá phiếu thôi, nhưng đó là lá phiếu của Chúa. Giá như anh biết được ai đã bỏ cho anh lá phiếu ấy. Anh sẵn sàng đúc cho y mỗi năm một cái tượng bằng vàng để tạ ơn. Lá phiếu định mệnh ấy như chiếc thảm bay, nâng anh lên mãi, lên cao mãi. Trong khi đối thủ của anh thì tụt từ dốc này đến dốc khác, cuối cùng trở lại làm một ông giáo trường huyện, điểm xuất phát từ thuở ban đầu. Số phận trong một lá phiếu! Một miếng giấy con con, một cái dấu nhân lơ đễnh cạnh tên anh và ba năm sau là bốn ngôi nhà và những giấc mơ về những đứa con, những dãy phố cho thuê dài như tham vọng của chính anh vậy. Lạy Chúa, có phải chính Người đã bỏ cho anh lá phiếu ấy không?   
Anh nằm xuống bên chị. Mùi thuốc lá đông đặc. Không có con muỗi nào sống được trong phòng ngủ của anh vì một chiếc máy siêu âm xua muỗi được một ông bạn đi Mỹ mua tặng đang chạy cộng với mùi thuốc lá nồng nặc. Chị cũng chưa thể quen. Chị mãi không chịu được mùi thuốc. Và hình như chị nghe được sóng siêu âm. Từ ngày được người ta cho, anh đặt cái máy ngay trong phòng, cuốn màn lại và nói với chị: "Từ nay mình sống như người châu Âu, không cần màn!" Nhưng chị vẫn nhớ cái màn. Không có màn chị thấy khó ngủ. Mỗi người một thói quen. Thói quen của chị là ngủ phải có màn. Nhưng trong nhà này anh là vị quốc vương. Chị vẫn nằm không có màn và mắc chứng khó ngủ.   
- Vậy là không có gì - cuối cùng thì anh nói cũng phải nói một câu gì. Rồi anh thở dài.   
- Bà bác sĩ cam đoan thế. - chị đáp và tiện thể quay lưng lại phía anh.   
Ðèn ngủ vừa đủ sáng để hắt lên tấm thân mảnh dẻ của chị cái bóng to xù của "dãy núi Hymalaya" tức là cái bụng vĩ đại của anh. Hầu như không thể duỗi thẳng chân ra được, anh thường co lại và hai cái đầu gối khẳng khiu nhọn hoắt lại đổ bóng xuống cái bụng, sau đó cái bụng đổ bóng xuống người chị. Anh không để ý đến những cái bóng. Nhưng chị lại chú ý đến nó từ lâu, từ rất lâu. Nhiều lúc chị buồn cười tưởng tượng cái bụng anh là hình ảnh của ngôi nhà thứ 5, thứ 6 gì đó anh đang dự định xây cất trong đầu. Và những ngày vui vẻ, nhẹ nhàng, những đêm mùa thu trong vắt khi anh còn là một chàng trai nhanh nhẹn và sôi nổi, thuộc lớp trẻ có năng lực, được mọi người khen ngợi, trầm trồ, hy vọng, những đêm hẹn hò say đắm, còn say đắm ngay cả sau ngày cưới, những đêm thần tiên khi chưa có cái bụng và cái bụng chưa đổ bóng xuống người chị như một ngôi nhà, chị thèm muốn anh làm sao, thèm muốn anh suốt ngày. Nhưng giờ đây thì không. Chị chán chường, uể oải khi nằm bên anh và như những người đàn bà chán chường khác, chị chỉ mong đêm chóng qua và không còn phải nằm bên anh nữa. Ðêm qua đi có nghĩa là chị được trở về với ngôi trường, với bọn học trò tinh nghịch, với ông hiệu trưởng chăm chỉ và luôn nghe mọi lời bàn bạc của chị, không phải vì chị là vợ anh, con người có thể quyết định tương lai của nhà trường và của cả ông ta trong nháy mắt. Mà chỉ vì chị là chị thôi. Chị nhìn thấy trong mắt ông ta một cái gì như là tình yêu lẫn tình bạn. Lúc đầu, chị thường kinh hãi khi phải về nhà vào buổi tối. Anh về muộn hơn (sau này chị biết anh cố tình về muộn để nhường việc tiếp khách cho chị) vừa bước vào nhà là chị đã thấy khách ngồi đó, người này tiếp theo người kia. Họ khúm núm, vòng vo Tam Quốc, họ cười, họ nhăn nhở, họ khen ngợi, họ trình bày và nói đi nói lại những điều chị không quan tâm, không hiểu. Cuối cùng là họ nhờ chị cầm hộ cái này, cái kia, cái mỏng, cái dày, cái to, cái nhỏ. Chị dồn cả vào một cái túi riêng rồi đưa lại anh khi anh trở về nhà. Anh mở ra đếm tiền, USD để riêng, Việt Nam đồng để riêng, anh yêu cầu chị ghi chép hộ anh cho mãi đến khuya. Và thay vào những đêm thần tiên trước và sau ngày cưới, chị chìm đắm trong nỗi sợ hãi mơ hồ và sau đó là những cơn ác mộng. Tiền, thứ khó kiếm nhất trên đời đã vào nhà chị theo ngả đó, dễ dàng, trong sự thờ ơ và cả nỗi sợ của chị. Tiền làm những ngôi nhà thay nhau mọc lên. Cho những dứa con. Cho một tương lai được bảo hiểm, cho những dãy phố cho thuê trong giấc mộng. Chị không hiểu sao anh lại điềm nhiên đến thế, niềm hy vọng của cả hàng triệu người gửi vào anh đã lần lượt biến thành những ngôi nhà lúc nào không hay.   
Chị vẫn không thể có con. Chị không tin mình vô sinh. Cả dòng họ chị, cả bên họ hàng anh nữa, không có ai vô sinh. Anh vẫn nói với chị rằng cánh đàn ông trong họ anh cứ đi qua giường là vợ có thể tắt kinh lúc nào không biết. Nhưng chị vẫn không có con và những đêm bời rời, ác mộng cứ trôi qua trong tiếng máy đuổi muỗi và mùi thuốc lá.   
Cho đến một hôm, khi ngôi nhà thứ 4 vừa xây xong phần thô, thợ phải nghỉ để chờ những hộp gạch lát nền và những cái bệ xí đang trên đường từ ý sang bằng tàu thuỷ, anh từ một cuộc họp quan trọng trở về, buông phịch xuống đi văng. Chị ngạc nhiên khi thấy anh về sớm hơn mọi lần. Anh tự túm tóc mình, chửi rủa, văng tục. Anh chửi thằng này phản anh, thằng kia lừa anh, thằng nọ, con nọ chơi anh. Chị thất thần, tưởng anh điên. Những thằng, những con anh nói tới đều là những người đáng kính, mới đây họ còn được anh xưng tụng, kính nể và ve vuốt nữa. Thì ra, anh thiếu một lá phiếu. Ðúng một lá phiếu. Lúc đã trở lại bình tĩnh, anh nói với chị rằng chính Chúa đã rút lại lá phiếu ấy. Chị biết anh đang cay cú, sẵn sàng cúng nửa gia tài để biết được đứa nào đã không bỏ cho anh lá phiếu định mệnh ấy.   
Sau đó là cuộc tụt dốc từ từ, không đột ngột, không ầm ĩ, nhưng lạnh lùng và khắc nghiệt. Như người leo cây đang xuống từng bực thang một. Ngày anh lên cũng thế, từng bực, từng bực, vững chắc không gì cưỡng nổi. Giờ đây anh đang đi xuống trong nhịp điệu không gì cưỡng nổi. Rồi tai hoạ dồn dập đến. Ðứa cháu gọi anh bằng chú đang ăn nên làm ra bỗng dưng bị tai nạn ôtô, không kịp viết một cái giấy uỷ nhiệm cho ngôi nhà thứ 2 anh nhờ nó dứng tên. Con vợ là đứa nanh nọc, nó làm ở đoàn luật sư, đứa cháu dâu mới đây còn là chỗ dựa bỗng gọi bán cái nhà của anh với đầy đủ giấy tờ đứng tên chồng nó. Cái nhà thứ 3 đứng tên em gái chị được một nhóm cán bộ hưu trí ( anh gọi họ là bọn hư trí) chụp ảnh, kèm theo những hóa đơn mua vật liệu đắt tiền không hiểu sao lại ghi tên anh, nhóm người thích sự công bằng này đã bỏ công mua lại bản gốc của thằng cha chủ cửa hàng vật liệu lớn nhất thành phố. Báo chí đang xúm lại với những cái tít gây cười đại loại như "cô em hay ông anh rể?" v.v. Cô em gái của chị cũng là giáo viên chắc không chịu thấu. Nó đã tìm chị và tuyên bố thẳng thừng sẽ quẳng lại cái nhà cho ông chủ thật sự của nó bằng một bài báo sẽ làm nó nổi tiếng và thanh thản lương tâm. Gạch và bệ xí Italy chờ mãi không thấy về, ngôi nhà thứ 4 mới là một khối đỏ au, nay mọc rêu nham nhở, chị vẫn thường rẽ sang một đường khác, để né không muốn đi qua, muốn quên nó đi mà không được. Mọi chuyện rối tung rối mù cả lên.   
Cho đến khi anh tụt xuống nấc thang cuối cùng, còn hơn cả nấc thang xuất phát. Anh bắt đầu hoảng hốt. Nhiều lần chị thấy anh đứng dựa lan can tầng ba nhà mình nhìn xuống khoảng sâu mênh mông bên dưới, chị rùng mình nghĩ là anh sẽ nhảy xuống, nhưng anh vẫn đứng đó, anh không còn cái háo hức tìm hiểu xem thằng nào không bỏ phiếu cho anh nữa, cuối cùng chị hiểu ra, anh đứng cả buổi trên đó để quan sát con đường bên dưới, anh nơm nớp chờ một chiếc xe hòm vuông sơn xanh.   
Cũng may là chiếc xe vẫn không đến. Anh đứng lại nấc thang cuối cùng. Nhàn rỗi hơn. Hầu như không phải tiếp khách vào buổi tối. Và chị trở lại được một vài đêm thần tiên ngày xưa. Chị muốn an ủi anh, muốn dùng tình yêu của chị để níu anh lại trên ban công đừng nhảy xuống. Thầy hiệu trưởng đã mạnh dạn hơn với chị khi ông chồng chị không còn "nguy hiểm" với ông nữa. Nhưng chị đã khéo léo chuồi khỏi cái nhìn mơn trớn của ông ta như một con lươn khôn ngoan để giữ tiết hạnh với người chồng đang xuống dốc.   
Ba tháng sau những tai nạn dồn dập, chị đến bệnh viện. Chị bác sĩ không còn xun xoe với chị như trước đây, chị ta lạnh lùng hơn, uể oải hơn. Nhưng lại nắm tay chị thật chặt, lắc lắc. "Xin chúc mừng! chị đã..."   
Dân thành phố vẫn thấy anh lên ban công đứng hàng giờ. Anh thấp thỏm chờ chiếc xe, một số người dưới đất thì phỉ phui đoán rằng có lúc nào đó anh sẽ nhảy xuống. Chỉ có chị là yên tâm, chị biết anh sẽ không bao giờ nhảy xuống đất nữa.

***Kim Giang 2000***

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Nhật ký về những người thanh lịch**

Một chiều định mệnh - Cho đến hôm đó tôi không tin nhiều thứ và cũng không tin có một ai đó rỗi hơi ngồi sắp xếp số phận chúng sinh. Nhưng chiều hôm đó, một trận mưa chiều hối hả, thô bạo đổ ập xuống chỉ sau vài tiếng sấm ì ùng phía trên cao, đâu đó trên những vòm cây rậm dọc đường Trần Hưng Ðạo, sự báng bổ của tôi bị chao đảo. Tôi chạy khoảng mười lăm bước rồi đứng nép vào dưới mái hiên của một gia đình Hà Nội rất có tay nghề lấn chiếm vỉa hè. Một tấm tôn dài suốt mặt tiền ngôi nhà cấp bốn đùn ra tận cây sấu già nua, có lẽ nó phải nhích từng ly một trong nhiều năm để có ngày hôm nay. Nhưng miếng đất của nhà nước bị cướp làm thuộc địa ấy cũng chật ních rồi. Một chiếc Max dựng dọc. Ðứng sát cái yên cong cớn hất lên về phía sau: một người đàn ông. Mưa đang đuổi tôi, quyết liệt như kẻ báo thù. Chỉ còn một cách duy nhất là len vào cạnh người đàn ông đang đứng. Chỗ trú ẩn cuối cùng của tôi: một miếng đất bằng hai hòn gạch dưới mái hiên, cạnh một con người đang biết thế nào là quyền hạn của người xí chỗ. Chút rùng mình vai chạm vai. Một người trú mưa khoảng bốn lăm tuổi, cao, phong độ, cái bụng không chảy ra như một trái bóng bay quá cỡ mà xiết chặt tròn vo sau chiếc xanhtuya quá quen thuộc với tôi, loại Cardin có đầu báo gấm. Tôi buộc phải nhìn sợi nịt da vì nước mưa trên tóc tôi chảy xuống đôi vai ướt mềm, tôi mặc chiếc sơmi lụa Hà Ðông trắng, thứ mỏng nhất, lụa đang dính sát vào vai tôi còn người đàn ông thì không bỏ lỡ dịp dán mắt vào đó như đôi vai là của anh ta chứ không phải của tôi nữa. Tôi cúi xuống để tránh cái nhìn chim cắt, thế là đương nhiên tôi buộc phải thấy cái đầu con báo trên chiếc thắt lưng cácđanh. Và tôi tưởng tượng đủ thứ.   
Chiều trú mưa ấy tôi làm quen với anh ta, một người Hà nội sắp kỷ niệm 990 năm thanh lịch. Anh tên là Trâm, đeo chiếc thắt lưng da đầu gáo gấm. Người chồng cũ của tôi cũng tên là Trâm, cũng đeo chiếc thắt lưng có đầu báo gấm. Lần đầu tiên tôi buộc phải tin có ai đó đã "lập trình" cuộc đời mình. Thượng Ðế sáng suốt tôn kính ơi, nếu Người định gia ân gì đó cho tôi thì tại sao Người lại đặt trên con đường đời ngắn ngủi của tôi những hai người đàn ông tên Trâm, có thắt lưng đầu báo và cả hai đều là những người thanh lịch?   
  
Người thanh lịch đến sau - Anh hít hà, né một chút để khỏi đụng vào vai tôi, không nhìn vai tôi nữa mà dắt chiếc Max ra ngoài, mưa xối xả đổ xuống chiếc xe tội nghiệp, anh bỏ quên chiếc túi vợt tennít ở rổ xe, mưa đổ xuống chiếc túi, một dòng nước đen chảy trên lưng cái túi. "Bây giờ thì rộng rồi" anh nói, không hề liếc qua chiếc túi với cái vợt đắt tiền dưới mưa và tôi quên là người ta đang hô hào người Hà Nội phải sống cho thanh lịch trên đài mấy hôm nay, bèn cảm động. Khi biết anh cũng tên là Trâm, tôi nhìn chiếc thắt lưng da lần nữa, ngắc ngứ như con cá nhìn thấy cái lưới quyến rũ, biết là lưới mà vẫn lao vào. Tôi là con cá, còn anh ta tên là Trâm. Thượng Ðế bảo: hãy yêu người nào có tên là Trâm thì phải.   
Tôi "hy sinh" cho anh sau đó mười lăm ngày, lần này chúng tôi không mắc mưa mà buộc phải nghỉ lại một cái nhà nghỉ ( có lẽ từ điển tiếng Việt nên soát từ nghỉ đáng kính trọng này xem nó có nghĩa nào khác nữa không?) xe hỏng chỉ cách Hà nội mười lăm cây số mà lúc đó mặt trời sắp lặn. Bỗng anh nói: "Anh muốn cưới em! Anh sẽ bỏ con quái ở nhà anh để cưới em!" Anh nói khi chúng tôi dắt xe vào cổng một cái nhà nghỉ cách đường cái không xa. Tôi lại cảm động. Tôi nghe nhiều lần anh gọi "đương kim hoàng hậu" của anh là "con quái , tôi làm như không nghe thấy, cũng không khai thác xem con quái ấy có mấy đầu. Nhưng cái câu "Anh muốn cưới em" thì tôi vẫn chờ, vẫn đợi. Tôi nghĩ người sống với quái thì người khổ đã đành mà quái cũng khổ. Tại sao họ không buông tha nhau ra ? Nghĩ thôi chứ không nói. Tôi có tự trọng, còn anh, người thanh lịch. Tôi mơ một ngày anh có tự do.   
Anh đã biết chọn đúng thời điểm để nói câu đó. Tôi sẽ cưới em! Thời đây là buổi hoàng hôn, còn điểm là con đường lát gạch quanh co rất thơ mộng dẫn tới khu nhà nghỉ với những mái nhà rông nho nhỏ, xinh xinh và rất quyến dũ. Nó chọc ghẹo óc tưởng tượng đàn bà. Tôi đang hào hứng và cần được an ủi. Anh hào phóng thuê hai cái nhà rông nghĩa là hai chỗ ngủ cách nhau một cái sân cỏ, cho hai người. Anh không có ý xâm phạm luật hôn nhân.   
Nhưng ngay lúc đó tôi nghĩ là anh đã phí phạm. Tôi hé cửa sổ nhìn anh đi đi lại lại trước miếng sân con giữa hai nhà rồi cuối cùng bước lên lối đi lát đá sang nhà tôi. Ông chủ nhà nghỉ biết bố trí cho các cặp tình nhân đi "nghỉ" không nhìn thấy cửa sổ của nhau vì họ đều là những người thanh lịch. Nhưng vẫn có thể hâm nóng nhau qua những tiếng động mơ hồ giữa đêm khuya. Lúc đó gần nửa đêm, khu nhà nghỉ im ắng. Có lẽ không ai cấm các "thượng đế đã cất công từ Hà Nội về đây thuê buồng ngủ tìm đến với nhau. Cô tiếp tân nói giọng giả nai với tôi: "Thuê hai nhà cho nó đàng hoàng. Nhưng..." cô im bặt, cái nhìn khuyến khích. Anh không sang thì có lẽ tôi cũng sang bên đó với anh. Tôi vẫn chưa hết sung sướng vì câu nói của anh trên lối đi vào nhà nghỉ. "Anh sẽ cưới em". Anh ngồi, điện vẫn sáng với chiếc bóng đèn có cái chụp màu vỏ ốc. Không ai nói với ai câu nào. Quá nửa đêm, hai người yêu nhau ngồi với nhau không phải để nói. Nhưng anh là người thanh lịch, anh không nói cũng không làm gì, mỗi phút qua đi là mỗi phút anh được tôi kính trọng, tin tưởng thêm lên. Anh bảo anh nhớ tôi, không thể ngủ một mình trong cái nhà rông gợi cảm ấy rồi lặng lẽ kê một chỗ nằm dưới sàn, sát cái giường có tấm drap màu hồng tân hôn. Tôi thấy mủi lòng. Tôi đã là đàn bà cách đây bảy năm. Và tôi nói với anh: "Anh lên nằm cạnh em cũng được" Anh làm theo, có vẻ bất đắc dĩ. Nhưng khi anh vừa ngả người xuống, tôi quay sang ôm lấy anh và bắt đầu vân vê cái cúc duy nhất trên chiếc áo pull màu be nhạt của anh. Một cái cúc đính vào để trang trí.   
  
Hai mươi ngày sau, anh áp tải tôi đến bệnh viện. Cưỡng lại mãi rồi tôi thấy anh có lý. Vì, anh nói, "con quái của anh đang áp dụng chiến lược "giam giữ không thời hạn" và nếu như "người thứ ba" ra đời, tiến trình "giải phóng" sẽ rắc rối nhiều hơn, chắc chắn sẽ kéo dài hơn. Chúng tôi dạn dĩ với nhau chừng vài tháng, anh vẫn luôn lịch sự, thanh lịch tuy vẫn than vãn về cái số phận tù chung thân trong tay "con quái".   
Rồi một hôm, tôi tình cờ gặp anh, đang đùa rỡn với một thiếu phụ chỉ hơn tôi vài tuổi trên bãi biển Ðồ Sơn. Tôi đã đủ kinh nghiệm để nhận ra những cặp đi nghỉ mát đang liên kết với nhau trong tình trạng nào. Với cặp này, anh và thiếu phụ nọ, có thể nói, họ hơi "bị" hạnh phúc. Ngồi trên một mỏm đá nhìn xuống bãi tắm, tôi đang nghĩ đến anh, đang tiếc là anh không thể đi nghỉ cùng với cơ quan tôi trong dịp này thì tôi nhìn thấy anh. Anh đang bế chị ta lên, chị ta trắng nõn trong bộ Bikini màu be nhạt. Anh quẳng chị xuống nước. Họ té nước vào nhau, nằm dài bên nhau, người này đắp những kim tự tháp bằng cát lên lưng, lên bụng người kia. Một đứa trẻ lên sáu đùa nghịch bên cạnh, có lẽ là con anh với "con quái".   
Tôi bỏ cuộc đi nghỉ bất đắc dĩ với anh em trong cơ quan, về Hà Nội ngay. Ba ngày sau, nhờ một con bạn sẵn máu "bất bằng không tha", tôi biết anh và "con quái" sống với nhau rất hạnh phúc. "Chúng nó chỉ lôi nhau lên giường chứ chứa hề định lôi nhau ra tòa, con ngốc ơi!", bạn tôi nói. Bạn tôi đã có hai đời chồng, thường tình nguyện làm thám tử bảo vệ bầy nạn nhân của Ðông Gioăng.   
  
Người lịch sự đến trước - Ðó là người chồng cũ của tôi. Anh chưa đưa tôi đi nạo thai lần nào dù chúng tôi sống với nhau ba năm hai tháng mười lăm ngày chẵn. Hồi cưới anh tôi chưa từng là đàn bà. Tôi chưa biết khi lấy nhau người ta phải làm gì với nhau. Mẹ tôi nói: "Tao thấy thằng người Hà Nội này thanh lịch và lịch sự. Chắc con nhà gia giáo." Suốt đời mẹ tôi chỉ sợ tôi lấy phải một người không có gia giáo. Cái gia giáo ấy thế nào, tôi không biết. Tôi luôn thấy mình không thanh lịch được như chồng, hình như mẹ tôi chỉ chiều chuộng mà không dạy dỗ tôi gì cả. Như đã nói, tôi không biết khi lấy nhau người ta phải làm những gì nên tôi làm tất cả những gì chồng tôi muốn. "Này em, hình như bộ quần áo của anh giặt được rồi đấy" đó là mẫu câu sai bảo, thường mở đầu bằng hai tiếng"hình như". "Này em, anh nghĩ là tháng này chúng mình tiếp khách hơi nhiều" "Anh nghĩ rằng" mẫu câu dùng khi cằn nhằn, bực bội. Một mẫu câu khác lại được mở đầu bằng hai từ “em yêu", thường để dàn xếp chuyện tiền nong."Em yêu, nếu em biết anh phải vất vả như thế nào mới có tiền..." Vất vả ư? Ðúng là anh vất vả thật. Anh thuê người dạy thay ở chỗ chính thức, lao xe máy đến các lò luyện thi đại học khắp thành phố, có người nói với tôi anh lim dim mắt giảng bài để tranh thủ ngủ. Như thuật sĩ Yoga. Mỗi tháng anh kiếm không dưới chục triệu nhưng anh phát tiền chợ cho tôi, tháng nào cảm thấy mình được chiều chuộng thì anh "lịch sự" tăng thêm tiền. Tôi không quan tâm. Anh là người thanh lịch, chắc người thanh lịch thì phải thế. Cũng có thể vì tôi yêu anh nữa. Tôi đang muốn có con, rất muốn có con. Nhưng anh thì không thể. Anh làm chuyện đó một cách quá thanh lịch và đứa con gái mới thành đàn bà là tôi chỉ thấy nó vô ích, buồn cười. Cơ thể tôi từ chối những hạt giống lép. Khi thấy mình không thể có con với anh thì tôi nhận ra thân phận mình: tôi là một cô ô-sin được vinh dự phục vụ một ngài thanh lịch không có khả năng có con. Tôi không yêu anh nữa. Ðể cho anh yên tâm kiếm tiền. Cũng lạ cho tình yêu. Ðang yêu rồi thoắt không yêu chỉ trong nháy mắt. Cô bạn thám tử của tôi trước làm phù dâu, nay tháp tùng tôi ra tòa. Nó nói: "Tao thương nhất những đứa ô sin phải phục vụ người thanh lịch!"   
  
Cuộc gặp bất ngờ - Không hiểu Thượng Ðế có ý gì khi cả năm chúng tôi lại gặp nhau trong một tua du lịch ngẫu nhiên ở rừng Cúc Phương. Anh, người đến trước, Anh, người đến sau cùng với "con quái", tôi và cô bạn thám tử của tôi. Nó bảo tôi phải đi đây đi đó để giải buồn, hai ngày nghỉ cuối tuần mà ngồi nhà với cái máy vi tính thì "sáu tháng nữa mày sẽ điên", nó nói như đinh đóng cột. Tôi đồng ý và đi.   
  
Ðám du khách không đông nên chúng tôi nhận ra nhau ngay khi lên chiếc xe cá mập của một công ty lữ hành. Guide là một tay trung niên, ông khá giỏi ngoại ngữ vì trong đoàn chỉ có một cô Tây, cô này biết chút ít tiếng Việt nhưng ông ta vẫn cố dịch lại những lời hướng dẫn bằng một thứ tiếng Anh quy củ của Ðại học Sư Phạm Ngoại Ngữ. "Tôi cam đoan với các vị - ông ta nói - tua lữ hành của chúng tôi rất có duyên, quý khách là những quý ông quý bà thanh lịch và theo tôi biết thì đã có không dưới mười đám cưới được tổ chức sau những tua của chúng tôi". Thứ thuốc cao này hấp dẫn đây - tôi nghĩ bụng - ông ta nói không dưới một trăm đôi cũng được chứ sao?   
Những người rất quen nhau là chúng tôi không ai nói với ai một lời. Cả con bạn của tôi cũng thế. Nó ít nói hẳn đi. Tôi thấy nó dịu dàng hơn trước. Và chiều hôm đó tôi bỗng thấy nó biến mất, bỏ tôi lại trong căn phòng với cuốn "Putin, ông là ai?". Mười lăm ngày sau, nó hứa hôn với người thanh lịch đến sau, tức là anh chồng cũ của tôi. Nó bảo: "Mày yên tâm, để tao trị cái thằng thanh lịch này cho coi!" Tôi không buồn, cũng không vui. Tôi đọc nốt cuốn sách về Putin rồi nghĩ ngợi về những cuốn sách có hậu.

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Vạt áo đời người**

Khi con đường bao chạy qua làng khởi công, đất làng hắn thành vàng. Hắn bàn với mẹ bán một nửa miếng vườn. Cầm một cục tiền to chưa từng mơ tới, đưa cho mẹ, hắn nói: "Cụ cho con xin một triệu chữa xe!". ừ thì một triệu. Hắn lấy xe, phóng như bay vào thành phố. Suốt ngày nghe đài, xem báo thấy người ta nói chuyện bia ôm, chuyện mấy đứa ca-ve mà hắn, mang tiếng dân ngoại thành nhưng vẫn chưa biết mô tê gì. Hắn phải biết! Mấy đứa bạn khác trong làng nếm mùi cả rồi, dịp trời cho này hắn phải biết. Hắn đẩy tấm cửa kính màu âm u của quán Trăng lưỡi liềm, bước vào. Không ngờ hắn đang bước vào một cuộc đời mới.

Trưa hôm sau hắn đưa về làng một cô ca-ve. Tưởng là gì ghê gớm hóa ra cũng giống như gái làng. Ðẹp hơn tất cả các cô gái làng hắn. Không quê quán, không cha mẹ thế cũng hay, khỏi phải làm rể. Làm rể phiền toái lắm, vẫn có câu chó nằm gầm chạn. Lại không phải cưới xin lôi thôi, tốn kém. Vợ không cưới, không mất lợn mời làng mà làm ăn giỏi ra phết. Ngay hôm đầu về nhà đã kéo cho mẹ hắn đầy hai bể nước. Còn đòi đi làm cỏ khoai tây nữa. Hắn không cho, nói là để từ từ, người ta làm ngoài đồng rỗi miệng hay bới móc. Quen quen hẵng hay, lúc đó có ra đình múa cũng không ai nói. "Mày định cho nó ở luôn đây à?" Mẹ hắn hỏi. Hắn đáp tỉnh bơ: "Vợ tôi không ở đây thì ở đâu?" Mẹ bảo: "Không cưới xin gì thì ra uỷ ban đăng ký cho người ta khỏi bắt bẻ." Hắn vê vê cái cằm lún phún: "Không có chứng minh thư đăng ký làm sao? Nó hăm lăm rồi, tôi không ngủ với trẻ con, sợ gì." Mẹ hắn than: "Ðồ vô phúc, mày bắt tao quỵt nợ bà con!" Nói thế nhưng mẹ hắn vui. Trốn được đám cưới thì nhẹ mình quá. Hắn là con một. Tính nết hay vùng vằng như con trâu cày trưa nhưng chăm làm, tính việc giỏi, thương mẹ. Mẹ chiều hắn như chiều vong. Bà mẹ nào mà chẳng đội con lên đầu!

Thằng Khoa nhặt được vợ trên phố! Chẳng mấy chốc tin ấy lan ra khắp xóm. Người ta chưa thấy hắn cho vợ đi làm đồng hay đi chợ. Họ tìm cớ ghé qua nhà để xem cô ca-ve. Tưởng thế nào chứ cũng như gái làng, chỉ đẹp hơn mà thôi. Ngay hôm đầu tiên gặp trong quán bia ôm, thằng Khoa cũng thấy như thế. Hắn bảo cô ta tắm. ứ, em không quen tắm hoa sen. Cô ta mở nước chảy xuống chậu rồi lấy gáo nhựa dội. Hắn dội cho cô ta. Anh muốn gì em chiều. Chẳng muốn gì. Nằm đây nói chuyện cái đã. Có mùi gì hăng hăng. Một vốc hoa bưởi dưới gối. Em mua ngoài chợ. Cho nó át mùi nước hoa với mùi mồ hôi cháy trên gối, ghê ghê buồn nôn. Bà chủ mua hai mươi ngàn một lọ nước hoa Tàu, sáng nào cũng rưới lên đầu bọn em. Ra thế! Gái quê hả? ở đâu? Em mồ côi. Tám tuổi ông chú bảo em: nuôi thế đủ rồi, vô trại chăn bò mà kiếm ăn. Chăn bò cho người ta đến mười lăm tuổi. Kiếm đủ cơm ăn mà còn được ông chủ trại cho học chữ, đọc được báo. Thôi nhé, dạy nữa thành trí thức, đâm khinh người! Mười chín tuổi lấy chồng. Nó cờ bạc như điên. Gì nó cũng đưa lên chiếu. Gán tất! Nhưng thôi, em chỉ kể đến đó. Anh muốn gì em chiều. Còn mười lăm phút nữa là bà chủ gọi cửa đấy. Giờ giấc nhà này nghiêm. Anh qua đêm được không? Ðược chứ. Nhưng phải ba trăm ngàn, anh chịu không? Thì ba trăm ngàn đây, chưa đến một mét vuông đất. Ðêm đó hắn tỉ tê mọi điều. Hắn không gạn hỏi vì sao “đằng ấy” lại vào đây. Sợ người ta thẹn. Mà hỏi làm gì? Vào đây cách nào thì cũng thế! Rồi hắn nẩy ra cái ý nghĩ ấy trong đầu. Sĩ làm gì? Lấy đĩ làm vợ còn hơn chán thằng lấy vợ làm đĩ. Rồi hắn bàn cách đi trốn. Hắn trả tiền cho bà chủ, bẹo má bà ta một cái rồi lấy xe máy bảo đi mua thuốc lá. Cô ta thì trèo tường sau. Ðón nhau ở cổng chợ gần đó. Cũng may lúc đó công an đến kiểm tra nhốt bọn bảo vệ ở phòng ngoài nên chúng không đuổi được. Thế là thoát!

Ðược mười lăm hôm hắn bảo mẹ: "Bây giờ thì ổn rồi, mẹ nhé!" Mà cũng ổn thật. Mẹ thương cô ta. Mười lăm ngày cho lợn ăn, cơm nước, giặt rũ, kéo nước dưới giếng lên, nết ăn nết ở thì không giấu được ai. Mẹ nói con này được. Cũng còn hơn dâu ông chủ tịch xã. Nó đưa trai về nhà, còn móc trộm con dấu đóng cho thằng ấy một cái giấy giả để đi lừa thiên hạ. Chuyện ầm cả làng ai cũng biết. Tự dưng Trời cho đứa con dâu. Mẹ bảo hắn: "Thong thả rồi tìm hiểu xem nó quê đâu, đăng ký đi cho êm." Hắn nói: "Tôi không truy lý lịch người ta làm gì. Với lại, họ đang lo chia nhau tiền hoa hồng bán đất công, chẳng ai mó tới chuyện nhà này đâu." Thằng Ninh bạn hắn bảo: "Vợ mày sõi đấy, đẹp đấy. Nhưng dù sao cũng là hàng xê-cần-han. Hôm nọ tao mua một cái áo phông mặc chẵn năm ngày thì rách." Hắn trừng mắt: "Mày đã chắc vợ mày chưa?" Thằng Ninh cúi xuống, lẩm bẩm: "ừ, khó biết thật, cái ao bèo." Rồi nói an ủi hắn: "Thôi, cũ người mới ta. Nó đẹp mà nết cũng được là của hiếm!" Hắn cười khì, sung sướng.

Một hôm đang đầu gối tay ấp, vợ hắn khóc. Nhớ phố, hay nhớ bà chủ? Hay nhớ mấy thằng làng chơi? Hay chê đây nghèo? Nói đi, muốn gì đây cũng chiều. Không, không phải. Rồi vợ hắn ngồi dậy, lau nước mắt, nói: "Em nhớ con..." Lại kể nốt chuyện bỏ lửng hôm đó. Thằng chồng đánh bạc quỵt tiền, bị người ta đánh. Bán sạch sành sanh chạy thuốc mà không cứu được, ba tháng thì chết. Em bế con ra phố kiếm cơm. Gặp bà chủ. Bà ấy nói gái một con trông mòn con mắt, nhan sắc thế này chỉ tân trang mấy hôm là hái ra tiền đừng buồn khổ mà phí đi. Thôi, để chị bày cách giải quyết đứa con. Chị biết có một nhà hiếm. Phố ấy. Số nhà ấy. Cứ chờ sáng sớm hay tối mịt, đưa thằng cu đặt trước cổng người ta. Nhớ cho bú thật no, mặc âm ấm vào kẻo nó sưng phổi. Ðừng khóc. Cái giống cờ bạc chẳng tiếc làm gì. ở đây với chị vài năm là đời em lên hương, chị kiếm cho em tấm chồng giàu có, tử tế. Còn thằng cu biết đâu lại được ăn học nên người. Thế là mẹ cũng tròn con cũng vuông. "Bây giờ cô tính sao?" Hắn hỏi. "Em nhớ con, tội nghiệp con tôi, mới kém hai ngày thì đầy sáu tháng, vậy mà tôi nỡ bỏ nó trước cổng nhà người ta." Hắn phát bẳn: "Tôi hỏi cô tính sao?" Ðáp: "Em chẳng biết tính sao." Hắn nằm xuống, nghe vợ thút thít bên cạnh. Bộ ngực nhô lên rồi hạ xuống, khuôn mặt đẫm nước mắt càng dễ nhìn làm lòng hắn tan nát. Nghĩ ngợi một lúc, hắn ngồi dậy: "Anh tính thế này, (ít khi hắn xưng anh em với vợ), anh với em ra tỉnh, đến nhà người ta xin lại thằng cu!" Vợ hắn quay người, ôm choàng lấy hắn, phủ lên hắn một trận mưa hôn: "Trời ơi, anh nhân đức quá, được như thế thì mẹ con em đội ơn anh suốt đời!" Rồi cô ta lấy dưới gối ra mấy tờ bạc: "Tiền tàu xe đây, mai ta xin phép mẹ rồi đi! Hồi còn trên phố lần đi khách nào em cũng véo ra một ít để ngày nào đó chuộc lại thằng con." Vợ hắn nhắc tới một quãng đời làm lòng hắn quặn thắt. Hồi còn trên phố...cả hai không bao giờ cùng lên phố, khi nhắc tới cuộc đời trước kia vợ hắn vẫn thường nói trẹ ra thế. Hồi còn trên phố... Hắn giật lấy, quẳng xấp tiền xuống chân giường: "Cầm lấy! Hay đốt đi. Ðây đếch cần."

Ðúng phố ấy nhà ấy nhưng sao cái cổng trông khác quá. Trước đây đâu có cửa sắt mà cửa gỗ. Ngôi nhà cũng không phải. Nó nhỏ cơ, không to thế này. Vợ hắn thì thầm bên tai, tay run run vịn vào bức tường. Nắng buổi sáng vón lại trên những lá tường vi vươn qua đầu tường, mấy bông hoa tường vi chạm vào bàn tay bé bỏng đang run của vợ hắn. Một đám mây lang thang phía sau ngôi nhà cao nhất dãy phố. Hắn nói: "Thì phải khác trước chứ. Tôi bấm chuông đây!" Khoan đã! Cô ta giữ tay hắn. Em sợ. "Sợ cái gì mới được chứ" Cô vợ nói: "Người ta giàu. Em hãi người giàu lắm!" Vớ vẩn! hắn nói, tôi bấm chuông đây. Như để trả lời hắn, từ trong ngôi nhà ba tầng, có tiếng một thằng bé khóc, nghe rõ tiếng bàn tay đập đập liên hồi lên mặt bàn. "Nó đấy, con em đấy. Chà cu cậu đang dỗi, ứ ăn ứ ăn. Ra dáng con nhà giàu lắm. Con tôi..." Hắn đưa tay bịt miệng cô vợ lại: "Vớ vẩn. Tôi thì đang lo nẫu ruột đây. Có cớ gì bảo nó là con cô nào? Không dưng người ta lại đưa con cho hai vợ chồng cha vơ chú váo như tôi với cô?" Cô vợ không chú ý nghe lời chồng. Cô ta vẫn lắng nghe tiếng trẻ con khóc dỗi trong nhà. Như từ một thế giới khác. Xa và lạ, một cuộc đời khác mờ dần qua làn nước mắt. Bỗng cô ta giật mình, tỉnh mộng. Rồi cúi xuống mở cái túi xách tay nhàu nát, cũ kỹ. "Em có cái này..." cô ta nói, đưa chồng xem cái vạt áo trẻ con. Em xé ra khi bế nó đến đây. Thế nào người ta cũng hiểu, người ta cũng giữ lại cái áo ấy để so sau này. Rồi quả quyết: "Anh bấm chông đi!"

Người vợ gầy teo tóp còn ông chồng thì mập ú. Người vợ rõ là vẫn chưa nguội chuyện ngày xưa, nói: "Thằng bé kháu kháu là. Tôi lên đồn công an bảo là tôi nhặt được, ở cổng nhà tôi tức là của tôi, tôi xin nuôi. Người ta bảo ừ thì để bà nuôi nhưng mà nuôi không tử tế thì chúng tôi đưa nó vào trại trẻ lúc ấy đừng buồn. Sao không tử tế được?" Bà đứng dậy lấy trong tủ ra cái áo trẻ con bị xé một vạt. "Vâng, thấy cái áo bị xé là tôi hiểu ngay. Chồng tôi bảo sẽ có ngày người ta đưa vạt áo ra nhận con đấy. Y như là." Thằng bé ba tuổi, ngồi trong lòng bà mẹ, đưa đôi mắt sáng choang nhìn tất cả mọi người. Sao người lớn cả mà ai cũng khóc nhè thế này? "Cái vạt áo khớp rồi, chị không phải phân trần nữa. Với lại, hai mẹ con giống nhau như hai giọt nước thế kia..." Ông chồng đấm đấm hai nắm tay múp míp như hai củ khoai tây được mùa, bảo: "Nói anh chị đừng giận, về bên ấy chắc thằng bé không đầy đủ như ở đây. Hay là anh chị cứ để tôi nuôi nó khôn lớn, cho nó ăn học, nó có hai cha hai mẹ thì hơi nhiều nhưng chắc không ai để nó khổ." Hắn đưa tay áo quệt má, bảo thế cũng được, đội ơn hai ông bà, rồi cháu cũng là con của xã hội cả thôi, chỉ xin hai ông bà cho cháu về chào bà nội. Ông chồng sốt sắng: "Ðương nhiên rồi, để tôi đưa cháu đi cho biết nhà tiện thể!"

Bà mẹ hắn nâng thằng bé lên, dụi dụi mũi vào bụng nó, nói một câu xanh rờn: "Khổ chưa, cháu tôi hoàn cảnh thật, nhà thì nghèo mà bố mẹ lại đông quá...nuôi sao xuể đây!" Thằng bé khóc thét lên vì nhột. Bà trao nó cho ông bố mập rồi xuống bếp làm nốt con gà. Từ bên hàng xóm, mấy người nghe tiếng trẻ con khóc trong nhà hắn. Chị hai Xoan chạy sang ngay. Nắng chảy như mật trên mái tóc vừa gội chưa kịp khô của chị. Không phải chị sang xem con ca-ve như hôm nọ, mà xem tại sao nhà chúng nó lại có tiếng trẻ khóc.

Kim Giang 2001

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Người đàn bà đợi ở bến xe**

Sau khi li dị, Toản quyết định không lấy vợ nữa. Anh không thổ lộ ý tưởng ấy với ai, gom tiền mua một căn hộ trong khu chung cư "hác lem". Sắm sửa các thứ tối thiểu trong nhà xong, anh thành tay trắng. Nhưng Toản tự thấy được an ủi là từ nay trong nhà anh không có đàn bà. Ðàn bà, với anh là chị vợ cũ, người anh đã yêu khi chưa biết thế nào là tình yêu. Ðã cưới khi chưa biết thế nào là hôn nhân. Ðầu tiên anh mất ăn mất ngủ vì nụ cười lộ hai hàm răng trắng và đều, khi chị cho anh hôn, anh nhớ mãi vị ngọt của nụ hôn đầu tiên trong đời, khi anh cùng chị đi chơi ngoại thành mắc mưa, phải đứng với nhau ba tiếng đồng hồ trong một cái điếm canh đê, anh bàng hoàng chạm phải da thịt cùng làn sóng lạ lẫm đang dâng lên khắp nơi trên thân thể chị. Và sau đêm đó ở cái điếm canh đê chị đòi anh cưới. Chị nói không thể sống mà không có anh. Còn anh, anh thèm thuồng nhớ lại chuyện xẩy ra trong điếm canh đê, anh muốn làm như thế một lần nữa, lần nữa. Và anh cưới chị, hai người ở trong căn hộ cơ quan phân phối cho anh khi còn độc thân, những ngày đầu tiên tuyệt vời, anh đi làm về đã thấy một mâm cơm trên bàn còn trên tấm trải giường màu hoa lựu là chị nằm đọc cái gì đó, khi mặc một bộ váy ngủ, khi không mặc gì cả để đón anh và anh bỏ mặc mâm cơm, đổ xuống chị như một cây chuối bị đốn bởi niềm đam mê. Giờ thì anh không còn nhớ gì đến những chuyện đó nữa, nụ hôn, cái điếm canh đê trong cơn mưa, bộ váy ngủ và những làn sóng dâng lên nhấn chìm anh trong phút chốc. Anh chỉ còn nhớ một người đàn bà. Anh nhớ chị lục tìm trong áo khoác anh cái ví, chị rút tệp giấy bạc kỳ lương còm của anh ra, chị thấp nước bọt lên ngón tay, đếm từng tờ rồi bĩu môi nhìn anh đang ngồi bó gối trên chiếc ghế dựa cũ xin của cơ quan, anh co rúm lại trong sự bất lực về mình, về cái nghề bạc bẽo và công việc bèo bọt của anh ở cơ quan nơi có người kiếm tháng năm bảy trăm đô còn những loại như anh chỉ lĩnh năm bảy trăm ngàn tiền Việt. Anh nhớ những lần chị vùng dậy ngồi lên vặn người rồi ra nhà tắm trút bỏ một cách kiên quyết những gì anh đã cho chị như thải một thứ ô nhiễm độc hại nhất, chị nói chị sẽ không bao giờ có con với một thằng "giẻ cùi" và hối là đã nhẹ dạ. Anh nhớ nét mặt lạnh và tỉnh bơ khi chị bắt đầu giai đoạn ra phố sau bữa cơm tối, về rất muộn, vốn "sĩ" và nhu nhược, anh không hỏi chị đi đâu cho đến một đêm chị không về, cho đến một ngày, sau khi anh đi công tác vào Sông Bé bảy tháng, khi anh về, chị trâng tráo nói với anh là chị đã có thai được ba tháng rồi. "Bây giờ anh muốn làm gì thì làm, tuỳ anh" Anh nhớ câu nói ấy và chỉ nhớ câu nói ấy với nét mặt trâng tráo thách thức sáng ngời khoái cảm của người ăn vụng.   
Anh mừng là căn hộ mới của anh không có đàn bà.   
Như mọi buổi chiều, anh ra bến xe buýt cách cơ quan không xa để chờ xe về nhà. Chiếc Honda 81 anh đã phải "đi ở" để trả nốt số nợ mua căn hộ vào năm ngoái. Anh đã quen không đi xe máy mà đi xe buýt, chìều nào anh cũng đi chuyến xe cuối cùng chưa bao giờ bị nhỡ. Anh nghiệm ra nhu cầu của con người có chất cao-su, giả định không còn xe buýt mà phải đi bộ thì anh cũng sẽ đi bộ một cách vui vẻ như khi chuyển từ xe máy sang xe buýt. Anh ngồi lên chiếc ghế của trạm đợi xe dọc đường trong đầu nhâm nhi cái ý nghĩ A.Q rằng mình "dùng" xe buýt nhà nước còn sướng gấp vạn mấy thằng đi xe máy đội mũ sắt mồm bịt khẩu trang như lính cứu hoả đang vật lộn với bụi đường và đồng loại. Cho nên anh quên không nhìn thấy một người đàn bà ôm đứa con nhỏ đang co ro ngồi tít một đầu ghế. Trời rất lạnh, có mưa nhỏ rơi tí tách lâm thâm trên mặt đường. Khi nhìn ra chỉ có mình và người đàn bà ôm con nhỏ chờ chuyến xe vét qua trạm này, anh luống cuống như chính anh vừa hẹn chị ta ra đây với anh chứ không phải tình cờ. Anh đỏ mặt vì lạnh, vì bối rối. Sau ngày ly hôn anh không đi với người đàn bà nào ngoài phố. Trong các cuộc họp cơ quan, anh đứng dậy đi chỗ khác ngay nếu có một cô mắt xanh mỏ đỏ hay cả bà tạp vụ xồ xề ngẫu nhiên ngồi xuống cạnh mình. Anh chưa hề nói với ai là anh không ưa gần phụ nữ. Chỉ anh biết là, mỗi lần nói chuyện với họ, ngồi bên họ là anh lại thấy lại, nhớ lại chị và câu nói tỉnh bơ đầy vẻ hân hoan.   
Ðường phố đã lên đèn. Dãy đèn cao áp vàng khè trong mưa. Người đàn bà bế con ngồi xích lại gần anh, nhìn anh khẩn khoản:   
- Nhờ ông bế hộ cháu một tẹo, tôi đang lo là không còn chuyến xe nào nữa.   
- Chị đi đâu? - anh hỏi - nếu xe đến thì sao?   
- Tôi đi một chút thôi. Nếu xe đến thì ông đặt cháu xuống ghế giúp tôi.   
Anh không nỡ chối từ. Vốn ít tò mò,anh cũng không hỏi chị đi đâu. Anh nhận đứa bé từ tay chị. Thằng bé khoảng chẵn năm, má đỏ hồng, ngủ say sưa trong mớ quần áo ấm không sang trọng gì lắm nhưng cũng không thể nói là tồi. Mùi sữa, mùi hơi thở trẻ con phả vào anh làm anh bừng tỉnh.   
- Nhờ ông trông hộ cái túi.   
Chị nói rồi chạy vào trong mưa. Anh nhìn theo, thấy chị đến chỗ bức tường bao một cái sân chơi. Chị ta ngồi xuống, mất dạng trong bóng tối của bức tường đổ xuống một vệt dài và anh hiểu chị gửi con cho anh để làm gì. Anh xấu hổ, tự trách mình sao lại nhìn theo chị. Vừa lúc đó chiếc xe buýt quen thuộc mang số 56 trờ tới. Thấy chỉ có mình anh ôm đứa bé ngồi trên ghế đợi, anh phụ xe lao đầu ra: Chờ xe thì lên! Anh không trả lời. Trên tay anh đang có thằng bé và cạnh anh là cái túi của người đàn bà. Làm sao anh có thể để lại hai thứ đó trên chiếc ghế. Chiếc xe buýt không dừng, tăng ga rời trạm chờ. Anh nhìn theo, dửng dưng. Ði bộ về nhà mất khoảng nửa giờ nhưng trời lạnh thì cũng chẳng ngại. Anh ôm chặt thằng bé vào lòng vì thấy nó cựa quậy trong vòng tay. Anh ngồi như thế một lúc. Anh không lo lắng gì về phần mình mà chỉ lo cho người đàn bà. Liệu chị ta có tiền để gọi một chiếc xe ôm hay không?   
- Em thật tệ, làm ông nhỡ chuyến xe - người đàn bà quay lại, bế thằng bé về, nói.   
- Không sao, anh nói, nhà tôi cũng gần, đi bộ cho ấm người cũng hay. Chị về đâu?   
- Dạ, em về bến xe Hà Ðông. Em tính đêm nay ngủ ở nhà đợi để sáng mai đón xe về Vân Ðình sớm.   
- Ðể tôi gọi cho chị một chiếc xe ôm nhé?   
Người đàn bà nhìn anh hốt hoảng. Anh hiểu ngay là chị ta không có tiền. Ðáng lẽ anh phải hiểu ra điều đó ngay vì nếu đủ tiền thì chắc chị va không ôm con mà chờ chuyến xe vét cầu âu như thế.   
- Dạ thôi - chị va nói - em hãi đi xe máy lắm. Mẹ con em ngủ lại trạm chờ này cũng được. Sáng mai lại được đi chuyến đầu tiên.   
Lại A.Q rồi. anh nghĩ bụng, làm sao chị va với thằng bé có thể ngủ ở cái trạm xe buýt do một công ty nước ngoài dựng lên để quảng cáo. Chiếc ghế băng granitô, trên là một cái mái che hình cánh chim kiểu cách nhưng không che được cả mưa lẫn nắng. Và tất nhiên không có gì ngăn lũ du đãng thường dùng nơi này để qua đêm và tiêm chích. Tai sao mình lại không thể đón chị ta về nhà? Anh ngỏ lời và đưa tay đón thằng bé. Nhưng thật bất ngờ, người đàn bà từ chối quyết liệt. Chị ta nhất định không đi theo anh mà cứ khăng khăng bảo mình sẽ ngủ ở đây, làm như cái ghế đợi là thiên đường của chị va không bằng. Anh ủ rủ rời trạm đợi xe, đi bộ về nhà.   
Nhưng anh không ngủ được. Mưa mỗi lúc một nặng hạt. Anh tưởng tượng đủ mọi tình huống xẩy ra với người đàn bà trên chiếc ghế đợi vắng vẻ trong đêm và trong mưa. Anh lục lọi lấy ra mấy cái áo mưa rẻ tiền cũ và mới. Vào lúc nửa đêm, anh đi bộ về trạm đợi xe. Người mẹ đang nằm co lại như con tôm trên chiếc ghế, hai tay ôm chặt thằng bé vào lòng như sợ nó rơi mất. Chắc chị va không ngủ vì khi anh vừa bước từ đường nhựa bây giờ đã vắng ngắt lên trạm đợi, chị ngồi dậy ngay.   
- Ông, thế mà em tưởng...   
Nếu mình đúng là thứ người chị ta tưởng thì chị ta cũng làm gì được trong đoạn phố vắng teo và mưa rả rích thế này. Anh nghĩ bụng và ngồi xuống cạnh chị.   
- Tôi không thể để chị ngủ đây - anh nói với giọng kiên quyết - Chị phải về nhà tôi, sáng mai hẵng ra đón xe.   
Anh nói như anh là một đội viên dân phòng có trách nhiệm bảo vệ người vô gia cư ngoài đường phố, như anh đã giao kèo với Thượng Ðế phải bảo đảm an toàn cho hai linh hồn phiêu bạt.   
Người đàn bà không từ chối nữa. Chị đưa con cho anh và đi bên cạnh, giương chiếc áo mưa rách lên che những giọt mưa chếch rơi lên đôi má lộ ra giữa tấm khăn choàng như hai quả trứng gà.

\*

Thế là trong căn hộ của anh lại có đàn bà. Không những thế, còn cả một đứa bé. Ðiều đầu tiên anh phát hiện được khi người đàn bà và đứa con bước vào căn hộ anh ở, dưới ánh đèn nê-ông là anh thấy chị ta đẹp. Một khuôn mặt nhẹ nhõm, đúng là hình trái xoan và phía bên trong, theo cảm nhận của anh là vẻ dịu dàng của người quen phục tùng và cam chịu. Anh tưởng thế. Ðiều thứ hai anh phát hiện ra là cả hai mẹ con đều đói. Khi thấy chị quay người ý tứ mở cúc áo ngực cho con bú, anh không nhìn nhưng biết chị ta đang cố vắt nặn bầu vú còn thằng bé thì khóc thét lên, rồi chị nhăn nhó đau khổ vì bất lực, hai bàn tay run như giẽ, anh biết là sữa không chảy ra. Người mẹ đang đói. Anh lấy ấm điện đun nước sôi rồi dốc cạn hộp sữa ăn dở của mình. Lúc đầu chị bảo không quen uống sữa, chị không đói. Nhưng khi anh nói chỉ cần uống một cốc thôi là sữa sẽ chảy ngay ( anh nói vong mạng theo lối suy nghĩ đơn giản chưa hề được kinh nghiệm chứng minh) thì người đàn bà vồ chiếc cốc trong tay anh, nhìn anh với đôi mắt biết ơn, cảm động và chị uống cạn cốc sữa một cách ngon lành.   
- Có thật sữa sẽ ra không ông?   
- Ðúng thế - anh nói - chị uống thêm một cốc nữa thì nó sẽ ra nhiều hơn.   
Anh nài chị uống một cốc nữa. Quả nhiên sữa chảy ra và thằng bé bú no nê, lại ngủ trong tay chị.   
- Bây giờ chị đặt nó xuống giừơng tôi để nghỉ tay một lúc. Tôi đi nấu hai bát mì ăn liền, chắc chị đói mà tôi cũng thế.   
Người đàn bà không nói gì. Chị không khách sáo nữa. Chị đói thật. Nhưng một cái gì lớn lao hơn cái đói đang chiếm lĩnh tâm tư chị.   
Họ ngồi ăn mì bên cái bàn viết của anh. Anh cứ ca mãi cái điệp khúc, rõ ràng là anh vẫn có thói quen vạch lá tìm sâu để trách móc một cách hào hứng những khiếm khuyết của đàn bà:   
- Chị sợ cái gì mà nhất định không vào đây? Chị sợ tôi hơn những thằng lưu manh đi ăn đêm ngoài phố hẳn? Chị thấy chưa, nếu chị cứ khăng khăng ngủ ngoài đó thì khéo thằng bé chết đói.   
Chị nhìn anh một cách ý nhị và sau khi ăn, trông chị dễ nhìn và hấp dẫn hơn lúc nãy. Anh còn nhận ra chị là người có học trong cái nhìn ấy. Nhìn chị anh có cảm giác như lần đầu tiên mình nhìn thấy đàn bà, một cảm giác không thể tin được đối với anh.   
- Em hãi đàn ông, bác ạ. Cứ mỗi lần có người đàn ông nào rủ em đi đâu hay làm cái gì là em cứ run bắn lên.- Chị không gọi anh là ông nữa, tiếng bác làm anh hài lòng và thấy thích hợp, đúng là nếu không có thằng bé thì không bao giờ anh đưa người đàn bà này về nhà mình.   
- Thế à? - anh nói kèm một nụ cười chua chát - trong đời tôi chỉ thấy những người đàn ông khổ vì đàn bà còn chưa thấy chuyện ngược lại.   
- Cũng có thể như thế - chị nói với vẻ từng trải và biết điều. Và chị nói thêm - Nhưng em thì không thấy như thế.   
Quả thật có mỗi chỗ nằm và một cái chăn duy nhất thì thằng bé chiếm mất rồi. Họ ngồi bên bàn, không ai dám nói đến chuyện đi ngủ. Cũng như bất kỳ người phụ nữ nào, chị là người đầu tiên hỏi anh về vợ con, về gia cảnh. Anh trả lời qua loa những câu thuộc "đáp án" đã được anh soạn sẵn từ lâu để giải thích cho thân tộc hay bạn bè về chuyện gia dình anh tan vỡ mà không phải nói xấu một ai, không phải nói thật những suy nghĩ của anh về đàn bà. Giọng nói của anh có vẻ chân thật đến nỗi chị muốn kể cho anh nghe chuyện của mình. Nhưng chị không kể. Vô ích. Tưởng cái làng quê của chị làm chị mất mọi cơ hội được làm mẹ, làm vợ. Chị bỏ nghề dạy học, theo hắn về thành phố. Hắn đẹp trai, mồm mép và nguy hiểm nhất là hắn rất hào phóng và tử tế. Chị chưa nói dối ai nên hắn nói gì chị cũng tin. Hắn sống với chị trong một căn hộ thuê của ai đó, hứa sẽ cưới chị khi đủ tiền mua một căn hộ khác đàng hoàng hơn. Chị tưởng đã có một gia đình, có một người chồng tài ba, kiếm được nhiều tiền bằng cách nào chị không có quyền quan tâm và hỏi han. Khi thằng bé ra đời thì hắn không bao giờ nói tới chuyện cưới xin nữa. Bà hàng xóm bảo chị: "Thằng nào cũng thế. Có con rồi thì không chịu cưới nữa". Cho đến hôm nay...   
Anh nghe, nhớ lại ngày anh ở Pleiku về nhà và thấy vợ anh xanh xao, nôn oẹ với cái thai gần ba tháng.   
- Khi em đưa thằng bé đi tiêm chủng về thì "bà ta" đang ở trong nhà. Thì ra vợ anh chồng hờ của em đang sống với hai đứa con chỉ cách chỗ em ở vài cây số, ngay trong thành phố. Bà ta quẳng cho em cái túi còn em thì chỉ kịp nhặt lên rồi đi ra đường. Hôm nay trời mưa, em chỉ lo mỗi chuyện đó, thằng bé mới tiêm chủng mà ướt mưa, người ta bảo như thế sẽ rất độc. Em phải đi thật xa chỗ đó, càng xa càng tốt. Em sợ bà ta đuổi theo, lại lo thằng bé bị ướt nước mưa. Em lẻn vào trạm đợi xe...em đã nói dối bác.   
- Sao chị lại cười? Chuyện của chị có gì đáng để cười đâu?   
- Em mà khóc thì không nuôi con được. - người đàn bà nói- bác thấy đàn ông họ có tài không? Bà ta chỉ ở cách chỗ em hai cây số...

\*

Nhiều ngày đã trôi qua, nhưng không bao giờ Toản thấy người đàn ông "tài ba" ấy đến tìm thằng bé và người đàn bà. Có thể anh ta không biết họ đang ở đây, trong căn hộ chật chội của Toản. Cũng có thể anh ta biết mà không đến. Nhưng đối với Toản cũng như người đàn bà bất hạnh, chuyện đó chẳng quan trọng gì. Anh không còn bận tâm về chuyện nhà mình lại có đàn bà. Chỉ biết là anh bớt đăm chiêu hơn, thỉnh thoảng anh không phải ăn “bim bim” hay lạc rang trừ bữa và anh không còn nhớ gì về những chuyện anh vẫn nhớ, về một người đàn bà khác lục ví anh rồi nhìn anh khinh bỉ, xanh xao, nôn oẹ ngày anh ở Tây nguyên trở về. Anh cũng quên luôn những gì anh nghĩ với vẻ đắc ý và tự hào về cuộc sống đàn ông độc thân. Cũng may mà anh chưa nói với ai về chuyện ấy. Một hôm, có lẽ là ngày thứ mười ba kể từ lúc tá túc nhà anh, anh đi làm về và không thấy chị và thằng bé đâu nữa. Trên bàn có một bức thư, nét chữ rất đẹp, đúng quy cách, nét chữ cô giáo trường làng. "Mẹ con em xin phép bác, thế này là phụ ơn bác quá. Nhưng em muốn về quê. Em không thể... em biết nếu em ở lại thì chuyện gì sẽ xẩy ra dù bác chưa nói với em lời nào. Nhưng em không thể, em vẫn còn hãi lòng dạ đàn ông, bác hiểu cho em. Em và cháu lạy bác về công ơn cưu mang, đùm bọc..."   
Anh bàng hoàng nhìn mâm cơm dọn sẵn cho anh và mớ quần áo vừa khô được xếp ngay ngắn đặt trên mặt chiếc tủ ly nhỏ. Anh rùng mình nghĩ tới những giây phút cô đơn trước đây. Ðã lâu lắm, lần đầu tiên anh thấy thiếu một người đàn bà.

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Ðĩa xa lát Nga**

Ðã có rất nhiều nhà văn muốn giải đáp câu hỏi này: con người ta yêu nhau vì cái gì? Cú sét ái tình còn khó giải thích hơn lưỡi tầm sét của ông Thiên Lôi. Nếu tin các truyện diễm tình nhan nhản trên báo hiện nay thì, tình yêu thường bắt đầu trong một buổi chiều buồn (đa số là hoàng hôn), một đêm trăng bên bờ đê, một buổi tan rạp chiếu bóng hay những khung cảnh đại loại thơ mộng như thế.

Còn cuộc tình của tôi lại bắt đầu trong một nhà hộ sinh, bên cái bàn đẻ, mà lại vào lúc nửa đêm.

Vâng, một nhà hộ sinh nửa tư nhân, nửa nhà nước do một bà mụ có nghề, có cơ sở nhà cửa, biển hiệu "trước ngày tiếp quản", sau buộc phải vào công tư hợp doanh vì thời đó nếu không vào thì không biết mua cồn sát trùng ở đâu nữa. Lúc chuyện này xảy ra thì cái nhà hộ sinh ở tỉnh lẻ này đã có trên 50 năm tuổi trong đó có gần 40 tuổi công tư hợp doanh nên chắc các bạn, nhất là các bạn nữ có thể tưởng tượng ra nó thế nào rồi. Những bức tường nửa thế kỷ không quét vôi, những chậu men lavabô vàng úa, chỉ có những cái foóc xép bằng inốc là chưa han rỉ tuy không ai thống kê nó đã làm đần độn mất bao nhiêu thiên thần trẻ em. Không phải nhà đỡ đẻ này không ăn nên làm ra mà bỏ bê những thứ đó. Cái chính là vì bà mụ chót trương biển hiệu "sage femme tốt nghiệp tại Paris" nên bà không muốn thay mất những thứ gì có nhãn hiệu Pháp quốc, kể cả nước vôi vàng thuộc địa bên ngoài tường bao. Bà sợ nhà hộ sinh nổi tiếng của bà mất "din" dù chính bản thân bà cũng đã về với Chúa và cô con gái tiếp thu cơ ngơi của mẹ.

Người sau này tôi yêu đang nằm trên bàn đẻ, ngay sát cạnh vợ tôi, cũng nằm trên một bàn đẻ khác cạnh đó. Tôi là một ông lính kiểm lâm, quanh năm lặn lội và đánh nhau với bọn lâm tặc trên rừng, sáu tháng không hề ghé qua nhà. Vậy mà khi tôi về thăm thì vợ tôi đã có một cái bụng ba tháng, nhỉnh hơn cái nồi áp xuất Nga một tý. Cô ấy khóc lóc, van xin. Tôi hỏi: "Ngủ với thằng nào?" Cô ấy bảo không biết tên thật của nó và nó lặn mất tăm rồi. Thì ra, nó tự nhận là giám đốc một công ty thương mại, khai đại một cái tên Mít hay Xoài nào đó, đến nhà vợ tôi với cái áo sơ mi trắng bong túi trước nít chặt đôla (cũng có thể là đô la âm phủ) vài miếng xà bông Luz làm quà ( thật tiếc cho hãng Luz, giá như họ biết thêm vào quảng cáo dòng chữ : Luz thơm quên cả chồng thì chắc là ấn tượng lắm) ông ta đã có ngay quyền làm chồng và làm cha. Tôi còn biết nói thế nào nữa? Tôi bảo cô ấy: "Thôi, cứ yên tâm tĩnh dưỡng mà sinh đẻ cho mẹ tròn con vuông. Ðiện trước mấy ngày, tôi về!" Và hôm ấy, nửa đêm, tôi đưa vợ tôi đến nhà hộ sinh đã từng có một bà mụ sinh thời "tốt nghiệp tại Paris". Nếu bổ sung thêm một sự khác nhau nho nhỏ giữa cái nhà hộ sinh này với những bệnh viện phụ sản hiện đại là người chồng hay người nhà, không cần mặc áo bờlu, không có nhiệm vụ gì cũng được tự do thoải mái vào phòng, đứng cạnh người đẻ lúc vượt cạn. Khi tôi cùng ngồi trên xích lô đưa cô ấy đến, người ta hối chúng tôi vào phòng ngay và cũng hối hả thay một cái váy "bà bầu" vải phin trắng cho cô ấy trước mặt tôi. Cô hộ lý bảo: "Còn lạ gì nữa mà ngượng?" Tôi ngượng vì chuyện khác. Lát sau, một cô gái bụng lặc lè, từ đi vào phòng và leo lên bàn đẻ thứ hai. Cô ta nhăn nhó "như đàn bà đau đẻ" nhưng không một tiếng rên, khác hẳn vợ tôi. Tự dưng lúc bấy giờ tôi có một ý nghĩ: vợ tôi kêu la ầm ĩ vì có tôi ở bên cạnh còn cô sản phụ này chắc không có ai cho nên chẳng kêu la làm gì. Cũng như với vợ tôi, cô hộ lý cũng thay cho cô gái mới đến một cái váy phin trắng và bỗng chốc trên hai cái giường sát cạnh nhau, hai người đàn bà vì đau đớn nên không giữ gìn gì nữa, co đầu gối lên và rên la. Tôi đỏ mặt, định quay ra không ngờ đụng ngay bà bác sĩ bước vào. Bà ấy bảo: "Ði đâu ông anh? ở lại mà lo liệu rồi còn động viên vợ chứ?" Sực nhớ ra điều gì, bà nghiêm mặt hỏi: "Cái nào là của anh đây" Có lẽ bà ấy ám chỉ cái thai. Không hiểu sao, có lẽ bối rối vì ngượng, tôi không trả lời. Thực ra, như độc giả đã biết, chẳng cái nào là của tôi cả. Bà bác sĩ không nói gì.

Tôi ở trong phòng đỡ đến sáng. Vì có hai ca sinh gần như cùng một lúc, chỉ mỗi cô hộ lý với bà bác sĩ nên tôi rất đắc dụng. Bà bác sĩ nhờ tôi bỏ nhau vào túi nilông rồi mang ra thùng rác, đốt kim tiêm, bế hai đứa trẻ ra phòng hậu sản đặt chúng vào những cái cũi trẻ sơ sinh, những công việc không thể chối từ và vốn là lính rừng tháo vát, tôi vừa ngoan vừa rất được việc. Không những tôi phải làm những việc phục dịch cho vợ tôi mà với cả cô sản phụ chưa quen biết nữa. Khi cả hai đã "mẹ tròn con vuông" và được chuyển xuống phòng "hậu sản" thì tôi đứng không vững nữa. Mọi người trong nhà hộ sinh cũng quá bận nên cũng chẳng ai hỏi han xem vì sao tôi lại đến đây để phục vụ những hai người đàn bà sinh đẻ. Chỉ có cô y tá, khi hai tay hai đứa bé đỏ hỏn một trai một gái từ phòng sinh đi ra, trêu tôi: "Ông căn thế nào mà cả hai lại đi đẻ một ngày, lại đủ cả nếp lẫn tẻ, tài thế!" Tôi im lặng nhận liều một lời khen.

Tại nhà hộ sinh này sản phụ chỉ được nằm lại không quá hai ngày nên đến chiều ngày thứ hai tôi đã thuê xích lô đưa bà vợ tôi về nhà. Cô gái được tôi chăm sóc vẫn không thấy có ai lai vãng. Tôi cũng không muốn tò mò đến hoàn cảnh của người ta nên làm như không quan tâm. Mình phục vụ cô ấy mấy ngày thế là quá đủ. Nhưng khi thấy vợ tôi dọn chỗ và cả hai vợ chồng tôi rối rít chuẩn bị đưa bé về nhà thì tôi đọc thấy trong mắt cô gái một nỗi kinh hoàng thực sự. Ðiều ấy có nghĩa là cô không còn ai để nhờ vả trong khi hai mẹ con phải nằm lại đây, có nghĩa là không biết làm sao để ra về được ổn thoả. Và tôi thấy cô ấy khóc. Tôi lạnh lùng nhận vài lời cám ơn của cô ta, nhận luôn cả số tiền cô nài nỉ "thanh toán" lại với tôi trong mấy ngày cô nhờ tôi mua cái này cái nọ. Tôi, vợ tôi và cháu bé (không phải con tôi) ra về.

Khi một người chồng bị phản bội như tôi, người ta thường nghĩ gì tôi không biết. Nhưng với tôi, mấy tháng nay trong đầu tôi chỉ còn một phản ứng duy nhất: tôi có quyền. Vâng, khi vợ tôi đã đi trước một bước, làm được việc cô ấy thích làm thì tôi cũng có quyền của tôi chớ? Xin đừng trách tôi nhỏ nhen. Chỉ biết nghĩ như thế tôi mới có thể bình tĩnh và được mọi người khen là mát tính sau khi chuyện tầy đình trong nhà tôi xảy ra. Khi nhận tiền "thanh toán" và những lời cám ơn của cô gái, trong đầu tôi đã có một ý nghĩ: tôi sẽ trở lại ngay, tôi có quyền.

Thu xếp xong cho hai mẹ con, tôi trở lại nhà hộ sinh. Cô y tá được mọi người gán cho cái tên " hộ pháp" đang chống hai tay vào hông làm ầm ĩ bên giường cô gái tội nghiệp. Cạnh đó một người đàn bà bụng chửa vượt mặt đang đứng chống tay vào tường kêu rên. "Cô tròn cô vuông rồi thì về. Giường hết sạch rồi, chúng tôi thu xếp cho khách thế nào đây?" Tôi hiểu ra, bước tới trước mặt "hộ pháp":"Tôi đến đón cô ấy đây" Hộ pháp cười rất tươi: "Xin anh cả tiền viện phí". Ði xe máy bên cạnh chiếc xích lô của hai mẹ con, tôi nghĩ: "Tôi đón thêm một bé không phải máu mủ của tôi về nhà thì cũng chẳng đau khổ được hơn. Tôi đã tới tột cùng đau khổ rồi." Kinh dịch nói đại ý: đau khổ đầy tràn thì sẽ tới niềm vui!

Vợ tôi không có phản ứng gì. Có lẽ cô ấy đã biết tính tôi, lặng lẽ chấp nhận tỷ số một đều. Còn tôi thì tận dụng hết mười ngày phép để làm nốt nhiệm vụ một nhà từ thiện, một ma xơ đầy lòng trắc ẩn. Hai đứa bé lớn dần lên trong nhà tôi mà không hề biết có một cơn bão đang chuyển động trong đáy lòng của ba con người chắc chúng không hiểu nổi. Ðến ngày thứ năm, cô gái đã đi lại được khá bình thường. Cô ngỏ ý muốn đi chợ. Cô bế đứa bé sang giường vợ tôi và ra đi. Tôi không nài cô cầm tiền. Cô có tiền và chắc cũng muốn "thanh toán" nợ nần bằng bữa chợ. Trưa hôm đó, sau khi lên Uỷ Ban lấy được con dấu đỏ, tôi trở về nhà, và sửng sốt nhìn thấy trên mâm cơm giữa các đĩa thức ăn nấu công phu, một đĩa xa lát Nga. Tôi đã từng tốt nghiệp nghề rừng ở đại học I-a-cút tuy ở đó các thầy không dạy tôi phải bắn bọn lâm tặc ở chân hay trên ngực. Một cuộc đời hiện ra, tuổi thanh xuân, du học, rừng xibêri, tình yêu, tuyết trắng và thịt hun khói. Và người sản phụ trẻ không ai săn sóc ngồi đối diện bỗng trở nên khác hẳn. Nỗi cô đơn không còn làm đôi mắt cô tối sầm như mọi hôm. Chắc hẳn cô ta vui vì biết tôi đang vui. Chiều hôm đó, tôi quyết định ngồi với cô một lúc trên một khúc gỗ mục ngoài sân và hỏi chuyện cô. Vợ tôi à ơi ru con trong nhà. Chắc cô ấy cũng đang nhớ tới người tình mặc áo sơ mi trắng và thơm mùi xà bông Luz.

Một chuyện tình khá "thời đại": chung vốn đi Nga làm ăn, yêu nhau, giấu không cho người yêu biết mình có thai vì "sợ nó bắt phá" mất. Một sáng tỉnh dậy không thấy ai quanh mình ngoài cái thai vượt mặt trong bụng và vài ngàn mỹ kim trong người. Vốn liếng chung đã được ông "người yêu" chuyển thành đô sạch sành sanh và biến mất. Người ta bảo ông ta về nước trong chuyến máy bay ngày hôm đó. Thế là về và đi tìm chàng Ðông Gioanh, may ra còn kịp đến nhà hộ sinh. Tứ cố vô thân.

Trưa hôm đó tôi ăn hết đĩa xa lát Nga một mình. Tôi chắc cô ấy đã hỏi dò ai đó biết tôi từng ở Nga và chút hành động đầy nữ tính để trả ơn người đàn ông "trượng phu" đã dám đón về nhà mình để hầu hạ hai đứa trẻ không phải con mình và một người đàn bà không quen biết. Các bạn sẽ tưởng tượng được tôi cảm động như thế nào vì từ ngày có vợ đến nay, tôi vẫn phải tự khâu lấy những chiếc khuy đứt của mình. Khi người ta không yêu chồng thì chuyện đó cũng chẳng có gì lạ.

Chúng tôi lỵ dị sau đó một năm. Tôi chờ và chính vợ tôi đã khởi động mọi thủ tục. Nàng có thể đã ân hận nhưng quá biết tính nết tôi, nàng cho rằng sự "bỏ qua" của tôi chẳng qua chỉ là một hình thức đối xử. Chi bằng đã không yêu thì chẳng cần níu kéo. Tôi đồng ý để nhà lại cho vợ tôi, con của nàng và ba khối gỗ hồng sắc mua từ mấy năm trước đang chất đống đầu hồi định làm một cái isba kiểu Nga ở góc vườn. Không ngờ gỗ lại bền hơn giấc mộng gia đình của tôi. Có lẽ đó là gỗ của một anh lính kiểm lâm.

Trước đó tôi đã đón hai mẹ con người đàn bà đã làm tôi cảm động vì một đĩa xa lát Nga lên rừng. Ðơn giản vì nàng không biết ở đâu, về đâu và cũng vì tôi muốn thế. Ðất rộng, người thưa, gỗ không thiếu, tha hồ ở. Thằng bé rất kháu, lớn nhanh trên đất rừng và khi nó bắt đầu gọi tôi bập bẹ mấy tiếng "bố, bố" gian lận thì tôi cưới nàng. Không thể nuôi sự dối trá quá lâu. Tôi nghĩ thế.

Kim Giang 10. 2000

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Mưa Sài Gòn**

Không phải lúc nào mưa Sài Gòn cũng ào ạt. Nhưng chiều hôm đó là một trận mưa sũng nước kéo từ ba đến bốn giờ và con đường nhỏ trong một khu phố nhỏ, con đường từ lâu hoang phế vì chẳng ai cho nó nhựa đường để chưng diện trong khi cả hai dãy nhà buôn bán mỗi tháng không nộp được quá vài triệu đồng tiền thuế, chỉ vừa đủ tiền nhà đèn thắp sáng vào ban đêm. Mà cũng chẳng được suốt đêm vì không hiểu sao quãng bốn giờ sáng điện lại bị cúp. Người ta bảo là do cái cầu chì. Cái cầu chì ấy ở đâu, hình thù ra sao, ai quản lý nó, vì sao nó thường bị đứt ngang xương vào giờ đó, chẳng ai trả lời được cả. Ðó là tất cả những gì y được biết trong ba ngày chân ướt chân ráo tá túc trong ngôi nhà 19A nằm vào quãng giữa phố. Y nhìn mưa chảy xuống thành hàng chậm rãi nhưng to như vòi nước đái trẻ con ngoài cửa sổ, sát ngay cái giường y đang ngồi ngắm mưa. Y từ Hà nội vào đây lần đầu tiên và mới đặt chân tới là chiều nào cũng mưa, như là y mang mưa theo mình. Người y cần gặp lại bảo chỉ có thể tiếp y vào buổi chiều. Thế mới khó cho y. Y là người Hà nội, quen giữ ý, y nghĩ là mình đến gặp người ta mà mang theo cái áo mưa lòa xòa, ướt át thì còn ra cái gì nữa.   
Thực ra thì đáng lý ra y đã được đặt chân đến Sài Gòn mấy dịp rồi kia. Lần đầu khi y chưa đầy tuổi tôi, cả nhà đã bán xong đồ đạc gồm năm cái tủ gỗ gụ, hai bộ xa lông và một trăm mười hai chiếc đĩa thanh trúc, lá lật, hai trăm linh năm đôi đũa mun đen nhánh với cái giá rẻ như bèo vì hồi đó ở nông thôn người ta tịch thu gia tài của địa chủ, ở vùng công giáo nhiều nông dân lĩnh xong quả thực là di cư vào Nam luôn, họ mang các thứ bát đĩa cổ, đũa mun ra phố bán lấy tiền phòng hờ và chi tiêu trong các trại di cư. Ðồ đạc bán hết rồi thì đương nhiên phải xuống Phòng, nơi mấy cái tàu há mồm đang đợi. Nhưng vì cái tính háu ăn của y, vú Mai Mi kể rằng cái tàu há mồm đầy nhóc lính và dân di cư sắp chạy thì y khóc thét lên đòi bú mà mẹ của y, một người đàn bà gầy như que củi, mới sinh con chưa đầy năm lại quá vất vả vì chuyện đi hay ở nên tìm sữa nơi vú của bà còn khó hơn vắt từ một hòn đá, lúc bấy giờ vú Mai Mi đứng trên bờ tay quệt nước mắt đưa tiễn “thằng cu” của vú, hai trái dừa nơi ngực căng mọng, sữa dàn dụa chảy ròng ròng ướt cả vạt áo ngực, y thì cứ ưỡn người mà khóc thét lên bởi cái nết háu đói của y, không chịu nổi tiếng khóc kinh khủng ấy, mẹ y bế y lên bờ trao cho vú và bảo cho nó bú một lần nữa rồi thôi, nó khóc kinh khủng như thế là nó biết sắp mất đôi vú mà sữa cứ tuôn chảy ra như vòi nước phông ten ấy, y tợp vào đầu vú quen thuộc và không chịu nhả ra nữa.   
Trong lúc đó có người gọi giật mẹ y xuống tàu vì một chuyện giấy tờ hay tiền bạc gì đó, y thì mê mẩn với đầu vú còn đầy căng bên kia còn vú Mai My thì khoan khoái vì cơn nhức căng sữa dịu dần làm nở trên môi vú một nụ cười quên trời quên đất. Một phát súng lục ra lệnh nhổ neo lúc nào không ai biết, y không biết đã đành mà mẹ y cũng không hay, bà chỉ thấy con tàu loạng choạng như sắp chìm và một bầu trời xanh lơ nghiêng qua chiếc cửa húp lô tàu thuỷ. Bố y thì đang bận chuyện gì đó để giúp một ông cha đạo, phải rồi, bố đang giơ cả hai cánh tay cầm túi bí tích và bát nước vừa múc dưới sông Cấm lên để cha làm lễ rửa tội cho một tay di cư ăn trộm gà, người ta mới tức thì biết được gã là tay trộm gà chuyên nghiệp nhờ gã vừa mới xưng tội xong với cha khi thấy bệnh rốt ác tính đã khó bề chạy chữa, từ lần xưng tội trước đến lần này, riêng gã đã bắt bốn mươi ba con gà trong chuồng của người khác, mọi người cứ tưởng là cáo nên đua nhau làm bẫy cáo và thế là có năm ả mèo cái đi tìm đực bị sập và chết oan, có một ả bị gãy cả cổ. Gã xưng với cha tội bắt gà và thêm một tội nữa là làm chết oan mấy ả mèo. Làm chết oan sinh linh khi họ chưa được Chúa gọi về là tội trọng. Cha đọc kinh một cách vội vàng vì tàu sắp chạy mà Cha thì chưa kịp bán nốt cái áo len năm kí lô bằng lông cừu ý vì cha biết vào trong cái xứ nóng nực quanh năm đó dù cha có cho con chiên làm phúc cũng không ai dám nhận khoác vào mình những năm ki lô len. Thế là tất cả mọi người đều đang bận khi chân vịt tàu quay tít và con tàu há mồm kéo ngược cái mõm đồ sộ nặng tới mười hai tấn rưỡi lên, cửa bụng tàu sập một cái như người phu lượm người chết vô thừa nhận đóng cỗ quan tài và lúc đó y, chưa tròn một tuổi, y đang hớn hở, sặc sụa, no nê nơi ngực vú Mai My. Y cũng thoáng thấy một bầu trời nghiêng trên đầu, y cũng chao đảo khi vú Mai My hoảng hốt bế y đuổi theo con tàu nhưng vú lại bị mép nước chặn lại.   
Mãi đến sau này y vẫn không chừa được thói háu đói dù cái nết dễ thương ấy đã làm y lạc mất mẹ và phải mồ côi suốt đời, nó làm y không đến được Sài gòn năm lên một tuổi và cũng cái nết háu đói ấy dằn vặt y liên miên trong những năm tháng chiến tranh mà thực phẩm, gạo nước được cấp phát hạn chế dưới thời bao cấp.   
Lần thứ hai đáng lẽ y đã được đến Sài Gòn cũng với quân đoàn nơi y mới được tuyển vào năm mười tám tuổi làm anh binh nhì vác đạn cho cỗ pháo 57 bắn máy bay. Khi quân đoàn chuyển vào trong, gần đến giới tuyến, không biết tay quân lực hay bảo vệ nội bộ rỗi rãi nào lại lần ra cái "lý lịch thật của y, rằng y không phải con của vú Mai My mà đó là chuyện đáng nghi ngờ, y là giọt máu chính hiệu của một đôi vợ chồng không rõ làm gì nhưng hễ thấy cộng sản là bỏ chạy, một lần từ nơi tản cư thời chống Pháp về Hà nội và lần thứ hai, ngựa quen đường cũ chạy vào Nam với Mỹ, cũng là một thứ Pháp hay quan thầy của Pháp. Y được gọi lên đại đội bộ, một cái hang tối mịt mù vì sương và khói thuốc lá, người ta nói rằng lý lịch của y có nhiều điểm bất minh và dù y là một tân binh có nhiều triển vọng, lại ngoan và chịu khó, ngoài cái tính háu đói ra thì không có khuyết điểm gì để xây dựng cho y, nhưng y đang có bố mẹ ở miền Nam, người ta rồi sẽ xác minh được bố mẹ y đang đứng về phe nào trong đó, nhưng hiển nhiên là không thể làm chuyện ấy bây giờ đối với một chú binh nhì, đơn giản là không cho y theo quân đoàn vượt qua giới tuyến đi vào trong kia là giữ được an toàn nội bộ. Bởi vì, nhỡ y bị địch bắt, bố mẹ y sẽ tìm ra tung tích y và y sẽ nao núng tinh thần và như thế là không có lợi cho y cũng như đơn vị. Y trình bày rằng y chưa bị bắt, nếu bị bắt y có thể không tìm ra bố mẹ, nếu có tìm ra bố mẹ chưa chắc gì y đã theo địch thì sao lại không cho y đi đánh giặc ? Chính trị viên an ủi y rằng, y có thể bị bắt, có thể cung khai và tốt nhất là y hãy đánh giặc ở bên này giới tuyến cho chắc ăn. Vì ở đâu thì giặc vẫn là giặc, và nếu y thật sự trung thành thì cũng chẳng cần qua sông Bến Hải mới thành anh hùng được. Y quay về trạm thu dung với tâm trạng của người muốn làm anh hùng mà không được làm, sung vào một đơn vị mới, gồm cả những chú lính miệng còn hơi sữa, nhát như thỏ đế và có nết nhớ nhà như chính y háu ăn vậy. Những chú này không bị buộc ở lại như y mà tự ý bỏ trốn khi qua giới tuyến, gọi là B quay và được gửi vào đây. Y nghe chuyện chúng nó rồi hoang mang, không hiểu tại sao mình không được đi đánh giặc vì bố mẹ mình ở trong đó, thế nhưng những thằng B quay cũng không đi đánh giặc bởi vì bố mẹ chúng ở ngoài này. Ðời quả thật khó hiểu. Trong những ngày ở trạm thu dung y buồn chán đến cực độ, y không nhớ nhà như lũ B quay mà nhớ quân đoàn, nhớ bạn bè và những khẩu pháo mới làm quen. Y nhớ lại lời tâm niệm lúc ra đi trước bạn bè trong lớp, nhiều người vỗ vai y mà nói rằng, vào trong đó không làm anh hùng thì cũng làm liệt sĩ, cả hai danh hiệu đều xứng danh người thanh niên thời đại, còn hèn nhát, đào ngũ là nhục.   
Y tiếp tục đánh giặc bên này giới tuyến mấy năm. Nhưng y không thành liệt sỹ. Khi nghe tin quân đoàn là đơn vị đầu tiên tiến vào Sài Gòn, sau đó mấy hôm thì thành phố được đổi tên là thành phố Hồ chí Minh, y tiếc ngơ ngẩn vì một lần nữa mình không được đến cái thành phố nơi vú Mai My nói là mẹ y đang ở.   
Sau giải phóng y đã từng có dịp vào Sài Gòn lần thứ ba mà không vào được. Ðó là lúc quân đoàn trên đường hành quân vào đánh bọn Pôn Pốt ở biên giới Tây Nam. Vừa đến Huế y được gọi lên gặp chính uỷ tiểu đoàn. Ông đưa cho y một tờ quyết định ra quân, nói: "Chỉ cần gặp cán bộ quân lực trung đoàn để làm thủ tục, thanh toán mọi thứ, mọi việc, trả súng (nhưng đừng ăn bớt đạn đấy) rồi về quê, sướng, cả trung đoàn chỉ có hai người như cậu thôi đấy nhé." Ðang háo hức tưởng được vào Sài Gòn thì đứt gánh, y thắc mắc, giận dỗi, chí ít ra thì y cũng là chú hạ sỹ cựu binh vào sinh ra tử ngần ấy năm. Có một thằng bạn láu cá bảo nhỏ với y cái nguyên nhân làm y nửa đường đứt gánh ấy, nó đoán chắc đó là do vú Mai My. Thật công phu mới tìm ra lý lịch cuộc đời phức tạp của vú. Người ta tìm ra được chuyện vú không phải người Việt mình, vú là người Hoa chính cống thuộc bang Phúc Kiến Hàng Bồ, ông bố của vú trốn lên thuyền đánh cá rời tổ quốc với đứa con gái đầu lòng lên năm tên là Mai My, một cái tay nải trên vai và một quy trình công nghệ làm "sấu dầm" được trẻ con và các bà ăn dở rất thích. Ðáng lẽ anh khách trú ở lại Hải Phòng, nơi con thuyền đánh cá cập bến, nhưng có một ông Triều Châu mách là thấy ở Hà Nội có nhiều cây sấu, đã có cây thì tất có quả, có quả sấu mà không làm "sấu dầm theo kiểu Phúc Kiến thì phí phạm quá, ông bố vú liền lên Hà Nội đúng mùa sấu khi tiếng ve rền rỉ khắp cái thành phố mà mỗi người dân được mẫu quốc Pháp "bảo hộ" đã ngửi thấy mùi thuốc súng của cuộc chiến tranh Trung Nhật, người ta đồn rằng người Ðức sẽ dời thủ đô đến Paris để tiện cho việc cai trị châu Âu và thế giới chiến tranh sẽ xẩy ra ngay sáng mai. Ông bố vú Mai My đứng gọt sấu thâu đêm, thỉnh thoảng lại buông dao lấy quạt giấy xua muỗi cho đứa con gái đang ngủ trong cái ổ lót bằng giẻ rách, bên cạnh con chó Dô Tô của người chủ cho thuê nhà, bên ngoài, dọc đường Phùng Hưng bây giờ, những chuyến tàu chạy như thoi đưa trên đường sắt Ðiền Việt. Không khí ngột ngạt đêm trước cuộc tàn sát lẫn nhau trên thế giới làm giới phụ nữ ít khi ra khỏi nhà, số người mang bầu đòi ăn dở nhiều hơn trước, trẻ con bỏ học đi rong chơi bỗng thích ăn quà vặt hơn và do đó món "sấu dầm" Phúc Kiến của ông bố vú Mai My phát đạt không ngờ tới. Nhưng cái nghề ấy cũng không đủ nuôi một gia đình đông đúc khi ông lấy một bà phò Triều Châu làm vợ kế và những đứa con của dòng máu tha hương cứ chui ra hai năm một. Khi nạn đói xẩy ra thì vú Mai My, con của một người đàn bà vá quần áo dặm và một chuyên gia làm sấu dầm liền phải đi ở nhà người. Từ cô sen, vú được thăng chức lên bà vú và rồi, ở cái năm bảy chín đáng nhớ ấy, có người gõ cửa bảo vú là Tổ quốc đang hết sức cần vú nên vú phải về Tàu ngay, vú không có tiền mua vé tàu và thế là vú ở lại. Lần trước y không được đến Sài Gòn trong ngày chiến thắng vì y là con của mẹ y, lần này lại vì y không phải là con của mẹ y mà "rất có thể do mày là con của vú Mai My", thằng bạn nói với y như thế. Rõ là khó hiểu sự đời !   
Lần thứ tư y có dịp vào Sài Gòn là thời kỳ đã ra quân được mấy năm, vú Mai My, người mẹ nuôi của y đã mất ở một nông trường. Câu trối trăng của vú là bảo y thế nào cũng phải vào trong đó mà tìm mẹ, thu xếp vào càng sớm càng tốt, vú đưa cho y năm chỉ vàng, số tiền dành dụm cả đời định cho con gái nhưng hai đứa con của vú đều lấy chồng giàu, chúng không cần đến đã đành mà những thằng rể đều là những ngữ lọt trời rơi xuống, có chia ba chỗ vàng này ra thì cũng chỉ đủ cho mỗi thằng một bữa "cao lâu". Y dùng mấy chỉ vàng mua tem gửi thư cho mấy thằng bạn cùng tiểu đội theo quân đoàn vào Sài Gòn làm quân quản hồi bảy lăm, bây giờ đứa nào cũng nhà cao cửa rộng công ăn việc làm đàng hoàng, năm thằng thì bốn đứa làm cán bộ thuế, nhờ chúng nó tìm hộ một bà tên Mỗ, họ Mỗ đi từ Hà nội năm nọ, tháng nọ, theo lời vú Mai My bà có một cái mũi thẳng như mũi Ðức bà Maria và cao đến một mét sáu mươi tám phân, vú chưa thấy ai đệp như bà, con cứ lói theo lời vú có gặp ngoài tàng cái người ta cũng nhận ra bà ngay! Vú chưa hề xưng mẹ mà chỉ xưng hô với y là vú, vú bảo nhận là mẹ y thì có khác gì gian lận cướp không của người ta một đứa con, vú chỉ nuôi hộ con cho bà ấy chờ ngày gặp lại bà thì trả, nuôi con người ta là cái nghề của vú mà! Y gửi đi năm bức thư mà nhận lại được sáu vì có một thằng thứ sáu nữa cũng vào tiếp quản vậy mà y đinh ninh nó chết rồi. Sáu thằng đều nói y cứ vào đây ở nhà chúng nó mà đi tìm mẹ, đứa nào cũng nói chúng bảo lãnh cho y ăn no, ăn ngon, một tháng, một năm cũng được, nhưng chỉ trong phạm vi cái bậu cửa nhà nó thôi còn ra đường thì dù có là giám đốc Việt com băng cũng không dám cam kết cung cấp cho sự tiêu pha ngoài đường của y giữa đất Sài Gòn này. Y đã thu xếp đâu vào đó để vào, đã mua vé tàu, dặn vợ con đủ điều khi y đi vắng, y ra ga, mở vé ra thì thấy đọc nhầm ngày, ở với vú Mai My mấy chục năm y chỉ quen với ngày âm lịch, y hỏi ông hàng xóm ngày tốt để khởi hành, ông cũng nói ngày âm, lại không ngờ vé tàu người ta ghi ngày dương nên mới ra ga sớm mất một ngày. Y đi bộ về nhà vì tiếc tiền xích lô, vì để tiêu nỗi buồn lẽ ra đã được vào Sài Gòn sớm một ngày nếu y biết vé tàu người ta thường ghi theo dương lịch. Y bước vào nhà và thấy ông hàng xóm, cái lão chuyên xem tướng tay đàn bà trong ngõ và suốt ngày bẻm mép phán tử vi, bấm độn ngày tốt ngày xấu, chẳng hạn khuyên các chị em nên có kinh nguyệt ngày nào trong tháng này thì có lộc, làm ăn phát tài hay bán hàng trên vỉa hè mà không bị đuổi. Người ta kháo nhau rằng trong cái ngõ nhà y ở có ba thằng bé có cái mũi sư tử với hai cánh mũi to như hai củ khoai tây giống hệt lão. "Ðàn ông xem mũi, đàn bà xem miệng", đó là lý thuyết tướng số về những vật thể bị che khuất của cơ thể con người do lão tung ra làm chị em tò mò và thèm thuồng khi họ cứ vừa đưa tay cho lão lật đi lật lại vừa chằm chằm nhìn vào trái cà chua to tướng trên chóp mũi lão, ngầm đoán xem chúng biểu tượng cho cái chủng loại nào. Hôm đó, khi y bước vào nhà, y thấy vợ y không phải chỉ đưa tay cho lão hàng xóm hay nhìn mũi lão để thầm đoán xem lão có thể làm mờ nhạt chồng mình hay không mà đang giẫy giụa trên giường la hét ca ngợi hết mình cái mà lão đã dự báo bằng ngôn ngữ của ái tình. Tất nhiên lúc đó y cũng chỉ thấy mỗi cái lưng và nói chung mặt sau thân thể trần truồng của lão nhưng cái mục tiêu ấy cũng đủ lớn đối với một tay pháo thủ từng cùng khẩu đội bắn rơi hai máy bay F.4, y phang cái chày giã cua vào tấm lưng trần của lão tử vi, lão mất ba mươi tư phẩy bốn phần trăm lao động còn y thì phải đi bóc lịch và đập đá ba năm trong một trại tù vùng thượng du Thanh hoá.   
Thế là lần thứ tư y lỡ dịp vào Sài Gòn.   
Nhưng cái thành phố ấy không hiểu sao vẫn nung nấu tâm can của y như là có duyên nợ từ kiếp trước. Y cứ nghĩ tới nó luôn, phải rồi, y biết bố mẹ y, có thể đàn em cùng mẹ khác cha của y cũng đang sống trong đó. Vậy thì y không nôn nao, không bồn chồn sao được. Nhưng tại sao mẹ y, bố y và nếu hai người quá già, nếu họ có khuất núi đi chăng nữa thì lũ em của y phải ra đây mà tìm y chứ ? Y viết thư cho lũ sáu đứa bạn ở thành phố Hồ chí Minh. Chúng nó trả lời ngay làm y sáng mắt. Y sực nhớ ra là lúc bị bỏ lại trên bờ y mới mười một tháng tuổi, nghĩa là với tuổi ấy y chỉ mới biết đái trong tã và khóc đòi bú ty, nhà của bố mẹ y bị một trung đội lính Pháp đóng, sau giải phóng có bảy gia đình đến ở, vú Mai My thì năm lần bảy lượt đổi nhà trong thời bị chiếm, sau đó bỏ thành phố đi "xây dựng nông trường", nếu như bố mẹ y có viết thư hỏi thì thư sao đến được tay y chứ ?   
Cuối cùng rồi chúng nó cũng nghĩ ra được một cách là cả sáu đứa bỏ ra đúng một buổi sáng chủ nhật và một số tiền còm đi ô tô buýt khắp các tuyến trong thành phố để xem trên xe có một người đàn bà nào tên là bà ký Lượng, nói tiếng Bắc, cao một mét sáu tám phân, có cái mũi dọc dừa, di cư năm năm tư từ Hà Nội vào không? Người đẻ ra cái sáng kiến quái dị này là thằng Long, hiện nay là cán bộ thu thuế ở quận Phú Nhuận, vốn là đệ tử của một nhà ngoại cảm sống bằng nghề tìm các vụ trộm vặt trong hẽm 91 đường X. Nó bảo ông thầy nói như đinh đóng cột rằng về nguyên tắc, con người là có khả năng tự định hướng với người ruột thịt và việc đi tìm bà ký Lượng mẹ y là một nghĩa vụ thiêng liêng của tình đồng đội trong quân ngũ. Ðứa nào nghi ngờ hay không thực thi sáng kiến đó chỉ là vì không hết lòng vì bạn, làm ngơ trước đau khổ phân ly của người khác hay tiếc thời gian và tiền mua vé xe buýt mà thôi. Khi một chiến hữu từng vào sinh ra tử hạ những lời như thế với bạn bè thì chẳng đứa nào muốn cưỡng lại. Vả, năm đứa thì có bốn thằng chán vợ, thằng còn lại thì chán cả vợ lẫn con nên việc bỏ nhà lên xe buýt ngồi và quan sát khách đi xe một buổi sáng mà có lý do chính đáng té ra cũng có cái hay. Bọn họ hẹn nhau thực thi kế hoạch ấy trong một tháng. Ðúng ngày, tại một quán bia cả sáu đứa ngồi giở sổ ra tổng kết. Họ đã tìm được mười hai bà Lượng có mũi dọc dừa nhưng chỉ có năm bà là dân di cư, năm bà này lại cao có một mét rưỡi. Có hàng trăm bà cao một mét sáu tám nhưng không có ai tên là Lượng. Chỉ có ba bà tên Lượng cao đúng một mét sáu tám phân, dân di cư từ Bắc vào nhưng một bà quê Bùi Chu mũi không dọc dừa, một bà có mũi dọc dừa nhưng lại quê Phát Diệm, bà còn lại thì đúng tên là Lượng, có mũi dọc dừa nhưng lại không rõ quê quán vì chính bà đã lẫn nên mới bỏ nhà đi xe buýt dài dài.   
Thằng Long nói lại với ông thầy ngoại cảm tình hình, ông này phán rằng cứ tiếp tục một tháng nữa ắt sẽ gặp. Thì một tháng nữa, vô tư! Chỉ có một đứa bỏ cuộc vì đã dàn hoà được với vợ, chị va đồng ý chấm dứt chiến tranh lạnh trong nhà với điều kiện là mỗi sáng chủ nhật không được đi thu thuế, không được đi nhậu với mấy cha buôn thuốc lá ở chợ An Ðông, không được lên xe buýt lêu lổng mà phải dẫn vợ con đi chơi, khi Kỳ Hoà, khi Ðầm Sen khi Sở Thú. Còn lại năm chiến hữu trung thành với tình bạn lại ra quân đúng một tháng trời. Nhưng lạ thay chẳng ai gặp một bà nào tên là Lượng trừ bà cụ lúc lẫn lúc sáng, có mũi dọc dừa, cao một mét sáu tám phân vẫn đi xe buýt không có mục đích gì mà cũng không bao giờ phải mua vé vì mấy anh lơ xe đã biết chắc trong túi bà ta chẳng có nổi một xu. Ông thầy ngoại cảm phán : "Ðúng bà nầy !" Thằng Long đến nhà bà ta vào lúc bà tỉnh trí và minh mẫn như thời con gái. Bà niềm nở nhận mình chính quê gốc ở Hà Nội vào đây trên một con tàu há mồm của nhà binh Pháp hơn bốn mươi năm về trước, đúng là bà có để lại một đứa con trai khi tàu rời bến, chồng bà bị mất việc khi người Mỹ đuổi người Pháp đi, ổng phải đăng lính cộng hoà rồi chết trận ở Ðắc Tô vì một phát đạn trúng ngực của viên đại uý khi ổng quay đầu chạy. Long mừng quýnh, hỏi bà tên thằng con trai là gì, người vú giữ nó tên chi thì bà phá lên cười và hát một bài thánh ca sai giọng. Bà không nói gì nữa, chỉ nhìn Long chằm chặp rồi hỏi: "Chú đến đây có việc gì ? Người con trai lớn của bà nói : "Cụ lại lẫn rồi! Cứ tỉnh mười phút cụ lại lẫn." Anh ta đưa Long ra cổng, bảo:"Chúng tôi chưa hề nghe bà cụ nói những chuyện ấy. Bố tôi không hèn thế đâu!"   
Long không tin lời người con. Nó viết ngay thư cho y, lại còn cẩn thận bắt tất cả sáu đứa ký tên vào, kể cả đứa hôm phát hiện ra bà cụ còn phải đưa vợ đi chơi Sở Thú nhằm duy trì một nền hoà bình bền vững trong gia đạo. Thế là y vào. Y đang ở nhà thằng Long. Nó dành cho y cả tầng trệt mênh mông nói y cứ coi như ở nhà mình chỉ tiếc là đường phố này hơi buồn và toa lét thỉnh thoảng bị tắc, đang chờ một thằng đi buôn đồ thùng bên Căm bốt bỏ tiền chữa hộ mà nó chưa về. Nó đưa tiền cho y "xài tạm", gọi điện thoại hẹn với người con trai là "khi nào bà già không lên xe buýt" thì gọi cho nó để nó dẫn y tới.   
Nhưng trời cứ mưa, mưa hoài mưa hủy, mà chỉ có mưa thì bà già mới chịu ở nhà, trời mưa thì con đường phố nhà thằng Long ở thường bị ngập nước quá cổ chân, sự đi lại cũng khó. Vì thằng Long là trưởng phòng thuế một quận nên nó bận suốt ngày. Lúc nó rỗi thì anh con trai cho biết là bà già đã lên xe buýt, lúc bà già ở nhà, thì nó lại bận hoặc trời đổ mưa hoặc anh con trai nói mẹ tôi đang lẫn. Long chặc lưỡi : "Thì mầy cứ ở đây chơi với tụi tao. Con vợ tao bụng dạ không đến nỗi nào, mặt nó như đâm lê vì tao hay đi bia ôm với tụi thuốc lá chứ không phải vì mày ở đây đâu, đừng hiểu lầm mà tội. Tao đoan chắc là thế nào mày cũng gặp được bà cụ !" Nói xong nó lên xe đi, nhiều lúc đến mười hai giờ đêm mới về nhà. Nó bảo :"Chiều mai tao rỗi ! Mai nhất định đi sang bển!"   
Ngày hôm sau, ăn trưa xong y ngồi chờ Long. Trời có vẻ khả quan, chắc không có mưa chiều. Y nôn nao, chuẩn bị sẵn trong đầu những câu chào, câu nói khi gặp mặt người đàn bà lú lẫn mà y nghĩ nhất định phải là mẹ mình vì ông thầy của thằng Long đã nói như thế. Y cố hình dung ra bà là người như thế nào. Nhưng ngoài những số đo như cao một mét sáu tám, mũi dọc dừa, nói tiếng Bắc v.v. y không thể tưởng tượng ra được gì khác hơn. Làm sao lại có thể nhận ra một người qua sự mô tả sơ sài của thằng Long và tụi bạn cơ chứ ?   
Y buồn, tự dưng thấy nhớ vú Mai My, vú cho y bú, nuôi nấng y, hồi sơ tán máy bay Mỹ, vú phải đi bắt ốc cho cả nhà ăn thêm ngày chủ nhật, bộ bàn ghế xếp và lọ sấu dầm đi đâu vú cũng mang theo, những quả sấu của đường phố Hà Nội sũng ra trong lọ nước đường lẫn những vị thuốc Bắc quỷ quái gì chỉ có vú mới biết. Cả đến lũ trẻ con đói khát trong xóm, chúng thèm đủ thứ, nhưng cũng chẳng đoái hoài gì đến lọ sấu dầm của người đàn bà Tàu còn mấy bà ăn dở làng này thì thường cậy vách đất hay bẻ mái gianh mà gậm như dê chứ không ăn chua. Ðúng ra có một cô gái ăn dở thích sấu dầm, y biết quá rõ, ấy là trước ngày y đi bộ đội, cô ta cứ thậm thọt với y, nhờ y thỉnh thoảng bốc hộ cô vài quả rồi chui vào chuồng trâu ăn bằng hết một lúc. Khi cái bụng của cô gái hiện lên tròn tròn như quả bòng, bố mẹ và cả xóm mới biết cô hoang thai với một ông thu mua lương thực. Vậy mà y biết vú Mai My vẫn đặt hy vọng của nghề sấu dầm vào lũ trẻ con và những bà ăn dở. Vú nói : "Việt nam đánh mạnh vào thì thền Mỹ phải thua lền à., chờ khi thền Mỹ thua, mấy mẹ con lại về Hà lội làm sếu dầm đi bán ề..." Y nghe bà con nói lai là ngày vú đi "xây dựng nông trường", ai cũng lo không biết mẹ con vú làm gì mà sống. Nhưng không ai biết được rủi may. Thì ra cái nghề sấu dầm đã cứu mẹ con vú. Không phải người Tàu nào cũng biết làm sấu dầm nhưng mọi người Tàu đều thích ăn sấu dầm, vú Mai My đã hiểu chân lý đó và mạnh dạn đầu tư. Thay vì "xây dựng nông trường" vú bỏ vốn liếng ra làm mấy bộ sấu dầm và cho các con đi bán. Chính thói quen ăn vặt đó của những người cùng cảnh ngộ đã cứu nền kinh tế gia đình đang gặp cơn nguy khốn của vú Mai My. Y ra quân, về nhà cũ thì đã có người khác đến ở, sau khi lên phường trình giấy hai hôm, y lại được khuyên giải đi "xây dựng nông trường". Y tìm được vú và hai đứa em gái tuy không cùng máu mủ nhưng mọi người mừng rỡ đón y, khóc lóc vì thương nhớ y, dù sao y cũng là một cựu chiến binh có nhiều năm lăn lộn, không bỏ xác trên chiến trường là may. Y khóc, thương vú, thương mình, thương mấy đứa em và không hiểu sao y thấy tội lỗi đầy mình vì ngay từ khi gặp lại vú Mai My y đã không có được một thái độ cảnh giác, lạnh lùng hay dứt khoát như lời dặn của đồng chí đại đội trưởng lúc ra quân. Lần đầu tiên y thấy người ta không cho y ở lại quân đội có lẽ là đúng. Tình cảm với vú Mai My có thể làm tinh thần y lụn bại khi cầm súng. Y không thể nào quên căn nhà nằm ngoài phạm vi nông trường cói, gió thốc tháo qua cửa sổ và có một con mèo già đi đi lại lại trong nhà hết cọ vào chân người này đến chân người kia. Con mèo này tự dưng đến ở nhà vú trước ngày y đi bộ đội và nó còn nhớ y trong ngày trở về, cứ như là y đã để lại một phần đời mình trong đời nó vậy. Sáng hôm sau y thấy con mèo nằm chết dưới chân giường, mõm gác lên đôi dép của y. Thì ra nó đã để cả một bữa tối để chia tay mọi người. Kỷ niệm về cái nông trường mà những người khách trú đến xây dựng trong y chỉ có thế. Rồi vú Mai My chết. Khi liệm cho vú, y là người vuốt mắt cho người đàn bà lưu lạc.   
Ðúng bốn giờ, tưởng đã có thể đi được thì trời lại đổ mưa. Mưa rào rào trên mái tôn trước sân, làm tan nát những cành hoa giấy tím và đỏ. Hai ngày sau, Long không đi làm buổi chiều. Nó ngủ trưa cùng giường với y, để đồng hồ báo thức đúng bốn giờ. Hai đứa thức dậy và reo ồ lên vì trời tạnh ráo. Họ gọi điện cho người con trai. Chuông đầu giây đằng kia đổ nhưng không ai trả lời. Long tuyên bố : "Cứ đi ! Ông thầy bảo tuần này tao làm gì cũng thắng!" Y nổ máy chiếc Rem, bảo y ngồi lên, phóng đi.   
Không ai ở nhà. Một cô giúp việc ra mở cửa. Cô ta nói :   
"Cụ bị hôn mê lúc hai giờ. Thấy trời không mưa, cụ cứ đòi ra bến xe buýt. Không dè cụ ngã rụi ngoài cổng, không biết gì nữa. Em lo cụ đi mất. Hai hôm nay cụ tỉnh táo suốt ngày, không lúc nào chập như mọi hôm." Y chỉ thấy dửng dưng. Nhưng rồi y cũng hỏi :   
"Cụ có hỏi gì tôi không ?"   
Người đầy tớ gái mở to đôi mắt, ngạc nhiên :   
"Dạ thưa, ông là ai ạ ?"   
Lại một trận mưa đổ xuống mái tôn, bầu trời trên thành phố nhì nhằng những tia chớp. Y ngồi bên cạnh Long, chờ mưa tạnh. Nhưng biết bao giờ nó tạnh đây, những trận mưa chiều ở Sài Gòn?

***Kim Giang 1997***

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Người đẹp làng chiếu**

Hoạ hoằn lắm người ta mới gặp chị Lụa ngoài đường. Gọi chị là gái cấm cung cũng không đúng vì nhà chị đâu phải cung điện mà chỉ là một túp lều nằm trong miếng vườn vót đuôi chuột ở rìa làng Mỹ Lợi (hay làng Chiếu cũng thế). Một ông thầy phong thuỷ thường đi kiếm ăn trong vùng khi đứng đái ở cây cầu đá gần đám vườn của chị Lụa, bảo: "Cái nhà ai ở trong đám vườn đuôi chuột này thì sẽ suốt đời gây vạ cho cả làng!" Dân làng Chiếu vốn cả tin các ông thầy phong thuỷ kể cả khi họ vừa đái vừa phán, bèn vận lời ông thầy vào cái số ba đời chồng của chị Lụa, thấy đúng quá. Họ đón ông ta về nhà và ông ta ở lại làng Chiếu hành nghề chẵn ba tháng lẻ hai ngày. Trong hơn ba tháng đó ông ta vẽ lại bản đồ của làng Chiếu bằng những lời phán bảo và sau đó dân làng đổi chác, mua bán với nhau để cuối cùng không còn miếng vườn nào có hình đuôi chuột "vào to ra bé" nữa. Dù những đảo lộn to lớn ấy, dân làng vẫn phấn khởi, vui vẻ tin vào tương lai sáng lạn ăn nên làm ra,   
Chỉ có một người ở vườn đuôi chuột, người đã gián tiếp làm đảo lộn nếp phong thuỷ xưa nay của làng mà không sửa sang đổi chác gì. Ðó là chị Lụa.   
Tất nhiên trong thời gian đó, công việc xây dựng trong làng phát triển chưa từng thấy. Thợ nề, thợ mộc các nơi đổ về tấp nập toán này toán khác. Có vợ một ông phó đi theo chồng, mang theo một cái máy in tiền âm phủ để cung cấp cho dân sở tại vì họ phải cúng bái nhiều gấp bội do yêu cầu của ông thầy phong thủy. Nghề làm hình nhân cũng phát triển theo và một ông họa sĩ có thân hình tiều tuỵ ốm đói tên là Dzuy, tốt nghiệp khoa điêu khắc trường Mỹ Thuật hẳn hoi, trong khi chờ việc, đã về hẳn đây nặn hình nhân thế mạng bằng giấy bồi trộn nhuyễn với bùn ao, gọi là hưởng ứng kinh tế thị trường.   
Nhưng một khó khăn trước mặt hoạ sĩ Dzuy: anh không có nhà để dựng xưởng. Vậy là anh bỏ ra một chiều đi lang thang tìm chỗ trú thân. Anh lấy làm lạ vì thấy một miếng vườn đuôi chuột cây cối xơ xác mà không được nắn lại như hầu hết những miếng vườn đuôi chuột khác trong làng. Anh mạnh dạn bước vào. Chị Lụa đang ngồi thái củ dong riềng đưa phơi, ngạc nhiên thấy "ông nặn hình nhân" đứng lù lù trước mặt. Còn anh họa sĩ thì sửng sốt vì gặp Cái Ðẹp. Anh hoàn toàn không ngờ ở làng Chiếu hoang vắng và lạc hậu này lại có thể có một đôi mắt như thế, một khuôn mặt như thế .

# # #

Thực ra thì đó cũng không phải là một phát hiện ghê ghớm gì. Bởi vì ở làng Chiếu ai mà chẳng biết Lụa là người đẹp. Thế nhưng người đẹp thì dùng để làm gì xứ này ? Ðã có hai anh lực điền và một ông giáo khoẻ như trâu chết trong vòng tay người đàn bà có đôi mắt dao cau lúng liếng ấy. Người làng, kể cả kẻ có máu mủ xa gần với chị Lụa đều xa lánh chị nhiều năm nay rồi. Họ bảo chị có cái gò má cao sát phu, họ bảo vướng vào chị là bị vắt kiệt máu huyết còn hơn cả ngủ với ma cà rồng mạn ngược. Chị lại không chửa đẻ khi đã từng có ba người đàn ông thay nhau ở kè kè bên cạnh chứ phải ít ỏi gì. Khi ông thầy địa lý phát hiện ra miếng vườn đuôi chuột nhà chị thì đó là chứng cớ duy nhất mà người làng dùng để khẳng định những lời đồn đoán vẫn làm họ bán tín bán nghi lâu nay. Họ đua nhau xoay lại nhà, lập lại vườn vì đàn ông thì sợ chết non, đàn bà sợ mang tiếng sát phu hoặc dâm đãng. Ai cũng lo lắng cho đoạ đức suy đồi, nhất là của người khác. Ðể đối phó lại sự rẻ rúng, xa lánh và những lời thêu dệt ác ý đó, chị Lụa chỉ biết im lặng. Và do chị im lặng, không tiếp xúc, không bạn bè nên chị quên mất nhiều tiếng mẹ dạy cho hồi nhỏ, chị ăn nói lúng túng, càng lúng túng càng ít muốn tiếp xúc do đó, lại càng lúng túng thêm. Có những ngày chị đã tưởng mình bị câm. Chị vào buồng hét to lên một tiếng rồi hát một câu trong đoạn chèo Thị Mầu lên chùa. Có một thời chị hát khá hay, nhưng trong hoàn cảnh hiện nay mà không bị câm là may lắm rồi. Chị thầm cám ơn Trời Phật và tự nhủ là không có gì phải lo sợ, chị chưa bị câm, chị vẫn hát được thì chắc chắn là chị vẫn chửi được. Chị sẽ ra ngõ chửi một tràng cho hả hơi. Nghĩ thế, nhưng khi bước ra khỏi buồng thì bao nhiêu khí uất biến mất đâu hết, chị vớ cái dao và lại gập người xuống thái củ dong riềng. Người làng Chiếu cho mình có lý khi ghen tức, thù ghét chị và Lụa cũng có lý của mình. Chị vừa thái rau vừa lấy lại thanh thản.   
Như vậy là, dù cho mình có lý hay bị bôi nhọ oan ức, Lụa vẫn không chửi ai, không phân trần với ai như chị định bụng sẽ làm khi đang thử hét lên và hát lên trong buồng kín. Cuộc sống của chị lại nước chảy bèo trôi, lăn lộn trên miếng vườn với những đám dong riềng bạt ngàn thu hoạch lấy củ thái phơi khô làm bột nuôi lợn, hay bán cho người ta xay bột nước làm miến. Một số đám giỗ chạp, cưới hỏi trong làng, trong họ, khi không thể có lý do gì biện bạch hợp lý, người ta cũng mời chị, dù nghèo túng chị vẫn mua được chai rượu, thẻ hương cho đám giỗ và cái phong bao còm cho đám cưới. Ðến, ngồi vào mâm ăn qua quýt, vài câu chào hỏi qua quýt rồi về. Chị kiêng nhất là dự lễ đón dâu hay nhìn mặt cô dâu, nếu chị sơ ý hay tò mò là ngay lập tức có người kéo tay rủ về nhà hay đi đến đâu đó. A, chị hiểu ra ngay: chị là goá phụ sát phu, là người mang cái dớp đen đủi cho các cuộc hôn nhân, cưới hỏi. Chị là hung thần của hạnh phúc. Lụa lui vào cái góc tối của mình, đám dong riềng rậm rạp trong miếng vườn mênh mông và âm u quá đủ để che chở cho số phận không may. Cuốc xới, thu hoạch, mua bán, chợ búa tối tăm mặt mũi ban ngày và sống cho mình ban đêm. Vào lúc nửa đêm, khi mọi việc trong nhà đã vãn, chị lên cái giường rẽ quạt đóng bằng gỗ lim đã ba lần trải chiếu cưới, nay trống trải như bãi chiến trường xưa ngựa nghẽo, trống kèn, xưa là tiếng la hét mê ly, chăn gối xô lệch nay thì cỏ che mưa xoá, chị vặn to ngọn đèn lên, soi gương, dém tóc, trang điểm lại mặt mày đã bị một ngày cực nhọc tàn phá. Chị mỉm cười một mình, tự hào, kiêu hãnh vì thấy mình vẫn đẹp. Chị bỗng hiểu ra vì sao chị không chửi to lên, hét to lên cho hả cái hận thù vẫn vô hình bao quanh cuộc đời khốn nạn của mình. Bởi vì chị còn đẹp và vẻ đẹp ấy chính là nguồn gốc cho mọi lời đố kỵ, đơm đặt đầy ác ý và nham hiểm. Nhưng chính nó cũng là vũ khí duy nhất và mạnh mẽ nhất của chị mà trong làng không ai có. Chị kiêu hãnh lim dim mắt, thõng tay vuốt hai cái đùi thon thả và ngủ thiếp dần đi trong nỗi thèm khát mơ hồ nhưng quen thuộc và không kém mãnh liệt.   
Từ ngày người chồng thứ ba về chầu tổ tiên, có một đêm vừa sửa sang mặt mày xong, Lụa vừa thiếp đi thì có ai đè lên mình. Chị ật người ngồi dậy, đạp một cái mạnh đến mức làm khối thịt đè lên người chị văng xuống đất. Nó lóp ngóp bò dậy và Lụa nhận ra đó là thằng cu Khả, con trai ông hàng xóm. Thằng bé chỉ mặc mỗi cái quần đùi trên người, quay lưng, định bỏ chạy. Lụa nhoài người túm được cánh tay nó. "Ngồi xuống đi, Khả! Em làm trò gì thế ?" Chị hỏi nó, giọng nghiêm khắc nhưng không ác ý. Thằng bé run như giẽ, rồi định thần, bước lại ngồi lên mạ giường. Nó nhìn chị, đôi mắt hết sợ, đau đáu như người đang khát: "Chị tha cho em, chị mà mách thì bố đánh em chết mất." Lụa bảo: "Ngẩng đầu lên! Em muốn gì chị?" Thằng bé lắp bắp: "Em muốn..." Lụa thấy lòng đau đớn. Chị cho thằng bé một bát chè đỗ, nó từ chối nhưng chị bắt nó ăn bằng được, ngồi nhìn nó ăn hết, nó thở hì hà, nó quẹt mõm rồi chị cầm cái bát thả vào chậu. Khả nói: "Chị đẹp mà thương người." Lụa nhìn thằng bé mười sáu tuổi, đôi mắt có quầng, như mắt thằng dại. Chắc không chỉ đêm nay nó mất ngủ. Chị thần người, rùng mình. Ðàn ông đều thế. Chỉ là cọng rơm cho vào lửa.   
"Bây giờ Khả về ngủ đi!"- chị nói. Thằng Khả chui qua dãy hàng rào găng. Lụa nghe tiếng uỵch đấm đá rồi mắng chửi. Thì ra đêm ấy ông Cả Phường không rời mắt thằng con trai. Ông đón lõng ngay chỗ cái lỗ chó chui nện nó một trận, cấm cửa không cho bén mảng đến nhà chị hàng xóm. Ban đêm ông tống nó vào buồng khoá cửa lại. Không hiểu sao Lụa lại muốn nó sang chơi. Nhiều đêm chị mơ thấy nó đè lên mình. Nhưng Khả không sang lần nào nữa. Nó mỗi ngày một gầy mòn. Hai tháng sau nó ra tỉnh làm cửu vạn Chỉ Lụa và ông Cả biết vì sao nó bỏ làng ra đi. Ông Cả chém con dao rựa xuống mặt bàn: "Còn nó thì đàn ông làng này nhiều đứa chết sớm!" Rồi ông thừ người: "Tiếc làng này không có sông!" Câu ấy đến tai Lụa. Chị không nói gì. Người ta kể từ đời Hồng Bàng đến nay trong làng đã có không biết bao nhiêu cô gái đẹp hoang thai bị thả bè trôi sông, sau ngày nhánh sông Cau đổi dòng và các cô gái biết đi nạo thai thì mới thôi lệ ấy. Người ta không còn sông để thả bè còn thủ phạm và nạn nhân của tình yêu thì đã khôn lanh lên nhờ khoa học kỹ thuật tiến bộ. Nhưng làng Chiếu không có ai đẹp nữa. Các cô gái dậy thì đều giống như được mô tả trong các bài hát trẻ trâu, trở mình một cái gãy mười ba cái thang giường và một ông đạo diễn được tăng lương vì có sáng kiến về làng Chiếu tuyển người đóng vai Thị Nở. Người ta bảo gái đẹp của làng đã đi làm phi tần cho Hà Bá cả rồi. Cho đến ngày Lụa ra đời. Mẹ chị đặt chị vào đời như đặt một viên ngọc bên lối đi rồi biến mất vào cõi hư vô. Khi Lụa lớn lên, người làng sửng sốt vì nhan sắc của đứa trẻ mồ côi. Hai ông hào mục xã bới móc nhau và một ông bị mất chức, một ông đi tù vì tranh nhau làm "anh nuôi" của chị. Cả hai ông đều bảo rằng rất thỏa chí. Chính các bô lão, những người tự thấy không còn khả năng vi phạm đạo đức và lệ làng, lại được thừa kế tính "trâu buộc ghét trâu ăn" vốn là một tục lệ ngàn xưa ở làng Chiếu, đã đốc thúc Lụa lấy chồng. Họ ngồi lại với nhau và đánh giá cô gái đẹp ghê đẹp gớm một cách dị thường ấy chính là nguyên do của tình trạng tranh giành trong làng và không khéo thì sẽ có nguy cơ trâu bò húc nhau. Lụa lấy chồng trước sự vui mừng của người làng. Họ khuyên răn chị phải nết na, đạo đức, làm như đạo đức là món quà quý họ nhường cho chị độc quyền tận hưởng. Và các vị bô lão và người dân làng Chiếu vẫn cứ tin rằng té ra Cái Ðẹp, như ruồi, "là thứ hiểm nguy, cái chân của nó cũng vi trùng nhiều."   
Nhưng dù thế, Lụa vẫn cứ phây phây trước mắt người làng. Khoai dong riềng của chị mỗi năm thu hoạch được hai lứa chứ không phải một như nhiều nhà khác. Một đàn cò trắng đêm nào cũng về đậu trên bờ tre quanh miếng vườn đuôi chuột của chị và ông Cả Phường cam đoan rằng mỗi sáng chị ta phải nhặt được ít nhất hai chục quả trứng chim. Chuyện này có thật.   
Và hôm nay, anh họa sĩ xuất hiện. Lụa chặt vào ngón tay trỏ khi nhìn thấy anh ta. Chị đã quên chuyện đàn ông đến nhà. "Chết rồi! Tay chị có máu. " Anh hoạ sĩ Dzuy cúi xuống. Không biết làm gì hơn, anh xé ngay một miếng vạt áo sơ mi vốn nhem nhuốc như giẻ lau, nắm tay chị xem xét. Máu vẫn chảy ròng ròng nơi ngón tay trỏ của Lụa. Bên miệng vết thương đã có một bờ máu đông lại như tiết canh. Dzuy càng hoảng hơn. Anh đỏ mặt xấu hổ vì sức dài vai rộng như thế mà không có cách gì giúp máu ngừng chảy trên ngón tay trỏ của một người đàn bà. Chẳng nhẽ cứ để máu me thế này mà băng lại ? Không nghĩ ngợi lâu hơn, anh đưa ngón tay Lụa lên miệng mà mút khô chỗ máu đông. "Trời ơi! Sao anh lại làm thế!" Lụa rút ngón tay về rồi mạnh dạn bước vào nhà, lấy cái ghế đẩu đứng lên định quơ nắm mạng nhên trên mái tranh. Mái nhà thì cao, Lụa tuy vào loại phụ nữ cao nhất làng nhưng chị không với tới được. Dzuy trân trối nhìn người đàn bà đứng trên cái ghế trước mặt. Ðôi vạt áo nâu hếch lên, một vùng da thịt lấp ló và người ta thường nói không sai, hoạ sĩ là những người có thiên tư đặc biệt đối với những đường cong và những mảng tối sáng mập mờ, nhún nhẩy. Anh thấy khát khô cổ, trống rỗng như có con dã thú nào vừa mới vét sạch lòng ruột anh đến tan nát. Cuối cùng thì người đàn bà goá cũng lấy được một nắm mạng nhện nhưng nó không được dùng để dịt vết thương trên ngón tay vì cả hai người đều đã quên mất dòng máu bây giờ đã ngưng chảy và biến màu tím tái. Họ trân trân nhìn nhau mà không nói gì, không làm gì, họ đông thành đá.   
Ngay vào lúc nửa đêm hôm ấy, anh hoạ sĩ bỏ mặc một đống lũ hình nhân làm dở, lần đến khu vườn hình đuôi chuột mênh mông rìa làng. Anh rời bỏ người âm đến với sự sống, chỉ ra về vào lúc ba giờ sáng. Ðêm sau anh cũng tới, nhưng ra về chậm hơn một giờ. Ðêm thứ ba anh ngủ đến tận khi mặt trời đã lên gần ngọn sào và không may cho anh, khi thằng bé phụ việc hớt hải đến gọi vì chúng không biết còn phải làm việc gì nếu không có anh, Dzuy đang ngái ngủ và tê liệt vì những cảm giác nguyên thủy anh chưa từng có, anh liêu xiêu bước ra khỏi nhà người đàn bà goá, hai tay dụi mắt, ai đã từng làm chồng đều hiểu ngay rằng nguyên nhân của sự mệt mỏi sáng hôm nay chính là những sung sướng đêm hôm qua. Một đoàn phụ nữ đi làm đồng đã tận mắt nhìn thấy cảnh ấy và đến chiều thì toàn dân làng Chiếu nói vào tai nhau rằng, té ra cái đám hình nhân từ trước đến nay anh hoạ sĩ làm để bán cho dân làng thả bè trôi sông hay đốt thành tro bay lên trời đều do đôi bàn tay "đêm nào cũng sờ mó của thằng khốn nạn!" Họ quả quyết rằng đám hình nhân như vậy là chẳng có thiêng gì đâu, chẳng thể làm vật hiến tế cho thần thánh vì chúng đã được làm bằng những bàn tay ô uế. Có một người đàn bà nổi tiếng là chính chuyên nói rằng bà ta mua một cặp hình nhân về nhà được hai hôm thì đêm nằm bỗng thấy chúng biến thành đôi trai gái trần truồng nhảy múa với nhau và quấn lấy nhau như hai con rắn. Ông thầy cúng ra tay phán xét. Ông biết hành nghề mà không có hình nhân thì chẳng khác gì vị tướng đánh trận không có lính. Ông bèn giải thích cho dân làng rằng, nói chung, xưa nay ít người có bàn tay sạch, kể cả đàn ông lẫn đàn bà và nếu như anh hoạ sĩ có máu mê tý chút thì chỉ làm cho lũ hình nhân sinh động hơn lên mà thôi.   
Họa sĩ Dzuy được đà lấn tới và mấy hôm sau anh dọn xưởng đến nhà Lụa. Nào tre cật, giấy bồi, giấy trang kim, chảo nấu hồ và cả đất thó nữa, để chật cái sân trước đây chất toàn một thứ cây khoai dong riềng thường bốc mùi thum thủm sau mỗi trận mưa.   
Ðến đầu mùa thu hầu như các mảnh vườn có hình vào to ra bé kiểu đuôi chuột đã được xoay trở xong xuôi. Ông thầy cúng đã bái biệt mọi người nói là sẽ sang vùng khác giúp dân chúng đuổi trừ ma quỷ và chỉnh đốn lại kỷ cương trong việc đối xử với thánh thần và thổ công, địa phủ. Ông ta giắt lưng được khá tiền và đồ cúng lễ, trong đó có cả một chiếc áo the. Mọi người lúc bấy giờ mới nhớ tới những thửa ruộng cấy lúa mùa đang chín ngoài đồng. Họ yên tâm sau khi cúng bái, sửa sang vườn tược, chặt tre lạt bó lúa, thay những viên gạch vỡ trong sân để phơi thóc.   
Nhưng tai vạ lại đến. Cánh đồng tuy có màu vàng nhưng đó là màu vàng của rơm chứ không phải của hạt. Những hạt thóc mẩy hiếm hoi bị đàn chuột đến cắn phá. Người ta chán ngán ôm nhau khóc ngoài đồng. Người ta bảo do trận heo may về sớm làm mầu lúa bị gió thổi bay mất, hạt lúa không được thụ phấn nên chỉ có vỏ mà không có hạt. Một người nào đó bác lại ý kiến này. Ông ta nói: "Vụ mùa nào mà chẳng có gió heo may! Chiêm bóc vỏ, mùa xỏ tay, nghe thấy gió lạnh thì hoa lúa khép lại liền. Lúa mùa nó không lẳng lơ, nhẹ dạ như thế đâu!" Nghe mấy tiếng lẳng lơ, nhẹ dạ, bà chính chuyên nhất làng liền tru tréo như vừa tìm ra một thứ chân lý miễn bàn cãi và góp ý: "Thôi chết rồi! Cái con Lụa! Chính nó đã gieo cái thói lẳng lơ cho mèo chó, trâu bò và nay đến cây cối. Chính nó đã không chịu sửa lại miếng vườn đuôi chuột!" Mọi người ớ ra, quả là điều hai năm rõ mười như thế mà phải đợi khi bà ấy nói ra mới để ý.   
Không ai bảo ai, mọi người chạy về làng. Họ tập trung trước ngôi nhà tranh có miếng vườn đuôi chuột ở rìa làng Chiếu. Nhưng ngôi nhà không còn ai. Ðêm qua anh hoạ sĩ Dzuy nằm mơ thấy một chú bé mặc quần đùi đứng bên giường mình, xanh xao, đôi mắt sáng rực khát vọng, thèm muốn. Nó bảo anh: "Anh phải đưa chị ra khỏi nhà trước khi gà gáy sáng". Ðó là thằng Khả.   
Dzuy đã đưa người đàn bà goá mà anh yêu ra đi khi chưa rõ mặt người. Anh nghĩ rằng, trước khi để Cái Ðẹp có thể cứu được thế giới thì trước hết phải cứu Cái Ðẹp cái đã. Cho đến bây giờ, nhiều năm trôi qua mà vẫn không ai biết anh đã dẫn người đẹp làng Chiếu của mình đi đâu.

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Sông nước đời thường**

Năm đó bố tôi không bệnh tật gì mà chết, gọi là chết đói cũng được. làng đò dọc chuyên chở khách buôn và củ nâu từ chợ Phố xuống Vinh chết già một nửa. Những người chết đầu tiên trong các làng là thợ rèn, sau đó đến phiên những người đi đò dọc, trong khi những người này chết đói thì dân vạn chài ven sông Phố ăn cá nướng trừ bữa. Rồi đến họ cũng chết. Cuối cùng là nông dân. Cả một vùng ven sông Phố chết vãn người. Bến sông vắng ngắt. Chỉ có những con ngựa Nhật thả rong gậm cỏ. Chúng cũng bị giết thịt. Người ta biết chắc chắn là ăn thịt ngựa vào sẽ đi ỉa chảy mà chết ngay, nhưng dù có thế nào thì cũng có cái để cho vào mồm mà nhai cho đỡ cơn đói. Cho đến lúc không còn ai đủ sức cầm dao mổ ngựa nữa. Và những con ngựa Mãn Châu lính Nhật bỏ lại cũng tự chết, xác kềnh càng ven bờ sông không ai dòm ngó gì đến.

\*   
\* \*

Vậy là chỉ còn mẹ tôi và tôi. Mẹ không còn sức lực gì, cứ thả "nốc" xuôi sông Phố. Không có tiền nộp để qua âu thuyền Bến Thủy vào thành phố Vinh, mẹ tôi cứ để thuyền trôi ra biển. Một ông vạn chài Cửa hội góa vợ, cột thuyền của chúng tôi vào thuyền của ông. Ông nuôi hai mẹ con tôi. Rồi ông lấy mẹ tôi làm lẽ. Cá không đánh được. Cả nhà lại đói. Bà vợ cả đánh ghen. Một hôm bố dượng bảo tôi: "Tao không có chi cho mi ăn nữa. Cũng không thịt mi trừ bữa được. Tao thả mi lên bờ rồi vô Vinh mà kiếm ăn. Ðừng cho mẹ mi biết. Nếu có chết đói thì nhớ phù hộ cho mẹ mi và cho tao!" Tôi “dạ" rồi lên bờ. ở Vinh thì khó chết đói hơn. Vì người đông như kiến. Mỗi người đánh rơi một hạt cơm cũng đủ nuôi được bao nhiêu người. Tôi vẫn sống. Cứ sống. Gan lì bươn chải đủ cách. Cách hay làm nhất là ăn xin. ¡n xin cũng có số. Có người xin được, có người không. Tôi thường được nặng bị hơn kẻ khác. Mới bảy tuổi, tôi nuôi một bà già. Bà thường bắt rận cho tôi, ăn với tôi những miếng bánh chưng dính đầy cát người ta đánh rơi xuống đất hay những vốc cơm thừa, hạt khô hạt nhão, hẩm trắng lẫn lộn, nồng nặc mùi bao dứa Sài Gòn. Rồi ở ga Vinh có những đoàn tàu chở người vào Nam đánh nhau với Tây. Tầu nam tiến. Tôi trốn lên toa chở than, đi đến đèo Cả, tức là hết đường tàu chạy thì thôi. Các anh bộ đội nhặt tôi về. Nhỏ con quá, biết làm gì bây giờ. Dù sao thì không bỏ tôi ở đâu được. Tôi trở thành "chú liên lạc" từ đó. Bộ đội ta đánh nhau một thời gian thì lên Tây nguyên. Các anh bộ đội gửi tôi về Bắc trên chuyến tàu hỏa cuối cùng. Nó khật khừ hàng chục ngày dọc đường như người ốm dở, chạy rồi ngừng, chạy, lại ngừng, tưởng chúng ngừng hẳn nhưng rồi lại chạy cho đến Ninh bình. Thì chết. Tôi đành xuống Ninh Bình. Ði ăn xin, chiều ra sông Ðáy tắm, tối lên chùa Non nước ngủ. Một ông chủ thuyền đinh thấy tôi bơi giỏi bảo tôi lên thuyền làm việc vặt cho ông. Thuyền ông buôn gạo, hái ra tiền. Suốt cả thời chống Pháp tôi là bạn sào, đứa ở và về sau là chồng cô con gái thứ hai của ông chủ. Người yêu của tôi tên là Hồng, đằm thắm, nở nang và rực lửa. Chúng tôi làm tình với nhau lần đầu tiên trong khoang thuyền, trong lúc ông chủ và những người khác lên phố xem hát. Năm ấy tôi bước vào tuổi hai mươi, lông mới mọc, ngứa ngáy suốt ngày.   
Sau ngày giải phóng thuyền ông chủ tôi hợp đồng chở đá từ núi Cánh Diều lên Trung Hà rồi ngược sông Ðà, thả xuống chân kè Thái Bạt. Sau đó lại lùi theo sông Hồng, xuống Cố Ðô, bên này Việt trì, rồi Bồng Lai, Yên Cảnh, Thường Tín. Công việc dài như đê sông Hồng, làm quanh năm không hết.   
Tôi không thể quên những ngày đó. Ngược nước, im gió. Chúng tôi buộc chão đay vào cọc chéo ở mũi kéo thuyền đi suốt ngày đêm. Tôi, Hồng, Ðến và Phải. Tất cả bốn đứa. Ðứa nào cũng xấp xỉ hai mươi, cũng như mọi thằng bạn sào, Ðến, Phải và tôi đều khỏe, da bóng như cái chày giã gạo gỗ lim, ngực cu gáy, vai lõm mấy đường do giây kéo thuyền đè lên. Cả hai đứa đều mê Hồng. Ðến thì mê thật. Còn Phải thì cứ nhìn cái mắt hau háu của hắn tôi cũng biết là hắn chỉ thèm Hồng. Hay là hắn yêu theo kiểu của hắn. Một con đực hẳn hoi. Chắc cả hai đứa chỉ mang máng có chuyện gì đó giữa tôi và Hồng chứ không biết cụ thể gì.   
Sông Hồng bát ngát phía tay trái chúng tôi. Trời tháng bảy oi nồng. Nước lũ trung phục cuồn cuộn chảy, đỏ ngầu dưới ánh trăng. Những cây đại ngàn to lớn, cành lá xum xuê với những cái rễ một người ôm trôi lẫn xác người chết. Ca-nô Thuận Hưng đắm ở Việt Trì. Có những cái xác bị trói cánh khuỷu đàn ông và đàn bà. Chúng tôi rạp người về phía trước, gấp khúc lại, tay trái duỗi ra sau, đè lên dây chão. Chão cũng run bần bật. Hồng đứng đầu giây. Rồi đến tôi. Sau đó là Phải. Cuối là Ðến. Không một chút gió để căng buồm đã đành. Mà cũng không có gì làm mát nổi bốn tấm thân tắm trong mồ hôi của chúng tôi.   
- Nghỉ! chờ gi...ó.gi...ó!   
Từ dưới dòng sông rực sáng trong ánh trăng, tiếng ông chủ ngồi cầm lái gọi vọng lên bờ. Chúng tôi đang qua một chỗ dốc đứng. Nước xoáy sát bờ kéo theo từng đám bọt đen đúa, rều và rác nhớp nhúa. Thỉnh thoảng một miếng đất dễ đến nửa sào rơi ầm một cái xuống sông, cuốn theo đám cây mít già đời. Sông đang đổi dòng trong đêm.   
Chúng tôi tu nước nước trong quả bầu mang theo. Cái chão cột vào gốc một cây si thỉnh thoảng run bắn lên như có ma quỷ nào giật.   
Chúng tôi lấy áo lau mồ hôi, vo viên thành cục vứt xuống đất. Người cởi áo cuối cùng là Hồng. Chỉ còn một cái áo lót ba lỗ dệt riêng cho con gái trên người. ánh trăng chập chờn bờ sông. Cái áo lót mỏng như lẫn vào da thịt. Tôi hỏi Phải:   
- Mày nhìn gì mà nhìn gớm thế?   
Phải rời mắt khỏi chiếc áo lót của Hồng, lia sang tôi:   
- Tao ngắm của Trời, mắc gì mày?   
- Này, nói cho mà biết, còn giương mắt cá mương ra như thế nữa thì tao cho tròng đen bay ra khỏi mắt đấy.   
Tôi cảm thấy giọng mình nặng chịch như đang khạc những hòn đá bay ra khỏi cổ.   
Phải đứng dậy.   
- Cái thằng đ... chịu, đừng nói láo! Mày đ... cái Hồng rồi, phải không? Khai đi con.   
Tôi không nhìn thấy Hồng phản ứng gì trong ánh trăng. Nhưng tôi không thể để thằng chó dái này làm nhục hai đứa chúng tôi. Tôi thộp cổ Phải:   
- Mày nhìn thấy tao đ... chịu bao giờ, thằng mặt dày không có phao câu kia?   
- Thách hả, dân đò dọc xứ Nghệ?   
Rồi nó bắt chước giọng tôi, nghêu ngao đắc chí:   
- Trăng lên khỏi núi mui Rùa - Cho anh đụ chịu đến mùa trả khoai! Có phải thằng xứ Nghệ nào đó đụ chịu rồi đẻ ra mày không?   
Tôi tống vào mặt thằng Phải một quả. Nó ôm mặt, không đấm lại. Rồi nó lết đến, quỳ xuống trước mặt Hồng:   
- Em Hồng! nó lừa em còn anh thì yêu em! Em nói một tiếng anh đánh chết nó liền trước mặt em.   
Hồng bảo nó:   
- Xin lỗi người ta đi.   
- Ðừng bắt anh làm thế. Anh gây với nó là vì em.   
- Thì ra chỗ khác mà đánh nhau. Nhục lắm!   
Phải đứng dậy, bước đến chỗ tôi:   
- Có giỏi thì ra kia.   
Tôi lầm lì bước tới đám đất trống. Cát trắng mờ mờ. Hồng vẫn ngồi yên, nhìn theo. Còn Ðến thì run như giẽ. Chúng tôi quần nhau một trận. Tôi thấy mình mạnh mẽ và nhanh nhẹn ghê gớm. Tôi không thể thua thằng này trước mặt Hồng. Tôi gập người húc cả cái đầu vào bụng thằng Phải. Nó ngã sóng soài xuống đám cát. Dưới sông có tiếng gọi:   
- Ði thôi... ôi...   
Tôi lấy tay và cả chiếc áo cộc lau máu trên mặt, bảo Hồng:   
- Ðợi thằng này dậy cái đã.   
- Cứ đi rồi nó theo sau cũng được - Hồng nói.   
Phải bật ngồi dậy. Nó dụi mắt. Tôi không nhận ra khuôn mặt trước đây của nó nữa. Máu me và sưng vù. Nó lảo đảo đứng lên:   
- Hồng ơi, em tệ lắm. Em định bỏ anh chết ở đây thật ư?   
Chúng tôi lại cầm chặt sợi dây chão. Suốt đêm hôm đó chúng tôi kéo thuyền ngược hơn hai mươi cây số dọc sông Hồng. Phải không nói một lời. Hai hôm sau chúng tôi đến Bất Bạt giao đá cho công trường. Ông chủ ôm một bọc tướng về. Thằng Phải và tôi nhận tiền công. Tôi rủ nó đi ăn phở, quán phở thịt cầy mới dựng từ ngày có công trường thả kè. ¡n xong, Phải nói:   
- Mày làm lành với tao hả? Có mỗi con Hồng mà hai đứa thì thừa quá. Tao đi đây. Chủ ca-nô An Sơn ở Hải phòng rủ tao làm cho ông ta. Tao chào mày, tha cho mày tội cái đêm mày định giết chết tao!   
Tôi nói:   
- Mày đi là phải.

\*   
\* \*

Ông chủ biết chuyện chúng tôi khi Hồng có thai. Rồi ông cho chúng tôi cưới. Mười ba mâm mời các ông chủ và bạn sào các đoàn thuyền chở đá kè. Cả cán bộ công trường nữa. Ba tháng sau thì ông chết. Ðến thấy bơ vơ, sang thuyền khác làm chân sào. Hôm đi hắn khóc. Tôi biết Hồng đã lấy mất hồn thằng bé từ lâu. Lúc ra đi hắn chỉ nhìn Hồng như một con chó nhìn chủ khi mang ra chợ bán. Rồi lấy hết can đảm nó nói: "Chưa ngủ được với chị em ân hận suốt một đời". Ði. Hồng đẻ một đứa con trai nhưng không nuôi được. Chúng tôi buồn, bỏ đoàn thuyền chở đá kè, bán thuyền to mua thuyền bé xuôi ngược sông Hồng, sông Luộc, sông Trà Lý tìm hàng lẻ để chở. Nhiều lần chở vật tư cho các công trình thủy lợi ven đê.   
Rồi có tin là các thuyền phải vào hợp tác xã. Hồng bảo tôi:   
- Không vào. Hai vợ chồng một cái thuyền vào ra gì!   
Tôi nói:   
- Cả nước người ta vào. Mình ở ngoài sao được.   
Hồng nói:   
- Cả nước vào, tôi không vào thì sao? Ðồ hèn!   
Chúng tôi không đậu vào bến nào lâu. Bốc xong hàng là cho thuyền rong ruổi. Nhưng kiếm ăn rất khó khăn. Thuyền thì bé. Các cơ quan nhà nước ngại mướn thuyền cá thể. Vả lại, phải nói dối, phải trốn tránh nhiều. Nhưng liệu có trốn mãi được không? Suốt một giải lưu vực sông Hồng đâu cũng có tổ chức hợp tác, biết chạy vào đâu? Có lúc chúng tôi làm thuê cho một hãng ca-nô lớn ở Hải Phòng. Hãng này cũng đã vào công tư hợp doanh. Họ cột thuyền chúng tôi cùng với những chiếc khác kéo đi. Ði đâu, về đâu, chở hàng gì đều do họ quyết định. Chúng tôi chỉ lĩnh một số tiền còm, gọi là tiền công và tiền khấu hao. Ðược vài chuyến, Hồng bảo tôi:   
- Tôi là chủ thuyền mà phải làm đầy tớ cho người ta. Nhục mà không ăn thua. Thôi đi!   
Chúng tôi lại tách ra, lại chui lủi, đơn độc tìm khách hàng, bến đỗ. Rồi một đêm, phía dưới cầu Bo một đoạn, có tiếng súng bắn và tiếng ca-nô. Một chiếc thuyền căng buồm lướt qua chỗ chúng tôi gọi với sang: "Chạy đi! Ca-nô đi gom thuyền cá thể đấy!". Chúng tôi từng nếm cảnh này ở Nam Ðịnh rồi, mấy lần đều chạy thoát. Họ bắt được thì phải tịch thu sổ hành then. Cột thuyền vào một chỗ, bắt học tập chính trị, đến lúc chịu vào hợp tác xã mới thả ra. Hai vợ chồng kéo buồm. Gió Tây Nam thổi thuyền chúng tôi băng băng về phía cửa Trà Lý.   
Tôi cầm lái. Hồng đứng đằng mũi. Chân trời trước mặt sáng bừng nhờ biển đang tới gần. Hồng vịn một tay vào cột buồm, mái tóc xõa trong gió trông như một nữ tướng trước hàng quân. Ðó là một ngwòi đàn bà khác biệt, có thể làm đàn ông mê mẩn vì những cái không đâu vào đâu và sau đó thì ngoan ngoãn trước cô ta như một con chó con. Nếu anh phản ứng lại vì danh dự của một thằng chồng thì ngay đêm hôm đó cô ta trở lại là một con mèo dịu dàng, quyến rũ, rồi bất thần vồ lấy anh như một con hổ cái lên cơn, nghiến ngấu anh trong vòng tay và những cơn bão dữ dội và ngọt ngào cho đến lúc anh lặng lẽ quy hàng trong một nỗi mệt mỏi đầy khoái trá mà anh không bao giờ quên được. Sau cái đêm anh bị đắm như một chiếc lá giữa dòng thác bấn loạn của cơn cớ yêu đương ấy, anh biết rằng anh mãi mãi là một con chó của cô ta. Tình cảnh đó kéo dài cho đến lúc anh thấy mình chỉ còn là một miếng giẻ, sức cùng lực kiệt, ý chí nhão nhoét. Tôi biết Hồng trong trắng. Tôi biết mình là người đàn ông duy nhất của Hồng. Vậy thì cái cơn bão dịu ngọt ấy đến từ đâu? Không phải từ kinh nghiệm của những người đàn bà trải đời. Từ sông nước và từ cuộc sống phóng túng tự do trên sông nước, từ cái đầu mù chữ và một dòng máu thủy thần chưa bị pha trộn. Một đêm, sau khi tôi đã thở hắt ra và con thuyền đã hết chòng chành. Hồng lặng lẽ vuốt tóc tôi rồi phá lên cười.   
- Cười gì thế, con điên? - Tôi hỏi.   
- Mới thế mà đã phờ râu ra. Thế mà gọi là trai xứ Nghệ. Này, trong quê anh có cái câu ấy thật à?   
- Câu gì?   
- Có phải mùa nào cũng chỉ có khoai là khoai phải không?   
Tôi nhớ ra câu ca dao thằng Phải nói dạo nào.   
- ừ, trên trời dưới khoai. Thuyền bố mẹ anh vẫn chở thuê khoai cho người ta đưa xuống tỉnh.   
- Thế cái chuyện ấy có thật không? Cái chuyện ấy mà!   
Nỗi ám ảnh dầy vò tôi. Bản thân tôi chưa hề nghe câu ca dao ấy. Tôi cũng chưa thấy ai phải nợ nhau về chuyện ấy bao giờ. Nhưng có một vùng đất cằn sỏi đá, mỗi năm ba tháng gió Lào rên rỉ, người và cây cối quắt queo tưởng đốt cháy được vậy mà cũng không có nơi nào hoa thơm cỏ ngọt bằng nơi ấy. Không có nơi nào con người dữ dội, tràn trề sức sống, yêu đương mãnh liệt bằng nơi ấy. Và câu ca dao ấy là có thật!   
Tôi trở mình, kéo Hồng xuống ngực tôi. Tôi phải đuổi nỗi ám ảnh cho Hồng. Câu ca dao và thằng Phải! Tôi biết bằng giác quan thứ sáu của người chồng là Hồng vẫn chưa quên thằng Phải! Tôi vồ lấy Hồng, nghiến   
ặt cho ông. Thuyền ông buôn gạo, hái ra tiền. Suốt cả thời chống Pháp tôi là bạn sào, đứa ở và về sau là chồng cô con gái thứ haín đã tàng ẩn trong máy móc vô tri ấy.   
Tôi run tay. Có tiếng súng bắn chỉ thiên phía sau. Mũi thuyền nhẹ nhẹ hướng bờ. Tôi muốn đầu hàng.   
Con thuyền không thể vượt qua được hai chiếc ca-nô. Một chiếc rẽ sóng bươn lên đón đầu. Có tiếng loa chát chúa: "Yêu cầu neo thuyền để kiểm tra. Yêu cầu neo thuyền kiểm tra!" Chiếc ca-nô vượt lên trước bỗng quay mũi lại.   
Nó phăm phăm lao thẳng vào thuyền chúng tôi.   
- Kéo lèo trái - tiếng Hồng hét phía sau lưng tôi.   
Tôi làm theo. Cọc bánh lái trèo trẹo. Con thuyền gạt ngang nước, uống trọn một cơn gió giật, băm vào bờ trái. Tôi chưa kịp trở tay thì mũi thuyền đã húc cái ầm vào vỉa đá kè. Nước chảy ào ào vào khoang qua chỗ vỡ, con thuyền chúi mũi xuống đám đá. Hồng đã đứng sau tôi, vai khoác chiếc tay nải.   
- Lên bờ chạy đi! Hồng nói.   
- Còn thuyền?   
- Kệ mẹ nó, quay lại vớt sau!   
Chúng tôi nhảy đại lên bờ, đi vào một con đường đá giữa hai hàng tre rồi biến mất trong một cái ngõ. Phía sau tiếng ca-nô lặng dần.   
Ðêm đó chúng tôi xin ngủ nhờ một gia đình nông dân. Sáng tinh mơ cả hai ra đường để xin đi nhờ một chiếc xe tải lên thị xã Thái Bình. Trong một cái quán đầu cầu Bo, Hồng mở tay nải lấy một xấp tiền, chia hai phần bằng nhau, rồi đưa cho tôi một phần. Hồng nói:   
- Tôi không lận anh đồng xu nào. Còn cái thuyền kể ra anh cũng có phần nhưng tôi đánh đắm mất rồi, sau này có dịp tôi sẽ đền cho anh. Anh với tôi không hợp. Anh luôn muốn vào cũi còn tôi muốn tự do. Bây giờ mà ôm lấy nhau thì chết cả hai, nếu không thì cũng cắn nhau suốt ngày. Thuyền không còn nữa, anh đường anh, tôi đường tôi, chia tay bây giờ để giữ lấy cái tình, còn chút nghĩa nào cũng khỏi mất nốt.   
Ngừng một lát, Hồng nói thêm:   
- Nếu người ta không kéo mất thuyền, tôi sẽ quay lại vớt nó lên. Rồi tính sau.   
Chúng tôi cùng ra bến ô tô. Hồng nhảy lên một chuyến xe chạy đường Nam Ðịnh. Còn tôi ra Hải Phòng ngay hôm đó.

\*   
\* \*

Tôi chỉ lang thang mất ba ngày thì xin được vào làm ở một đoàn sà lan chạy đường sông. Lần đầu tiên tôi được lĩnh lương và tự thấy mình sung sướng vì ngoài công việc cực nhọc của một thủy thủ, tôi có cái ăn, cái mặc mà không phải lo nghĩ gì. Nhưng lòng tôi nhớ Hồng khôn nguôi. Thằng đàn ông nào mà lại quên được một cô vợ như thế?   
Tôi gắng gượng sống, làm việc, tham gia mọi chuyện đời, kể cả chuyển dầu, súng đạn và lương thực dưới mưa bom bão đạn trong chiến tranh. Nhưng càng ngày tôi càng hiểu ra một điều mà lúc chia tay Hồng tôi chưa kịp nhận thấy: tôi sống mà không có Hồng thì cũng như là chết. Ngồi trên sà lan trong những chuyến đi dằng dặc với tốc độ lờ đờ, buồn tẻ, tôi thấy mình đã để lại cuộc đời ở đâu đó, một cuộc đời nhọc nhằn, cay đắng, nô lệ cho một người đàn bà. Nhưng nó là chính cuộc đời tôi, số phận an bài cho tôi. Tôi đã mất nó trong cái đêm nọ trên sông Trà Lý khi tay tôi run và ý chí tôi mềm nhũn. Và cái khoảng trống vô bờ bến Hồng để lại trong tôi không biết bao giờ mới khỏa lấp được. Tôi đúng hay Hồng đúng? Tôi tự hỏi mà không hề tìm câu trả lời. Bởi vì ai đúng hay sai thì cũng chẳng để làm gì. Ai đúng hay sai thì bây giờ tôi cũng không còn Hồng bên cạnh nữa.   
Chúng tôi đi về, chuyến này đến chuyến khác. Chúng tôi tự vớt thủy lôi địch thả xuống để dọn đường mà đi. Chúng tôi còn bắc đại liên lên nóc ca-bin để bắn máy bay nữa. Ðoàn sà lan của tôi được thưởng huân chương. Thuyền trưởng về thành phố báo cáo. Tôi không biết anh ấy báo cáo những gì. Chỉ biết lúc trở về chúng tôi được chia kẹo và mỗi người được một cái khăn tay. Thuyền trưởng mở đài nghe suốt đêm người ta nói về mình, anh em thủy thủ trên các sà lan ca hát. Tôi ngồi nhìn họ, nghe họ, cũng như mọi chuyến đi khác, tôi làm như trâu lăn, làm những việc cực nhọc nhất, nguy hiểm nhất. Nhưng không nói một lời. Không ai biết tôi ôm mớ gì trong bụng, đang nhớ đến ai.   
Thế rồi một đêm, trên sông Ruột Lợn. Chúng tôi chở than từ Hòn Gai về Hải Phòng. Chiến tranh đã kết thúc bảy năm rồi. Nhưng công việc thì vẫn thế. Sà lan trôi trong đêm yên tĩnh, tối mò. Ngoài tiếng xế dịp của chiếc tàu đẩy, tôi không còn nghe được gì hết, cả tiếng sóng vỗ bên mạn cũng không vì quen rồi. Ðâu đó ở chân trời phía cửa Nam Triệu những phao đèn nhấp nháy. Và Cảng vẽ một đường sáng xanh lè phía xa.   
Tôi ngồi bên mạn sà lan nặng mớn, canh chừng cho thằng bạn sang tầu đẩy đánh bài. Trên tầu đẩy thuyền trưởng vừa đón được một cô điếm nghe nói dạt từ Sài Gòn ra. Tám Bính luân hồi. Không biết mấy ông mãnh đang làm gì với cô ta. Tôi dửng dưng và nguội lạnh.   
Bỗng có một bàn tay trắng nhợt níu mạn sà lan cạnh chỗ tôi ngồi. Một người đàn ông đang quẫy dưới nước. Anh ta bơi đến từ phía sau nên tôi đã không nhìn thấy. Khi đã níu chắc được vào mạn sà lan, người đàn ông hổn hển nói:   
- Cứu tôi mấy, anh!   
Tôi kéo anh ta lên. Trên người y chỉ có mỗi chiếc quần đùi. Nước nhoang nhoáng chảy xuống chân, qua bộ ngực thủy thủ. Chưa kịp hỏi han, anh ta vội nói:   
- Còn một người nữa!   
Tôi bấm đèn pin xuống nước và nhìn thấy một sợi dây ni lông nơi tay người đàn ông. Một cái can nhựa to cột cạnh thân người đàn bà. Người đàn ông bậm môi kéo vội chiếc can và người đàn bà vào sát mạn rồi cúi xuống, ôm xốc lên.   
- Chết thật rồi! anh ta nói, khuỵ xuống, hai tay chống lên mép thuyền.   
Cùng lúc tôi nhận ra người đàn bà. Hồng! Hồng của tôi, người tôi đã đánh mất, đã tìm kiếm hàng chục năm trời mà không thấy. Và thằng Phải, chính nó. - Phải - Tôi như một con chó điên tru giữa đêm hè - Mày làm sao đến cơ sự này?   
Tôi vồ lấy cái xác của Hồng lắc đầu, hà hơi vào miệng. Nhưng người đàn bà của tôi, bà chủ của tôi, cơn bão dịu dàng của tôi đã chết. Chết thật rồi. Tôi lặng đi, buông tay ra. Chiếc đèn pin rơi tõm xuống sông Ruột Lợn. Bao nhiêu năm nay có một ý nghĩ dày vò tôi nhưng tôi muốn giấu cả chính tôi nữa. Ðó là tôi luôn nghĩ rằng Hồng sẽ gặp được thằng Phải. Nhất định là như thế. Và tôi điên cuồng lên vì ghen tuông. Nhưng bây giờ tôi bình tĩnh nhìn Phải. Tuy đêm tối, tôi biết nó cũng đã già. Cũng như tôi đã già.   
- Hồng bắt đưa thuyền và cả đứa con trai sang Hồng Kông. Nhưng giữa đường thuyền đâm phải cọc đáy. Bây giờ thì chết hết rồi. Chết cả rồi. Những mười hai mạng. Thằng con trai với chín người đi theo.   
Lặng đi một lúc, Phải tiếp:   
- Nó mười bảy tuổi rồi, Hồng bảo nó là con anh đấy.   
Tôi cúi xuống Hồng: "Em ơi, bây giờ thì em không còn phải chạy trốn nữa". Tôi cởi nút sợi ni lông vứt xuống sông. Ðó là việc đầu tiên phải làm. Còn những việc khác?   
Chín giờ sáng mai đoàn sà lan mới về đến bến nhà máy Xi măng.

1991

**Nguyễn Quang Thân**

Người Vợ Lẽ

**Gió heo may**

Ít nhất thì mỗi năm cũng có một lần, những người vợ goá, dù đã được bà con họ hàng nhà chồng tặng bằng khen "tiết hạnh khả phong" cũng phải bồi hồi trong giây lát. Ðó là một ngày tháng Mười, trời đang mát mẻ bỗng se lạnh vào sáng sớm. Nhưng rồi nắng hừng lên. Bắt đầu là một giải vàng hoe trên ngọn cau và trong phút chốc tràn ngập đồng lúa sắp gặt, cây cỏ trong khu vườn. Sau đó một mùi thơm ngai ngái, lạ mà quen, không thể nói đó là mùi gì, nhưng rõ ràng nó hiện hữu trong mũi ta, trong hồn ta. Một chút gió đi qua khu vườn, lúc đầu len lén như hơi thở. Nhưng rồi mạnh dần lên và những cây chuối, cây na thức dậy.   
Ðúng lúc đó, người vợ goá lấy chiếc chăn bông vẫn cất trong gác xép từ đầu hè ra phơi. Vì chăn nặng nên chị phải khó khăn lắm mới vắt được qua giây thép, trong khi đó bụi bay mù lên, thứ bụi lẫn mùi cứt gián và lá hương nhu, hoa kim ngân cắt phơi từ ngày Tết Ðoan Ngọ. Và chị đã làm rơi chăn xuống đất. Tôi cam đoan với quý độc giả là, trong ngày hôm đó người vợ goá nào cũng làm rơi cái gì đó xuống đất, đúng lúc ngọn gió đầu mùa thổi qua vườn. Trong làng Kẻ Ðồng, một làng hẻo lánh dưới chân núi Thiên Nhẫn có một người đàn bà góa không làm rơi chăn bông mà đánh vỡ một cái ấm trà, vốn dĩ cái ấm này không một lần được sờ đến từ ngày chồng chết. Khi nó vỡ ra, văng trên nền nhà một chiếc răng sứt, gãy chân, mặt răng lỗ chỗ vết sâu đen đúa. Người vợ goá nhớ lần anh chồng nát rượu súc miệng làm văng chiếc răng sâu ra, anh ấy nhổ cái răng vào ấm pha trà. Người vợ góa làm vỡ cái ấm ấy là chị cu Sang.   
Trong nhà thờ xứ đạo xôi đỗ này có ma xơ Jeane ÁI, TA HÃY gọi như dân làng là xơ Gian, nghe nói quê tận xứ Huế, xứ sở mà bà đã hai chục năm nay không về từ ngày theo mẹ bề TRÊN ÐI TU. XƠ GIAN Ái tuy không thể gọi là một goá phụ cũng đánh vỡ một cái gì đó khi đi qua khu vườn mênh mông của nhà thờ đúng lúc ngọn gió tai quái thổi qua. Ðồ vật bà làm vỡ là cái hộp sơn mài đựng vài thứ đồ làm lễ cha xứ giao cho để dùng khi có kẻ liệt hay đám cưới. May sao, cái hộp bằng gỗ nên không vỡ đôi mà chỉ sứt một miếng nắp, bà làm cách nào cũng không đính nó lại được. Một tuần sau ngày câu chuyện này xẩy ra, bà đứng trong bục xưng tội với Cha. Cha chỉ nói : "Con có nhớ là khi bước vào vườn Ghết-sê-ma-ni, gặp một ngọn gió thổi đến từ đồi Sọ, Người cũng làm vỡ một cái hộp gỗ. Người sẽ tha tội cho con." Xơ Gian hiểu và im lặng nhận lòng bao dung của người đã từng vì xúc động mà đánh vỡ một cái gì đó.

Tuy đã đánh vỡ mất kỷ vật quý giá của người chồng, chị Sang vẫn được xơ Gian vỗ về, xơ nói goá chồng là một sự may mắn cho chị. Bởi vì, từ ngày anh chồng chị biết uống rượu thì làng Kẻ Ðồng nổi tiếng nghèo và ngoan đạo có thêm bốn lò nấu rượu lậu bằng sắn thái khô, bắp hạt và giây khoai lang băm nhỏ, khi đưa bán có pha thêm vài giọt thuốc trừ sâu Vôphatốc cho rượu nặng thêm, thì mỗi năm nhà thờ chỉ còn được cúng vài sọt bắp ngô so với năm chục sọt trước đó. vì ngô và sắn đã biến thành chất cay đổ hết vào chai, nhiều người bỏ lễ trọng bởi không thể nào đứng dậy mà đi được. Còn tình cảnh chị Sang thì khỏi nói. Người ta thường gặp chị đi trên đường, tay bao giờ cũng cầm một cái chai. Và hình ảnh đáng thương ấy biến mất sau ngày anh chồng chết. Xơ Gian tuy đã hơn hai mươi năm hầu hạ Chúa và tâm hồn bà thấm đẫm tiếng chuông nhân ái của nhà thờ cũng nói với chị Sang rằng, tuy anh chồng chị không làm lễ rửa tội nhưng Chúa cũng bao dung gọi anh ấy về bên mình để cứu rỗi một người đàn bà tội nghiệp như chị. Ðáng lẽ chị phải là một người đàn bà hạnh phúc, chị có quyền được hưởng hạnh phúc ấy khi ra đường với những đứa con kháu khỉnh, thông minh, tay dắt trẻ chứ không phải cầm một cái chai. Chúa đã lấy đi cái chai trong tay chị bằng cách tiện lợi nhất, đó là lòng lành vô biên vì chính Người, trước khi lên đồi Sọ để chịu cực hình đã từng cầu xin Ðức Chúa cất hộ mình cái chén đắng tiền định mà không được. Người đã phải uống trọn cái chén đắng ấy cho xơ, cho chị cho mọi người anh em nên Người hiểu thế nào là rượu đắng và Người đã cất hộ chị không phải chỉ một cái chén mà là cả một cái chai. Và, xơ Gian nói thêm, nếu anh ấy được hầu hạ bên mình Chúa thì khi anh ấy yêu cầu, chính Người sẽ ra đường, tay cầm một cái chai để chiều lòng anh ấy. Người cứu rỗi chị bằng mồ hôi của Người, đi mua rượu cho người nghiện rượu để chữa bệnh nghiện rượu cho họ, như đã từng chìa má trái cho người đã đánh mình bên má phải để cảm hóa họ, như từng chữa bệnh cho kẻ liệt nghèo hèn, hôi hám.   
Ðương nhiên chị Sang không hiểu Người đây là ai, chị cũng không phải dân đi đạo nên chẳng bao giờ được cha xứ dạy dỗ để hiểu những tích đạo mà xơ nói. Từ nhỏ chị chỉ tin có tích truyện Tấm Cám, chị tin cảnh cái võng bị chặt đứt khi đang có người nằm ở trên, có người này xui người khác tắm bằng nước sôi và hũ mắm muối bằng thịt người là chuyện có thật. Bởi vì mẹ chị đã kể cho chị nghe đến hàng trăm lần chuyện đó hồi nhỏ, lớn lên, chị cũng được nếm qua cuộc đời khổ nạn của cô Tấm. Một hôm trong cơn say anh chồng đã chặt đứt đôi cái võng chị đang nằm, lần khác, khi nghe vợ nói nhà chỉ còn nồi cháo hoa ăn tối thì anh vừa chửi vừa chặt phăng ngón tay út của mình quẳng vào nồi, sau đó bắt chị ăn bằng hết hai bát cháo nấu với hai đốt ngón tay của chồng để trừng phạt cái tội chị đã không mua thịt nấu cháo cho anh ta ăn. Lớn lên, chị theo mẹ đi chùa và chị tin có Phật Quan Âm, chị khóc khi nghe mẹ kể nỗi oan của bà Thị Kính, trong một đêm rằm khi trong gian hậu nhà chùa chật chội, anh cu Sang cấu vào mông chị, chị suýt ngất xỉu vì sợ Phật trừng phạt đưa chị xuống địa ngục cho quỷ xa tăng giầy vò, tra tấn, thả vào vạc dầu, chị mặc cảm tội lỗi như cái mông của chị là thủ phạm chứ không phải bàn tay của cu Sang. Rồi lần đi họp đầu tiên để bàn chuyện đào mương làm thuỷ lợi. Chị nghe một người đàn ông nói là chúng ta sẽ thay Trời làm ra mưa, sẽ vắt đất làm ra nước, Chúa hay Phật hay bất kỳ ai nói cứu khổ cứu nạn mà không vào hợp tác, không động viên dân quân canh phòng kẻ gian và gián điệp, không hô hào thanh niên đi làm thuỷ lợi thì cũng chỉ là những anh nói phét một tấc lên giời ( ông ta nói đớt, không nói trời mà là giời, không nói trăng mà là giăng ). Chị thấy ông ta nói đúng quá, chị vào hợp tác, đi tuần đêm với dân quân tuy không bắt được tên trộm hay gián điệp nào, chị đào mương làm thuỷ lợi và còn tập hát nữa. Rồi chị lấy chồng, lấy người đã cấu vào mông chị lần đầu tiên đó là anh cu Sang. Mẹ chị bảo như vậy là vì đã thất tiết với người ta rồi, dù đó là người không ra gì cũng phải lấy. Từ đó chị gắn đời mình với những cái chai và những cuốn sổ nợ. Tuy vậy, theo đầu óc một người đàn bà nông dân sống suốt đời trong làng quê hẻo lánh, nếu quả thực Chúa gọi chồng chị về hầu hạ mình như bà xơ nói thì Chúa cũng không được công bằng cho lắm. Bởi vì sống ở quê mà có một thằng chồng nhổ răng mình vào ấm pha nước hay bắt vợ ăn cả ngón tay út của mình thì cũng còn hơn không có thằng chồng nào, nếu không có anh ta chị sẽ phải sống cảnh góa bụa. Chị chưa từng ở goá nhưng chẳng lạ cảnh bà goá trong làng đã phải còng lưng đi kiếm củi một mình, không ai chờ dưới chân đèo đón hộ gánh củi trên vai. Vậy mà cũng đã nhiều lần anh ta đi đến tận dốc Nai Bò đón củi cho chị. Anh ấy cũng biết sửa lại cái chân phản ngựa bị gãy sau một trận quần đảo chị như người ta vật nhau ở đình làng ngày mồng một Tết.   
Nếu những ngày sống ấy được gọi là hạnh phúc thì chị cũng từng có hạnh phúc. Chị không dám oán Chúa. Tuy chị không biết Chúa là ai, mặt mũi như thế nào vì chị chưa bao giờ vào nhà thờ, nhưng chị nghĩ người được xơ Gian phụng thờ thì chắc là người tốt. Vì xơ Gian là một người tốt bụng. Bà ấy nhân từ, chịu thương chịu khó, làm được nhiều việc cho dân làng này như đi đỡ đẻ, cho thuốc thang, bất kể người ta là lương hay giáo. Và chị nhớ anh cu Sang, nhớ thực sự như khi người ta nhớ. Dù sao anh đã sống với chị mười hai năm, không con cái, không làm cho chị tự hào, kiêu hãnh và thường biến chị thành một người lẩn thẩn, mù mờ, thất tha thất thểu trên đường làng, túi không tiền, tay cầm một cái chai. Chị đi đến nhà này, nhà khác, nhà nào họ cũng chìa sổ nợ ra, sổ nợ của họ là những tờ giấy có dấu điểm chỉ của anh. Mỗi ngón tay được bôi nhọ nồi ấn vào là một xị rượu phần tư lít. Anh ngại gì mà không thoa cả năm ngón tay vào dưới đít nồi để đổi rượu, với thành quả lao động của năm ngón tay và đĩa ổi xanh, anh đã có thể uống suốt đêm và nhiều khi suốt ngày.   
Cuối cùng thì chị cũng tìm ra một nhà chịu bán rượu cho, đó là người đàn ông độc thân tên Cu Ca. Anh ta ở mép làng, một ngôi nhà riêng rẽ trước đây là lò rèn của một ông phó bẻm mép. Ông này rèn những cái dao chém bùn không có vết mà vẫn khoác lác là thợ giỏi nhất vùng. Nói khoác thường không phải giả tiền, nhưng người mua dao, kéo, liềm hái thì vẫn phải bán thóc để trả nên cuối cùng sự độ lượng của dân chúng đã tới hạn. Dân làng xót của, la thét : "Giá dao thằng này mà sắc được như mồm của nó thì khỏi nói!" Họ nổi lửa đốt phăng cái lò rèn. Anh cu Ca vốn là người khiêm nhường vì cái tước cu của anh không là gì để anh kiêu ngạo hay khuếch khoác, nó chỉ vừa đủ chứng minh cơ thể anh cũng có bộ phận quan trọng nhất của người đàn ông mà thôi. Nhưng khi anh goá vợ vào tuổi ba mươi mà lại chưa con cái gì thì anh là người được đám vợ goá làng Kẻ Ðồng để mắt. Nửa đêm về sáng ít nhất có vài người trong số họ nằm mơ thấy mình ngủ với anh ta. Họ đỏ mặt , tự trách mình, lo lắng tiết hạnh sứt mẻ, nhưng sau đó lại cười tủm tỉm, tự tha thứ cho những cử chỉ quá đáng đến mức họ chưa hề làm, chưa hề nghĩ tới như họ đã làm trong giấc mơ ấy.   
Trong số những người nằm mơ một cách tội lỗi ấy có chị chắt Sang. Ðiều này là có thể hiểu được nếu ta nhớ lại ngày anh Sang nát rượu còn sống, những ngày đó, khi Chúa cha chưa rủ lòng thương cất giùm cái gánh nặng trên vai người đàn bà khốn khổ thì chị Sang thường phải thất thểu với cái chai trên đường làng tối tăm đầy cứt chó mà không có ai bán rượu cho chị. Người duy nhất cứu được chị trong cơn bí quẫn ấy là anh Cu Ca. Hơn nữa, có một đêm mưa gió nổi lên bất ngờ ngay khi chị Sang cầm chai rượu đầy từ nhà cu Ca ra về. Anh Ca đuổi theo chị, nói là chẳng thà anh chạy ào vào làng đưa rượu cho "thằng khốn nạn" ấy nốc còn hơn là để chị xông pha giữa mưa gió. Chị mềm lòng quay trở lại chờ tạnh mưa. Và tối đó, khi mưa không muốn dứt, chị đã cho anh cu Ca, anh kéo chị vào lòng mà nói : "Thèm quá, cho xin một cái nào!" Chị biết đó là việc hệ trọng đối với người đàn bà đã có chồng. Nhưng chị không hề nghĩ là mình đã phản bội chồng như sau này đọc thấy trong sách. Người tử tế như thế, người đã tin mà bán chịu cho chị trong khi cả làng đều quay mặt đi mà đã xin thì chị cho, đơn giản thế thôi. Ðó là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng. Sau ít lâu thì chồng chết, số quán rượu trong làng phải dẹp hơn một nửa vì thị trường thu hẹp, những người nghiện rượu đều chết vì bệnh xơ gan bởi thứ rượu pha thuốc trừ sâu và cũng có thể do cứt chó. Nghe nói chính Cu Ca là người đã cho vào mỗi nồi rượu một hạt phân chó bằng hạt ngô cho ngậy lên cái mùi dân nghiện rất thích, người này ra tha ma cách người kia hai, hoặc ba ngày và chị Sang không đến nhà Cu Ca lần nào nữa.   
Chúng ta sẽ bất công nếu nói trong buổi sáng có ngọn gió heo may quỷ quái đó thổi về chỉ có những người đàn bà goá mới đánh rơi đồ vật trong tay họ. Có một người không phải đàn bà, càng không phải đàn bà goá, cũng làm đổ một chén trà đang uống dở, đó là cha xứ. Cũng như xơ Gian, theo một góc độ nào đó, nhất là góc độ sinh vật học, cha xứ cũng có thể gọi là goá nên cha có làm đổ một chén nước trong giây phút mà mọi người đàn bà goá đều làm đổ một cái gì thì cũng chẳng phải là tội trọng. Vốn là người hiền từ và đa cảm, cha cũng cảm thấy mùi vị khác thường của ngọn gió. Cha cũng nhớ và bồi hồi. Cha nhớ có một ngày giông bão cả làng không ai đi chợ được, một người đàn bà đã đập cổng nhà thờ đòi mua rau cải. Chị bảo mua rau về làm giỗ đầu cho chồng nên cha xứ biết là chị goá. Cha nhân từ bảo ông bõ nhà thờ nhổ cho chị ít rau và hành hoa trong vườn, chị lề phép lạy cha rồi nhỏ nhẹ hai tiếng cám ơn. Ðúng lúc đó cha quay mặt đi vì không thể nào chịu nổi dáng người đẹp thon thả của người goá phụ lộ rõ ra khi nước mưa làm quần áo chị dính vào da thịt. Ðã lâu lắm rồi ở đất Kẻ Ðồng hoang vắng này cha mới thấy một sự cám dỗ đẹp như thế ẩn hình trong bộ quần áo ướt. Tháng cấm phòng sau đó mấy hôm, các cha xứ bạn hữu thấy cha Kẻ Ðồng vật vã như người ốm. Ông cố xua đuổi hình ảnh người đàn bà ướt mưa hôm đó mà không được. Cuối cùng chính Ðức Mẹ Rất Thánh đã giải thoát cho ông, khi ông một mình cầu nguyện trong cấm phòng toà giám. Ông tha thiết được gặp Mẹ, ông cầu lạy lái tim vô nhiễm nguyên tội Ðức Mẹ đồng trinh, xin đền tạ lái tim đau đớn Mẹ, bù lại những tội lỗi con đã nghĩ đã làm xúc phạm đến Lái tim Mẹ, cùng Lái Tim Chúa Giê Su Con Mẹ, ông đau đớn cảm thấy Chúa đã giận dữ mình trong buổi chiều mưa hôm ấy nên mọi lời cầu nguyện của ông hình như không thấu đến tai Người. Và ông đành nguyện xin Mẹ cho con được vào ẩn náu trong Lái Tim Mẹ và nhờ Lái Tim Mẹ mà đến cùng Lái Tim cực Thánh của Chúa Giêsu Con Mẹ. Ông thì thầm cầu xin một mình trong phòng nguyện toà Giám và khi mệt mỏi đứng dậy, ông biết ngay mình đã được Mẹ tha thứ. Mẹ đã bao dung cho ông ẩn náu trong trái tim Người và đó là con đường ngắn nhất để ông tiếp thông với Ðấng tối cao và xin lòng tha thứ.   
Ông quên hẳn chị cu Sang cho đến hôm có cơn heo may đầu mùa ấy. Lúc đó xơ Gian vẫn cầm hộp bí tích trên tay vì bà đang lấy tràng hạt và cây thánh giá ra lau chùi thì cha gọi. Hai người đi dạo trong vườn nhà thờ. Cha xứ bảo muốn đảo một vòng để xem mấy đám đất gieo hạt giống xu hào ý mọc mầm ra sao, đó là món quà của Ðức Giám mục dịp người sang La Mã thụ ơn Ðức Thánh Cha trở về. Bỗng ngọn gió thổi đến. Cha xứ đứng lại.   
- Này xơ !   
Xơ Gian lúng túng nhặt hộp bí tích lên. Bà đã kịp cho miếng gỗ bị sứt vào túi và giấu cái hộp dưới vạt áo. Nhưng cha đã nhìn thấy, ông không nói gì. Ông đọc được thoáng bồi hồi trong mắt xơ cũng như nó vừa chợt tới trong lòng ông lúc cơn gió thổi qua.   
- Thưa cha.. .   
- Xơ còn nhớ nhà chị cu Sang, người đàn bà góa đến nhà thờ mua rau cải về làm giỗ chồng năm ngoái ?   
- Dạ, có nhớ. - Xơ cung kính - Dạo chồng chị ấy chết con có đến giúp đám nhà chị ta.   
- Nhưng rồi xơ không bao giờ trở lại nữa phải không ?   
- Dạ.   
- Như vậy là xơ đã yêu người ta bằng mình chưa?   
- Dạ thưa cha, chưa. Con chưa trọn điều ấy. Vả chị ta cũng chưa làm phép rửa tội bao giờ.   
- Mọi người ở thế gian này đều từ cõi không, do Cha chúng ta ở trên trời làm nên mà có, phải thế chăng ?   
- Dạ, thưa cha.   
- Vậy thì chúng ta là tôi tớ của Người, sao xơ không nghĩ ta phải làm cho không thành có?   
- Dạ con hiểu.   
- Cha biết con đã đem tình thương của con mở rộng nước Trời lâu nay mà quên sự vất vả. Nay cha nhắc xơ điều nên làm ấy.   
Xơ Gian đến nhà chị cu Sang vào lúc nắng đã gay gắt, thứ nắng hanh trong tiết trời trở lạnh làm da dẻ người ta mốc trắng vì gió heo không làm ra mồ hôi. Chị Sang, sau khi đánh vỡ cái ấm pha trà, không biết làm gì với chiếc răng sâu của chồng, cứ cầm nó trong tay mãi. Ðáng lẽ chị còn phải phơi chăn bông và đổ lạc củ ra nia cho uống nắng, nhưng vì vướng chiếc răng trên tay nên chị cứ trăn trối ngồi trên bậu cửa nhìn ra sân, nhìn đám lá chuối lật qua lật lại trong gió như chính cõi lòng bất yên của chị. Chiếc răng vừa tìm thấy sau cơn gió không gợi lại cho chị hình bóng người chồng hung bạo, say nhè mà trái lại, những kỷ niệm êm ái trở về. Chính đêm trước hôm anh chồng súc miệng làm văng chiếc răng sâu, chị đã dùng lưỡi mình lung lay cái răng vốn đã như cóc gậm và thường làm anh chồng mất ăn mất ngủ hàng tuần trăng liền. Anh bỗng trở nên dịu dàng hơn trong cơn ân ái, cái lưỡi chị làm anh đã ngứa và hết nhức răng, anh thừ ra như con trâu được kỳ cọ bằng thứ con cúi rơm lúc tắm dưới suối.   
- Chào xơ ! - chị Sang đứng dậy, bước xuống sân, bỏ chiếc răng của anh chồng quá cố vào túi rồi nắm lấy ống tay áo lụng thụng may bằng vải đen của xơ Gian. Trong bộ đồ tu sĩ, nước da xơ càng trắng còn đôi môi thì hồng như tô son. - Lâu nay con không được gặp xơ!   
- Xơ bận quá!   
- Con vừa đánh vỡ mất cái ấm pha trà. Mời xơ uống nước vối với con vậy.   
- Cám ơn em. Nhà thờ cũng có một cây vối. Xơ thường uống nước vối với bõ già. Xứ Huế của xơ người ta cũng ham nước vối lắm. Mà này, hôm ni là ngày chi mà xơ cũng lập cập đánh rơi cả hộp bí tích xuống đất.   
- Vậy ư xơ ? Tại trờì trở gió. Con cứ thấy chộn rộn trong người làm sao ấy. Xơ ơi, nghe nói cây vối ở vườn nhà thờ đã sống hơn trăm rưỡi năm, trước cả ngày cha Bảy dựng nhà thờ nữa, phải không ạ ?   
Xơ Gian làm dấu Thánh.   
- Cầu cho cha Phê rô Bảy an nghỉ trên nước Thiên Ðàng. Con hỏi những thứ từ ngày chưa có bà cố của xơ, làm răng xơ biết được ?   
Xơ Gian hỏi chuyện mùa màng chuyện khoai sắn lúa bắp nhà chị Sang. Rồi xơ phàn nàn năm nay vườn nhà thờ thu hoạch kém, người ta chỉ cho các bà già đến trồng trọt, chăm sóc. Chẳng cây nào mọc ra hồn, thu hoạch bắp và mấy cây ăn quả lưu niên không đủ trả tiền phân. Lễ lạt của dân cho nhà thờ cũng teo dần, năm sau không bằng năm trước. Chị Sang nói :   
- Có thế thật ! Người có sức thì phải cào cấu nuôi con. Họ đưa bà già đến giúp nhà thờ cũng là có lòng với cha và xơ lắm rồi. Bên ấy, ngoài các khoản đóng góp như bọn con, người ta còn phải thêm khoản cho nhà thờ.   
- Nhưng chẳng lẽ lại để người chăn chiên chết đói hay sao ? Xơ thì không nói, ăn mặc chi cũng xong, nhưng cha bề trên thì không thế được.   
- Tại xứ đạo mình nghèo. - Chị Sang chép miệng - Người nào cũng phải lăn lưng ra mà không đủ sống. Bà goá lại nhiều hơn nơi khác. Thiếu đàn ông thì ai cũng khổ, phải không xơ ?   
Mắt Chắt Sang long lanh, dồn nén những điều chưa được giải toả từ sáng đến giờ. Hôm nay là ngày chi chi ? Gió heo may về, chiếc răng sâu hiện ra, mặt ao tù nổi sóng. Chị mạnh bạo đưa đôi cánh tay rộng và chắc ôm chầm một vòng cái eo nhỏ bé của xơ Gian như ôm một cô bạn gái cùng làng.   
- Xơ cũng khổ, phải không xơ ? Xơ mới bốn mươi tuổi thôi mà !   
Xơ Gian đỏ mặt vùng vẫy thoát khỏi bàn tay cám dỗ, lại đưa ngón tay làm dấu và thì thầm đọc kinh dâng mình cho Ðức Mẹ, tôi đã dâng con mắt, lỗ tai, miệng lưỡi, lái tim cùng cả mình tôi cho Ðức Mẹ thì ngày hôm nay lạy Ðức Bà Maria, lạy Mẹ khoan thay, xin Mẹ gìn giữ tôi như của riêng Người vậy. Amen. Chị chắt Sang không nghe rõ xơ thì thầm điều gì nhưng chị sững lại vì nhìn thấy xơ run rẩy và sợ hãi như đạp phải một con rắn.   
- Không, em ạ. Xơ đã dâng mình cho Ðức Chúa và Hội Thánh, con người xơ lạnh như băng rồi, xơ không thấy khổ là chi nữa.   
- Nhưng con thì không được thế, xơ.   
- Chừ con muốn thì chẳng ai ngăn cấm con được thế. Vòng tay Ðức Mẹ và con của Mẹ rộng vô biên, Người không từ chối một ai đến bên Người.   
- Xơ bảo con cũng đi tu như xơ ư?   
- Xơ không bảo thế. Nhưng nếu con chịu phép rửa tội như những người đi đạo trong làng thì Chúa sẽ tha thứ cho cái tội tổ tông truyền của con. Con sẽ không thấy khổ sở, dằn vặt mỗi khi gió heo may về nữa.   
- Chẳng nhẽ con không còn cách gì khác nữa hay sao ? Hay là con lấy chồng ?   
Xơ Gian ái ngại nhìn goá phụ trước mắt mình. Cha bề trên bảo xơ phải cứu vớt chị ta để mở rộng nước Trời. Cha bảo rằng, con chiên lạc đàn thì trước hết phải cho nó nhìn thấy một bó cỏ. Vườn nhà thờ rộng mênh mông mà chỉ trông mong vào những bà già công quả như bên mấy cái chùa thì chẳng ăn thua. Phải thuê mướn người có lực, có kinh nghiệm trồng trọt với giống mới, phương pháp mới. "Nếu thuận, xơ hãy bảo chị va đến làm công cho nhà thờ. Ta sẽ trả công xá rộng rãi, còn xơ thì cũng tiện tiếp xúc" - Cha bảo thế.   
Chị chắt Sang không từ chối. Chị bảo làm công cho nhà thờ thì cũng còn hơn vào mấy cánh rừng cạn kiệt trên Ngàn éo mà nhặt nhạnh củi khô kiếm ăn. Nhưng bảo còn phải để chị thu xếp đã. Xơ Gian ra về. Xơ biết là mình còn phải trở lại đây nhiều lần nữa. Trong thâm tâm xơ thương người đàn bà goá có cuộc đời khổ nạn không lối ra và chỉ được giải thoát khỏi cái án chung thân khi trở thành goá bụa. Nhưng goá bụa thì cũng là một cái án chung thân khác nếu chị va không biết dâng trọn mình cho Ðức Chúa lòng lành.   
Chị chắt Sang mất hẳn một ngày không động tay động chân được vào công việc gì trong nhà, trong vườn. Chị cảm thấy hôm nay là một ngày hệ trọng, có lẽ nhờ cơn gió mà chị tìm lại được chiếc răng sâu của chồng, người chồng bây giờ đây chỉ để lại trong chị những kỷ niệm êm ấm, yêu thương. Bao nhiêu đòn vọt, nhục nhã, hận thù với anh ta chị đã quên hết. Chị lấy lại chiếc răng trong túi ra ngắm nghía tự hỏi xem nên làm gì với nó bây giờ ? Nó là một phần hài cốt của anh không thể khinh suất được. Mãi suy nghĩ những chuyện đó mà chị quên cả nhóm lửa nấu cơm tối. Nhưng chị không thấy đói. Một ngày như thế này thì ăn uống vào cũng như không. Chị lâng lâng trong cảnh hư và thực, nửa đói nửa no, không nghe bước chân mình đi, không cảm thấy cảm giác gì khi cầm lên một thứ đồ vật nào đó trong nhà. Phải rồi, hồi mới cưới chị cũng có vài ngày như thế. Lại nữa, một lần khác, khi cuộc chung sống với anh chồng đã nhàu như giẻ trong mớ tã địa ngục, cái đêm vì thương người và nhẹ dạ, chị cho anh Cu Ca đè lên mình rồi lăn đi lăn lại chị như một khúc chuối trên tấm phản ọp ẹp chị cũng thấy nhẹ nhõm, lâng lâng như thế. Nhưng cơn sung sướng kia là thật, còn cái lâng lâng hôm nay chỉ là một tiếng vọng, một ảo giác mơ hồ, như có như không. Chính vì thế mà tâm hồn chị căng thẳng, đau đớn, lòng chị tan nát khi biết ra là tất cả đã qua rồi, đã chìm ngỉm trong cơn tuyệt vọng. Chính lúc đó trong đầu chị bật ra một ý nghĩ : "Hay là... đi tu như xơ Gian cho xong!" Cái ý nghĩ bất chợt ấy làm chị sợ hãi. Bởi vì, tuy trong làng ai cũng mến và kính trọng xơ Gian vì bà thương người và hay giúp kẻ khó. Nhưng hễ mỗi lần bà gọi người ta làm lễ rửa tội thì mọi người đều tự nhìn mình như một tên phản bội và bà xơ tốt bụng kia nhanh chóng biến thành ma đưa lối quỷ đưa đường. Làm sao lại bỏ mặc bàn thờ ông bà ông vải không giỗ, không chạp, làm sao không đi lễ Phật ngày rằm, ngày mồng một được cơ chứ ? Chị Sang đang sống trong cơn sợ như thế và chị bất giác thở dài, tâm thần bấn loạn. Tất cả tội vạ là do cơn gió hết! Mới ngày hôm qua đây chị còn thanh thản, yên một bề như con mèo ngủ trên đống rơm mà nay thành con nai sổ chuồng tung tăng trên đồng nội.   
Tối hôm đó chị Sang ngủ đói. Lâu lắm rồi, từ ngày ở goá, không có đàn ông đỡ đần việc đồng áng, chị không còn phải đi ngủ đói nữa. Chị đã dự trữ được một cót thóc, năm nào cũng đổi hạt cho nó mới. Sáng dậy chị tưởng không cất nổi mình vì những mộng mị tai quái làm chị đỏ mặt lúc nhớ lại. Chị phải cho hai tay vào giữa đùi rồi nghiến răng khép chặt lại một lúc lâu mới tỉnh táo hẳn.   
Lại một ngày lâng lâng và khổ sở trôi qua. Gió heo may càng thổi mạnh hơn như nó vừa được sổ chuồng đang tìm cách vượt qua những con truông trên núi Thiên Nhẫn đến từng nhà, từng người để rủ rê, khuyên bảo người ta nhớ lại, người ta hãy phá phách hay gào thét. Thứ gió lạ lùng làm trời trở lạnh mà hanh khô không để ai yên. Tối hôm đó, đang vật vã trên cái giường rẽ quạt mua từ hồi lấy chồng, chị chắt Sang thấy sợi giây lạt cột cửa trở mình rồi rơi xuống đất. Cánh cửa mở ra và cu Ca bước vào.   
Y ta bảo rằng, không ngờ cơn gió heo may đầu mùa lại có thể làm tốc mất cái chái hồi của nhà y, có lẽ vì nhà y ở ngoài lũy tre nên không có gì che chắn, cái chái bị bứng khỏi mái nhà rơi xuống đất lại còn gây thêm tai vạ làm nát tinh tươm một luống su hào mới gieo, đè chết một con mèo tam thể cùng hai con chó con mới tách mẹ. Toàn bộ vốn líếng y đã đổ vào luống rau giống đó với hy vọng dựng lại cái nhà quá ọp ẹp trước Tết. Y buồn, y khổ, y không thể nào ngủ được trước một tai bay vạ gió như thế. Và y chỉ còn nước đến với chị. Y đã nhịn thèm hai năm nay, y muốn chờ chị hết tang chồng cho phải đạo nhưng làm sao y lại phải chờ, phải đợi kia chứ ?   
- Cô tắt đèn đi ! - y nói.   
Chị Chắt đang ngần ngừ thì y đã nhanh chân bước tới bàn, không thổi mà cầm chiếc đèn Hoa kỳ dốc ngược lên cho nó tắt thật nhanh rồi kéo chị lên giường.   
Cu Ca ngủ li bì đến tận chiều hôm sau. Chị Chắt Sang luộc cả một ổ trứng gà mới ấp được hơn mười bảy ngày thả vào chậu nước lạnh cho dễ bóc, chờ y thức dậy.   
Xơ Gian đang tưới rau thì ông bõ già ra vườn bảo lên gặp cha xứ. Hai hôm nay xơ thấy cha để đèn rất khuya, cửa sổ phòng cha hướng Tây Bắc và đương nhiên gió heo may thổi đến từ phía ấy. Nhưng cha không đóng cửa. ÁNH ÐÈN PHÒNG CHA LÀM sáng lên một nửa khu vườn và do phòng ngủ của xơ nằm trong dãy nhà ngang nên ánh sáng khác thường ấy và những tiếng rít của trận gió đầu mùa cũng làm xơ Gian mất ngủ lây. Xứ Huế của xơ cũng đôi khi hứng gió heo may nhưng nó không tai ác, không độc địa như ngọn gió này.   
- Thưa cha, người không được khoẻ ?   
- Không, cha vẫn bình thường. Cha chỉ muốn nhắc xơ về chuyện chắt Sang. Xơ đã trở lại vời chị va chưa ?   
- Dạ, con định chiều ni mới lại.   
- Bảo chị ấy thu xếp nhanh nhanh. Gió heo may về rồi, mùa rau đã vào vụ. Mấy luống xu hào Ðức Giám cho nhà thờ bán chắc được tiền nhưng phải có người chăm sóc. Ta không được phụ lòng cha bề trên.   
- Con xin vâng, thưa cha.   
Xơ Gian nói, cảm thấy trào lên trong lòng một tình thương vô bờ đối với người đàn ông đứng trước mặt mình. Lạy Chúa tôi, xin Người hãy cứu vớt những tâm hồn nhạy cảm và yếu đuối. Xơ đến nhà chị chắt Sang thì cửa nhà đang đóng. Xơ nghĩ có thể vì gió thổi quá mạnh hay chị va khó ở, đau mình. Xơ nhẹ nhàng hé tấm liếp cửa nhìn vào. Xơ thấy Cu Ca đang nằm, ngực để trần, hai tay buông thõng và nét mặt mệt mỏi, nhàu úa nhưng đầy hoan hỉ đang nhai chem chép những miếng trứng gà lộn do chắt Sang cầm cái thìa nhỏ bón cho. Chị va quỳ trên người cu Ca, phô tấm lưng trần ra phía cửa nên xơ không nhìn thấy mặt. Chỉ thấy lọn tóc chị xoã xuống vai xuống lưng và cái đuôi tóc dập dờn nhảy nhót giữa hai cái đùi trần duỗi thẳng của cu Ca.   
- Này, răng trên thì vứt xuống giường hay lên mái nhà nhỉ ? - Chắt Sang vừa bón trứng, hỏi.   
- Nỡm ! Vứt đâu mà chẳng được! - cu Ca nhồm nhoàm trả lời.   
Xơ nhẹ nhàng lui ra. Nhờ gió thổi và cũng nhờ chị chắt bận bịu bón trứng và đưa tay liệng vật gì vào gậm giường nên hai người trong nhà không hề biết là xơ đã đến và đã đi lặng lẽ.   
Sau đó không ai ở xứ Kẻ Ðồng gặp xơ Gian nữa.

**KIM GIANG 1997**

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
Tieuboingoan : Sưu tầm  
Nguồn: Vnthuquan - Thư viện Online  
Được bạn: Ct.Ly đưa lên  
vào ngày: 29 tháng 8 năm 2005